

THỂ TRÍ
(THE MENTAL BODY)
Tác giả: Arthur E. POWELL

Do Hội Thông Thiên Học xuất bản lần đầu tiên năm 1927

KÍNH DÂNG

Cũng như hai quyển sách trước, quyển sách này được kính dâng với lòng biết ơn và đánh giá cao đối với những bậc đã lao động vất vả, khảo cứu quần quật để cung cấp tài liệu giúp việc biên soạn tác phẩm này.

MỤC LỤC

- Dẫn nhập
I. Miêu tả tổng quát
II. Tinh hoa ngũ hành trí tuệ
III. Thành phần cấu tạo và cấu trúc
IV. Chức năng
V. Những ví dụ tiêu biểu
VI. Kāma-Manas tức Dục vọng Trí tuệ
VII. Các làn sóng tư tưởng
VIII. Các Hình tư tưởng
IX. Cơ chế của sự chuyển di tư tưởng
X. Sự chuyển di tư tưởng vô ý thức
XI. Sự chuyển di tư tưởng hữu thức và phép chữa bệnh trí tuệ
XII. Những trung tâm tư tưởng
XIII. Ý thức tinh táo trên cõi trần
XIV. Những năng khiếu
XV. Sự định trí
XVI. Sự tham thiền
XVII. Sự nhập định
XVIII. Sinh hoạt trong lúc ngủ
XIX. Áo thân Mayavirupa
XX. Devachan: Các nguyên lý của nó
XXI. Devachan: Thời gian kéo dài và cường độ
XXII. Devachan: Những chi tiết đặc biệt thêm nữa
XXIII. Cõi Trời thứ nhất tức Cảnh thứ bảy
XXIV. Cõi Trời thứ nhì tức Cảnh thứ sáu
XXV. Cõi Trời thứ ba tức Cảnh thứ năm
XXVI. Cõi Trời thứ tư tức Cảnh thứ tư
XXVII. Cõi trí tuệ
XXVIII. Tiên thiên ký ảnh
XXIX. Các cư dân trên cõi trí tuệ
XXX. Sự chết của thể trí

- XXXI. Phàm ngã và Chơn ngã
- XXXII. Sự tái sinh
- XXXIII. Giai đoạn làm đệ tử
- XXXIV. Kết luận

DẪN NHẬP

Tác phẩm này là quyển thứ ba trong loạt sách bàn về các hạ thể con người, hai quyển trước là *Thẻ Phách* và *Thẻ Vía*. Trong cả ba quyển thì người ta đều theo một phương pháp giống hệt nhau: chừng bốn mươi quyển sách hầu hết do bà Annie Besant và ông C. W. Leadbeater viết ra - ngày nay họ được công nhận là những bậc có thẩm quyền tuyệt vời về Minh triết ngàn xưa dưới dạng Thông Thiên Học hiện đại – đã được lục lợi cẩn thận để tìm những dữ liệu liên quan tới thể trí; những dữ liệu này đã được phân loại, sắp xếp và trình bày cho học viên dưới dạng mạch lạc và thứ tự tối đa trong mức độ lao động khả hữu của người biên soạn.

Trong suốt loạt sách này, người ta không hề toan tính chứng minh hoặc thậm chí biện minh cho những phát biểu được nêu ra ngoại trừ trong mức độ bằng chứng nội tại và tính hợp lý của chúng đã tự biện minh cho chúng. Chắc chắn không thể nghi ngờ sự chân thành của những nhà khảo cứu và huấn sư lão thành này, người ta trình bày những kết quả khảo cứu và giáo huấn của họ ở đây tuyệt nhiên không né tránh hay là dè dặt, trong chừng mực khả hữu vẫn giữ nguyên văn lời họ, chỉ thay đổi và rút gọn khi cần thiết để thích ứng với yêu cầu trình bày đề tài này một cách thứ tự và hợp lý.

Vấn đề chứng minh là một chuyện khác hẳn, hơn nữa có một mức độ rất sâu rộng. Việc toan tính lập luận hoặc chứng minh những phát biểu được nêu ra ắt vượt quá mục đích ban đầu của những quyển sách này. Nó chỉ cốt trình bày với học viên nghiêm túc một công trình tổng hợp cô đọng trong một phạm vi hợp lý về những giáo huấn xuất phát từ nguồn thông tin nêu trên liên quan tới các thể của con người và các cõi hoặc thế giới mà những thể này thuộc về. Những người nào muốn chứng minh phải tìm ở chỗ khác.

Sự thật là sau chừng hai năm rưỡi cực lực nghiên cứu những tác phẩm của hai tác giả nêu trên, soạn giả không tìm thấy sự chệch choạc hoặc mâu thuẫn nào ngoại trừ theo sát nghĩa chỉ có đôi ba lúc rắc rối còn con; điều này tạo thành một chứng cứ nổi bật về việc đáng tin cậy đối với những chi tiết được nghiên cứu và tính mạch lạc trong hệ thống Thông Thiên Học.

Cũng giống như hai quyển trước kia người ta đã trình bày những tham chiếu bên lề để nếu muốn học viên có thể kiểm chứng lại bất cứ phát biểu nào có trong nguồn thông tin nguyên bản. Như vậy, những chỉ dẫn của loạt ba quyển sách cùng với những tham chiếu bên lề hầu như đã tạo thành một chỉ mục rất hoàn chỉnh về mọi điều bàn tới các cõi dĩ thái, trung giới và hạ trí trong các tác phẩm của Annie Besant và C. W. Leadbeater.

Hi vọng rằng sớm muộn gì quyển thứ tư bàn về *Thẻ Nguyên Nhân* sẽ được thêm vào loại sách này.

Như ta đã nói trước kia, cho đến nay phần lớn tài liệu được trình bày trong quyển sách này đều được rút ra trực tiếp từ các tác phẩm của Tiến sĩ Besant và Giám mục Leadbeater. Những tác phẩm của H. P. Blavatsky không được bao gồm trong danh sách những nhân vật có thẩm quyền được trích dẫn. Thật lòng mà nói thì việc lục lợi bộ *Giáo Lý Bí Truyền* để tham chiếu về *Thẻ Trí* và *cõi Trí tuệ* ắt là một nhiệm vụ vượt ngoài khả năng của soạn giả; nó chắc chắn cũng khiến cho tác phẩm này biến thành một quyển sách quá bí hiểm dành cho

lớp học viên dự kiến tiếp cận loại sách này. Chúng ta chịu ơn H. P. Blavatsky nhiều hơn mức có thể biểu thị qua việc trích dẫn công trình đồ sộ của bà. Nếu trước hết không có bà chỉ đường thì sau này chẳng có nhà nghiên cứu nào đã tìm ra đường đi chứ đừng nói tới việc biến nó thành đại lộ thênh thang mà những người khác có thể nói gót một cách tương đối thoải mái và an toàn.

A. E. Powell

CHƯƠNG I MIÊU TẢ TỔNG QUÁT

Trước khi tiến hành miêu tả tỉ mỉ thể trí của con người, những chức năng của nó và vai trò của nó trong sinh hoạt và cơ tiến hóa của con người, ta cần trình bày ngắn gọn đại cương về địa hạt mà ta sắp nghiên cứu.

Trước hết, ta phải coi thể trí là hiện thể của Chơn ngã biểu lộ qua đó thành trí năng cụ thể nhằm phát triển những quyền năng của tâm trí bao gồm cả ký ức và óc tưởng tượng; trong những giai đoạn tiến hóa sau này của con người, thể trí đóng vai trò là hiện thể riêng biệt và riêng rẽ của tâm thức trong đó con người có thể sinh hoạt và hoạt động hoàn toàn độc lập với cả thể xác lẫn thể vía.

Ngay từ đầu học viên phải ngộ ra rõ rệt rằng trong khoa tâm lý học huyền bí, trang cụ trí tuệ của con người được chia thành hai phần riêng biệt: (a) – thể trí dính dáng tới những chi tiết đặc thù, liên quan tới cái gọi là những tư tưởng cụ thể: nghĩa là một quyển sách, một căn nhà, một tam giác đặc thù v.v... (b) – thể nguyên nhân dính dáng tới các nguyên tắc, những tư tưởng trừu tượng: nghĩa là những quyển sách hoặc những căn nhà nói chung, nguyên lý của tam giác chung cho mọi tam giác đặc thù. Như vậy, thể trí có liên quan tới các tư tưởng có hình tướng tức thuộc về sắc giới, thể Nguyên nhân có liên quan tới những tư tưởng không có hình tướng tức thuộc về vô sắc giới. Ta có thể rút ra một điều tương tự thô thiển trong toán học: Khoa số học bàn về những con số đặc thù ắt thuộc về dạng thấp của tâm trí; khoa đại số vốn bàn tới những biểu tượng biểu diễn những con số nói chung ắt thuộc về dạng cao tức vô sắc giới của tâm trí. Dĩ nhiên, những thuật ngữ sắc giới và vô sắc giới được dùng theo ý nghĩa tương đối chứ không tuyệt đối. Như một đám mây hoặc một ngọn lửa mặc dù có hình tướng nhưng tương đối thì lại thuộc về vô sắc giới so với một căn nhà hoặc một khúc gỗ.

Kế đó, chúng ta phải bàn tới một chất liệu sinh hoạt chủ động tích cực kỳ lạ và bán thông tuệ mà ta gọi là Tinh hoa Ngũ hành Trí tuệ cùng với vai trò của nó nhằm giúp cho con người suy nghĩ. Sau đó, ta sẽ chú ý tới những chi tiết về cấu trúc và thành phần cấu tạo của thể trí, phần này được nối tiếp bằng việc miêu tả những ví dụ tiêu biểu về thể trí của con người trong những giai đoạn phát triển khác nhau.

Một đặc điểm nổi bật trong việc nghiên cứu của ta là khảo sát Kamā manas tức cái sự câu kết hoặc móc ngoặc giữa Ham muốn và Tư tưởng theo kiểu có lẽ ta có thể viết một chuyện lịch sử cả về loài người xét chung lẫn về mỗi cá nhân xét riêng. Thật vậy, sự móc ngoặc này mật thiết đến nỗi một số trường phái tư tưởng đi xa đến mức xếp loại thể vía và thể trí con người thành một hiện thể duy nhất của tâm thức và thật vậy, xét về những mục đích thực tiễn thì điều này đúng với đại đa số loài người.

Ta phải miêu tả tác động hai mặt của tư tưởng trong thế giới của riêng mình như sau: bức xạ ra các làn sóng tư tưởng rồi tạo lập ra các hình tư tưởng và trong nhiều trường hợp phóng chiếu hình tư tưởng vào không gian. Tác dụng mà hai lớp hiện tượng này tạo ra cho người sáng tạo tư tưởng lẫn những người khác cần phải được xem xét khi ta bàn tới sự chuyển di tư tưởng mà để cho tiện lợi ta sẽ coi như có tính Vô ý thức hoặc có Ý thức; phần có ý thức bao gồm cả việc Chữa bệnh bằng Tâm trí mà ta sẽ trình bày một bảng phác họa ngắn gọn.

Ta cũng cần xét tới tác dụng của thể xác và thật vậy tác dụng của môi trường xung quanh nói chung trên cõi trần đối với thể trí và sinh hoạt của nó; ngược lại ta cũng phải xem xét những tác dụng của thể trí đối với thể xác và những vật thể khác trên cõi trần.

Thế rồi, ta cũng cần xem xét tới thể vía một cách tương tự nghĩa là thể vía ảnh hưởng tới thể trí ra sao và đến lượt thể trí ảnh hưởng tới thể vía như thế nào.

Rồi ta sẽ quay sang chính thể trí cho thấy nó tác động ra sao, các năng lực của nó có thể được phát triển và rèn luyện như thế nào cả khi tác động qua bộ óc phàm lẫn khi nó hoạt động tự thân trên cương vị là một hiện thể độc lập của tâm thức.

Điều này dĩ nhiên dẫn ta tới việc rèn luyện cố ý hơn thể trí bao gồm sự định trí vốn là một điều tất yếu của sinh hoạt hữu hiệu về trí tuệ; Tham thiền và cuối cùng là Nhập định, mang lại tâm thức thần bí.

Ta sẽ bàn ngắn gọn tới công dụng của thể trí trong khi thể xác đang ngủ, thế rồi ta sẽ miêu tả ngắn gọn cái thể trí nhân tạo và tạm bợ mà người ta gọi là Ảo thân Mayavirupa.

Sau đó, ta sẽ chú ý tới sinh hoạt sau khi thể vía và thể trí đã chết, nghĩa là sinh hoạt ngay trên cõi trí tuệ. Ta phải bàn tới vấn đề này khá dài dòng bởi vì ta phải nghiên cứu những nguyên tắc tổng quát làm nền tảng cho lộ trình sinh hoạt tâm trí này cùng với nhiều chi tiết của nó. Ta phải khảo sát thêm sau đó là những ví dụ tiêu biểu về sinh hoạt trên mỗi một trong bốn cảnh của cõi hạ trí, cõi mà nhà Thông Thiên Học gọi là Devachan còn Kitô hữu gọi là Thiên đường.

Sau khi tiến triển đến đây, ta sẽ có vị thế linh hội được thực tại và những khả năng của cõi trí tuệ vốn được coi như một thế giới tự thân vì vậy ta sẽ nghiên cứu thế giới ấy; xem xét bản chất của sự sống nơi đây và tính chất tổng quát các hiện tượng của nó.

Trong số những điều ấy, ta sẽ tìm ra những Trung tâm Tư tưởng vốn tạo thành một đặc điểm thú vị và quan trọng. Từ đây, ta sẽ chuyển sang Tiên thiên ký ảnh là cái Ký ức kỳ diệu và không thể sai lầm của thiên nhiên mà vạn vật đều được ghi nhớ và ghi chép lại trong đó sao cho bất cứ ai có đủ năng lực đều có thể giải mã được nó.

Thế rồi ta sẽ dành một chương cho các cư dân của cõi Trí tuệ để rồi khi con người chuyển ra khỏi cõi hạ trí lúc thể trí đã chết thì ta sẽ theo chân y vừa đủ mức để thoáng nhìn được sinh hoạt thoải mái và trọn vẹn hơn của y trên cõi Thượng trí tức Cõi Nguyên nhân.

Như vậy, sau khi đã dõi theo cuộc hành hương của con người sau khi thể xác chết (xem quyển thể Phách), lộ trình của y xuyên suốt cõi trung giới (xem quyển thể Vía) và trong quyển sách này sau khi theo gót y đến ngưỡng cửa của trú sở thật sự tức cõi Nguyên nhân hay cõi Thượng trí, ta có thể có được ý niệm về mối quan hệ giữa Chơn nhơn ở trong ba hạ thể tức là Phàm nhơn và Chơn nhơn ở trong thể Nguyên nhân tức là Linh hồn hay Chơn ngã. Ta sẽ bàn tới khía cạnh này của công trình nghiên cứu ở chương nói tới Phàm nhơn và Chơn nhơn.

Thế rồi, ta lại theo dõi câu chuyện này một lần nữa khi con người xuất lộ ra khỏi nhà mình trên đường đi xuống tái sinh nơi các cõi thấp.

Cuối cùng, ta sẽ dành một chương cho sinh hoạt của con người đã đạt tới giai đoạn xứng đáng được chấp nhận làm Đệ tử Nhập môn do các Chơn sư Minh triết, trên cương vị là các Huynh trưởng của nhân loại, các ngài đã phục vụ cho đàn em trẻ dại minh triết không sai lầm, sự kiên nhẫn không mệt mỏi, tình thương bao la khôn nguôi. Đó là vì ngày nay nhiều người đã đạt tới mức xứng đáng với nhiệm vụ được các ngài rèn luyện để góp phần (mặc dù trong mức độ nhỏ đến đâu đi nữa) vào công trình phụng sự thế gian của các ngài, cho nên ta có thể nêu ra ít nhiều dứt khoát những điều kiện cần thiết để có thể ban ra đặc quyền vô giá này.

CHƯƠNG II **TINH HOA NGŨ HÀNH TRÍ TUỆ**

Trước khi ta có thể nghiên cứu hữu hiệu về thể trí cho dù là thành phần cấu tạo, cấu trúc hoặc phương pháp vận hành của nó thì ta cũng cần phải miêu tả (mặc dù chỉ là đại khái thôi) cái gọi là Tinh hoa Ngũ hành Trí tuệ.

Học viên ắt nhớ lại rằng sau khi tạo lập các trạng thái nguyên tử của vật chất nơi mỗi cõi trong thiên nhiên, Ngôi Ba trong Tam vị nhất thể (theo thuật ngữ Kitô giáo là Ngôi Chúa Thánh thần, Ngôi Ban cấp sự Sống) tuôn xuống vào trong bể vật chất tinh nguyên (Đức Mẹ Đồng trinh Maria chân chính) và nhờ sinh lực của mình đã khơi hoạt những quyền năng và khả năng mới cho vật chất nguyên tử để tạo ra các cảnh thấp của mỗi cõi.

Sau khi vật chất đã được làm linh hoạt như vậy thì Luồng Lưu xuất lớn thứ Nhì gồm Sự Sống của Thượng Đế mới giáng hạ, lại nữa theo thuật ngữ Kitô giáo thì Ngôi Con “đã nhập thể với Ngôi Thánh thần và Đức Mẹ Đồng trinh Maria.

Luồng Lưu xuất của Sự Sống Thượng Đế được gọi bằng nhiều danh xưng khác nhau trong nhiều giai đoạn giáng hạ khác nhau. Xét chung thì nó được gọi là Tinh hoa Chơn thần, nhất là khi nó chỉ khoác lấy vật chất nguyên tử của đủ loại cõi bởi vì bấy giờ nó trở nên thích hợp để được dùng cung cấp các nguyên tử trường tồn cho Chơn thần.

Khi nó làm linh hoạt vật chất phi nguyên tử tức vật chất phân tử thì nó được gọi là Tinh hoa Ngũ hành, danh xưng này được vay mượn của các huyền bí gia thời trung cổ; họ gọi nó như vậy đối với loại vật chất cấu tạo thành cơ thể của các tinh linh thiên nhiên bởi vì họ gọi tinh linh thiên nhiên là “Tinh linh Ngũ hành”.

Khi theo lộ trình đi xuống mà cấp năng lượng cho vật chất của ba cảnh cao thuộc cõi trí tuệ thì nó được gọi là Giới Tinh hoa Ngũ hành thứ Nhất.

Sau khi trải qua Thời kỳ trọn một Dãy hành tinh tiến hóa như vậy, nó giáng xuống bốn cảnh thấp của cõi trí tuệ, ở đó nó cấp năng lượng cho Giới Tinh hoa Ngũ hành thứ Nhì trong một Chu kỳ Dãy hành tinh khác nữa; ở đây nó được gọi là Tinh hoa Ngũ hành Trí tuệ.

Sau khi trải qua Thời kỳ một Dãy hành tinh kế tiếp trên cõi trung giới, ở đây nó được gọi là Giới Tinh hoa Ngũ hành thứ ba tức Tinh hoa Ngũ hành Trung giới. [Chú thích: Một Chu kỳ Dãy hành tinh là thời gian mà làn sóng sinh hoạt đi qua bảy lần xung quanh bảy bầu hành tinh thuộc một Dãy hành tinh. Như vậy, mỗi chu kỳ dãy hành tinh bao gồm 49 chu kỳ thế giới trải qua 49 bầu hành tinh. Muốn biết thêm chi tiết xin xem quyển Sách giáo khoa về Thông Thiên học của C.W.Leadbeater].

Mỗi một trong ba giới này đều là một giới trong thiên nhiên có biểu lộ cũng đa dạng với nhiều dạng sinh hoạt khác nhau chẳng kém gì giới động vật và giới thực vật mà chúng ta

vốn quen thuộc hơn. Hơn nữa, dĩ nhiên mỗi giới cũng có bảy loại hình riêng biệt hẳn thông dụng tức bảy “cung” bản thể, mỗi Cung lại có bảy cung phụ.

Cả Tinh hoa Ngũ hành Trí tuệ lẫn Tinh hoa Ngũ hành Trung giới đều có liên quan mật thiết tới con người, các hạ thể và sự tiến hóa của con người mà ta sẽ thấy rõ hơn khi ta tiếp tục nghiên cứu thể trí.

Điều quan trọng mà ta cần ngộ ra là cả trên cõi trung giới lẫn cõi trí tuệ thì Tinh hoa Ngũ hành đều giống hẳn với vật chất riêng của cõi ấy.

Còn một điều rất quan trọng nữa là sự sống làm linh hoạt vật chất của cả cõi trí tuệ lẫn cõi trung giới đang thuộc vòng cung tiến hóa đi xuống tức là đi ra ngoài: vì vậy sự tiến bộ đối với nó có nghĩa là giáng xuống thâm nhập vào các dạng vật chất thô trực hơn để học cách biểu hiện thông qua đó.

Đối với con người thì cơ tiến hóa lại ngược hẳn; y đã chìm sâu xuống vật chất rồi và bây giờ đang vươn lên thoát ra khỏi nó để hướng về cõi nguồn. Vì vậy, luôn luôn có sự xung đột quyền lợi giữa Chơn Nhơn với sự sống ký sinh vào vật chất thuộc các hiện thể khác của Chơn Nhơn. Tác dụng đầy đủ của sự kiện cực kỳ quan trọng này sẽ được ta hiểu rõ hơn trong những chương sau này khi triển khai các đề tài.

CHƯƠNG III THÀNH PHẦN CẤU TẠO VÀ CẤU TRÚC

Thể trí được xây dựng bằng những hạt của bốn cảnh thấp thuộc cõi trí tuệ nghĩa là vật chất trí tuệ tương ứng với bốn cảnh thấp thuộc vật chất trung giới tương ứng với vật chất thể đặc, thể lỏng và thể hơi và thể dĩ thái của cõi hồng trần.

Ba cấp cao của vật chất trí tuệ được dùng để kiến tạo thể Nguyên nhân tức thể Thượng trí mà ta không bàn tới ở đây.

Ngoài vật chất trí tuệ thông thường ra, thể trí còn chứa đựng tinh hoa ngũ hành trí tuệ nghĩa là vật liệu của Giới Tinh hoa Ngũ hành thứ Nhì.

Như ta biết, thể xác được kiến tạo bằng những tế bào, mỗi tế bào là những sự sống nhỏ bé riêng biệt được làm linh hoạt nhờ Luồng Lưu xuất thứ Nhì bắt nguồn từ Ngôi Hai của Đấng Thiêng liêng. Điều này cũng áp dụng cho thể vía và thể trí. Trong sinh hoạt tế bào vốn thấm nhuần tất cả cho đến nay chưa có điều gì theo đường lối trí tuệ mà chỉ có một bản năng mạnh mẽ thúc đẩy chúng chìm xuống dưới nhập vào vật chất mà ta đã thấy ở chương trước.

Thể trí có dạng hình trứng căn cứ theo mặt cắt dạng hình trứng của thể nguyên nhân mà chỉ đặc trưng này mới có thể biểu lộ nơi các cõi thấp. Tuy nhiên, vật chất của thể trí không được phân bố đều khắp hình quả trứng. Ở giữa hình quả trứng là thể xác, nó thu hút mạnh mẽ vật chất trung giới: đến lượt vật chất trung giới lại thu hút mạnh vật chất trí tuệ. Vì vậy, cho đến nay phần lớn vật chất của cả thể vía lẫn thể trí đều được tụ tập vào bên trong cái khuôn thể xác. Do đó, khi nhìn bằng thần nhãn thì ta thấy thể trí có vẻ được kiến tạo là đám sương mù dày đặc có hình dạng của thể xác, bao xung quanh đó là một hình quả trứng đám sương mù mịn hơn nhiều. Chính vì vậy, trên cõi trí tuệ ta nhận ngay ra một người quen giống như trên cõi hồng trần.

Bộ phận của thể trí lòi ra bên ngoài chu vi của thể xác tạo thành hào quang của thể trí. Kích thước của cả thể vía lẫn thể trí đều tương đương với kích thước của thể Nguyên nhân hoặc nói cho chính xác hơn đó là mặt cắt của thể Nguyên nhân đối với các cõi thấp. Như

vậy, không giống như thể xác vốn cơ bản là không thay đổi kích thước từ thời Châu Atlantis, thể trí tăng trưởng kích thước khi bản thân con người phát triển. Các hạt của thể trí không ngừng chuyển động. Hơn nữa, chúng thường xuyên biến đổi, thể xác tự động thu hút về mình rút ra từ kho chứa nói chung loại vật chất có thể duy trì những tổ hợp đã tồn tại trong thể trí rồi.

Mặc dù các hạt trí tuệ chuyển động rất nhanh đối với nhau nhưng đồng thời thể trí vẫn có một loại tổ chức lỏng lẻo. Trong thể trí có một vài đường vạch chia nó ít nhiều ra thành những phân đoạn, một phân đoạn tương ứng với một phân khu nào đó của óc phàm sao cho mọi loại hình tư tưởng đều hoạt động thông qua bộ phận dành riêng cho nó. Tuy nhiên, cho đến nay thể trí vẫn còn chưa phát triển hoàn toàn nơi người bình thường đến nỗi mà có nhiều người với một số lớn những phân khu đặc biệt còn chưa hoạt động và bất kỳ toan tính suy tư liên quan tới những phân khu ấy đều phải đi vòng vèo qua một kênh dẫn không thích đáng nào đấy. Nó ngẫu nhiên đã được mở toác hoác ra. Kết quả là đối với người ấy suy nghĩ về những đề tài như vậy thật là vụng về và không hiểu được. Chính vì thế - ta sẽ thấy rõ vấn đề này hơn ở một chương sau này - một số người sáng dạ về toán học còn những người khác lại không thể làm được một phép tính đơn giản; có một số người theo bản năng hiểu được, thẩm định được và thưởng thức được âm nhạc còn người khác không biết được một điệu nhạc nào hết.

Những tư tưởng tốt đẹp tạo ra những rung động thuộc chất tinh vi của thể trí, do tỉ trọng của nó nên nó có khuynh hướng trôi nổi ở phần trên của hình trứng còn những tư tưởng tồi tệ, chẳng hạn như ích kỷ và hà tiện bao giờ cũng là dao động của vật chất thô và khuynh hướng lắng chìm xuống phần dưới của hình trứng. Vì vậy, kẻ phàm phu vốn hay chiều theo đủ thứ tư tưởng ích kỷ, thường phát triển phần dưới của thể trí, đại khái trông có vẻ giống như một quả trứng mà đầu lớn trút xuống dưới. Người nào không sa đà vào tư tưởng thấp hèn, song dồn hết sức mình cho những tư tưởng cao siêu thì có khuynh hướng mở rộng phần trên của thể trí, vì vậy trông có vẻ giống như quả trứng mà đầu nhọn trút xuống dưới. Tuy nhiên, những dáng vẻ này chỉ tạm bợ thôi vì khuynh hướng chung là hình trứng phải đối xứng để từng bước tự khẳng định mình.

Nhờ nghiên cứu màu sắc và những đường vạch của thể trí con người, nhà thần nhãn có thể nhận thức được tính tình của y cùng với sự tiến bộ mà y thực hiện được trong kiếp này. [Căn cứ theo những đặc điểm tương tự của thể nguyên nhân, nhà thần nhãn có thể nhìn thấy Chơn ngã đã tiến bộ ra sao từ khi nó bắt đầu được hình thành lúc con người rời bỏ giới động vật].

Thể trí có thành phần cấu tạo ít nhiều thanh bai tùy theo trình độ phát triển trí năng mà con người đã đạt được. Đó là một vật rất đẹp, rất tinh tế có những hạt chuyển động nhanh tạo cho nó một vẻ sáng linh động ngũ sắc; vẻ mỹ lệ này trở thành sự dễ thương chói sáng phi thường và mê hồn. Khi trí năng tiến hóa cao hơn và được dùng chủ yếu trong những đề tài thanh khiết và thanh cao. Sau này, ta sẽ thấy rõ chi tiết, mọi tư tưởng đều tạo ra các rung động trong thể trí, có kèm theo tác động của màu sắc được miêu tả là giống như những hạt bụi nước từ thác phóng ra khi ánh sáng mặt trời chiếu vào đó, tạo ra nhiều mức độ màu sắc tinh tế và sống động.

Mọi thể trí đều có một phân tử đơn hoặc một đơn vị thường được gọi là đơn vị trí tuệ cấu tạo bằng vật chất của cảnh thứ tư, nó vẫn đi kèm với con người trong suốt những kiếp nhập thể. Khi ta tiếp tục nghiên cứu thì ắt thấy rằng vật liệu của thể trí cứ bị tán mác rồi tụ tập đi tụ tập lại hết kiếp này sang kiếp khác nhưng đơn vị trí tuệ vẫn còn là một trung tâm ổn định trong suốt thời gian ấy.

Ta có thể coi đơn vị trí tuệ là tâm điểm và trung tâm của thể trí và dáng vẻ của thể trí nói chung tùy thuộc một phần lớn vào hoạt động tương đối của những bộ phận khác nhau thuộc đơn vị ấy.

Đĩ nhiên, đơn vị trí tuệ cũng có thể thuộc về bất kỳ một trong bảy “loại hình” lớn vật chất tức bảy “cung”; ta nên lưu ý rằng mọi nguyên tử trường tồn và đơn vị trí tuệ của một người đều thuộc về cùng một “loại hình” hoặc “cung”.

Như vậy, đơn vị trí tuệ trong thể trí tương ứng với các nguyên tử trường tồn trong thể nguyên nhân, thể vía và thể phách.

Công dụng của nguyên tử trường tồn cũng như đơn vị trí tuệ là bảo tồn nơi bản thân (dưới dạng các khả năng rung động) kết quả của mọi kinh nghiệm mà các hạ thể liên kết với nó đã trải nghiệm.

Đủ thứ hoạt động của thể trí tự nhiên là chia thành một vài lớp hoặc phân bộ, các phân bộ này được biểu diễn qua những bộ phận khác nhau của đơn vị trí tuệ tức nguyên tử trường tồn hạ trí. Nguyên tử trường tồn hạ trí tuyệt nhiên không giống y hệt nhau. Chúng khác nhau rất nhiều tùy theo loại hình và sự phát triển của chủ nhân ông. Nếu nguyên tử trường tồn hạ trí yên nghỉ thì thần lực bức xạ ra từ nó ắt tạo ra một số cái phễu trong thể trí giống như ánh sáng chiếu soi qua cái phim trong một đèn chiếu và màn ảnh.

Trong trường hợp bề mặt của thể trí được coi như màn ảnh bởi vì chỉ ở trên bề mặt thì người ta mới thấy rõ được khi nhìn vào thể trí từ bên ngoài. Điều này khiến cho nếu nguyên tử trường tồn hạ trí đang yên nghỉ thì trên bề mặt thể trí ta thấy có một số hình vẽ màu tiêu biểu cho đủ loại tư tưởng mà người này thường nghĩ tới, ở giữa chúng giả sử là có những khoảng trống tối sẫm. Nhưng nguyên tử trường tồn hạ trí cũng giống như mọi sự tổ hợp hóa học khác đều quay rất nhanh trên trục của mình, điều này có tác dụng tạo ra nơi thể trí một loạt những dải băng không phải bao giờ cũng xác định rõ rệt, cũng chẳng luôn luôn có cùng bề mặt rộng nhưng ta vẫn dễ dàng phân biệt được và thường có những vị trí tương đối giống nhau.

Cho đến nay thì học viên đã quen thuộc với những màu sắc và ý nghĩa của chúng (trong quyển thể Vía trang 11-12 có trình bày một danh sách đầy đủ) mà ta thấy không cần lập lại ở đây.

Khi có tư tưởng sùng tín thì nó luôn luôn biểu hiện thành một vòng tròn nhỏ màu tím rất đẹp ở trên đỉnh hình trứng thể trí. Khi người tầm đạo tiến gần tới cổng Thánh đạo thì vòng tròn này gia tăng kích thước và sự chói lọi; nơi một Điểm đạo đồ nó là một cái mũ chói sáng rực rỡ với màu sắc dễ thương không thể tưởng tượng được.

Bên dưới nó thường là một vành màu xanh lơ của tư tưởng mộ đạo, thông thường hơi hẹp ngoại trừ trong trường hợp những người có lòng mộ đạo thật sự sâu sắc và chân chính.

Kế đến có thể có một vùng rộng hơn dành cho tư tưởng luyện ái vốn có thể có sắc thái đỏ thắm hoặc màu hoa hồng tùy theo loại luyện ái mà nó biểu thị.

Gần vùng luyện ái và thường liên kết mật thiết với nó ta thấy có dải băng màu cam biểu diễn tư tưởng ngã mạn và tham vọng.

Lại nữa, liên quan mật thiết với lòng ngã mạn ta có một dải băng màu vàng của trí năng thường chia thành hai vành đai lần lượt biểu thị các loại hình tư tưởng triết học và khoa học. Vị trí của màu vàng này biến thiên rất nhiều nơi những người khác nhau; đôi khi nó lấp đầy trọn cả phần trên của hình trứng, vượt lên trên cả lòng mộ đạo và luyện ái; trong trường hợp ấy thì nói chung là cực kỳ ngã mạn.

Bên dưới nhóm mà ta vừa miêu tả và chiếm phần giữa của hình trứng ta thấy có dải băng rộng dành cho những hình dáng cụ thể vốn là bộ phận của thể trí tạo ra những hình tư tưởng thông thường (Ta sẽ miêu tả các hình tư tưởng ở Chương VIII).

Ở đây, màu sắc chính yếu là màu xanh lục thường có sắc thái nâu hoặc vàng tùy theo bản tính của người ấy.

Không có bộ phận nào trong thể trí mà lại thay đổi rất nhiều hơn bộ phận này. Một số người có thể trí đặc nghệt một số hình ảnh cụ thể trong khi những người khác chỉ có một vài hình ảnh thôi. Nơi một số người, hình tư tưởng thật rõ rệt và có đường nét sắc sảo còn nơi những người khác thì chúng lờ mờ và lơ mơ đến mức tối đa; nơi một số người chúng được phân loại, định danh và bố trí một cách thứ tự nhất, còn nơi những người khác chúng chẳng hề được sắp xếp lại mà bị bỏ mặc cho hỗn độn một cách thật tuyệt vọng.

Ở phần dưới của hình trứng có những dải băng diễn tả đủ thứ tư tưởng bất hảo. Một loại chất bùn trầm hiện ích kỷ thường lấp đầy 1/3 phía dưới thậm chí 1/2 phía dưới của thể trí; bên trên thỉnh thoảng có một vành đai miêu tả lòng hận thù, sự quý quyết hoặc sợ hãi. Dĩ nhiên, khi con người phát triển thì phần bên dưới này biến mất, phần bên trên dần dần mở rộng ra cho đến khi nó lấp đầy trọn cả thể trí như được minh họa trong quyển *Con người Hữu hình và Vô hình* của Giám mục Leadbeater.

Qui tắc chung là tư tưởng càng mạnh thì rung động càng lớn, tư tưởng càng vị tha và mang tính tâm linh thì rung động càng nhanh và càng có cao độ. Sức mạnh của tư tưởng tạo ra tính chói sáng, còn tính linh tạo ra màu sắc thanh bai.

Trong một chương sau này, ta sẽ mô tả một vài thể trí tiêu biểu và biểu thị việc các đức tính khác nhau của thể trí bộc lộ ra sao.

CHƯƠNG IV CHỨC NĂNG

Thể trí là hiện thể mà Tự ngã biểu lộ và biểu hiện thành ra trí năng cụ thể.

Cái trí là phản ánh khía cạnh nhận biết của Tự ngã tức là Tự ngã trên cương vị Chủ thể tri thức, cái trí là tự ngã hoạt động qua thể trí.

Đại đa số mọi người không phân biệt được con người với cái trí; vì vậy đối với họ Tự ngã mà họ đang mưu tìm chính là cái trí.

Điều này lại càng tự nhiên nếu không phải là tất yếu bởi vì trong giai đoạn tiến hóa hiện nay, những người thuộc Giống dân thứ Năm đang đặc biệt hoạt động để phát triển thể trí.

Trong quá khứ người ta đã làm linh hoạt thể xác trở thành một hiện thể của tâm thức; hầu hết mọi người ít ra cũng đã làm linh hoạt được một phần thể vía; còn giờ đây loài người nên đặc biệt dấn thân vào việc làm linh hoạt thể trí.

Sự phát triển thể vía với chức năng biểu diễn Kama tức xúc động chính là công tác đặc biệt của Căn chủng thứ Tư Atlante và đó cũng là công tác đặc biệt của Phân chủng thứ Tư thuộc Căn chủng thứ Năm tức Giống dân Keltic.

Như ta đã nói trên kia, phẩm tính của Giống dân thứ Năm – điều này áp dụng cho cả Căn chủng thứ Năm – dự tính phát triển đặc biệt, đó là manas tức cái trí, nghĩa là cái loại hình trí năng biết phân biệt, biết nhận ra sự khác nhau giữa các sự vật.

Trong giai đoạn phát triển nửa vờ như hiện nay, hầu hết mọi người quan sát những sự khác nhau theo quan điểm riêng của mình, chẳng phải để thông cảm mà chỉ là để chống đối,

thậm chí kịch liệt chống đối. Tuy nhiên, khi năng lực này được phát triển hoàn toàn thì người ta sẽ nhận ra những sự khác nhau một cách bình tĩnh, chỉ cốt để thông cảm và thăm định được điều gì tốt đẹp nhất.

Ta có thể đi xa hơn bằng cách bảo rằng, ở trình độ phát triển hiện nay thuộc Phân chủng thứ Năm nhược điểm của những người khác là một địa hạt để lợi dụng bóc lột, là một thứ để bắt người ta nô lệ mình, là một điều gì đó chà đạp lên người khác ngõ hầu để đầu cưỡi cổ người ta chứ không phải giúp đỡ người ta để tự tồn tại được. Song lẽ, mặc dù sự biểu hiện trong giai đoạn sơ khởi có thể là khó chịu, sự phát triển cái trí này là cần thiết vì muốn thật sự tiên bộ thì nhất thiết cần phải có óc phê phán chân chính.

Căn chủng thứ Sáu cũng như Phân chủng thứ Sáu của Căn chủng thứ Năm chủ yếu sẽ quan tâm tới sự phát triển tính linh, sự tổng hợp lòng từ bi và sự sáng sủa phụng sự, đó là những đặc trưng nổi bật.

Giai đoạn phát triển cái trí và xúc động nơi loài người hiện nay cũng cần giải thích thêm một chút. Cuộc Tuần Hoàn hiện nay tức Cuộc Tuần Hoàn thứ Tư trước hết có dự tính phát triển ham muốn hoặc xúc động, còn việc phát triển trí năng được dự tính cho Cuộc Tuần Hoàn thứ Năm. Tuy nhiên, nhờ được các “Hỏa Đức Tinh Quân” kích thích, trí năng đã phát triển rất nhiều, tiến trước trọn cả một Cuộc Tuần Hoàn so với mức có thể gọi là lịch trình thông thường. Đồng thời, ta nên biểu rằng trí năng mà con người thời nay tự hào xiết bao thì chẳng thấm vào đâu so với trí năng của con người bình thường vào lúc tột đỉnh Cuộc Tuần Hoàn thứ Năm sắp tới.

“Các Hỏa Đức Tinh Quân” từ Kim tinh giáng lâm xuống trái đất trong khi có Căn chủng thứ Ba và các ngài ngay tức khắc chịu trách nhiệm cuộc tiến hóa của ta. Thủ lĩnh của các ngài được kinh sách Ấn độ gọi là Đức Sanat Kumara, đi hộ tống Ngài có ba vị phụ tá và chừng hai mươi lăm vị Cao đồ khác. Khoảng chừng 100 người thường cũng được đưa từ Kim tinh xuống đây để đồng cư với nhân loại bình thường trên trái đất.

Chính các Đấng Cao Cả này được *Giáo Lý Bí Truyền* mô tả là phóng chiếu một điểm linh quang vào con người chưa có trí để khơi hoạt trí năng bên trong người ấy. Tác động của các ngài thật ra giống như có bản chất là sự kích thích từ tính, các ngài ảnh hưởng lôi cuốn nhân loại về phía mình khiến cho con người phát triển được điểm linh quang tiềm tàng và biệt lập ngã tính.

Bây giờ sau khi đã đi lạc đề theo sự cần thiết thì ta hãy trở lại đề tài chính và phải luôn luôn nhớ rằng mặc dù vì mục đích phân tích và học hỏi, ta cần chia con người phân biệt với những hiện thể mà Chơn Nhơn sử dụng; thế nhưng Tự ngã chỉ có một cho dù các hình thể mà nó biểu lộ biến thiên đến đâu đi chẳng nữa. Tâm thức chỉ là một và những việc phân chia của ta hoặc là với mục đích để học hỏi hoặc là ảo tưởng do khả năng nhận thức của ta bị hạn chế bởi những giác quan mà nó phải hoạt động thông qua đó trong các cõi thấp.

Tự ngã có ba khía cạnh: biết, muốn và cấp năng lượng. Do ba khía cạnh này mới có đủ thứ tư tưởng, ham muốn và hành động. Thế nhưng, trọn cả Tự ngã biết, muốn và hành động các chức năng không hoàn toàn tách rời khỏi nhau; khi Tự ngã biết thì nó cũng hành động và muốn; khi nó hành động thì nó cũng biết và muốn; khi nó muốn thì nó cũng hành động và biết. Một chức năng nổi bật và đôi khi đến mức hoàn toàn che giấu những chức năng kia đi; thế nhưng ngay cả lúc tập trung biết cực lực nhất – lúc riêng rẽ nhất trong ba thứ - thì vẫn luôn luôn có mặt sự cấp năng lượng, tiềm tàng và sự muốn tiềm tàng mà nếu phân tích kỹ lưỡng thì ta có thể phân biệt được.

Ta cần giải thích thêm một chút nữa để cho dễ hiểu. Khi Tự ngã yên tĩnh thì nó biểu lộ khía cạnh Tri thức, có thể tiếp nhận sự giống nhau của bất kỳ đối tượng nào xuất hiện trước

nó (sau này, ta sẽ hiểu chi tiết điều ấy). Khi Tự ngã trước sự có mặt bất kỳ đối tượng nào bèn phóng năng lượng ra tiếp xúc với đối tượng ấy thì khía cạnh Hành động xuất hiện. Như vậy, ta ắt thấy rằng ba Khía cạnh này không phải là những phân khu riêng rẽ của Tự ngã, không phải là ba vật kết hợp lại thành một hoặc phức hợp mà chỉ có một tổng thể không thể phân chia được biểu lộ theo ba cách khác nhau.

Theo quan điểm của Khoa Yoga Đông phương thì “cái trí” chỉ là tâm thức đã được biệt lập ngã tính, là toàn bộ tâm thức ấy, bao gồm các hoạt động. Khoa Yoga mô tả quá trình tâm thức như sau: (1) - biết các đối tượng; tức khía cạnh Trí tuệ, nốt chủ âm của cõi trí tuệ; (2) - muốn có được các đối tượng, khía cạnh Ham muốn, nốt chủ âm của cõi trung giới; (3) - cố gắng đạt được các đối tượng, khía cạnh Hoạt động, nốt chủ âm của cõi trần. Trên cõi Bồ đề thì trực nhận tức lý trí thuần khiết chiếm ưu thế. Mỗi một trong ba khía cạnh này bao giờ cũng hiện diện nhưng khi thì khía cạnh này chiếm ưu thế, khi thì khía cạnh khác lần lượt.

Bây giờ ta hãy quay lại khảo sát tỉ mỉ hơn về cái trí, ta học biết được rằng suy tư trừu tượng là chức năng Tự ngã biểu hiện qua thể Thượng trí tức thể Nguyên nhân, còn suy tư cụ thể (như ta đã nói trước kia) được thực thi do Tự ngã hoạt động trong thể trí – có khi ta gọi nó là thể Hạ trí. Bây giờ, ta sẽ xét tới chi tiết về cơ chế suy tư cụ thể.

Trí nhớ và óc tưởng tượng cũng bắt đầu nơi thể trí. Mầm mống của trí nhớ vốn ở nơi Tamas (quán tính của vật chất), vốn là một khuynh hướng lập lại các rung động một khi đã được phát khởi lúc năng lượng tác động lên nó.

Như vậy, thể trí là hiện thể của Chơn ngã tức Chủ thể Tư duy chân thực, vốn ngụ trong thể Nguyên nhân. Thế nhưng, trong khi thể trí được dự trừ rốt cuộc trở thành hiện thể của tâm thức trên cõi hạ trí thì nó cũng tác động lên và tác động thông qua thể vía cũng như thể xác với mọi biểu lộ mà ta thường gọi là “cái trí” trong ý thức tỉnh táo bình thường.

Chi tiết của quá trình này như sau: Hành vi suy tư cụ thể khiến cho vật chất của thể trí rung động. Rung động này được truyền xuống có thể nói là một bát độ thấp hơn xuống tới vật chất thô hơn thuộc thể vía của chủ thể suy tư; từ đây đến lượt nó lại ảnh hưởng tới các hạt dĩ thái trong bộ óc; cuối cùng thông qua các hạt dĩ thái của bộ óc, nó phát động chất xám thô trực hơn trong xác phàm. Như vậy, trước khi một tư tưởng có thể được chuyển dịch thành ý thức chủ động trong bộ óc phàm thì nó phải trải qua mọi bước liên tiếp như thế.

Hệ thần kinh giao cảm chủ yếu là liên quan tới thể vía trong khi hệ thần kinh não tủy chịu ảnh hưởng nhiều hơn của Chơn ngã hoạt động thông qua thể trí.

Quá trình mà ta miêu tả trên kia có thể được soi sáng thêm một chút nữa. Mọi hạt trong óc phàm đều có một đối hạt trên cõi trung giới, đến lượt nó lại có đối hạt trên cõi trí tuệ. Nếu ta giả sử vì mục đích khảo sát sao cho toàn bộ óc phàm được căng ra đến mức chỉ dày có một hạt thôi thì ta có thể giả định thêm nữa rằng vật chất trung giới và vật chất trí tuệ tương ứng cũng được trải ra thành những lớp tương tự, lớp vật chất trung giới hơi ở trên lớp vật chất óc phàm một chút, lớp vật chất trí tuệ nhỉnh hơn lớp vật chất trung giới một chút.

Thế là ta có ba lớp vật chất với mật độ khác nhau, cái này đều tương ứng với cái kia nhưng tuyệt nhiên không nối liền với nhau ngoại trừ việc đó đây có những sợi dây liên kết tồn tại giữa các hạt óc phàm và hạt trung giới, cũng như giữa hạt trung giới và hạt trí tuệ. Điều này biểu diễn rất hay tình hình sự việc trong bộ óc của kẻ phàm phu. Do đó, khi người ấy muốn phóng một tư tưởng từ mức trí tuệ xuống mức óc phàm thì bởi vì có nhiều kênh dẫn chưa được mở ra cho nên có thể nói là tư tưởng phải đi lạc đường lòng vòng men theo vật chất trí tuệ tương ứng với bộ óc cho đến khi nó tìm ra được một con đường dẫn xuống để rồi rốt cuộc đi xuyên qua một ống dẫn chẳng thích hợp tí nào với nó; thế đã hết đầu, khi

nó xuống tới mức óc phàm thì nó lại phải đi lòng vòng men theo óc phàm trước khi gặp được những hạt vật chất óc phàm có thể diễn tả được nó.

Hiển nhiên, một phương pháp như thế thật là công kênh và vụng về. Vậy là, ta có thể hiểu được tại sao một số người không hiểu được toán học hoặc là không có được năng khiếu âm nhạc, nghệ thuật v.v... Lý do là vì cái bộ phận của óc phàm dành riêng cho năng khiếu hoặc đề tài đặc thù ấy còn chưa mở ra được kênh dẫn để giao tiếp trọn vẹn với mọi bộ phận trong óc phàm. Vì thế cho nên, mọi tư tưởng đều có kênh dẫn thích hợp riêng với nó, nó có thể thông qua đó đi thẳng xuống phần vật liệu thích đáng tương ứng trong óc phàm.

Nếu ta phân tích tiên trình tâm thức một cách đại khái khi tác động từ Phi ngã chuyển vào trong tới Tự ngã thì ta quan sát thấy từ bên ngoài trước hết nó tiếp xúc với xác phàm; sự tiếp xúc này được thể vía chuyển thành cảm giác; cảm giác được thể trí biến thành tiên niệm; thể rời tiên niệm chế biến thành khái niệm, vậy là bảo tồn được hình thức lý tưởng vốn là vật liệu đáp ứng mọi khả năng tư tưởng trong tương lai.

Mọi sự tiếp xúc với Phi ngã đều làm biến đổi thể trí bằng cách sắp xếp lại một bộ phận vật liệu của nó thành ra một hình ảnh của đối tượng ngoại giới.

Xét về khía cạnh hình tướng thì suy nghĩ là xác lập các mối quan hệ giữa những hình ảnh này; còn xét về mặt sự sống thì nó bao gồm những biến đổi tương ứng trong nội bộ Chủ thể tri thức.

Công việc đặc thù của Chủ thể tri thức là xác lập những quan hệ giữa các hình ảnh đã được hình thành trong thể trí, phần đóng góp thêm của chủ thể tri thức biến hình ảnh ấy thành tư tưởng.

Khi Chủ thể suy tư cứ tái tạo đi tái tạo lại cùng một hình ảnh thì có yếu tố thời gian xen vào, thế là trí nhớ và sự tiên liệu xuất hiện.

Tâm thức hoạt động như vậy lại còn được soi sáng thêm nữa từ bên trên nhờ những ý tưởng không được chế biến từ vật liệu do cõi trần cung cấp mà được phản chiếu vào trong đó trực tiếp từ trí tuệ vũ trụ (xem chương XXVIII).

Khi một người lý luận thì y thêm vào một điều gì đó của riêng mình cộng thêm mớ thông tin do ngoại giới đóng góp. Khi tâm trí tác động lên các tài liệu được cung cấp thì nó liên kết những nhận thức lại với nhau, hòa lẫn đủ thứ luồng cảm giác lại thành một, tổ hợp chúng thành một hình ảnh duy nhất. Công trình tổng hợp các mối quan hệ đã được xác lập quả thật là công trình đặc thù của Chủ thể tri thức, đó là đặc sản của cái Trí.

Hoạt động như vậy của thể trí tác động lên thể vía như đã nêu trên và thể vía lại tác động thể phách và xác phàm, bấy giờ chất thần kinh của cơ thể cảm giác rung động theo những xung lực mà nó nhận được. Tác động này biểu hiện thành sự phóng điện và những dòng từ điện tác động giữa các hạt gây ra những mối tương quan chằng chịt.

Những thứ này để lại cái gọi là một lối mòn thần kinh, một lối mòn mà một dòng thần kinh khác có thể nói là chạy băng qua đó. Vì thế cho nên, nếu một nhóm hạt có dính dáng tới một rung động đặc thù lại được tâm thức khơi hoạt do lập lại cùng một ý tưởng thì rung động đặc thù lại được tâm thức khơi hoạt do lập lại cùng một ý tưởng thì rung động dễ dàng chạy dọc theo lối mòn đã sẵn có rồi; vậy là tái khơi hoạt các nhóm hạt khác để trình diện trước tâm thức dưới dạng liên tưởng.

Nói một cách ngắn gọn thì đây chính là cơ chế của sự liên tưởng, tầm quan trọng của hiện tượng tâm trí này thì mọi học viên tâm lý học đều thừa biết cho nên ta không cần nhấn mạnh ở đây.

Trên kia có nêu rõ rằng công tác đặc thù của cái trí là xác lập các mối quan hệ giữa những đối tượng của tâm thức. Câu này bao trùm đủ thứ tiến trình của cái trí vì thế cho nên

người Ấn độ gọi cái trí là giác quan thứ sáu do bởi nó tiếp thu những cảm giác thâm nhập xuyên qua năm giác quan, tổ hợp chúng lại thành một tiên niệm duy nhất, từ đó biến thành một ý tưởng. Cái trí cũng được gọi là vua (the Rajah) của các giác quan.

Cũng vì thế mới có ý nghĩa của câu kinh về các “Vrittis” gồm bộ năm (Vritis là những phương thức hoạt động của tâm trí). Từ bộ năm được dùng theo nghĩa hóa học gia nói về hóa trị tức khả năng tạo lập những tổ hợp của một nguyên tố. Bởi vì cái trí giống như một lăng kính tụ tập năm tia khác nhau của cảm giác từ các cơ quan cảm giác tức năm đường lối nhận biết Jnanendriyas và tổ hợp chúng lại thành một tia duy nhất.

Nếu chúng ta cũng xét tới năm cơ quan hành động Karmendriyas cùng với năm cơ quan cảm giác Jnanendriyas thì cái trí trở thành giác quan thứ 11; vì thế cho nên *Chí Tôn Ca* mới nói tới “10 giác quan và giác quan duy nhất” (XIII,5).

Ta không đề cập tới tâm trí là “giác quan” thứ sáu hoặc thứ 11 mà nói tới chính các giác quan của thể trí thì ta ắt thấy rằng chúng khác hẳn các giác quan của thể xác. Thể trí bước vào tiếp xúc có thể nói là trực tiếp với các sự vật của cõi trí tuệ và trên toàn bộ bề mặt của nó, nó ý thức được hết mọi thứ có thể gây ấn tượng lên nó. Như vậy, trong thể trí không có các cơ quan riêng biệt để nhìn thấy, nghe thấy, sờ thấy, nếm thấy và ngửi thấy; chữ “giác quan” thực ra là gọi không đúng, chính xác hơn thì phải nói “giác quan” của thể trí.

Do đó, ta thấy rõ rệt là vì có thể giao tiếp trực tiếp bằng sự chuyển di tư tưởng mà không cần đào luyện tư tưởng thành ra từ ngữ cho nên hàng rào ngôn ngữ không còn tồn tại trên cõi trí tuệ giống như trên cõi trung giới.

Nếu một học viên lão luyện chuyên vào cõi trí tuệ rồi ở đó giao tiếp với một học viên khác thì khi cái trí của y nói, nó nói ngay tức khắc bằng màu sắc âm thanh và hình tượng sao cho tư tưởng hoàn chỉnh được truyền đi thành một ảnh màu có âm nhạc, thay vì chỉ là một mảnh của nó được phô ra như trong trường hợp trên cõi trần bằng những biểu tượng mà ta gọi là từ ngữ.

Có một vài sách xưa do các đại điểm đạo đồ viết bằng ngôn ngữ màu sắc, ngôn ngữ của chư Thần linh. Nhiều đệ tử Chơn sư có biết tới ngôn ngữ này và xét về hình tượng cũng như màu sắc thì nó bắt nguồn từ “tiếng nói” của cõi trí tuệ, trong đó như ta có nói rõ, một tư tưởng duy nhất cũng cùng một lúc làm nảy sinh ra hình tượng, màu sắc và âm thanh.

Cái trí không suy nghĩ bằng màu sắc, âm thanh hoặc tư tưởng; nó chỉ nghĩ ra một tư tưởng, vốn là một rung động phức hợp trong vật chất trí tuệ, và tư tưởng ấy biểu diễn theo đủ mọi cách bằng những rung động mà nó lập nên. Vì vậy, trong thể trí con người được giải thoát khỏi những hạn chế của các cơ quan cảm giác riêng biệt, tiếp thu ở mọi chỗ đủ mọi rung động mà trên cõi trần nó biểu hiện thành sự riêng rẽ khác nhau đối với đồng loại.

Thể trí của người phạm hiện nay tương đối phát triển kém hơn nhiều so với thể vía và thể xác. Trong giai đoạn tiến hóa hiện nay, kẻ phạm phu đồng nhất hóa mình với ý thức của óc phạm, ý thức tác động trong hệ thần kinh não tủy. Ở đây, y thấy mình rõ ràng và không ngừng là “cái tôi”, chỉ có điều ở trên cõi trần thì nó ở trạng thái tĩnh thức.

Tuy nhiên, ngoại trừ xét về hệ thần kinh não tủy thì ý thức của người phạm tác động từ cõi trung giới, từ cõi cảm giác.

Nhưng nơi những người tiến hóa cao hơn thuộc Giống dân thứ Năm, trung tâm ý thức ở nơi thể trí vốn tác động từ cõi hạ trí, con người bị các ý tưởng kích động hơn là bị cảm giác kích động.

Vậy là kẻ phạm phu có ý thức nhưng không tự ý thức trên cõi cảm dục và cõi trí tuệ. Y nhận ra những thay đổi trong thể vía và thể trí bên trong bản thân mình, nhưng không phân biệt được những thứ do chính y phát khởi từ bên trong với những thứ được gây ra do tác

động từ ngoại giới lên thể vía và thể trí của y. Đối với y thì chúng đều là những biến đổi bên trong bản thân.

Vì thế cho nên, chỉ cõi hồng trần là cõi duy nhất có thực đối với y, còn mọi hiện tượng tâm thức thuộc về các cõi trung giới và trí tuệ là cái mà y gọi là “không có thực”, “chủ quan”, “tưởng tượng”. Y coi chúng là do óc tưởng tượng của chính mình gây ra chứ không phải là kết quả của ngoại giới tác động lên thể vía và thể trí của y. Y quả thật là một đứa con nít trên cõi trung giới và cõi trí tuệ.

Vì vậy, nơi con người chậm tiến, thể trí không thể hoạt động riêng rẽ trên cõi trí tuệ với vai trò là một hiện thể độc lập của tâm thức, trong khi con người còn nhập thể trên cõi trần. Khi một người như thế vận dụng những năng lực trí tuệ thì chúng phải khoác lấy vật chất cõi trung giới thì y mới có thể ý thức được hoạt động của chúng.

Chúng ta có thể lập thành bảng biểu những chức năng chính yếu của thể trí như sau:

(1)- Được dùng làm hiện thể của Tự ngã với mục đích suy tư cụ thể; (2)- Biểu diễn những tư tưởng cụ thể thông qua thể xác, hoạt động thông qua thể vía, bộ óc dĩ thái và hệ thần kinh não tủy; (3)- Phát triển năng lực ghi nhớ và tưởng tượng; (4)- Khi sự tiến hóa tiếp diễn thì nó được dùng làm một hiện thể của tâm thức trên cõi trí tuệ. Ngoài những chức năng này ra, ta còn phải thêm vào chức năng nữa mà sự soi sáng bắt buộc phải dành cho một chương sau này; (5)- Đồng hóa những kết quả kinh nghiệm thu thập được trong mỗi kiếp sống trên trần thế và chuyển giao bản chất của nó cho Chơn ngã là Chơn nhưn sống trong thể Nguyên nhân.

Ở đây, ta có thể lưu ý thấy rằng giới động vật cũng sử dụng chất trí tuệ trong một chừng mực nào đó. Những con gia súc cao cấp chắc chắn ít ra cũng vận dụng khả năng lý luận mặc dù dĩ nhiên lý trí của chúng chỉ tác động theo một đường lối hạn hẹp và bản thân năng lực này yếu ớt hơn nhiều so với trường hợp con người.

Trong trường hợp con thú trung bình thì nó chỉ vận dụng vật chất thuộc cảnh thấp nhất của cõi trí tuệ nhưng đối với loài gia súc đã phát triển cao thì nó cũng có thể sử dụng đến một mức nào đó vật chất của cảnh cao nhất trong bốn cảnh.

CHƯƠNG V NHỮNG VÍ DỤ TIÊU BIỂU

Thể trí của một người đã man được minh họa trong kính ảnh số VI, đối diện với trang 807 của quyển *Con người Hữu hình và Vô hình*.

Xét về màu sắc thì cũng như vậy, thể trí ăn khớp rất nhiều với thể vía trong tình trạng yên nghỉ; nhưng nó còn hơn thế nữa vì trong đó có xuất hiện bất cứ thứ gì đã được phát triển nơi con người xét về tính linh và tính trí thức. Trong trường hợp người đã man điều này có thể không nhiều, nhưng về sau này nó có tầm quan trọng đáng kể mà sớm muộn gì ta sẽ thấy rõ.

Khi xét tỉ mỉ một thể như vậy, ta nhận thấy trên chóp đỉnh có một màu vàng xỉn biểu thị có một chút trí năng mặc dù màu sắc đục như bùn chứng tỏ nó độc quyền được áp dụng cho những mục tiêu ích kỷ.

Lòng sùng tín được biểu thị bởi màu xám xanh lơ ắt phải là tục bái vật, phần lớn còn có sắc thái sợ hãi và bị thôi thúc bởi những sự cân nhắc tự tư tự lợi. Màu đỏ thắm đục như bùn gợi ý là bắt đầu có tính luyến ái nhưng cho đến nay chủ yếu vẫn là ích kỷ.

Một dải băng màu cam lọt ám chỉ lòng kiêu hãnh nhưng hoàn toàn thuộc loại thấp. Một vệt lớn màu đỏ tía biểu hiện một khuynh hướng mạnh mẽ sân hận. Nó hiển nhiên sẽ bùng nổ ngay khi có dấu hiệu khiêu khích một chút.

Một dải băng rộng màu xanh lục dơ dáy chiếm một bộ phận lớn của thể trí cho thấy sự lừa gạt, phản bội và hà tiện – tính hà tiện được biểu thị bởi sắc thái nâu nâu. Ở dưới đáy hào quang có một loại trầm tích màu bùn, biểu thị nói chung là lòng ích kỷ và không có bất kỳ phẩm chất đáng mong muốn nào.

Nơi một người chậm tiến, thể trí chỉ chứa đựng một lượng nhỏ vật chất trí tuệ chưa được tổ chức và chủ yếu từ cảnh thấp nhất của cõi này. Nó được tác động hầu như hoàn toàn từ các thể thấp, được gây rung động do những cơn bão tố xúc động xuất phát từ thể vía, nó vẫn còn hầu như yên tĩnh và ngay cả khi chịu xung lực thôi thúc thì vẫn cứ lơ đãng. Không một hoạt động xác định nào được sản sinh ra từ bên trong, cần phải có những luồng từ ngoại giới thổi vào để kêu gọi sự đáp ứng riêng biệt.

Vì thế, những luồng thổi càng mãnh liệt thì con người càng tiến bộ; khoái lạc cuồng loạn, giận dữ, đau đớn khủng khiếp và những đam mê khác gây ra những xoáy lốc trong thể vía, kích động tâm thức của thể trí, bấy giờ nó thêm vào một điều gì nữa của riêng mình cộng với những ấn tượng do ngoại giới tác động lên nó.

Người thường chỉ sử dụng vật chất thuộc cảnh thứ bảy tức cảnh thấp nhất của cõi trí; chất này rất gần cõi trung giới cho nên mọi tư tưởng của y đều thấm đượm những sự phản ánh từ cõi trung giới tức cõi xúc động. Cho đến nay rất ít người có thể sử dụng được cảnh thứ sáu; những nhà khoa học lỗi lạc chắc chắn sử dụng nó rất nhiều, nhưng tiếc thay họ thường trộn lẫn nó với vật chất của cảnh thấp nhất, thế là họ đâm ra ganh tị với những phát hiện và phát minh của người khác. Vật chất của cảnh thứ năm lại còn được giải thoát nhiều hơn nữa khỏi khả năng câu kết với cõi trung giới. Cảnh thứ tư vì kề cận với thể Nguyên nhân cho nên tránh xa được khả năng móc ngoặc với những rung động của cõi trung giới.

Trên kính bản số IX đối diện với trang 93 của tác phẩm nêu trên, ta có hình minh họa thể trí của một người thường. Trong đó, ta thấy nhiều hơn về mặt tỉ lệ là trí năng (màu vàng), tình thương (màu hoa hồng, màu hường) và lòng sùng tín (màu xanh lơ); cũng có một sự cải thiện đáng kể về phẩm chất của chúng, màu sắc trong sáng hơn nhiều.

Mặc dù, mức độ kiêu ngạo vẫn nhiều hơn trước nhưng bây giờ nó ở một mức cao hơn, người ta tự hào về những đức tính của mình thay vì chỉ kiêu hãnh về bạo lực hoặc sự tàn ác của mình.

Vẫn còn nhiều màu đỏ tía biểu thị khả năng giận dữ; màu xanh lục dứt khoát là tốt hơn, biểu thị tính đa năng và dễ thích ứng hơn là sự lừa đảo hoặc quỷ quyệt.

Nơi kẻ dã man, màu xanh lục xuống thấp ở phần dưới hào quang, bên dưới cả màu đỏ tía bởi vì những phẩm tính mà nó tiêu biểu cần được biểu hiện bằng một loại vật chất thô hơn so với loại mà màu đỏ tía của sự giận dữ cần tới.

Nơi kẻ *bình thường* thì màu xanh lục ở phía trên màu đỏ tía trong hào quang, biểu thị loại vật chất mà nó cần để biểu hiện không thô bằng loại vật chất mà màu đỏ tía giận dữ cần tới. Như vậy, đã có một sự cải thiện trong phẩm tính nói chung của vật chất thuộc thể trí.

Mặc dù, trong hào quang vẫn còn một tỉ lệ lớn màu nâu ích kỷ, thế nhưng màu này ám áp hơn một chút chứ không tối sẫm như trong trường hợp kẻ dã man.

Vậy là thể trí của người thường có kích thước gia tăng nhiều cho thấy có một lượng nào đó về khả năng tổ chức và chứa đựng một chút vật chất của các cảnh thứ sáu, thứ năm và thứ tư của cõi trí tuệ.

Cũng giống như thể xác và thể vía, thể trí khi được vận dụng sẽ tăng trưởng, khi không được dùng tới sẽ teo tóp và cuối cùng bị tiêu diệt. Mọi rung động được tạo nên trong thể trí đều gây ra một sự biến đổi về thành phần cấu tạo, tổng ra ngoài vật chất không thể rung động đồng cảm với nó thay vào đó là những vật liệu thích hợp được rút ra từ kho chứa xung quanh hầu như vô hạn.

Kính bản thứ XXII đối diện với trang 21 trong cùng quyển sách ấy, minh họa thể trí của một người tiên tiến. Lòng kiêu ngạo (màu cam), giận dữ (đỏ tía) và ích kỷ (màu nâu) đã hoàn toàn biến mất, các màu còn lại bành trướng đến mức lấp đầy toàn thể hình trướng và cũng đã được cải tiến về cung bậc đến mức cho ta một ấn tượng khác hẳn. Vì mọi tư tưởng về bản ngã đã biến mất cho nên chúng tinh vi và thanh bai hơn nhiều. Hơn nữa, ở chóp đỉnh hào quang có xuất hiện một màu tím thuần khiết với những ngôi sao hoàng kim, biểu thị việc có được những đức tính mới cao cả hơn nghĩa là đạo tâm.

Quyền năng từ bên trên xạ ra thông qua thể nguyên nhân của một người tiên tiến cũng tác động thông qua thể trí của mình mặc dù hơi kém sức lực hơn.

Bỏ qua sự khác nhau giữa cái ta có thể gọi là các bát độ về màu sắc nghĩa là những sắc thái thuộc về cảnh thấp và cảnh cao của cõi trí tuệ, ta thấy thể trí giờ đây hầu như trở thành bản sao của thể nguyên nhân cũng giống như thể vía hầu như là bản sao của thể trí ở mức độ thấp hơn.

Như vậy, thể trí của một người tiên tiến trở thành phản ảnh của thể nguyên nhân bởi vì con người đã học cách chỉ noi theo những thôi thúc của Chơn ngã và hoàn toàn để cho chúng dẫn dắt lý trí của mình. Màu sắc thực tế biểu hiện một tính chất nào đó trong thể nguyên nhân, chẳng những biểu hiện một tính chất nào đó trong thể nguyên nhân, chẳng những biểu diễn qua thể trí mà còn biểu diễn cả trong thể vía nữa; tuy nhiên như ta đã từng phát biểu, màu sắc sẽ kém tinh vi hơn, không sáng sủa bằng và kém thanh bai khi nó giáng xuống các cõi thấp. Nơi *người đã phát triển tính linh* thì mọi tổ hợp thô trực của vật chất trí tuệ đã bị loại bỏ sao cho nó chỉ chứa đựng những biến thể tinh vi vật chất của bốn cảnh hạ trí, và những thứ này lại có vật liệu của cảnh bốn và cảnh năm áp đảo so với vật liệu của cảnh sáu và cảnh bảy. Như vậy, thể trí đáp ứng với mọi tác động cao siêu của trí năng tới mức tiếp xúc tinh vi được với những nghệ thuật cao cấp, đáp ứng được những sự xao xuyên thuần túy của các xúc động cao cả. Một thể như vậy đang nhanh chóng trở nên sẵn sàng mô phỏng lại mọi xung lực xuất phát từ Chơn nhơn trong thể nguyên nhân, chủ thể tư duy vốn có thể biểu hiện nơi vật chất hạ trí.

Cả thể vía lẫn thể trí của một người có tính linh đều không ngừng phô ra bốn, năm xúc động rạng rỡ; trong số đó có tình thương, lòng sùng tín, sự đồng cảm và đạo tâm mang tính trí thức.

Thể trí (cũng như thể vía) của một vị La hán (bậc đã được Điểm đạo lần thứ Tư) có rất ít màu sắc đặc trưng của riêng mình mà mô phỏng lại thể nguyên nhân trong mức độ các bát độ thấp hơn có thể biểu diễn được. Chúng sáng lóng lánh ngũ sắc rất dễ thương, một loại tác dụng lung linh như xà cừ vượt xa mức ta có thể miêu tả hoặc biểu diễn bằng hình ảnh được.

Một con người *thực tiến* nói chung có nhiều màu sắc vàng trong thể trí, đủ thứ dải băng màu sắc của y thường đều đặn và có thứ tự. Y có ít xúc động và tưởng tượng hơn nhiều so với người trực giác và vì vậy thường kém nghị lực và lòng nhiệt thành hơn về một số phương diện; nhưng mặt khác, y ít có khả năng phạm sai lầm và điều mà y làm nói chung thường lành mạnh và kỹ lưỡng.

Ta cũng có thể nhận thấy rằng thói quen thứ tự theo khoa học của cái trí có một ảnh hưởng rõ rệt lên sự sắp xếp màu sắc trong thể vía; chúng có khuynh hướng sắp xếp thành những dải băng đều đặn và đường phân giới giữa chúng trở nên xác định hơn.

Trong thể trí của một người có *trực giác* ta có nhiều màu xanh lơ hơn, nhưng màu sắc nói chung mờ mờ và toàn bộ thể trí không được bài trí theo thứ tự. Ý đau khổ nhiều hơn hẳn so với loại kiên định nhưng đôi khi nhờ đau khổ mà ý mới có thể tiến bộ nhanh chóng.

Đĩ nhiên, nơi con người toàn bích cả sự nồng thắm và nhiệt tình cũng như sự kiên định và đều đặn có vai trò của mình, đó chỉ là vấn đề phẩm tính nào được thụ đặc trước hết.

Thêm vào những phẩm tính nêu trên vốn được biểu diễn bằng màu sắc nơi thể trí, ta còn có một số phẩm tính khác – chẳng hạn như lòng can đảm, phẩm giá tư cách, sự hoan hỉ, lòng trung thực v.v... - nói chung được biểu diễn bằng hình tượng hơn là bằng màu sắc. Chúng được biểu thị bằng sự khác nhau về cấu trúc trong thể trí hoặc bằng những thay đổi trên bề mặt.

Bên trong những vành hoặc vùng màu sắc khác nhau được miêu tả trên kia ta thường thấy có những vân được biểu hiện ít nhiều rõ nét và nhiều phẩm tính của con người có thể được thẩm định bằng cách khảo sát những đường vân này.

Chẳng hạn như việc có *ý chí mạnh mẽ* mang lại cho thể trí những đường nét đều đặn xác định hơn. Mọi đường vân và đường tủa ra rất đều đặn, chắc chắn và dễ phân biệt còn trong trường hợp người bạc nhược và ưa dao động thì không có những đường vững chắc và mạnh mẽ này, những đường biểu thị những phẩm tính khác nhau không ngăn cách nhau rõ rệt, còn những đường vân trông nhỏ xíu, yếu ớt và loằng ngoằng dợn sóng.

Lòng can đảm được biểu thị bởi những đường vững chắc và được kẻ rất đậm nhất là ở những dải băng màu cam liên quan tới tính kiêu ngạo, còn màu sắc chói sáng kiên định và bình tĩnh biểu thị những phẩm tính cao siêu.

Khi *lòng sợ hãi* tràn ngập một người thì mọi màu sắc đều mờ nhạt đi và bị lấn lướt bởi một đám sương mù xám xịt, những đường vân bị chìm khuất trong một khối giống như thạch rung rẩy và dao động, người này nhất thời đã mất khả năng dẫn dắt và kiểm soát các hạ thể của mình.

Tư cách phẩm giá cũng biểu hiện chính yếu cùng ở bộ phận trong thể trí vốn biểu hiện lòng can đảm, nhưng nhờ sự kiên định, bình thản và chắc chắn, nó khác hẳn những đường biểu hiện lòng can đảm.

Sự trung thực và chính xác được miêu tả rất rõ rệt bằng sự đều đặn của những đường vân trong bộ phận thể trí dành cho những hình tượng cụ thể và nhờ vào những hình ảnh rõ ràng và chính xác xuất hiện trong đó.

Lòng trung thành biểu lộ thành sự tăng cường cả tình luyến ái lẫn lòng sùng tín và việc thường xuyên tạo lập nơi bộ phận ấy của hình trướng hình ảnh của con người đối tượng của lòng trung thành. Trong nhiều trường hợp trung thành, luyến ái và sùng tín, có một hình ảnh thường xuyên rất mạnh mẽ của đối tượng được tạo ra và vẫn còn trôi nổi trong hào quang của người suy nghĩ đến nỗi khi tư tưởng của ý hướng về đối tượng được yêu thương hoặc sùng bái thì lực mà ý tuôn đổ ra chỉ củng cố cái hình ảnh đã tồn tại rồi thay vì tạo thành một hình ảnh mới như bình thường.

Niềm vui biểu lộ thành việc nói chung là việc cả thể trí lẫn thể vía đều sáng sủa ra và chói lọi trên bề mặt của thể vía hoặc thể trí cũng có một sự dợn sóng đặc thù.

Việc vui vẻ nói chung biểu lộ thành một dạng bong bóng biến đổi của dạng trên cũng như là một sự thanh thản đều đặn trông rất ưa nhìn.

Mặt khác, *sự ngạc nhiên* được biểu lộ qua việc thể trí co hẳn lại kèm theo là việc gia tăng độ sáng nơi dải luyến ái nếu sự ngạc nhiên là thứ vị và thay đổi màu sắc (thường bao gồm việc phô bày khá nhiều màu nâu và màu xám ở phần bên dưới của hình trứng) khi sự ngạc nhiên là khó chịu. Sự co rút này thường được truyền sang cho cả thể vía lẫn thể xác và ư gây ra những xúc cảm đặc biệt khó chịu, đôi khi ảnh hưởng tới trung tâm lực ở tim, trong trường hợp này có gây ra tim đập thành thịch hoặc thậm chí tử vong; đến nỗi mà một sự ngạc nhiên đột ngột có khi giết chết người yếu tim.

Sự kinh sợ cũng giống như lòng kinh ngạc, ngoại trừ việc nó có kèm theo một sự thay đổi sâu sắc ở bộ phận sùng tín của thể trí vốn thường căng phồng lên do ảnh hưởng này và có những đường vân nổi bật lên.

Tư tưởng Thần bí và việc có thần thông được biểu thị bởi màu sắc không có thứ tương đương trên cõi trần.

Khi một người sử dụng bất cứ bộ phận nào của thể trí mà hướng tư tưởng của mình mạnh mẽ vào một trong nhiều kênh dẫn vừa nêu trên thì chẳng những thể trí rung động nhất thời nhanh hơn, do đó có màu sắc sáng sủa hơn, mà bộ phận của nó vốn tương ứng với tư tưởng ấy lại còn thường xuyên tạm thời phình ra và gia tăng kích thước, như vậy là nhất thời làm xáo trộn sự đối xứng của hình trứng.

Nơi nhiều người khối u ấy là thường xuyên và điều này bao giờ cũng có nghĩa là số lượng tư tưởng thuộc loại ấy đang đều đều tăng trưởng. Chẳng hạn như nếu một người đang nghiên cứu khoa học và vì vậy đột nhiên xoay chuyên tư tưởng theo hướng ấy nhiều hơn trước thì hiệu quả đầu tiên khối u sẽ như ta đã miêu tả ở trên. Nhưng nếu y cứ duy trì số lượng tư tưởng về các đề tài khoa học ở cùng mức độ như y chọn theo hiện nay thì bộ phận lõi ra dần dần sẽ chìm trở lại vào trong đường nét chung của hình trứng, nhưng dải băng màu sắc sẽ trở nên rộng hơn trước.

Tuy nhiên, nếu sự chú ý của con người tới những đề tài khoa học đều đều gia tăng về sức mạnh thì khối u sẽ vẫn còn biểu hiện cho dải băng đã mở rộng ra rồi.

Như vậy, ta có thể gây hại cho thể trí bằng cách đi vào quá chuyên môn dẫn tới một sự phát triển thiên lệch. Thể trí đâm ra phát triển quá đáng ở một số bộ phận và cũng tỉ lệ ấy lại kém phát triển ở những vùng khác có lẽ cũng quan trọng không kém. Mục đích mà ta mưu tìm là phát triển toàn diện, hài hòa và cân đối; muốn vậy thì cần phải tự phân tích mình một cách bình tĩnh để hướng những phương tiện nhất định đạt tới những cứu cánh; chúng tôi sẽ xét tới khía cạnh của đề tài này thêm nữa trong một chương sau này.

Người ta đã nói tới sự chuyển động không ngừng của vật chất trong thể trí. Hiện tượng này cũng xảy ra trong trường hợp thể vía. Chẳng hạn như, khi thể vía bị xáo trộn bởi một xúc động đột ngột thì mọi vật chất của nó đều bị cản quét dưng như thể chịu một cơn bão dữ dội sao cho nhất thời màu sắc đâm ra pha trộn vào nhau rất nhiều. Tuy nhiên giờ đây do tỉ trọng riêng của các loại vật chất khác nhau cho nên toàn bộ sự bài trí một lần nữa sẽ được phân bố vào những vùng quen thuộc. Ngay cả lúc bấy giờ thì vật chất cũng tuyệt nhiên không yên nghĩ vì các hạt lúc nào cũng chạy vòng vòng quanh những vùng này mặc dù tương đối hiếm khi rời bỏ vành đai của mình để xâm nhập vào vành đai khác. Chuyển động trong nội bộ vùng của riêng mình là hoàn toàn lành mạnh; thật vậy, người nào không có sự lưu thông trong nội bộ vùng thì là một loài giáp xác về trí tuệ không thể tăng trưởng được chừng nào còn chưa phá vỡ lớp vỏ cứng. Hoạt động của vật chất trong bất kỳ vùng đặc thù nào đều gia tăng tỉ lệ với số lượng tư tưởng dành cho đề tài được nó biểu hiện.

Những sự xáo trộn trong thể trí cũng giống như những xáo trộn trong thể vía và cũng có hậu quả tai hại. Vậy là, nếu một người để cho mình lo lắng thái quá về một vấn đề nào

đó, trở về nó trong tâm trí mà không đạt được bất kỳ kết luận nào thì y đã tạo ra một loại bảo tố trong thể trí của mình; có lẽ ta sẽ mô tả hay hơn đó là một vết lở loét trong thể trí giống như chỗ da bị cạ vào gây kích ứng.

Một người ưa cãi lý có thể trí ở tình trạng thường xuyên bị viêm và tình trạng viêm ấy có lẽ chỉ cần bị khiêu khích một chút là bất cứ lúc nào cũng bùng nổ ra thành một vết loét thực sự. Đối với một người như thế thì chẳng có hy vọng đạt được bất cứ loại tiến bộ huyền bí nào khi y chưa đạt được mức thăng bằng và dùng óc phân biệt phải trái bình thường để đối trị với tình trạng bệnh hoạn của mình.

Nếu một người để cho tư tưởng của mình về bất cứ đề tài cho sẵn nào bị ngưng trệ thì sự ngưng trệ ấy sẽ được mô phỏng lại trong vật chất thích hợp với đề tài ấy. Do vậy, khi để cho tư tưởng mình về đề tài ấy được xác lập và củng cố thì một sự nghẽn mạch sẽ xảy ra xuất hiện dưới dạng một thành kiến. Một xoáy lốc nhỏ được tạo thành trong đó vật chất thể trí chạy vòng vòng quanh nó cho đến khi nó ngưng kết lại trở thành một loại mụn cóc. Nếu cái mụn cóc này không bị tiêu mòn hoặc mạnh mẽ nhỏ bật rữa nó đi thì con người không thể sử dụng được cái bộ phận đặc thù này trong thể trí của mình và không thể suy tư hợp lý về đề tài ấy. Cái khối ung thối dày cui lên ấy ngăn chặn mọi sự di chuyển tự do từ trong ra ngoài hoặc từ ngoài vào trong; một đàng nó ngăn cản y không nhìn thấy được chính xác, không tiếp nhận được bất kỳ ấn tượng mới mẻ đáng tin cậy nào về đề tài hữu quan, mặt khác nó ngăn cản y phóng ra bất kỳ tư tưởng rõ rệt nào liên quan tới đề tài ấy.

Tiếc thay những trung tâm bệnh hoạn này trong thể trí cũng là những trung tâm truyền nhiễm; vì vậy, việc không nhìn thấy rõ ràng sẽ gia tăng và lan tràn. Như vậy, sự ngưng trệ ở một bộ phận của thể trí rất có thể cũng gây ra sự ngưng trệ ở những bộ phận khác. Điều này khiến cho nếu một người có thành kiến về một đề tài nào đó thì chẳng bao lâu sau có lẽ y cũng phát triển những thành kiến về các đề tài khác vì dòng lưu chuyển lành mạnh của chất trí tuệ đã bị kiểm soát và thói quen không trung thực đã được tạo lập.

Thành kiến tôn giáo là thành kiến thông thường nhất và nghiêm trọng nhất, nó hoàn toàn ngăn cản bất kỳ khảo hướng nào về tư tưởng hợp lý đối với đề tài ấy. Rất nhiều người có toàn thể bộ phận thể trí lẽ ra dành cho những đề tài tôn giáo thì lại bị những mụn cóc bao phủ làm cho nó không hoạt động và bị cốt hóa sao cho ngay cả quan niệm sơ cấp nhất về thực chất của tôn giáo họ cũng vẫn hoàn toàn không đạt được cho đến khi một sự đột biến gây thảm họa xảy ra.

Nói chung, ta có thể lập lại rằng, nơi mọi người ưu tú nhất thuộc các giống dân tiên tiến ngày nay, thể xác đã phát triển hoàn toàn và được kiểm soát đúng mức, thể vía cũng đã phát triển hoàn toàn nhưng tuyệt nhiên chưa được kiểm soát tốt đẹp. Thể trí đang trong quá trình tiến hóa nhưng cho đến nay sự tăng trưởng của nó còn lâu mới hoàn tất. Người ta còn phải đi tới nữa dài dài trước khi toàn bộ ba thể này hoàn toàn tuân phục linh hồn. Khi điều đó xảy ra thì phạm ngã sẽ được hấp thu vào Chơn ngã và Chơn ngã tức linh hồn sẽ chiếm ưu thế nơi con người. Ở một người như thế thì các hạ thể khác nhau của y không còn xung đột với nhau nữa, mặc dù y vẫn chưa toàn bích thể nhưng các hiện thể khác nhau của y cho đến nay đã được hài hòa đến mức chúng chỉ còn nhắm vào một mục tiêu duy nhất.

CHƯƠNG VI KĀMA-MANAS TỨC DỤC VỌNG TRÍ TUỆ

Trong quyển *Thế Vía* trang 23 tới 25, ta có xét tới Kama tức dục vọng và từ trang 26 tới 29 ta bàn tới Kama-Manas tức sự cấu kết giữa dục vọng với trí tuệ. Trong quyển sách này, ta lại phải bàn tới Kama-Manas coi như đương nhiên có nhiều điều đã được nói tới trong quyển *Thế Vía* liên quan đến Kama và hạn chế chính yếu vào khía cạnh Manas của đề tài này.

Ta hãy ôn lại ngắn gọn điều đã trình bày trong quyển *Thế Vía*: Kama là sự sống biểu lộ qua thể vía, thuộc tính đặc trưng của nó là xúc cảm, nó bao gồm những thèm khát đầy thú tính, nhưng đam mê và ham muốn, nó là cả “con khi lẫn con cọp” nơi chúng ta tìm đủ mọi cơ hội để ràng buộc ta vào trần thế. Kama tức Dục vọng là khía cạnh thấp được phản chiếu của Atma tức Ý chí.

Kama có khi được dùng theo nghĩa hẹp để ám chỉ chẳng điều gì khác hơn là lòng ham muốn thô tục thỏa mãn năm giác quan; tuy nhiên nó có nghĩa là mọi ham muốn và ham muốn là khía cạnh hướng ngoại của tình thương, ham mê những sự vật trong ba cõi, tình thương theo đúng nghĩa là mến thương sự sống hoặc mến thương đáng thiêng liêng vốn thuộc về Chơn ngã tức Tự ngã hướng nội.

Trong Kinh *Rig Phệ đà* (X,1,2.9), Kama là sự nhân cách hóa của cái xúc cảm mang lại sự sáng tạo và thôi thúc sự sáng tạo. Nó có bản thể là lòng ham muốn tồn tại chủ động trong cõi hữu tình, tồn tại với cảm giác linh hoạt, sự sôi nổi vui đập của cuộc sống đam mê. Như vậy, đối với cá thể cũng như đối với Càn khôn, Kama trở thành nguyên động lực của sự luân hồi và khi Dục thiêng liêng biến dị thành ái dục thì những thứ ấy sẽ xiềng xích Chủ thể tư duy vào cõi trần, lôi kéo y trở lại tái sinh hết lần này sang lần khác.

Ở phương Đông, lòng ham muốn hoặc khao khát bắt buộc con người phải nhập thế được gọi là Trishna tức Ái (tiếng Nam phạn là Tanha), việc thực hiện hoặc hoàn thành Trishna được gọi là Upadana tức Thủ.

Manas có từ nguyên tiếng Bắc phạn là Man, nghĩa là gốc của động từ này là suy nghĩ; đó là Chủ thể Tư duy nơi chúng ta mà Tây phương gọi mơ hồ là tâm trí. Manas là Chơn ngã bất tử.

Tuy nhiên, Manas tức Chủ thể Tư duy bản thân là một thực thể thiêng liêng sống trên cõi Thượng trí tức cõi Nguyên nhân, cho nên không tiếp xúc được với các cõi thấp; vì vậy nó phóng chiếu ra khỏi bản thân cái được gọi bằng nhiều tên khác nhau là một phản chiếu, một hình bóng, một tia v.v... của mình tức Hạ trí.

Chính Tia này tác động vào và tác động nơi bộ óc, biểu lộ qua bộ óc những quyền năng của trí tuệ mà bộ óc ấy có thể diễn dịch được nhờ vào cấu hình và những phẩm tính các thể khác. Tia này làm rung động các phân tử trong tế bào thần kinh của bộ óc, vậy là phát sinh ra ý thức trên cõi trần.

Hạ trí bị chìm đắm trong tứ nguyên bao gồm:

- Kama tức ham muốn
- Prana tức sinh khí
- Thế Phách
- Thế Xác

Ta có thể coi như hạ trí thò một bàn tay ra nắm lấy Kama trong khi bàn tay kia vẫn ôm khư khư lấy cha của mình là Thượng trí.

Trong buổi sinh thời trên trần thế, Kama và hạ trí đi kè kè với nhau và thường được gọi là Kama-Manas. Như ta thấy Kama cung cấp những yếu tố đam mê đầy thú tính, còn hạ trí thuần lý hóa những thứ nêu trên bằng cách thêm vào những năng lực trí thức. Hai thứ Kama và Manas xoắn xít mật thiết với nhau trong buổi sinh thời đến nỗi chúng hiếm khi hành động riêng rẽ bởi vì hiếm có một tư tưởng nào mà không chịu ảnh hưởng của ham muốn. Kama-Manas không phải là một nguyên khí mới mẻ mà chỉ là sự xoắn xít của bộ phận thấp của Manas với Kama. Kama-Manas nghĩa là manas đi kèm theo ham muốn, đã được mô tả rất hay là manas quan tâm tới những sự vật ngoại giới.

Tác động của hạ trí nơi con người biểu lộ thành năng lực trí tuệ, sức mạnh trí thức, sự nhạy bén, tinh tế; chúng bao gồm sự so sánh, lý luận, phán đoán, tưởng tượng và những năng khiếu trí tuệ khác. Những năng khiếu này có thể đến với ta dưới dạng cái thường được gọi là thiên tài; nhưng H. P. Blavasky gọi nó là “thiên tài nhân tạo” là hệ quả của sự trau dồi và sự bén nhạy thuần túy trí thức.

Cái ta thường gọi là tâm trí hoặc trí năng thì H. P. Blavasky gọi là “một sự phản chiếu lơ mờ và rất thường khi bị méo mó của chính manas”. Bản chất thật sự của điều này thường được mô tả qua sự hiện diện của yếu tố Kama trong đó, chẳng hạn như đam mê, hiếu danh, ghen ghét.

Thiên tài chân chính cốt ở việc Thượng trí chớp lóe lên thâm nhập vào tâm thức hạ đẳng. trong *Bindopanishat* có dạy rằng: “Quả thật Manas được coi là có hai phần, thanh khiết và không thanh khiết; phần không thanh khiết do ham muốn chi phối, phần thanh khiết không bị ham muốn chi phối”.

Thiên tài vốn thấu hiểu thay vì ưa cãi lý, do đó thuộc về Thượng trí tức Chơn ngã; một trong những năng khiếu của nó là trực giác chân chính. Lý trí là quá trình cân nhắc, cân đong đo đếm, bỏ trí những sự kiện do việc quan sát thu thập được, bù trừ chúng với nhau, lập luận dựa vào chúng rồi rút ra kết luận từ chúng: đây chính là việc vận dụng hạ trí thông qua công cụ là bộ óc; khí cụ của nó là việc suy luận hợp lý, bằng phép qui nạp, nó vút lên từ cái đã biết tới cái chưa biết để xây dựng một giả thuyết; bằng phép suy diễn, nó lại từ cái chưa biết giáng xuống cái đã biết, kiểm chứng giả thuyết bằng cuộc thí nghiệm mới.

Trong cơ chế của phép lý luận thông thường và những tia chớp đặc thù của tâm thức mà ta gọi là thiên tài cũng có sự khác nhau. Lý luận xuống tới bộ óc lần lượt thông qua các cảnh của các cõi hạ trí và cõi trung giới từng bước một; nhưng thiên tài là do tâm thức tuôn xuống chỉ qua các cảnh nguyên tử thôi nghĩa là đi xuyên qua cảnh nguyên tử của cõi trung giới và cảnh nguyên tử của cõi hồng trần.

Lý luận vốn là quan năng của óc phàm, hoàn toàn tùy thuộc vào bằng chứng của năm giác quan cho nên không thể có phẩm chất trực tiếp thuộc về tinh thần thiêng liêng nơi con người. Tinh thần thiêng liêng vốn *biết hết* vì thế cho nên mọi phép lý luận (hàm ý là bàn luận và cãi lý) đều vô ích. Tinh thần hoặc Chơn ngã ngó lơ qua lương tâm vốn là việc nhận thức ngay tức khắc đâu là đúng, đâu là sai. Vì thế cho nên mới có sự tiên tri và tiên đoán cùng với cái gọi là sự linh hứng vốn chỉ là hệ quả của sự soi sáng từ bên trên do tinh thần bắt từ của chính con người. [Ta sẽ xét thêm nữa khía cạnh này của đề tài ở Chương XXXI]

Kama-Manas là phàm ngã của con người; trong bộ *Vén màn Bí mật Nữ thần Isis* nó được gọi là “anh hồn” (astral soul), nó chính là hạ trí mang lại một chút cá tính khiến cho phàm nhơn nhận thức mình là cái tôi. Nó trở nên có trí năng, nó nhận thấy mình là riêng rẽ với mọi bản ngã khác; vì bị si mê với cái sự riêng rẽ mà mình cảm nhận được, nó không ngộ ra được tính nhất như vượt ngoài tầm nó cảm nhận được.

Hạ trí bị lôi cuốn bởi các cơn xúc động, đam mê và ham muốn của Kama ắt bị mọi sự việc vật chất thu hút, nó bị những cơn bão với những tiếng nói ồn ào làm mù quáng và điếc đặc khi bị đắm chìm vào đó, nó thường quên mất cái sự vinh quang thanh khiết và thanh thản của quê cha đất tổ cho nên mới lao mình vào chốn bụi trần vốn mang lại sự mê mẩn nhưng không có sự an bình. Chính hạ trí đóng góp sự hoạn lạc cuối cùng cho các giác quan cũng như bản chất thú tính vì không thể có đam mê nếu không có trí nhớ hoặc sự tiên liệu, không thể có sự ngắt ngảy mê mẩn nếu không có cái lực êm ái của óc tưởng tượng và những sắc thái tinh vi của mơ mộng và hoang tưởng.

Như vậy, Kama đã buộc chặt hạ trí vào trần thế. Chừng nào ta còn hành động với mục đích để đạt được sự yêu thương, công nhận, quyền lực hoặc danh vọng (cho dù tham vọng ấy lớn đến đâu đi nữa, lòng nhân từ ấy nhìn xa trông rộng đến đâu đi nữa, thành tích ấy cao vời vợi đến đâu đi nữa) thì Manas vẫn còn bị Kama làm ô nhiễm chứ không thuần khiết như ở cội nguồn.

Kama và Manas tác động rồi phản động lên nhau, cái này kích động và kích thích cái kia. Cái trí không ngừng bị ham muốn thôi thúc để biến thành kẻ thường xuyên quản trị sự khoái lạc. Điều gì mang lại khoái lạc đều được cái trí săn đuổi, nó luôn luôn tìm cách phô bày ra những hình ảnh mang lại khoái lạc rồi loại bỏ những hình ảnh gây ra đau khổ. Những năng khiếu trí tuệ cung cấp thêm cho các đam mê đầy thú tính một sức mạnh và phẩm chất nào đó không hiển hiện nơi chúng khi chúng thể hiện những phẩm chất thuần túy thú tính. Đó là vì các ấn tượng đối với thể trí vốn trường cửu hơn các ấn tượng đối với thể vía, và thể trí thường xuyên mô phỏng lại chúng nhờ vào trí nhớ và óc tưởng tượng. Thế là thể trí lại kích động thể vía, kêu gọi nơi nó những ham muốn vốn đang thiu thiu ngủ trong một con thú cho đến khi một kích thích từ ngoại giới đánh thức nó dậy. Vì thế cho nên ta thấy người chậm tiến vẫn kiên trì theo đuổi sự thỏa mãn giác quan mà ta chưa bao giờ thấy có nơi những con thú cấp thấp, chúng vốn xa lạ với sự tham dục, độc ác, óc tính toán. Như vậy, quyền năng của thể trí bị nô lệ cho việc phục vụ các giác quan, biến con người thành một con thú đã man và nguy hiểm hơn nhiều so với bất kỳ con thú nào khác.

Vai trò mà Tinh linh Dục vọng (nghĩa là sự sống theo bản năng của thể vía) nắm giữ trong việc câu kết Manas với Kama đã được miêu tả đầy đủ trong quyển *Thể Vía* trang 77-78, 108, 111 và 207 tới 228, đề nghị học viên tham khảo những trang ấy.

Thể Vía và thể Trí của con người xoắn xít mật thiết với nhau đến nỗi người ta thường bảo chúng hành động như một thể đơn nhất. Thật vậy, trong phép phân loại của phái Vedanta, cả hai đều xếp loại cùng nhau thành một thể duy nhất như sau:

Thể Bồ đề	Amadamayskosha
Thể Nguyên nhân	Vignanamayakosha
Thể Trí	Manomayakosha
Thể Vía	
Thể Phách	
Xác phàm	Annamayakosha

Học viên nên nhớ rằng các trung tâm cảm giác vốn ở nơi Kama; vì thế cho nên trong Munda Kopanishat (III,9) mới nói rằng “Cơ quan suy tư của mọi tạo vật đều bị các giác quan thẩm nhuận”. Điều này nhấn mạnh tới tác động kép của Manomayakosha, nó vốn là cơ quan suy tư nhưng cũng bị “thẩm nhuận bởi các giác quan”.

Ở đây, chúng ta có thể nhận thấy sự tương quan giữa Kama-Manas với các loa tuyến của nguyên tử. Trong Cuộc tuần hoàn thứ Nhất của Dây Hành tinh Trái đất, tập hợp loa tuyến đầu tiên của các cực vi tử hồng trần được sự sống của Chơn thần làm linh hoạt; tập hợp này được sử dụng do các dòng prana (sinh khí) ảnh hưởng tới xác phàm.

Trong Cuộc tuần hoàn thứ Nhì, tập hợp loa tuyến thứ nhì trở nên linh hoạt, prana liên quan tới thể vía chu lưu qua đó, vậy là khiến cho nó có sự nhạy cảm.

Trong Cuộc tuần hoàn thứ Tư, tập hợp loa tuyến thứ tư trở nên linh hoạt, prana của Kama-manas lưu chuyển qua đó, vậy là khiến cho chúng thích hợp để được sử dụng cho một bộ óc phải đóng vai trò công cụ của tư tưởng.

Một vài phép thực hành Yoga có thể làm linh hoạt các tập hợp loa tuyến khác để sử dụng cho tâm thức cao cấp trong trường hợp những người chuẩn bị nhập vào Thánh đạo.

Theo lộ trình tiến hóa bình thường thì mỗi Cuộc tuần hoàn sẽ phát triển một tập hợp loa tuyến mới sao cho vào Cuộc tuần hoàn thứ Bảy toàn bộ bảy loa tuyến đều linh hoạt. Vì thế cho nên người nào sống vào Cuộc tuần hoàn ấy ắt thấy mình dễ đáp ứng hơn hẳn so với người thời nay đối với những sự việc nội giới và dễ sinh hoạt theo đời sống cao siêu.

Theo lộ trình của mỗi kiếp nhập thế, manas có thể thực hiện một trong ba điều: (1)– nó có thể vút lên tới tận cội nguồn bằng cách không ngừng nỗ lực, không mệt mỏi để hợp nhất với “Cha trên trời” nghĩa là Thượng trí; (2)- nó có thể một phần thì hướng thượng một phần thì hướng hạ; quả thật đây là hầu hết trường hợp của kẻ phàm phu; (3)- nó có thể bị vướng víu với các yếu tố kama đến nỗi đồng nhất hóa luôn với chúng để rồi bắt buộc phải chia lìa với cha mình rồi chịu chết.

Bất cứ khi nào hạ trí có thể nhất thời ly khai với kama thì nó đều trở thành kẻ dẫn đường cho những năng khiếu trí tuệ cao siêu nhất và trở thành cơ quan tự do ý chí nơi phàm nhân. Muốn có được tự do ấy thì phải chinh phục và khống chế được kama.

Tự do ý chí vốn ở nơi manas, do manas mới có cảm giác tự do, ý thức được việc ta có thể làm chủ bản thân, bản chất cao thượng có thể điều khiển được bản chất thấp hèn cho dù bản chất thấp hèn có thể vùng vằng chống đối, nổi loạn đến đâu đi chẳng nữa. Ngay khi tâm thức đồng nhất hóa mình với manas thay vì kama thì bản chất thấp hèn trở thành một con thú mà tâm thức cao siêu có thể cưỡi trên đó chứ không còn thấy mình là “cái tôi” nữa.

Như vậy, sự khác nhau giữa một người có ý chí mạnh mẽ và một người có ý chí bạc nhược là ở chỗ kẻ có ý chí bạc nhược bị kích động từ bên ngoài do lực hút và đẩy của ngoại giới dưới dạng ham muốn, nghĩa là “Ý chí đã bị truất phế”; trong khi đó người có ý chí kiên cường chịu đựng cơ thúc đẩy từ bên trong dưới dạng Ý chí thuần túy, không ngừng làm chủ được hoàn cảnh ngoại giới bằng cách tác động những lực thích hợp lên ngoại cảnh theo sự chỉ đạo của kho chứa kinh nghiệm ngàn đời.

Hơn nữa, khi hạ trí được giải thoát khỏi kama thì nó càng ngày càng có thể truyền được xuống cho tâm thức hạ đẳng những xung lực mà nó nhận được từ thượng trí; thế là ta đã thấy rằng thiên tài lóe lên, ánh sáng từ chơn ngã tuôn vào bộ óc thông qua hạ trí. Ta có thể đoán chắc về điều này như sau: chừng nào ta còn ở trong vùng xoáy ốc của phàm ngã, chừng nào cơn bão lốc ham muốn và khao khát vẫn còn lòng lộn xung quanh ta, chừng nào các đợt sóng xúc động còn vùi dập ta thì chừng đó tiếng nói của thượng trí tức Chơn ngã không thể lọt vào tai ta. Huân lệnh của Chơn ngã không đến với ta trong hòa hoãn hoặc gió

xoáy, trong sấm chớp hoặc bão bùng mà chỉ đến với ta khi màn tịch lặng đã buông xuống, một sự tịch lặng mà ta có thể cảm nhận được chỉ khi nào chính không khí cũng bất động và sự yên bình ấy thật là sâu sắc, chỉ khi con người đã che mặt bằng một áo choàng bịt kín tai mình ngay cả với sự tịch lặng của trần thế, thì lúc bấy giờ tiếng nói còn êm ả hơn sự tịch lặng, tiếng nói của Chon ngã mới vang lên.

Cũng giống như mặt hồ không bị xao động phản chiếu mặt trăng và các ngôi sao, nhưng khi cơn gió hiu hiu thoảng qua làm nó xao xuyến thì nó chỉ cho ta những hình phản chiếu rời rạc; cũng vậy một con người khi làm cho tâm trí được kiên định, ham muốn được bình ổn thì đã áp đặt được sự tịch lặng lên những hoạt động của mình để mô phỏng được trong bản thân mình hình ảnh của Chon ngã. Ngay cả lúc bấy giờ thì tấm gương của người đệ tử mới phản chiếu được tâm trí của Sư phụ. Nhưng nếu tư tưởng của chính y vùng dậy, những ham muốn của chính y ngóc đầu lên thì ắt chỉ có những hình phản chiếu rời rạc, những ánh sáng nhảy múa chẳng nói cho y biết được điều gì.

Một Chon sư có dạy như sau: *“Chính trên bề mặt thanh thảo và bình thảo của tâm trí không xao động thì các linh ảnh thu thập được từ cõi vô hình mới tìm ra được một sự biểu diễn trong cõi hữu hình. Ta phải giữ gìn cho bình diện tâm trí của mình hết sức kỹ lưỡng tránh khỏi mọi ảnh hưởng bất lợi vốn xuất lộ hằng ngày trong khi ta trải qua sinh hoạt trên trần thế”*.

Vốn là bộ phận của Trí tuệ Vũ trụ, Chon ngã toàn tri vô điều kiện trên cõi của riêng mình, nhưng nó chỉ toàn tri tiềm tàng nơi các cõi thấp vì nó phải hoạt động thông qua phạm ngã. Thể Nguyên nhân là hiện thể của mọi tri thức trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Chính từ cái suối nguồn này mà hạ trí tức bản sao của nó mới đôi khi thoáng thấy được những gì vượt ngoài tầm các giác quan của con người và truyền đạt chúng xuống cho một vài tế bào não, vậy là khiến cho người ấy trở thành một nhà thấu thị, một thầy bói và một nhà tiên tri.

Sự khai hoàn này chỉ có thể đạt được qua nhiều kiếp nhập thể liên tiếp, tất cả đều có tình hướng về cứu cánh ấy. Hết kiếp này sang kiếp khác, thể xác càng ngày càng được tinh hợp tinh vi với những rung động của các xung lực trí tuệ sao cho hạ trí càng ngày càng ít cần tới vật chất thô của cõi trung giới để làm hiện thể của mình. Đó là một phần sứ mệnh của “tia” manas nghĩa là hạ trí, nó dần dần phải dứt bỏ “yếu tố mù quáng gây lừa gạt” (kama) vốn khiến nó tiếp xúc mật thiết xiết bao với vật chất đến nỗi che khuất hoàn toàn bản chất thiêng liêng của nó và làm cùn nhụt trực giác của mình.

Cuối cùng khi đã làm chủ được kama, khiến cho thể xác hưởng ứng với manas thì hạ trí bèn hợp nhất với cõi nguồn của mình là Thượng trí; theo thuật ngữ của Kitô giáo thì đây chính là việc “Cha trên Trời” hiệp nhất với “Con” nơi mọi cõi vì cả hai luôn luôn hiệp nhất trên “trời”. Đây dĩ nhiên là một giai đoạn tiến hóa rất cao của bậc Thánh sư và ngài không còn cần phải nhập thể nữa mặc dù việc này có thể được tự nguyện đảm nhận.

Vì thế cho nên mới có phát biểu hào hùng trong Mundakopanishat: “Cơ quan suy tư vốn bị các giác quan thẩm nhuận; khi cơ quan ấy được tẩy trừ thì Atma sẽ biểu lộ”.

Đối với hầu hết mọi người thì hạ trí một phần hướng thượng và một phần hướng hạ. Kinh nghiệm bình thường của một kẻ phàm phu cho thấy cuộc đời là một bãi chiến trường, manas không ngừng vật lộn với kama, đôi khi đạo tâm chiến thắng bề gãy xiềng xích của giác quan và hạ trí bay vút lên cao; có khi kama lại chiến thắng và xiềng xích hạ trí xuống trần tục.

Như ta có nêu rõ ở Chương IV, đối với hầu hết mọi người thì trung tâm ý thức dường như được đặt nơi Kama-manas, nhưng người đã phát triển có văn hóa cao hơn đang được

bắt đầu dùng lý trí để chi phối ham muốn, nghĩa là trung tâm ý thức đang dần dần chuyển từ cảnh cao của cõi trung giới lên cõi hạ trí. Khi con người tiến bộ thì nó lại chuyển lên cao hơn nữa cho đến khi con người bị nguyên tắc chi phối hơn là bị quyền lợi và ham muốn chi phối.

Ấy là vì rốt cuộc thì trí năng con người đòi hỏi là môi trường xung quanh của y cả về sự sống lẫn vật chất đều phải có thể hiểu được; tâm trí của y đòi hỏi sự trật tự, thuần lý, giải thích hợp lý. Nó không thể sống trong sự hỗn độn mà không bị đau khổ; nó phải biết và hiểu nếu nó muốn tồn tại an bình.

Trong những trường hợp cực đoan, hạ trí đâm ra câu kết không tháo gỡ được với kama đến nỗi mỗi liên kết mỏng manh nối liền thượng trí với hạ trí (ngân quang tuyến nối liền nó với Su phụ) bị đứt ra làm đôi.

Bây giờ, ngay cả trong khi sinh hoạt trên trần thế, bản chất cao thượng cũng hoàn toàn bị tách rời khỏi bản chất thấp hèn, con người bị xé ra làm đôi, con thú đã xông chuồng không thoát khỏi vòng cương tỏa đem theo mình tia phản ánh của manas vốn đã chỉ đạo nó suốt cuộc đời. Một sinh linh như thế mang xác người nhưng bản chất là thú có thể đôi khi ta gặp phải khi trà trộn trong nhân quần, nó đã thối rữa ngay từ khi còn sống, một chuyện mà ta chỉ có nước nhúng vai chào thua cho dẫu có chút lòng thương hại.

Sau khi thể xác đã chết thì thể vía của sinh linh ấy là một thực thể có sức mạnh khủng khiếp mà ta gọi là Âm ma, nó đã được mô tả trong quyển *Thể Vía* trang 144, 145.

Theo quan điểm của Chon ngã thì nó không gặt hái được kinh nghiệm ích lợi nào từ phạm ngã ấy, cái “tia” đã chẳng mang lại được điều gì, cuộc sống nơi hạ giới hoàn toàn thất bại.

Trong quyển *Tiếng Nói Vô Thinh* có huấn lệnh sau đây: “Đừng để cho cái “trời sinh” của con hòa lẫn vào biển Hảo huyền, chia lìa với Cha vũ trụ (Linh hồn) mà hãy để cho quyền năng bốc lửa triệt thoái vào phòng ở bên trong nhất của tâm hồn, và nơi chốn của Mẹ thể gian”. Cái “Trời sinh” chính là Chitta, hạ trí, nó sinh ra từ linh hồn ở bên trên, khi manas trở nên lưỡng thể trong lúc nhập thể. Các cửa của Atma, Buddhi, Manas được tiêu biểu là trời, còn các cõi của phạm ngã được gọi là đất.

Chính sự hiện diện nơi con người cái “trời sinh” mới mang lại cho y một sự tự do nào đó và vì y có sự tự do cùng với việc có quyền đi theo con đường của riêng mình cho nên cuộc sống của y thường mất trật tự hơn, ít điều độ hơn cuộc sống của các giới hạ đẳng thuộc thiên nhiên ngoại giới.

Ngay cả đối với hầu hết mọi người thì một số chất trí tuệ cũng bị vướng mắc với chất trung giới đến nỗi nó không hoàn toàn giải thoát được sau khi chết. Kết quả là kama và manas đấu tranh với nhau, do đó một bộ phận của chất hạ trí, thậm chí của chất thượng trí cũng bị giữ lại trong thể vía sau khi Chon ngã đã hoàn toàn chia tay với nó.

Mặt khác, nếu trong buổi sinh thời người ta đã hoàn toàn chinh phục được những ham muốn thấp hèn và thành công trong việc hoàn toàn giải thoát hạ trí khỏi ham muốn thì hầu như không có sự phấn đấu nào, Chon ngã chẳng những có thể rút lại được tất cả những gì mình đã đầu tư trong kiếp đặc thù ấy mà còn thu được “tiền lời”, nghĩa là những kinh nghiệm, năng khiếu v.v... đã thụ đắc được.

CHƯƠNG VII CÁC LÀN SÓNG TƯ TƯỞNG

Khi con người sử dụng thể trí của mình nghĩa là khi y suy nghĩ thì một rung động được lập nên trong thể trí và rung động này tạo ra hai kết quả riêng biệt. Kết quả thứ nhất là bức xạ ra các rung động hoặc làn sóng; ta sẽ bàn tới những thứ ấy ở chương này và dành kết quả thứ nhì (việc tạo ra các hình tư tưởng) để bàn ở chương sau.

Cũng giống như mọi rung động khác, một rung động trong thể trí có khuynh hướng truyền ra vật chất xung quanh vốn có thể tiếp nhận được nó giống hệt như rung động của một cái chuông được truyền ra cho không khí xung quanh. Bởi vì bầu hào quang xung quanh chứa đầy chất trí tuệ vốn hưởng ứng rất dễ dàng với những xung lực như thế, cho nên một loại làn sóng lẫn tẩn được tạo ra đó là một loại vô rung động được tạo thành nơi vật chất của cõi ấy rồi lan tỏa ra không gian xung quanh y hệt như việc thả một hòn đá vào một ao nước tạo ra những đợt sóng lẫn tẩn bức xạ từ tâm chấn động tác động lên mặt nước theo mọi hướng.

Trong trường hợp một xung lực trí tuệ thì bức xạ không chỉ là một mặt phẳng mà là trong nhiều chiều đo giống như bức xạ từ mặt trời hoặc từ một ngọn đèn.

Các tia phóng ra theo mọi hướng tuyệt nhiên không giao thoa với nhau cũng giống như các tia sáng trên cõi trần.

Hơn nữa, hình cầu rung động đang bành trướng ra có nhiều màu trong suốt nhưng màu sắc lợt lạt đi khi nó được truyền ra xa.

Như ta có nói, rung động của thể trí có khuynh hướng được mô phỏng lại bất cứ ở đâu khi có cơ hội. Vì vậy, bất cứ khi nào làn sóng tư tưởng đập vào thể trí không thì nó sẽ có khuynh hướng lập lại những rung động giống như rung động khai sinh ra nó lúc ban đầu. Điều này có nghĩa là khi thể trí của con người bị một làn sóng tư tưởng đập vào thì trong tâm trí y chợt nổi lên khuynh hướng tạo ra một tư tưởng giống như tư tưởng trước kia đã từng xuất hiện trong tâm trí của người phát khởi ra làn sóng tư tưởng ấy.

Làn sóng tư tưởng suy yếu đi tỉ lệ với khoảng cách tính tới nguồn phát mặc dù có lẽ sự biến thiên ấy tỉ lệ với lũy thừa ba khoảng cách thay vì bình phương khoảng cách vì có thêm chiều đo. Tuy nhiên, những rung động trí tuệ này suy giảm cường độ chậm hơn nhiều so với các rung động trong chất hồng trần và dường như chỉ kiệt quệ hoặc ít ra suy yếu đến nỗi không cảm nhận được chỉ ở một khoảng cách rất xa so với nguồn phát.

Khoảng cách mà làn sóng tư tưởng xâm nhập tới được, cường độ và sức dai dẳng mà nó tác động lên thể trí của những người khác còn tùy thuộc vào sức mạnh và sự rõ ràng của tư tưởng nguyên thủy. Như vậy, một tư tưởng mạnh mẽ sẽ đi xa hơn một tư tưởng yếu đuối và chập chờn, nhưng tính minh bạch và xác định thậm chí còn quan trọng hơn cường độ nữa.

Những yếu tố khác ảnh hưởng tới khoảng cách bức xạ của làn sóng tư tưởng, đó là bản chất của nó và sự chống đối mà nó gặp phải. Vậy là những làn sóng thuộc các loại vật chất trung giới cấp thấp chẳng bao lâu sau thường bị lệch hướng hoặc bị đè bẹp bởi vô số rung động khác ở cùng mức cũng giống như âm thanh bị chìm lĩm giữa tiếng ồn ào náo nhiệt của đô thị.

Chính vì thế mà tư tưởng thường thường qui ngã của kẻ phạm phu vốn khởi sự từ cõi thấp nhất trên cõi trí tuệ và ngay tức khắc tuột xuống cảnh thấp nhất trên cõi trung giới ắt tương đối vô hiệu lực. Sức mạnh của nó nơi cả hai cõi đều bị hạn chế bởi vì cho dù nó có mãnh liệt đến đâu đi nữa thì xung quanh nó cũng có một biển bao la làn sóng tư tưởng giống

như vậy đến nỗi các làn sóng của nó tất yếu bị chìm lĩm và nuốt chửng vào đám hỗn quân hỗn quan ấy.

Mặt khác, một tư tưởng được sản sinh ra ở cảnh cao có một môi trường trong sáng hơn nhiều để tác động bởi vì hiện nay số tư tưởng tạo ra những làn sóng như thế rất ít. Thật vậy, tư tưởng Thông Thiên Học hầu như là một lớp tư tưởng độc lập theo quan điểm này.

Dĩ nhiên cũng có những người mộ đạo khác có tư tưởng rất cao siêu nhưng chưa bao giờ chính xác và xác định như thế. Ngay cả tư tưởng khoa học cũng hiếm bao giờ được xếp vào cùng loại với tư tưởng Thông Thiên Học, khiến cho thực tế là tư tưởng Thông Thiên Học có một môi trường trong sáng trong cõi trí tuệ.

Tư tưởng Thông Thiên Học giống như một âm thanh trong một vùng im lặng rộng lớn; nó phát động một mức vật chất trí tuệ cho đến nay hiếm khi được sử dụng, những bức xạ mà nó gây ra tác động lên thể trí của kẻ phạm phu ở một điểm vẫn còn đang im ngủ. Vì thế, nó có khuynh hướng khơi hoạt một bộ phận mới tinh của bộ máy tư tưởng.

Dĩ nhiên, một làn sóng như thế không nhất thiết truyền đạt tư tưởng Thông Thiên Học cho những người chẳng biết gì về nó; nhưng khi khơi hoạt bộ phận cao của thể trí, nó có khuynh hướng nâng cao và giải thoát tư tưởng của con người nói chung theo bất cứ đường lối nào mà tư tưởng của người ấy có thói quen sinh hoạt.

Cố nhiên là có vô số loại tư tưởng, nếu tư tưởng mà hoàn toàn đơn thuần thì trong thể trí chỉ có một nhịp độ rung động và vì vậy chỉ có một loại vật chất trí tuệ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ. Như ta thấy, thể trí bao gồm vật chất thuộc bốn cảnh thấp của cõi trí tuệ.

Nếu một người đã dấn sâu vào một đường lối tư duy nào khác thì một làn sóng tư tưởng mạnh mẽ vẫn có thể quét ngang qua y mà không gây ảnh hưởng gì hết, cũng giống hệt như một người đang bận tâm kinh doanh hoặc giải trí khoái lạc ắt không nghe được tiếng nói của người khác đang thốt lên.

Tuy nhiên, vì đa số người ta không suy nghĩ dứt khoát hoặc mạnh mẽ trừ khi việc ngay tức khắc thừa hành một phần việc nào đó đòi hỏi họ đặt hết chú tâm vào đấy, cho nên vào những lúc khác họ rất có thể chịu ảnh hưởng đáng kể những tư tưởng tác động vào mình. Vì thế, bất cứ ai suy nghĩ đều có trách nhiệm lớn lao bởi vì tư tưởng của y (nhất là nếu nó mạnh mẽ và trong sáng) tất yếu sẽ ảnh hưởng tới đa số những người khác.

Cũng chẳng ngoa ngoặc khi bảo rằng người nào cứ áp ủ những tư tưởng gian tà hoặc không trong sạch thì như vậy truyền nhiễm về mặt luân lý cho những đồng loại. Nên nhớ rằng, đa số mọi người đều có bên trong mình những mầm gian tà ẩn tàng, mầm mống này có thể chưa bao giờ đâm hoa kết trái nếu không có một lực nào đó từ bên ngoài tác động vào chúng và kích động chúng; làn sóng tư tưởng do một tư tưởng không thánh thiện hoặc không trong sạch phóng ra có thể chính là yếu tố kích hoạt mầm mống ấy khiến cho nó bắt đầu tăng trưởng. Thế là một tư tưởng như vậy có thể xô đẩy một linh hồn bước vào một đời sinh hoạt hướng hạ. Người ấy lại bằng cách như thế ảnh hưởng tới nhiều người khác nữa khiến cho điều gian tà ấy lan tràn, mọc nhánh qua đủ thứ phương hướng. Nhiều điều tai hại thường xuyên được tạo ra theo kiểu này và mặc dù nó được thực hiện một cách vô ý thức, thế nhưng kẻ thủ ác vẫn chịu trách nhiệm về điều mình đã làm xét theo nghiệp báo.

Dĩ nhiên, cũng đúng là một tư tưởng thiện lành có thể ảnh hưởng tới những người khác một cách tốt đẹp tương tự. Vì thế, một người thực hiện điều ấy có thể biến mình thành một mặt trời chân chính thường xuyên bức xạ ra những tư tưởng yêu thương, bình tĩnh và an ổn v.v... cho mọi người bạn và những người xung quanh. Rất ít người ngộ ra được họ có thể vận dụng một sức mạnh lớn lao đến dường ấy nếu họ tự nguyện làm qua quyền năng tư tưởng.

Thường xảy ra chuyện một người không thể giúp được người khác trên cõi trần; thật vậy, sự có mặt trên cõi trần của kẻ muốn giúp người khác thậm chí chỉ làm cho nạn nhân nổi giận; bộ óc phàm của nạn nhân có thể bị khép kín do những ám thị vì thành kiến hoặc lòng ngu tín về tôn giáo. Nhưng thể vía và thể trí của y dễ chịu ấn tượng hơn thể xác nhiều và ta luôn luôn có thể tiếp cận những thể này bằng một làn sóng tư tưởng trợ giúp yêu thương hoặc an ủi v.v...

Có nhiều trường hợp mà những người có hảo ý nhất trên thế giới cũng không làm gì được trên cõi trần; nhưng ta không tưởng tượng ra được trường hợp nào trên cõi trí tuệ hoặc cõi trung giới mà không thể được an ủi bằng một tư tưởng yêu thương, kiên định và tập trung.

Ta nên lưu ý rằng một làn sóng tư tưởng không truyền đạt một ý tưởng xác định hoàn toàn mà nói cho đúng hơn nó có khuynh hướng tạo ra một tư tưởng có tính cách giống như mình. Như vậy là chẳng hạn nếu tư tưởng thuộc loại sùng tín thì các rung động của nó sẽ kích động lòng sùng tín, nhưng đối tượng của sự sùng bái có thể khác nhau trong trường hợp mỗi người chịu tác động của làn sóng tư tưởng đối với thể trí của mình.

Như vậy, làn sóng tư tưởng hoặc rung động chỉ truyền đạt tính cách của tư tưởng chứ không truyền đạt đề tài tư tưởng. Nếu một người Ấn độ đang ngồi dờn kết lòng sùng tín cho đấng Krishna thì những làn sóng tư tưởng do y phóng ra kích động lòng sùng tín nơi mọi người nào chịu ảnh hưởng của nó, mặc dù trong trường hợp tín đồ Hồi giáo thì lòng sùng tín ấy dành cho thánh Allah, đối với tín đồ Bái hỏa giáo nó dành cho đấng Ahuramazda, còn đối với tín đồ Kitô giáo thì nó dành cho Chúa Giêsu.

Nếu làn sóng tư tưởng như thế tiếp xúc với một kẻ duy vật mà y mù tịt về chính ý tưởng sùng tín thì ngay lúc đó nó cũng tạo ra một tác dụng nâng cao với khuynh hướng kích hoạt một bộ phận cao trong thể trí của y bước vào một loại hoạt động nào đó, mặc dù nó không thể tạo ra một loại ba động mà người ấy hoàn toàn không quen thuộc.

Điều hoàn toàn quan trọng mà học viên nên lưu ý kỹ đó là: một người có thói quen suy tư bằng tư tưởng trong sạch, tốt lành và mạnh mẽ đều đang sử dụng bộ phận cao của thể trí vào mục đích ấy, đây là một bộ phận mà kẻ phàm phu tuyệt nhiên không sử dụng và hoàn toàn không phát triển nơi y. Vì vậy, một người như thế là một quyền năng hướng thiện trên thế giới và có ích lợi rất nhiều cho mọi người lân cận nào có thể đáp ứng với mình. Đó là vì những rung động mà y phóng ra có khuynh hướng khơi dậy một bộ phận mới mẻ và cao siêu trong thể trí, do đó hoàn toàn mở ra trước mắt họ những lĩnh vực tư tưởng mới mẻ.

Ta có thể xét vấn đề này thêm một chút nữa. Một người ngày nào cũng suy tư dứt khoát và cẩn thận thì chẳng những cải thiện được quyền năng tư duy của chính mình và phóng ra những làn sóng tư tưởng trợ giúp cho thế giới xung quanh, mà y còn có thể phát triển và cải tiến được chính vật chất trí tuệ nữa. Đó là vì số lượng tâm thức có thể đưa vào trong bộ óc rõ ràng là được xác định bởi mức độ mà các nguyên tử vật chất có thể hưởng ứng được, nghĩa là số loa tuyến đã được làm linh hoạt và khơi hoạt trong các nguyên tử. Thông thường thì nơi nguyên tử vật chất bình thường ở giai đoạn tiến hóa hiện nay chỉ có bốn trong số bảy loa tuyến đang hoạt động. Người nào có thể tư duy cao cấp ắt đang trợ giúp vào việc phát triển thêm loa tuyến nơi các nguyên tử, và khi những nguyên tử này liên tục nhập vào rồi lại xuất ra từ cơ thể y thì chúng có thể được hấp thụ và sử dụng bởi bất cứ người nào khác đủ khả năng. Như vậy, suy tư cao siêu trợ giúp cho tâm thức trên thế giới bằng cách cải thiện chính vật liệu của tư tưởng.

Vậy là có nhiều biến thể của vật chất trí tuệ và ta ắt thấy rằng mỗi biến thể đều có nhịp độ rung động riêng biệt thích đáng của mình mà nó quen thuộc nhất và dễ dàng đáp ứng

nhất. Dĩ nhiên, một tư tưởng phức hợp có thể ảnh hưởng tới nhiều biến thể của vật chất trí tuệ cùng một lúc.

Nguyên tắc chung làm nền tảng cho tác dụng của tư tưởng đối với thể trí (cũng như tác dụng của xúc cảm đối với thể vía) như ta đã thấy ở Chương III, đó là: các tư tưởng ích kỷ hoặc gian tà bao giờ cũng rung động tương đối chậm do có vật liệu thô hơn, còn những tư tưởng vị tha tốt lành rung động nhanh hơn vì chỉ tác động qua vật chất tinh vi hơn.

Quyền năng tư tưởng thống nhất của một số người bao giờ cũng lớn hơn hẳn so với tổng số tư tưởng riêng lẻ của họ. Nó hầu như được biểu diễn bằng tích số của các tư tưởng riêng lẻ. Vì thế cho nên bất cứ đô thị hoặc cộng đồng nào cũng hết sức có lợi nếu có một số người thường xuyên hội họp nơi đó mà có thể tạo ra được những tư tưởng ở mức cao.

CHƯƠNG VIII CÁC HÌNH TƯ TƯỞNG

Bây giờ ta xét tới tác dụng thứ hai được tạo ra khi một người dùng thể trí của mình để suy nghĩ, nghĩa là tạo ra các hình tư tưởng.

Như ta đã thấy, một tư tưởng làm nảy sinh ra một tập hợp các rung động trong vật chất của thể trí. Do sức thôi thúc ấy, thể trí phóng ra một bộ phận đang rung động của chính mình được định hình theo bản chất của rung động, cũng giống như các hạt mịn rải trên một cái đĩa được sắp xếp thành một hình dạng khi cái đĩa ấy bị một nốt nhạc gây cho nó rung động.

Vật chất trí tuệ được phóng ra như thể thu thập tinh hoa ngũ hành của cõi trí tuệ thuộc bầu hào quang xung quanh (nghĩa là tinh hoa ngũ hành của Giới thứ nhì) vốn thuộc một loại thích hợp rồi khiến cho tinh hoa ấy rung động hài hòa theo nhịp độ của chính mình.

Vậy là một hình tư tưởng đơn thuần đã được tạo ra. Một hình tư tưởng trí tuệ như vậy cũng giống như một hình tư tưởng xúc động trên cõi trung giới (đã được mô tả trong quyển *Thể Vía*), nhưng nó chói sáng hơn nhiều, có màu sắc rực rỡ hơn, mạnh mẽ hơn, bền dai hơn và được cấp sinh lực đầy đủ hơn.

Sau đây là một đoạn mô tả thi vị về tác động của tư tưởng: “Những rung động trí tuệ này định hình vật chất của cõi ấy thành ra hình tư tưởng, nhờ nhanh nhẹn và tinh vi cho nên làm nảy sinh ra những màu sắc tuyệt vời nhất thường xuyên biến đổi, những làn sóng có sắc thái biến thiên giống như sắc cầu vồng trong xa cừ, thanh bai và sáng sủa tới mức khó tả, quét qua quét lại mọi hình tượng sao cho mỗi hình tượng ấy đều phô bày ra một sự hài hòa màu sắc lẫn tăn, sống động, trong sáng và tinh tế bao gồm nhiều sắc thái, thậm chí trên cõi trần chưa hề biết tới. Ngôn từ không thể diễn tả được vẻ đẹp tuyệt vời và sự lộng lẫy phô diễn qua những tổ hợp của những vật chất tinh vi này vốn tràn đầy sức sống và sức linh động. Mọi nhà thấu thị đều đã từng chứng kiến nó, tín đồ Ấn giáo, Phật giáo, Ki Tô giáo đều dùng những lời lẽ ngát ngây để nói tới vẻ đẹp vinh diệu của nó, và bao giờ cũng thú nhận rằng mình hoàn toàn không có khả năng mô tả được nó; ngôn từ dường như chỉ làm nó thô thiển và bại hoại hơn cho dù lời tán thán có khéo léo đến đâu đi chăng nữa?”

Một hình tư tưởng là một thực thể sống động, nhất thời hoạt động mãnh liệt và được làm linh hoạt bởi một ý tưởng duy nhất sản sinh ra nó. Nếu được cấu tạo bằng loại vật chất tinh vi thì nó sẽ có sức mạnh và năng lượng lớn lao, có thể được dùng làm một tác nhân hùng mạnh nhất khi được một ý chí mạnh mẽ và kiên định điều khiển. Sau này ta sẽ đi sâu vào những chi tiết của công dụng ấy.

Tinh hoa ngũ hành là một sinh linh kỳ lạ bán thông tuệ bao quanh chúng ta, làm linh hoạt vật chất của cõi trí tuệ. Nó đáp ứng dễ dàng với ảnh hưởng của tư tưởng con người sao cho mọi xung lực phát ra từ thể trí của một người ngay tức khắc khoắc lẩy hiện thể tạm thời làm bằng tinh hoa này. Quả thật, nó còn bén nhạy ngay tức thời nhiều hơn (nếu có thể được) với tác động của tư tưởng nhanh hơn tinh hoa ngũ hành của thể vía.

Nhưng tinh hoa ngũ hành trí tuệ khác hẳn tinh hoa ngũ hành thể vía, nó chậm hơn tinh hoa ngũ hành thể vía trọn cả một dãy hành tinh, vì vậy lực bên trong nó không thể tác động một cách tập trung như vậy. Nó đang cố gắng xoay sở bởi vì nó chịu trách nhiệm phần lớn về những tư tưởng lang thang của chúng ta khi tư tưởng thường xuyên phóng từ đối tượng này sang đối tượng khác.

Vậy thì như ta có nói, tư tưởng nhất thời trở thành một loại sinh lực; lực của tư tưởng là linh hồn, còn tinh hoa ngũ hành là phần xác. Những hình tư tưởng này được gọi là tinh linh hoặc đôi khi gọi là tinh linh nhân tạo.

Những nguyên tắc làm căn bản cho việc tạo ra mọi hình tư tưởng là:

- (1) Phẩm chất của tư tưởng xác định màu sắc;
- (2) Bản chất của tư tưởng xác định hình dạng;
- (3) Tính chính xác của tư tưởng xác định rõ nét của đường bao quát quanh nó.

Có đủ vô số loại hình tư tưởng cả về mặt màu sắc lẫn hình dáng. Bây giờ học viên đã quen thuộc với đủ thứ màu sắc và ý nghĩa của chúng vì chúng phù hợp với những màu sắc tồn tại trong thể vía và thể trí, được miêu tả trong quyển Thể Vía cũng như trong Chương trước kia của quyển sách này.

Vậy thì chẳng hạn như tình duyên ái tạo ra màu hoa hồng cháy rực; ý muốn hòa giải tạo ra màu trắng bạc dễ thương, nỗ lực củng cố và làm ổn định tâm trí tạo ra một màu vàng hoàng kim lóe sáng rất đẹp.

Trong bất kỳ hiện thể nào thì màu vàng cũng biểu thị trí năng, nhưng các sắc thái của nó thay đổi rất nhiều và nó có thể bị phức tạp do pha trộn thêm những màu sắc khác.

Nói chung thì nó có sắc thái đậm hơn và mờ nhạt hơn nếu nó hướng về những kênh dẫn thấp hơn, nhất là nếu mục đích mang tính ích kỷ.

Trong trường hợp thể vía hoặc thể trí của một doanh nhân bình thường thì nó biểu thị thành màu vàng đất, còn trí tuệ thuần túy dành cho việc nghiên cứu triết học hoặc toán học thường xuất hiện thành màu hoàng kim; nó dần dần thăng lên một màu vàng đỉnh hương sáng rỡ đẹp đẽ khi trí năng mạnh mẽ được dùng hoàn toàn bất vị kỷ vì ích lợi của loài người.

Hầu hết các hình tư tưởng màu vàng đều có đường nét rõ ràng, tương đối hiếm có một đám mây mờ nhạt màu vàng. Nó biểu thị vui sướng về trí thức chẳng hạn như đánh giá cao kết quả tài nghệ khéo léo hoặc vui thích trước nghệ thuật khéo léo của nghệ nhân.

Một đám mây có bản chất như vậy chứng tỏ việc hoàn toàn không có xúc động cá nhân nào vì nếu có xúc động cá nhân ấy thì nó tất yếu sẽ nhuộm thêm màu vàng bằng màu sắc thích hợp.

Trong nhiều trường hợp hình tư tưởng chỉ là một đám mây quay vòng có màu sắc thích hợp với ý tưởng khai sinh ra nó. Trong tình trạng hiện nay của loài người, học viên ắt nhận ra được rằng các tư tưởng lơ mơ và hình dáng không đều chiếm đa số, vì đó là sản phẩm của tâm trí kém lão luyện của đa số mọi người. Thật là một hiện tượng hiếm hoi khi ta thấy những hình tư tưởng rõ ràng và xác định trong số hàng ngàn hình tư tưởng trôi nổi xung quanh ta.

Khi một hình tư tưởng là xác định thì có một hình tượng tạo ra mang hình dạng rất rõ rệt và thường đẹp mắt. Trong khi thuộc đủ loại biến thể thì những hình tượng ấy thường tiêu biểu một cách nào đó cho loại tư tưởng mà chúng biểu diễn. Những ý tưởng trừu tượng thường biểu hiện mọi loại hình kỷ hà học toàn bích và đẹp đẽ nhất. Về vấn đề này ta nên nhớ rằng, điều chỉ là sự trừu tượng đối với chúng ta ở dưới đây lại trở thành những sự kiện xác định trên cõi trí tuệ.

Sức mạnh của tư tưởng và xúc động xác định kích cỡ của hình tư tưởng cũng như thời gian kéo dài của nó với vai trò là một thực thể riêng biệt. Thời gian kéo dài (tuổi thọ) của nó tùy thuộc vào nguồn dinh dưỡng được cung cấp cho nó sau khi đã được tạo ra do những người khai sinh ra nó hay những người khác lập lại tư tưởng ấy.

Tư tưởng mang tính trí thức và vô ngã; nếu người tư tưởng toan tính giải một bài toán đại số hoặc hình học thì những hình tư tưởng của y [cũng như các làn sóng tư tưởng] sẽ bị hạn chế vào cõi trí tuệ.

Nếu tư tưởng của y có bản chất tâm linh, nghĩa là nếu y thêm sắc thái yêu thương với đạo tâm sâu sắc, xúc cảm vị tha thì nó sẽ vươn lên khỏi cõi trí tuệ và sẽ vay mượn nhiều sự vinh quang chói lọi của các cảnh Bồ đề bên trên nữa. Trong trường hợp ấy ảnh hưởng của nó là mãnh liệt nhất, và mọi tư tưởng như thế đều là một sức mạnh hùng dũng phục vụ cho điều thiện.

Mặt khác, nếu tư tưởng có nơi bản thân một điều gì đó mang tính ham muốn cá nhân hoặc bản ngã thì ngay tức khắc rung động của nó xoay vào trong, nó thu hút xung quanh mình một cơ thể bằng vật chất trung giới thêm vào lớp áo bằng vật chất trí tuệ. Một hình tư tưởng như thế - nói chính xác hơn là một hình tư tưởng xúc động - dĩ nhiên không thể ảnh hưởng tới cả thể trí lẫn thể vía của những người khác.

Loại hình tư tưởng này cho đến nay là thông dụng nhất, vì ít tư tưởng nào của người nam nữ bình thường mà lại không thấm đượm ham muốn, đam mê hoặc xúc động.

Ta có thể coi loại hình tư tưởng này được sinh ra do hoạt động của kama manas, nghĩa là trí tuệ bị ham muốn chế ngự.

Khi một người suy nghĩ về một đối tượng cụ thể - một quyển sách, một căn nhà, một phong cảnh - thì y xây dựng một hình ảnh nhỏ xíu của đối tượng ấy bằng vật chất thể trí của mình. Hình ảnh này trôi nổi ở phần trên cơ thể, thường ngay trước mặt người ấy và ở ngang mức mắt nhìn. Nó vẫn ở đó chừng nào người ấy còn đang chiêm ngưỡng sự vật và thường thường một ít lâu sau đó, độ dài này tùy thuộc vào cường độ và sự rõ nét của tư tưởng. Hình tư tưởng ấy hoàn toàn thuộc ngoại giới và bất cứ ai có thần nhãn của thể trí đều có thể nhìn thấy nó. Nếu một người nghĩ tới người khác thì y cũng tạo ra một chân dung nhỏ xíu của người ấy giống hệt như cách nêu trên.

Kết quả như vậy cũng nổi tiếp bất cứ nỗ lực nào khi “tưởng tượng”. Họa sĩ tạo ra quan niệm về bức tranh tương lai rồi xây dựng nó từ vật chất của thể trí mình, rồi phóng chiếu nó vào không gian trước mặt mình, duy trì nó trước mắt trí tuệ của mình và sao chép nó lại. Cũng giống như vậy, tiểu thuyết gia xây dựng hình ảnh các nhân vật chính của mình bằng vật chất trí tuệ, rồi vận dụng ý chí làm cho những hình rời này di chuyển từ vị trí này hoặc nhóm này sang vị trí hoặc nhóm khác, sao cho tình tiết của câu chuyện theo sát nghĩa là được ông thể nghiệm trước mắt mình.

Như ta đã nói, những hình ảnh trí tuệ này hoàn toàn thuộc ngoại giới đến nỗi chẳng những nhà thần nhãn thấy được nó mà bất cứ ai khác với người sáng tạo nó, thậm chí cũng có thể di chuyển nó và sắp xếp nó, bố trí lại. Như vậy, chẳng hạn như những tinh linh thiên nhiên nghịch ngợm [Xem quyển *Thể Vía* trang 53] hoặc thường là một tiểu thuyết gia “đã

chết” khi ngắm nhìn công trình tác phẩm của một tác giả - bạn bè sẽ làm di chuyển các hình ảnh hoặc con rối ấy sao cho đối với người sáng tạo ra chúng, chúng dường như đã phát triển một ý chí của riêng mình, tình tiết của câu chuyện vậy là thể hiện ra theo những đường lối khác hẳn tình tiết mà tác giả dự tính ban đầu.

Một nhà điêu khắc tạo ra một hình tư tưởng mạnh mẽ của pho tượng mà mình dự tính sáng tạo, gắn nó vào khối đá cẩm thạch, rồi tiến hành cắt bỏ khối cẩm thạch nằm bên ngoài hình tư tưởng cho đến khi chỉ còn bộ phận mà hình tư tưởng xuyên thấu vào đó còn lại.

Cũng vậy, một nhà diễn thuyết khi suy nghĩ tha thiết đến những bộ phận khác nhau về đề tài của mình, ắt tạo ra một loạt hình tư tưởng thường là những hình tư tưởng mạnh mẽ vì có cố gắng. Nếu ông không thể làm cho thính giả hiểu được mình thì phần lớn ắt là vì tư tưởng của chính ông không đủ rõ rệt. Một hình tư tưởng không xác định và vụng về chỉ gây ra một ấn tượng mờ mờ, thậm chí khó hiểu, trong khi hình tư tưởng rõ rệt khiến cho thể trí của thính giả bắt buộc phải ra sức mô phỏng lại nó.

Thuật thôi miên cung ứng những ví dụ về tính khách quan của hình tư tưởng. Ta thừa biết rằng hình tư tưởng của một ý tưởng có thể phóng chiếu lên một tờ giấy để trắng và ở đó nó trở nên nhìn thấy được đối với người đã bị thôi miên. Hoặc người ta có thể làm cho nó trở nên khách quan thuộc ngoại giới đến nỗi người bị thôi miên ắt nhìn thấy và cảm nhận được nó dường như thể đó là một vật có thật trên cõi trần.

Nhiều hình tư tưởng tồn tại ít nhiều mang tính thường trụ đối với những nhân vật chính trong lịch sử, kịch nghệ, tiểu thuyết v.v. . . Chẳng hạn như óc hoang tưởng của dân gian đã mạnh mẽ tô vẽ cho những nhân vật chính và những phong cảnh trong các vở kịch của Shakespeare, từ *Bước tiến của người Khách Hành hương* của Bunyan, từ những câu chuyện thần tiên chẳng hạn như *Cô bé Lọ lem*, *cây Đèn thần của Aladdin* v.v. . . Những hình tư tưởng như thế mang tính tập thể là sự hỗn hợp sản phẩm tưởng tượng của vô số cá nhân.

Trẻ con có óc tưởng tượng rất phong phú và sống động cho nên sách vở mà chúng đọc thường biểu diễn tốt đẹp trong thế giới hình tư tưởng, nhiều chân dung giống như thật, linh động tuyệt vời tồn tại bao gồm Sherlock Homes, Thuyền trưởng Kettle, Bác sĩ Nikola và nhiều nhân vật khác.

Tuy nhiên, nói chung thì hình tư tưởng bắt nguồn từ tiểu thuyết thời nay tuyệt nhiên không trong sáng do hình tư tưởng của cha ông chúng ta tạo ra về Robinson Crusoe hoặc những nhân vật chính trong kịch của Shakespeare. Dĩ nhiên có chuyện này, vì thiên hạ thời nay đọc tiểu thuyết hời hợt hơn và ít chú ý hơn trường hợp thời xưa. Việc sản sinh ra hình tư tưởng cũng đã nói nhiều rồi. Bây giờ ta chuyển sang xét tới tác dụng của chúng đối với người sáng tạo ra chúng và những người khác.

Mỗi người khi sinh hoạt trải qua cuộc đời đều tạo ra ba lớp hình tư tưởng.

(1). Những hình tư tưởng vì không tập trung xung quanh người suy nghĩ, cũng chẳng đặc biệt nhắm vào bất cứ ai cho nên bị bỏ lại thành ra một thứ đường mòn đánh dấu lối đi của y.

(2). Những hình tư tưởng tập trung xung quanh người suy nghĩ, lượn lờ quanh y và theo y đi tới bất cứ nơi đâu.

(3). Những hình tư tưởng phóng thẳng ra xa khỏi phạm vi người suy nghĩ nhắm vào một đối tượng xác định.

Hình tư tưởng thuộc lớp 1, vì không xác định thuộc cá nhân cũng không đặc biệt nhắm vào ai khác, cho nên chỉ trôi nổi lững lờ trong bầu hào quang, lúc nào cũng bức xạ ra những rung động giống như những rung động mà người sáng tạo ra nó thoát tiên phóng ra. Nếu

hình tư tưởng ấy không đến tiếp xúc với bất kỳ thể trí nào khác thì bức xạ dần dần kiệt quệ hết kho chứa năng lượng của mình, và trong trường hợp ấy hình tư tưởng tan tành mây khói.

Nhưng nếu nó thành công trong việc khơi dậy, những rung động đồng cảm nơi bất kỳ thể trí nào ở gần kề trong tầm tay thì một sự thu hút được lập nên khiến cho hình tư tưởng ấy thường được thể trí hấp thụ.

Ở trình độ tiến hóa hiện nay, đa số những tư tưởng của con người thường hướng về mình, ngay cả khi chúng không ích kỷ một cách tích cực. Những tư tưởng qui ngã ấy đeo bám lấy người suy nghĩ. Thật vậy, hầu hết mọi người đều có một lớp vỏ những tư tưởng như thể đeo bám xung quanh thể trí của mình. Chúng không ngừng lượn lờ xung quanh họ và thường xuyên tác động lên họ. Chúng có khuynh hướng tự mô phỏng lại, nghĩa là kích động người ấy lập lại những tư tưởng mà trước kia y đã từng áp ủ. Nhiều người cảm thấy áp lực này từ bên trong, một vài tư tưởng thường xuyên ám thị y nhất là khi y nghỉ ngơi sau khi lao động vất vả và trong tâm trí không có tư tưởng nhất định nào. Nếu tư tưởng ấy gian tà thì y nghĩ rằng đó là ma quỷ cám dỗ y phạm tội. Thế nhưng, thật ra thì chúng toàn là do y tạo nên; chính y cám dỗ bản thân mình.

Tư tưởng lập đi lập lại thuộc loại này đóng vai trò quan trọng trong việc thanh toán cái gọi là nghiệp quả “chín muối”, đó là Parabda. Việc kiên trì lập đi lập lại những tư tưởng thuộc cùng một loại, chẳng hạn như báo thù, rốt cuộc đưa người ta tới mức có thể được so sánh với tình trạng dung dịch đã bão hòa. Cũng giống như việc thêm cùng loại vật chất nữa vào dung dịch, ắt tạo ra kết rắn của toàn thể; cũng vậy, chỉ cần thêm một chút xung lực nữa ắt gây ra việc phạm tội ác. Cũng vậy, việc lập đi lập lại tư tưởng trợ giúp người khác, khi kích thích của cơ hội đến được với người ấy ắt có thể kết tinh thành một hành vi anh hùng. Trong tình huống ấy người ta có thể ngừng ngàng khi thấy mình phạm phải một tội ác hoặc thực hiện một hành vi anh hùng nào đó mà không nhận thức ra được rằng chính tư tưởng lập đi lập lại đã khiến cho hành động ấy không thể tránh khỏi. Việc xét những sự kiện này đi xa tới mức giải thích được vấn đề xưa như trái đất về tự do ý chí, điều tất yếu hoặc số phận.

Hơn nữa, hình tư tưởng của một người có khuynh hướng thu hút về người ấy những tư tưởng của người khác có bản chất tương tự. Như vậy, người ta có thể thu hút về bản thân mình số lượng tăng cường năng lượng từ bên ngoài; dĩ nhiên tùy theo nội bộ của y mà các lực thu hút vào bản thân thuộc loại tốt hay loại xấu.

Thường thường mỗi tư tưởng xác định đều tạo ra một hình tư tưởng mới, nhưng nếu có hình tư tưởng cùng bản chất lượn lờ xung quanh người suy nghĩ rồi, thì trong một số trường hợp, một hình tư tưởng mới cũng về đề tài ấy, thay vì tạo ra một hình tư tưởng mới thì lại hỗn hợp với hình tư tưởng cũ để củng cố nó sao cho khi suy gẫm lâu dài về cùng một đề tài thì có khi người ta tạo ra một hình tư tưởng mạnh ghê gớm. Nếu tư tưởng mang tính gian tà thì hình tư tưởng ấy có thể trở thành một ảnh hưởng thật sự có ác tính tồn tại có lẽ nhiều năm trời, và tạm thời có được mọi dáng vẻ cũng như quyền năng của một thực thể linh hoạt có thật.

Một lớp vỏ tư tưởng qui ngã hiển nhiên phải có khuynh hướng làm mờ nhạt đi tầm nhìn qua thể trí làm cho sự hình thành thành kiến trở nên dễ dàng. Con người nhìn ra thế giới bên ngoài qua lớp vỏ ấy tự nhiên là nhìn thấy mọi chuyện đều nhuốm cái màu sắc chủ yếu của nó; mọi thứ đến với y từ bên ngoài vậy là ít nhiều đều bị biến đổi bởi đặc tính của lớp vỏ ấy. Như vậy, nếu một người chưa hoàn toàn kiểm soát được tư tưởng và xúc cảm thì y chẳng nhìn thấy được thực tướng của mọi chuyện, bởi vì mọi quan sát của y đều thực hiện thông qua cái môi trường giống như thủy tinh bị chế tạo chất lượng kém, làm méo mó và nhuộm màu mọi thứ.

Chính vì thế mà Aryasangha (Vô Trước Bồ Tát) [bây giờ là Chơn sư Djwal Kul] có nói trong quyển *Tiếng Nói Vô Thinh* rằng cái trí là “tay đại phá hoại sự thật”. Ngài khiến ta lưu ý tới sự thật là chúng ta không hề nhìn thấy thực tướng của bất cứ sự vật nào, mà chỉ thấy những hình ảnh chúng ta có thể tạo ra được về nó, như vậy vạn vật đều bị chúng ta nhuộm màu bởi chính hình tư tưởng do ta sáng tạo ra.

Nếu tư tưởng của một người về người khác chỉ mang tính chiêm nghiệm và không có xúc cảm (chẳng hạn như luyện ái hoặc không ưa) hoặc ham muốn (chẳng hạn như ao ước gặp người ta) thì tư tưởng thường không rõ rệt tới người mà mình nghĩ đến.

Tuy nhiên nếu có xúc cảm, nghĩa là luyện ái kết hợp với tư tưởng thì hình tư tưởng do vật chất trong thể trí của người suy nghĩ tạo ra là hình tư tưởng thuộc thể vía cộng với thể trí phóng ra khỏi cơ thể của người mà nó được sản sinh ra, rồi đi thẳng tới đối tượng của xúc cảm ấy và đeo bám theo đối tượng.

Ta có thể so sánh nó với bình Leyden, còn năng lượng của tư tưởng ứng với điện tích.

Nếu lúc đó người ấy ở trạng thái thụ động hoặc nếu y tích chứa nơi bản thân những rung động tích cực có tính cách hài hòa với rung động của hình tư tưởng thì hình tư tưởng ngay tức khắc sẽ phóng điện qua y và không tồn tại nữa sau hành vi ấy. Tác dụng là tạo ra một rung động tương tự như chính mình nếu rung động ấy chưa tồn tại hoặc tăng cường rung động nếu nó đã có sẵn rồi.

Nếu tâm trí của người ấy đang hết sức bận bịu theo những đường lối khác thì rung động không tìm được lối vào, hình tư tưởng lượn lờ xung quanh y chờ dịp phóng điện.

Như vậy, hình tư tưởng do một người này gửi tới cho một người kia thật sự bao gồm việc chuyển di một lượng nào đó cả về thần lực lẫn vật chất từ người phóng tư tưởng sang người tiếp nhận tư tưởng. Sự khác nhau giữa tác dụng một làn sóng tư tưởng và của hình tư tưởng là ở chỗ làn sóng tư tưởng như ta thấy trong Chương VII không tạo ra một ý tưởng hoàn chỉnh xác định, mà có khuynh hướng tạo ra một tư tưởng có cùng tính chất như chính mình; như vậy làn sóng tư tưởng có tác dụng kém xác định hơn nhiều nhưng nó đạt tới một phạm vi rộng lớn hơn hẳn.

Mặt khác, hình tư tưởng cổ truyền đạt một ý tưởng hoàn chỉnh xác định, chuyển di bản chất chính xác của tư tưởng cho những người đã sẵn sàng tiếp nhận nó, nhưng nó chỉ có thể đạt tới một người trong một lúc.

Như vậy, một làn sóng tư tưởng rõ ràng là có tính thích nghi rất nhiều, chẳng hạn như một làn sóng tư tưởng sùng tín có khuynh hướng khơi dậy lòng sùng tín nơi người tiếp nhận, mặc dù đối tượng của lòng sùng tín có thể khác hẳn nhau trong trường hợp người phóng ra và người tiếp nhận. Nhưng một hình tư tưởng ắt sản sinh ra một hình ảnh chính xác về đối tượng mà lòng sùng tín thoạt tiên cảm nhận thấy.

Nếu tư tưởng đủ mạnh thì khoảng cách tuyệt nhiên không quan trọng đối với hình tư tưởng, nhưng tư tưởng của một người thường thì rất yếu và tản mạn cho nên không hữu hiệu ngoài tầm một vùng hạn chế.

Hình tư tưởng chẳng hạn như yêu thương hoặc muốn bảo vệ được hướng mạnh mẽ về phía một người khác, sẽ đi tới chỗ người được tưởng nghĩ và ở lại trong hào quang của y để trở thành một tác nhân che chở và đùm bọc; nó sẽ tìm đủ mọi cơ hội để phụng sự và mọi cơ hội để bảo vệ, chẳng những cố tình hành động một cách hữu thức mà còn mù quáng đi theo xung lực tác động lên nó, nó sẽ củng cố xung lực thân hữu tác động lên hào quang và làm yếu bớt đi những lực không thân thiện. Vậy là những thiên thần hộ mệnh thật sự đã được tạo ra và duy trì xung quanh những người mà chúng ta yêu thương. Thế là nhiều “lời cầu

nguyện” của một bà mẹ dành cho một đứa con ở xa xôi sẽ chạy vòng xung quanh nó, tác động theo cách thức đã được mô tả.

Biết được những sự kiện này ắt khiến cho ta ý thức được quyền năng không lồ được đặt vào tầm tay chúng ta. Ở đây chúng tôi xin lặp lại điều đã nói khi bàn về các làn sóng tư tưởng, đó là có nhiều trường hợp mà chúng ta không thể làm bất cứ điều gì cho một người trên cõi hồng trần. Tuy nhiên thể trí và thể vía của một người vẫn có thể ảnh hưởng và người ta thường dễ dàng gây ấn tượng lên các thể này hơn là thể xác. Vì thế cho nên, ta luôn luôn có thể ảnh hưởng tới thể trí và thể vía của y bằng tư tưởng trợ giúp, xúc cảm luyến ái v.v. . . Những luật tư tưởng vốn cứ như thế, chắc chắn là các kết quả phải tăng cường và không thể nào thất bại mặc dù ta không theo dõi được kết quả rõ rệt trên cõi trần.

Học viên ắt dễ dàng nhận thấy rằng, một hình tư tưởng chỉ có thể ảnh hưởng tới người khác nếu trong hào quang của người ấy có những vật liệu đáp ứng đầy thiện cảm với rung động của hình tư tưởng. Trong trường hợp các rung động của hình tư tưởng nằm ngoài tầm hào quang của người ấy có thể rung động hưởng ứng được, thì hình tư tưởng dội lại với một lực tỉ lệ với năng lượng mà nó tác động lên.

Vì thế cho nên mới bảo rằng, một tâm trí và tâm hồn thuần khiết là sự che chở vững chắc nhất chống lại những sự tấn công thù nghịch, vì một tâm trí và tâm hồn thuần khiết ắt xây dựng thể vía và thể trí bằng những vật liệu tinh vi tốt đẹp, cho nên những thể này không hưởng ứng được với những rung động đòi hỏi vật chất thô và trược.

Nếu một tư tưởng gian tà được phóng ra với một ý định đầy ác ý mà đập vào một thể được tẩy trược như vậy, thì nó sẽ bị dội lại theo con đường dễ đi nhất của luồng từ khí, trở lại đập vào chính người phóng ra nó. Y vốn có vật chất trong thể vía và thể trí tương tự như hình tư tưởng mà y đã sản sinh ra cho nên sẽ chuyển sang các rung động hưởng ứng, chịu những tác hại mà y dự tính gây ra cho người khác. Thế là “lời nguyện rủa (và lời chúc phúc) sẽ trở về nhà tá túc”. (Ác giả ác báo). Do đó cũng xảy ra những hậu quả nghiêm trọng khi người ta thù ghét hay nghi ngờ một người tiên tiến và tốt bụng; những hình tư tưởng phóng ra chống lại y không thể gây hại cho y và chúng dội trở lại người phóng ra, làm tan nát họ về phương diện tâm trí, đạo đức và thể xác.

Khi người ta nghĩ tới bản thân mình ở một khoảng cách xa hoặc tha thiết muốn ở đó thì hình tư tưởng do y tạo ra theo hình ảnh của chính mình bèn xuất hiện ở nơi ấy. Những người khác thường nhìn thấy hình tư tưởng đó và đôi khi họ nhầm lẫn chính người đó đã hiện hình hoặc đã xuất hiện trong thể vía. Muốn được như vậy, người thấu thị hoặc là nhất thời phải có đủ thần nhãn để thấy được hình tư tưởng, hoặc là hình tư tưởng phải đủ sức mạnh để hiện hình ra, nghĩa là tạm thời thu hút vào xung quanh mình một lượng vật chất hồng trần nào đó.

Tư tưởng sản sinh ra một hình tư tưởng như thế tất nhiên phải mạnh và vì vậy phải sử dụng phần lớn vật chất của thể trí sao cho mặc dù khi rời khỏi người suy nghĩ, hình tư tưởng bị nén nhỏ lại nhưng trước khi xuất hiện ở đích đến thì nó bành trướng ra tới kích thước giống như thật. Hơn nữa, một hình tư tưởng giống như vậy cốt yếu phải bao gồm vật chất trí tuệ và trong nhiều trường hợp, nó sẽ thu hút lại xung quanh mình một lượng vật chất thể vía đáng kể. Khi khoác lấy hình tượng của thể vía, tinh hoa ngũ hành trí tuệ đã mất đi nhiều tính chói sáng của mình mặc dù màu sắc rực rỡ của nó có thể nhìn thấy rõ bên trong lớp vỏ bằng vật chất thấp kém mà nó khoác lấy. Cũng giống như hình tư tưởng nguyên thủy làm linh hoạt tinh hoa ngũ hành cõi trí tuệ, cũng vậy hình tư tưởng đó cùng với hình tượng của nó là tinh hoa ngũ hành trí tuệ đóng vai trò phần hồn của tinh hoa ngũ hành trung giới.

Không một ý thức nào của chủ thể suy tư được bao gồm trong một hình tư tưởng giống như loại vừa được mô tả. Một khi đã được chủ thể suy tư phóng ra thì thông thường nó là một thực thể hoàn toàn riêng biệt – thật ra cũng không hoàn toàn đáng gì tới người sáng tạo, nhưng thực tế xét về khả năng nhận được bất kỳ ấn tượng nào thông qua nó thì cũng có liên quan.

Tuy nhiên có một loại thần nhãn khá tiên tiến hơn thần nhãn bình thường vốn cần một mức độ nào đó kiểm soát được trên cõi trí tuệ. Ta cần phải kiểm soát chặt chẽ một hình tư tưởng được tạo ra thì mới khiến cho nó có thể nhận được những ấn tượng thông qua nó. Những ấn tượng tác động lên hình tư tưởng sẽ được truyền tới cho chủ thể tư duy bằng rung động đồng cảm. Trong trường hợp hoàn chỉnh thuộc loại này thì hầu như nhà thấu thị phóng chiếu một phần tâm thức của mình vào hình tư tưởng, sử dụng nó làm một loại tiền đồn để có thể quan sát từ đó. Nhà thấu thị có thể nhìn thấy cũng rõ ràng gần giống như bản thân mình đứng ở chỗ có hình tư tưởng. Hình ảnh mà y nhìn thấy xuất hiện ra với y có kích thước giống như thật và gần kề trong tầm tay, y ắt thấy mình có thể dời điểm quan sát của mình nếu y muốn như thế.

Bất cứ ai có thể nghĩ tới mọi việc vận dụng quyền năng đều tạo ra được hình tư tưởng. Hình tư tưởng là một sự vật và là sự vật có quyền lực rất mạnh, mọi người trong chúng ta đều không ngừng ngày đêm tạo ra các hình tư tưởng. Như nhiều người có thể giả định, hình tư tưởng của ta không độc quyền thuộc công việc của ta. Thật vậy, những tư tưởng gian tà đi xa hơn nhiều so với lời nói gian tà và có thể ảnh hưởng tới bất cứ người nào khác đã có sẵn mầm mống gian tà nơi bản thân.

Một Chơn sư có dạy như sau: *“Con người liên tục phóng ra dòng tư tưởng trong không gian tạo thành thế giới của riêng mình, lúc nhúc đám con cháu của những điều hoang tưởng, ham muốn, xung đột và đam mê của mình”*.

Một Chơn sư cũng viết rằng bậc Cao đồ có thể: *“Phóng chiếu và làm hiện hình trong thế giới hữu hình những hình tượng mà óc tưởng tượng của ngài đã kiến tạo nên từ vật chất vũ trụ trong thế giới vô hình. Bậc Cao đồ không sáng tạo ra điều gì mới mẻ mà chỉ sử dụng và vận dụng những vật liệu do Thiên nhiên cung cấp xung quanh mình, những vật liệu trong suốt chu kỳ vĩnh hằng đã xuyên qua mọi hình tượng. Ngài phải chọn lựa điều mà mình muốn rồi khiến cho nó được triệu thỉnh xuất hiện trong cõi ngoại giới khách quan”*.

Những sự khác nhau giữa một người chậm tiến và một người tiên tiến là ở chỗ người tiên tiến sử dụng quyền năng của hình tư tưởng một cách hữu thức. Khi một người như thế có thể sáng tạo một cách hữu thức và điều động một hình tư tưởng thì quyền năng hữu dụng của y rõ rệt là gia tăng rất nhiều, đó là vì y có thể sử dụng hình tư tưởng để làm việc ở những nơi mà nhất thời y không thể viếng thăm thuận tiện bằng thể trí của mình. Thế là y có thể giám sát và hướng dẫn hình tư tưởng của mình, biến chúng thành những tác nhân của ý chí mình.

Có lẽ ví dụ tốt nhất của một hình tư tưởng chính là điều mà Giáo hội Ki Tô gọi là Thiên thần Hiện diện. Đây không phải là thành viên của giới Thiên thần mà là hình tư tưởng của đấng Ki Tô trông giống như ngài và là mở rộng tâm thức của chính đấng Ki Tô. Chính nhờ có Thiên thần Hiện diện thì mới có việc biến đổi các “yếu tố” mà ta gọi là sự biến thể.

Một hiện tượng tương tự cũng xảy ra (mặc dù ở mức thấp hơn) trong các Chi bộ Tam Điểm khi người ta sử dụng chân dung của Đấng Tối Cao H.O.A.T.F. Hình tư tưởng này là một bộ phận trọn vẹn của ngài đến nỗi Chi bộ có được lợi ích do sự hiện diện và ban phước của ngài chẳng khác nào ngài đang đứng ở đó bằng xương bằng thịt.

Bằng cách vận dụng quyền năng ý chí, ta có thể ngay tức khắc xua tan một tinh linh nhân tạo tức hình tư tưởng, cũng giống như trên cõi trần ta có thể giết chết một con rắn độc để cho nó không làm hại thêm nữa. Tuy nhiên huyền bí gia không tán thành bất cứ đường lối hành động nào nêu trên, ngoại trừ trong trường hợp rất bất bình thường. Để hiểu rõ lý do của điều này, ta cần giải thích thêm một chút nữa về tinh hoa ngũ hành (elemental essence),

Như ta thấy, tinh hoa ngũ hành được dùng để kiến tạo hình tư tưởng vốn tiến hóa tự thân mình, nghĩa là nó học cách rung rẩy ở mọi mức có thể được. Vì vậy, khi một tư tưởng giữ nó lại rung động ở một nhịp độ nào đó trong một thời gian thì nó được trợ giúp trong chừng mực ấy, sao cho lần tới khi có một rung động tương tự tác động lên nó thì nó sẽ đáp ứng dễ dàng hơn trước.

Đối với tinh hoa ngũ hành thì tư tưởng làm nó linh hoạt là tốt hay xấu cũng chẳng có gì quan trọng, mọi điều mà nó cần để phát triển là được một loại tư tưởng nào đó sử dụng mình. Sự khác nhau giữa tốt và xấu ắt biểu hiện qua chất lượng của tinh hoa ngũ hành chịu ảnh hưởng tư tưởng hoặc ham muốn gian tà cần biểu hiện bằng vật chất thô, còn tư tưởng hoặc ham muốn cao thượng cần vật chất tinh vi.

Vậy là tinh hoa ngũ hành trí tuệ từng bước phát triển do chịu tác động của tư tưởng thuộc loài người, tinh linh thiên nhiên, thiên thần và thậm chí cả loài thú nữa (trong chừng mực chúng biết suy nghĩ).

Chính vì thế, huyền bí gia tuyệt nhiên không muốn ngăn cản sự tiến hóa của nó cho nên nếu có thể được ắt tránh phá hủy một tinh linh nhân tạo mà thay vào đó chọn cách bảo vệ bản thân hoặc bảo vệ người khác chống lại tinh linh nhân tạo bằng cách dùng một lớp vỏ bảo vệ.

Dĩ nhiên, học viên không nên tưởng tượng rằng mình có bổn phận phải suy nghĩ những tư tưởng thô để trợ giúp cho sự tiến hóa của các loại tinh hoa ngũ hành thô. Có nhiều người chậm phát triển luôn luôn nghĩ tới những tư tưởng thấp hèn, thô tục; huyền bí gia nên phấn đấu lúc nào cũng nghĩ tới những tư tưởng cao thượng và thanh khiết, như vậy giúp cho sự tiến hóa của vật liệu tinh hoa ngũ hành thanh bại hoạt động trong một môi trường, cho đến nay có ít người tham gia công tác.

Trước khi rời bỏ đề tài hình tư tưởng này, chúng ta nên lưu ý rằng mọi âm thanh đều gây ấn tượng lên vật chất trung giới và vật chất trí tuệ - chẳng những cái ta gọi là âm nhạc mà còn là mọi loại âm thanh với một số được mô tả ở Chương VII của quyển *Thế Vía*.

Công trình kiến tạo hình tư tưởng được xây dựng trên cõi cao trong khi cử hành lễ Thánh Thể của Ki Tô giáo hơi khác với những hình tư tưởng bình thường, mặc dù nó có chung nhiều hình tướng do âm nhạc tạo ra. Nó bao gồm một cấu trúc thuộc cõi cao với vật liệu do vị linh mục và hội đoàn cung cấp trong phần ban sơ của lễ phụng tự trên các cảnh dĩ thái, trung giới và trí tuệ; vật chất thuộc các cảnh còn cao hơn nữa thì được du nhập trong phần sau này của lễ phụng tự chủ yếu do đội quân các Thiên thần.

Ta có thể so sánh kiến tạo hình tư tưởng ấy với bình ngưng hơi trong một nhà máy chưng cất nước. Hơi nước được làm nguội và ngưng tụ lại thành nước trong buồng làm nguội. Tương tự như vậy, kiến tạo trong lễ Thánh Thể cung ứng một phương tiện để thu thập và làm ngưng tụ vật liệu mà những người phụng tự cung cấp để cho một luồng thần lực đặc biệt từ các cảnh cao nhất có thể giáng xuống đó khiến cho vị Thiên thần trợ giúp sử dụng thần lực ấy vì một vài mục đích nhất định trên cõi trần.

Nghi thức của mọi tôn giáo lớn đều nhằm việc tạo ra những kết quả như thế nhờ một loại tác động chung nào đó. Nghi thức Tam Điểm đạt tới một mục tiêu tương tự mặc dù theo đường lối khác. Hình tư tưởng do nghi thức Tam Điểm kiến tạo là “cái lọng trời” thật sự

vốn cũng có thể được coi là hào quang của một người nằm ngửa. Biểu tượng này xuất hiện ở đâu đó chẳng hạn như trong chiếc áo khoác nhiều màu của thánh Joseph, trong chiếc “Áo dài Vinh quang” mà điếm đạo đồ khoác lấy cũng như trong thể hào quang (Augoeides) [xem trang 237] của các triết gia Hi Lạp tức thể huy hoàng mà linh hồn con người ngự trong đó nơi thể giới tinh vi vô hình.

CHƯƠNG IX CƠ CHẾ CỦA SỰ CHUYỂN DI TƯ TƯỢNG

Trước khi xem xét tới hiện tượng chuyển di tư tưởng và những hiệu quả của nó đối với con người, đầu tiên ta cần mô tả cơ chế nhờ đó tư tưởng được truyền từ người này sang người khác. Thuật ngữ viễn cảm (thần giao cách cảm) nghĩa đen là “cảm thấy ở khoảng cách xa”, vì vậy nó chỉ nên được giới hạn thích đáng cho việc truyền xúc cảm và xúc động. Tuy nhiên hiện nay người ta thường dùng nó hầu như đồng nghĩa với việc chuyển di tư tưởng và có thể được coi như bao trùm bất kỳ sự chuyển di một hình ảnh, tư tưởng hoặc xúc cảm nào từ người này sang người khác bằng phương tiện không phải trên cõi trần.

Có ba khả năng thần giao cách cảm và có thể có sự liên giao trực tiếp giữa

1. Hai bộ óc dĩ thái,
2. Hai thể vía,
3. Hai thể trí.

Trong phương pháp đầu tiên mà chúng tôi có thể gọi là phương pháp hồng trần hoặc dĩ thái, thì một tư tưởng gây ra các rung động trước hết nơi thể trí, rồi tới nơi thể vía, kế tới nơi bộ óc dĩ thái và cuối cùng nơi các phân tử thô trực của óc phàm. Do rung động của bộ óc, chất ether thuộc cõi trần bị ảnh hưởng, các làn sóng lan ra ngoài cho đến khi chúng gặp một bộ óc khác, nơi đây chúng lập nên các rung động của các hạt ether và hạt thô trực. Những rung động mà bộ óc nhận được thể rồi lại truyền sang thể vía và thể trí gắn liền với nó để đạt tới tâm thức.

Nếu một người suy nghĩ mãnh liệt về một hình tượng cụ thể trong óc phàm thì y tạo ra hình tượng ấy trong chất ether, khi cố gắng tạo ra hình ảnh ấy y cũng phóng ra những làn sóng ether theo mọi hướng. Không phải là chính hình ảnh được phóng đi mà là một tập hợp các rung động mô phỏng lại hình ảnh ấy. Quá trình này khá giống như điện thoại khi bản thân tiếng nói không được truyền đi mà tiếng nói chỉ tạo ra một số rung động điện, khi những rung động điện chuyển nhập vào máy thu thì nó lại được một lần nữa thành âm thanh của tiếng nói.

Tuyến tủy là cơ quan để chuyển di tư tưởng, cũng như mắt là cơ quan của thị giác. Tuyến tủy nơi hầu hết của mọi người mang tính sơ cấp nhưng nó đang tiến hóa, không thoái bộ và nó có thể đẩy nhanh sự tiến hóa sao cho nó có thể hoàn thành chức năng riêng của mình, chức năng trong tương lai mà mọi người đều thành tựu.

Nếu bất cứ ai cố tình suy nghĩ chỉ một ý tưởng thôi, tập trung chú ý cao độ thì y sẽ ý thức được một sự rung động xao xuyên hoặc cảm giác nổi da gà – người ta so sánh nó với cảm giác như kiến bò – nơi tuyến tủy sự xao xuyên xảy ra ở chất ether thấm nhuần tuyến gây ra một dòng từ khí nhỏ làm sinh ra cảm giác nổi da gà nơi các phân tử thô trực của tuyến. Nếu tư tưởng đủ mạnh để gây ra dòng từ khí thì người suy nghĩ biết rằng mình đã thành công đưa tư tưởng tới mức nhất tâm với một sức mạnh khiến nó có thể được truyền đi.

Rung động trong chất ether của tuyến tủy lập nên những làn sóng nơi chất ether ở xung quanh giống các làn sóng ánh sáng, chỉ có điều là nhỏ hơn hẳn và nhanh hơn. Những rung động này tỏa ra theo mọi hướng khiến chất ether chuyển động, đến lượt những làn sóng ether này lại làm rung động chất ether nơi tuyến tủy của một bộ óc khác, rồi từ đó nó theo thứ tự chính qui được truyền lên thể vía và thể trí như ta đã mô tả trước kia để rồi đạt tới tâm thức. Nếu tuyến tủy thứ nhì không thể mô phỏng lại các ba động ấy thì tư tưởng sẽ đi qua mà không được nhận biết, không gây ấn tượng cũng giống như các làn sóng ánh sáng không gây ấn tượng lên mắt người mù.

Trong phương pháp chuyển di tư tưởng thứ nhì qua chất trung giới, bộ óc dĩ thái tuyệt nhiên không tham gia vào quá trình ấy.

Trong phương pháp thứ ba qua chất trí tuệ, chủ thể suy tư sau khi đã tạo ra tư tưởng trên cõi trí tuệ, không đưa nó xuống tận bộ óc mà lại ngay tức khắc hướng nó về thể trí của một chủ thể suy tư khác. Khả năng cố tình làm được như vậy hàm ý trình độ tiến hóa trí tuệ cao hơn hẳn so với phương pháp chuyển di tư tưởng trên cõi trần, vì người phóng tư tưởng đi phải hữu ngã thức trên cõi trí tuệ thì mới vận dụng hoạt động này một cách hữu ý được. Khi loài người tiến bộ hơn nữa thì đây có lẽ là phương pháp giao tiếp thông thường. Các Chơn sư cũng dùng phương pháp này để giáo huấn đệ tử và bằng cách này các ngài có thể dễ dàng truyền đạt những ý tưởng phức tạp nhất.

CHƯƠNG X SỰ CHUYỂN DI TƯ TƯỞNG: (a) VÔ Ý THỨC

Ở Chương VII và Chương VIII, chúng ta đã bàn tới việc tạo ra những làn sóng tư tưởng và những hình tư tưởng; trong một chừng mực nào đó là tác dụng của những thứ này đối với người khác. Khía cạnh tác dụng đối với người khác cũng đủ quan trọng để ta cần bàn kỹ thêm nữa. Trước hết ta sẽ bàn tới cái loại chuyển di tư tưởng vô ý thức hoàn toàn.

Từ điều đã nói trên, rõ ràng là mọi người cho dù là y đi đến đâu đi nữa cũng để lại đằng sau mình một vệt những tư tưởng. Chẳng hạn như khi ta tản bộ trên đường phố thì bao giờ ta cũng đi giữa một biển tư tưởng của những người khác, toàn bộ bầu hào quang trí tuệ đều chứa đầy chúng, những tư tưởng mơ hồ không xác định. Nếu một người để cho tâm trí mình trống rỗng trong một lúc thì những tư tưởng tàn dư của những người khác sinh ra sẽ trôi nổi qua trí người ấy; trong hầu hết mọi trường hợp, chúng chỉ gây ấn tượng chút ít lên nó, nhưng đôi khi ảnh hưởng nghiêm trọng tới nó. Có khi một tư tưởng thu hút chú tâm của con người đến tâm trí người ấy, chộp ngay lấy nó biến thành của mình trong một vài giây lát, củng cố nó bằng cách thêm thắt lực của chính mình rồi lại phóng nó đi ảnh hưởng tới người khác nữa.

Vì vậy, người ta không chịu trách nhiệm về một tư tưởng trôi nổi vào trong trí mình bởi vì nó có thể không thuộc về mình mà thuộc về một người nào khác. Tuy nhiên, nếu y chộp lấy tư tưởng đó, nghiền ngẫm nó rồi lại phóng nó đi với sức mạnh củng cố thêm thì y phải chịu trách nhiệm.

Một sự pha trộn tư tưởng nhiều người ắt không có sự mạch lạc nhất định, mặc dù bất kỳ tư tưởng nào cũng có thể phát khởi một dòng liên tưởng và như vậy khiến cho cái trí tự thân suy nghĩ. Nhiều người nêu chịu khó xem xét luồng tư tưởng đi ngay trí mình có lẽ ắt sững sờ khi phát hiện ra biết bao nhiêu điều hoang tưởng vô công rồi nghề và vô ích len lỏi vào trí mình rồi lại bỏ đi trong một thời gian ngắn. Không tới một phần tư những tư tưởng

đó là tư tưởng của chính mình. Trong hầu hết mọi trường hợp chúng đều hoàn toàn vô dụng và khuynh hướng chung có lẽ xấu nhiều hơn tốt.

Vậy là người ta liên tục ảnh hưởng tới nhau qua tư tưởng phóng đi hầu hết không có mục đích rõ rệt. Thật vậy, công luận phần lớn được tạo ra theo kiểu này vì phần lớn công luận là chuyên di tư tưởng. Hầu hết mọi người suy tư theo một vài đường lối chẳng phải vì họ cẩn thận nghĩ ra những vấn đề đó, mà vì phần lớn người khác đang suy nghĩ theo chiều hướng ấy rồi lôi cuốn người khác theo mình. Tư tưởng của một nhà tư tưởng đầy quyền năng được phóng ra trên cõi trí tuệ, rồi được tiếp nhận bởi những tư tưởng hưởng ứng và tiếp thu. Những tâm trí này mô phỏng lại rung động của nhà tư tưởng, củng cố tư tưởng ấy, thế là góp phần ảnh hưởng tới những người khác, tư tưởng trở nên càng ngày càng mạnh mẽ rồi rốt cuộc ảnh hưởng tới một số lớn người.

Nếu chúng ta xét những tư tưởng này gộp lại thì dễ nhận ra tác dụng ghê gớm của chúng trong việc tạo nên quốc hồn quốc túy; vậy là tạo ra thiên kiến và thành kiến cho tâm trí. Tất cả chúng ta khi lớn lên đều được bao quanh bởi một bầu không khí đặc nghệt những hình tư tưởng thể hiện một vài ý tưởng; những thành kiến quốc gia, cách thức mà quốc gia xem xét mọi việc, các loại hình tư tưởng và xúc cảm quốc gia, tất cả đều tác động lên chúng ta ngay từ khi mới ra đời, thậm chí còn trước đó nữa. Mọi vật được xem xét qua bầu hào quang này, mọi tư tưởng đều ít nhiều bị nó khúc xạ, thể trí và thể vía chúng ta đang rung động hòa nhịp với nó. Hầu như mọi người đều bị khống chế bởi bầu hào quang quốc gia tức là công luận; một khi đã được hình thành nó lôi cuốn tâm trí của đại đa số, không ngừng tác động lên bộ óc và khơi dậy nơi chúng những rung động hưởng ứng. Dù ta đang ngủ hay đang thức thì những ảnh hưởng này đều tác động lên chúng ta, vô thức của chính chúng ta khiến cho chúng hữu hiệu hơn. Hầu hết mọi người đều tiếp thu hơn là có tính cách nhiều sáng kiến, họ hầu như đóng vai trò tự động mô phỏng lại tư tưởng đến với mình, vậy là bầu hào quang quốc gia được tăng cường liên tục.

Kết quả tất yếu của tình trạng sự việc này là các quốc gia tiếp nhận ấn tượng từ những quốc gia khác đều biến đổi chúng bằng những nhịp độ rung động của chính mình. Vì thế cho nên dân tộc của những quốc gia khác nhau khi xem xét cùng một sự kiện lại thêm vào đó những tiên kiến đã tồn tại sẵn của chính mình, hoàn toàn thành thực tố cáo lẫn nhau là giả mạo sự thật và thi hành những phương pháp không trung thực. Nếu sự thật này và tính tất yếu của nó mà được công nhận thì nhiều cuộc cãi vã quốc tế hiện nay sẽ dễ dàng được xoa dịu hơn bây giờ, thậm chí tránh được nhiều cuộc chiến tranh. Thế là mỗi quốc gia đều nhận ra “yếu tố cá nhân” và thay vì buộc tội người khác về việc bất đồng ý kiến thì họ ắt tìm mức trung gian giữa hai quan điểm ấy hoàn toàn không nhấn mạnh tới quan điểm nào của riêng mình. Hầu hết mọi người chưa bao giờ cố gắng thật sự phân biệt tự thân mình, vì không thể giải thoát mình ra khỏi ảnh hưởng của đám đông ken đặc những hình tư tưởng cấu thành công luận. Vì thế cho nên họ chưa bao giờ thật sự thấy được chân lý, thậm chí cũng chẳng biết nó tồn tại, vì thay vào đó họ sẵn lòng chấp nhận cái hình tư tưởng không lồ này. Tuy nhiên đối với huyền bí gia thì điều cần thiết đầu tiên là phải đạt được một quan điểm trong sáng và không có thành kiến về mọi chuyện; thấy được chân tướng của nó chứ không phải chỉ một số người giả sử cứ như vậy.

Muốn có được tâm nhìn trong sáng ấy thì cần phải không ngừng cảnh giác. Để dò ra được ảnh hưởng của đám mây tư tưởng lớn đang lượn lờ thì việc này không giống như khả năng thách đố ảnh hưởng của nó. Áp lực của nó bao giờ cũng hiện diện và hoàn toàn vô ý thức, ta có thể thấy mình nhượng bộ nó về đủ loại vấn đề thứ yếu, cho dầu ta giữ cho bản thân không chịu ảnh hưởng của nó đối với những điều quan trọng hơn. Ta sinh ra đời đã

chịu áp lực của nó, cũng như chịu áp lực của bầu hào quang và không có ý thức về điều này cũng như điều kia. Huyền bí gia phải kiên quyết học cách giải thoát mình hoàn toàn khỏi ảnh hưởng của nó và giáp mặt với chính sự thật, chứ không bị xuyên tạc qua môi trường của những hình tư tưởng khổng lồ tập thể này.

Ảnh hưởng của những tư tưởng kết tập không chỉ hạn chế nơi việc chúng tác động lên những hiện thể tinh vi của con người. Hình tư tưởng thuộc một loại phá hoại đóng vai trò năng lượng phân rã và thường hủy hoại trên cõi hồng trần; chúng là những nguồn hữu hiệu gây ra “tai nạn”, những cơn giạt thiên nhiên, bão tố, xoáy lốc, cuồng phong, động đất, lụt lội v.v. . .

Chúng có thể khơi dậy chiến tranh, cách mạng, những xáo trộn xã hội và đủ thứ điều đảo lộn. Các trận dịch bệnh và dịch tội ác, các chu kỳ tai nạn đều được giải thích tương tự. Các hình tư tưởng giận dữ giúp cho việc thực thi chuyện giết người. Vậy là các tư tưởng độc ác của con người đều gây hủy hoại theo mọi chiều hướng, theo vô số cách thức tác động lên chúng ta và những người khác.

Bây giờ ta hãy quay sang những tác dụng được tạo ra nhất là do tư tưởng của cá nhân; học viên ắt nhớ lại rằng trong quyển *Thế Vía* ta miêu tả những tác dụng được tạo ra đối với thể vía của một người, chẳng hạn như do một cơn xúc cảm sùng tín. Xúc cảm sùng tín như thể thường cũng được kèm theo bởi những *tư tưởng* sùng tín thu hút xung quanh mình một số lớn vật chất trung giới nữa, sao cho chúng tác động trên cả cõi trí tuệ lẫn cõi trung giới. Vì vậy, một người tiên tiến là một trung tâm của những làn sóng sùng tín, chúng tất yếu phải ảnh hưởng tới những người khác được sinh ra cả nơi tư tưởng và xúc cảm của họ; điều này dĩ nhiên cũng đúng cho trường hợp lòng luyến ái, giận dữ, buồn chán và mọi xúc cảm khác.

Một ví dụ điển hình khác nữa là các dòng tư tưởng do một diễn giả phóng ra ngoài cùng với các dòng khác gồm sự hiểu biết và đánh giá cao dâng lên từ thính giả và gia nhập vào những hình tư tưởng do diễn giả tạo nên.

Thường thường thì xảy ra việc tác động tư tưởng của diễn giả làm khơi dậy sự đáp ứng đồng cảm nơi thể trí của diễn giả sao cho vào lúc họ có thể hiểu được diễn giả ngay đó, tuy nhiên sau này khi kích thích của diễn giả không còn nữa thì họ quên bèn đi và thấy mình không còn có thể hiểu được điều vào lúc ấy dường như rõ ràng đối với mình.

Mặt khác, tư tưởng chế giễu thường tạo nên một trong những nhịp độ rung động đối nghịch, làm cho luồng tư tưởng bị chia chẻ và xáo trộn. Người ta bảo rằng bất cứ ai đã từng nhìn thấy tác dụng này tạo ra thì khó lòng mà quên được bài học của chuyện ấy.

Khi đọc một quyển sách, tư tưởng người ta có thể thu rút sự chú ý của người viết quyển sách, ông này có thể đang ở trong thể vía trong khi ngủ hoặc sau khi chết. Như vậy tác giả có thể bị thu hút về phía người đang đọc, thế là khiến cho y được bao trùm trong bầu hào quang của tác giả hoàn toàn mạnh mẽ dường như thể tác giả vẫn còn hiện diện trên cõi trần.

Tương tự như vậy, tư tưởng của học viên cũng có thể thu hút về bản thân mình tư tưởng của những người khác đã từng nghiên cứu cùng một đề tài.

Một ví dụ tuyệt vời về tác dụng lên người sống của những tư tưởng thuộc người đã thoát xác, điều này xảy ra ở nơi người ấy đã bị hành hình, chẳng hạn vì tội giết người và nơi y trả thù bằng cách xúi giục những người khác cũng giết người. Thật vậy đây là lời giải thích về những chu kỳ giết người thuộc cùng một loại thỉnh thoảng vẫn xảy ra trong các cộng đồng.

Tác dụng của tư tưởng lên trẻ con thật là đáng kể. Cũng giống như thể xác của trẻ con rất mềm dẻo, dễ uốn nắn bao nhiêu thì cũng vậy thể vía và thể trí của nó cũng dễ uốn nắn bấy nhiêu. Thể trí của đứa trẻ vô vậ lấy tư tưởng của người khác giống như miếng bông đá hút nước và mặc dù bây giờ nó còn quá trẻ nên không mô phỏng theo chúng được, nhưng mầm mống ấy sẽ đơm hoa kết trái khi đến đúng lúc, vì thế mới có tầm quan trọng bao la của việc đưa trẻ được vây quanh bởi một bầu hào quang vị tha và cao thượng.

Đối với nhà thần nhãn thì thật là cảnh tượng khủng khiếp khi nhìn thấy linh hồn và hào quang trong trắng đẹp đẽ của trẻ thơ chỉ trong vòng vài năm đã trở nên ô uế, lấm lem và tối sẫm đi do những tư tưởng ích kỷ, không thanh khiết và không thánh thiện của đám người lớn xung quanh lũ con nít. Chỉ nhà thần nhãn mới biết được tính tình của trẻ con được cải thiện lớn lao và nhanh chóng xiết bao miễn là tính tình của người lớn tốt hơn.

Trong khi việc cố gắng khống chế tư tưởng và ý chí của người khác chẳng bao giờ là đúng cho đâu điều đó có thể vì một cứu cánh dường như là tốt đẹp, song le lúc nào cũng đúng khi tập trung vào tính tốt của con người, vậy là có khuynh hướng tăng cường được những đặc tính tốt. Ngược lại, cứ suy gẫm về những khuyết điểm hoặc tính xấu của con người thì chỉ làm tăng cường những khuynh hướng bất hảo hoặc thậm chí tạo ra những tính xấu trước kia chưa hề có hoặc mới chỉ dưới dạng mầm mống tiềm tàng.

Vậy là ta chỉ xét thử một ví dụ đơn giản, giả sử một nhóm người sa đà vào việc ngồi lê đôi mách, tung tin giật gân, lại buộc tội người khác có tính ghen tuông. Nếu nạn nhân đã có khuynh hướng ghen tuông rồi thì hiển nhiên nó sẽ được tăng cường ghê gớm bởi một dòng thác tư tưởng; trong khi đó cho dầu y hoàn toàn thoát khỏi tính ghen tuông thì những người suy nghĩ và đàm tiếu về thói xấu tương tự ấy lại đang làm hết sức mình để tạo ra nơi ấy chính các thói xấu mà họ rất hả hê một cách độc ác xiết bao khi tưởng tượng là nó có thật.

Sự tổn thương do ngồi lê đôi mách và tung tin giật gân, hầu như không thể đo lường được và học viên nên nhớ lại huấn thị mạnh mẽ chống lại những thói xấu ấy trong quyển *Dưới Chơn Thấy*. Hình thức mà lời chỉ trích của một huyền bí gia chân chính xảy ra chỉ là một loại may thay nó giống như việc chộp lấy một viên ngọc trai, cũng hào hức như những lời chỉ trích hiện nay của chúng ta xối xả vào một khuyết điểm của người khác.

Như vậy khả năng – hoặc nói cho đúng hơn là sự tất yếu – có thể ảnh hưởng người khác về mặt tốt đẹp cũng như xấu xa bằng quyền năng tư tưởng đã đặt vào tay tất cả những người muốn vận dụng nó là một công cụ ghê gớm.

Những hình ảnh trung giới-trí tuệ, nghĩa là những hình tư tưởng có liên kết với xúc động hoặc xúc cảm đóng vai trò đáng kể trong việc tạo ra những dính mắc nghiệp quả với người khác. Giả sử ta xét một ví dụ cực đoan, một người khi phóng ra một tư tưởng ghét cay ghét đắng và thù oán, thì người ấy đã giúp cho việc tạo ra nơi người khác cái sức thôi thúc có kết quả là việc giết người. Người tạo ra tư tưởng ấy tất nhiên cũng bị dính dáng về nghiệp quả với những người phạm tội ác, cho dầu y chưa bao giờ gặp người này trên cõi trần. Sự vô minh hoặc thiếu trí nhớ cũng không hề gây ra sai sót trong vận hành của luật nhân quả, vì vậy người ấy phải gạt hái những kết quả tư tưởng và xúc cảm của mình, cũng giống như hành động bằng xác phạm của mình.

Nói chung thì những hình ảnh trí tuệ mà con người tạo ra ảnh hưởng rất nhiều tới môi trường tương lai của y. Bằng cách đó đã tạo ra những sự ràng buộc thu hút người ta lại với nhau vì điều thiện cũng như điều ác trong những kiếp sau này; nó khiến cho thân bằng quyến thuộc kẻ thù vây xung quanh ta, nó mang lại những người trợ giúp và những kẻ kỳ đà cản mũi chặn đường ta, những người yêu thương ta mà không được ta yêu thương trong kiếp này và ta cũng chẳng hề mơ tới tình thương ấy, những kẻ ghét bỏ ta mặc dù trong kiếp

này ta chẳng làm gì để đáng bị ghét bỏ như vậy. Vì thế cho nên tư tưởng của ta do tác động trực tiếp lên bản thân ta, chẳng những tạo ra tánh tình về mặt đạo đức và tâm trí cho chính ta, mà do ảnh hưởng của chúng lên những người khác còn xác định những người liên kết với ta trong tương lai.

Dĩ nhiên ta có thể tự vệ trong một mức độ lớn tránh khỏi những sự xâm nhập những hình tư tưởng từ bên ngoài bằng cách tạo ra một bức vách xung quanh mình bằng chất liệu của hào quang. Như ta thấy vật chất trí tuệ đáp ứng rất dễ dàng với xung lực của tư tưởng và có thể dễ dàng được uốn nắn thành ra bất kỳ hình dạng nào như ta muốn. Ta cũng có thể làm như vậy đối với vật chất trung giới như ta đã thấy trong quyển *Thế Vía*.

Tuy nhiên phải dùng một lớp vỏ che chở bản thân thì trong một chừng mực nào đó là thú nhận mình yếu đuối; việc che chở tốt nhất cho bản thân đó là sự trong sạch và thiện chí chối ngại sẽ quét sạch bất cứ thứ gì bất hảo bằng cách mạnh mẽ tuôn ra một luồng tình thương.

Cũng có những dịp mà ta có thể cần dùng tới một lớp vỏ che chở bản thân: (1) khi ta gia nhập vào một đám đông ô hợp; (2) khi ta tham thiền; (3) khi ta sắp ngủ thiếp đi; (4) trong trường hợp đặc biệt mà nếu không có sự trợ giúp của nó thì những tư tưởng thấp hèn rất có thể sẽ đến quấy rối. Trường hợp (2) được bàn ở Chương XVI, trường hợp (3) ở Chương XVIII, trường hợp (4) ở Chương XIII.

Một lớp vỏ che chở có công dụng nhất định khi trợ giúp cho người khác và một “nhà phò trợ vô hình” thường thấy nó là vô giá khi trợ giúp cho người nào chưa đủ sức mạnh để tự vệ hoặc chống lại một con lóc hăng hữu gồm những tư tưởng lang thang và gây mệt mỏi. Dường như chắc chắn rằng những con thú sống trong thế giới xúc động đều có khả năng thần giao cách cảm phóng ra những xung lực xúc động tới đồng loại ở cách xa. Thật vậy, trong tác phẩm hấp dẫn *“Loài thú Nói chuyện Ra sao”*, William J. Long nêu rõ rằng ông có lý do để tin phương pháp giao tiếp thầm lặng này là ngôn ngữ chung của toàn thể thế giới động vật.

Có nhiều ví dụ đưa ra bởi người quan sát đầy thiện cảm và sắc sảo về sinh hoạt của loài thú. Một con chó săn tên là Don dường như luôn luôn biết chừng nào thì chủ mình sẽ về nhà ngay cả những lúc bất thường và bất ngờ.

Nó cũng biết bao giờ là thứ bảy hoặc ngày lễ và lúc nào chủ mình có ý định dắt mình đi dã ngoại vào trong rừng. Một con chó khác tên là Watch đã được quan sát đi quan sát lại bắt đầu gập gối chủ nhân ông vào những lúc thường xuyên xuyên biên giới chỉ trong vòng giây phút khi chủ nhân ông rời nhà đi tới một nơi cách xa 3 – 4 dặm, đi trên một chiếc xe hai bánh do một ngựa kéo, vì con ngựa và con chó có một tình bạn nồng thắm.

Cách thức mà sự sợ hãi hoặc kích động thần kinh được truyền dễ dàng từ người cỡi ngựa sang cho con ngựa thì mọi kỹ sĩ đều thừa biết. Nếu một con chó sói con rời đàn bỏ đi thì chó sói mẹ thay vì đuổi theo chó sói con nó chỉ quan sát mà vẫn im lặng, ngóc đầu lên nhìn chăm chú vào hướng chó sói con, thế là chó sói con lao đảo dừng lại rồi quay gót chạy nhanh về đàn. Một con cáo dường như kiểm soát hoàn toàn được gia đình của mình vào bất cứ lúc nào mà không thốt lên một lời. Nó kiên định nhìn vào đám con thì đám con tức khắc ngừng chơi, chạy tung tăng vào trong hang và vẫn cứ ở đó cho đến khi cáo mẹ đi săn trở về. Một con chó sói bị thương, sau khi nằm bẹp vài ngày thì được biết đã đi thẳng tới xác chết của một con thú cách xa tới 8 hoặc 10 dặm mà đàn thú ấy trong thời gian đó đã bị giết chết và cố nhiên không để lại vết tích để đi tìm.

Thuyền trưởng Rule đã quan sát thấy rằng vào lúc ông tấn công con cá nhà táng thì mọi con cá nhà táng khác trong vòng 10 dặm cũng quây đuôi dường như thể nó cũng bị mũi

lao đâm vào. Một vài con chim đại xuất hiện ở vườn sau vào lúc những con chim khác đang hồi hả ăn mồi chứ không vào lúc nào khác. “Bài tập Cát cánh” của những con chim sáo sậu là một hiện tượng dường như chỉ có thể giải thích được bằng giả thuyết về thần giao cách cảm. Một nhận xét tương tự như thế áp dụng cho chuyển động của một bầy chim cút.

Nhiều người thợ săn đã nhận thấy rằng nếu mình đi ra ngoài mà không đem súng săn hoặc bất kỳ ý định giết thú nào thì họ thường nhìn thấy và đến rất gần nhiều loài thú hoang, nhưng khi họ đi ra ngoài có võ trang với ý định săn bắn, thì họ thấy bọn thú lẩn xăn nghi ngại và không thể tới gần chúng được. Một người thợ săn đã học biết rằng sự kích động được truyền từ người sang thú bèn ức chế chính sự kích động thể xác và thể trí của mình; bấy giờ y thấy rằng mình có thể đến gần con mồi dễ dàng hơn nhiều so với trước kia khi chưa học được phép ấy; sự thật của điều này được chứng tỏ qua những bộ da cộp mà y thu được.

Tác giả còn đi xa hơn và nêu rõ rằng mình đã gặp những người da đỏ và những người khác có cái mà một số người Phi châu gọi là “chumfo”, nó dường như thể đóng vai trò một giác quan đặc biệt cảnh báo nguy hiểm đang tới gần v.v. . . thường thường trong những hoàn cảnh không hề có khả năng đạt được bất kỳ thông tin nào qua năm giác quan thông thường.

Bạn đọc nào quan tâm tới đề tài này nói riêng và sinh hoạt của loài thú nói chung, thì tác giả khuyên nên đọc quyển “*Loài thú Nói chuyện Ra sao*” cũng như những tác phẩm khác của William J. Long.

CHƯƠNG XI **SỰ CHUYÊN DI TƯ TƯỞNG: (b) HỮU THỨC** **VÀ PHÉP CHỮA BỆNH TRÍ TUỆ**

Điều này nằm trong khả năng của hầu hết bất kỳ hai người nào, miễn là họ quan tâm dành hết nỗ lực cho có đủ thời gian và sự kiên trì, có thể suy tư kiên định và trong sáng, tự tin mình có khả năng chuyên di tư tưởng, thậm chí khá tinh thông về thuật này. Dĩ nhiên có khá nhiều tài liệu về đề tài này chẳng hạn như *Văn kiện của Hội Khảo cứu Tâm linh*.

Hai cuộc thí nghiệm ất thỏa thuận được về một thời gian thích hợp cho cả đôi bên, chẳng hạn mỗi ngày dành 10 hoặc 15 phút cho nhiệm vụ này. Thế rồi mỗi người phải bảo rằng mình không bị quấy rầy bằng bất cứ kiểu nào. Một người là người phóng chiếu tư tưởng hoặc truyền tư tưởng cho người kia tiếp thu tư tưởng; trong hầu hết mọi trường hợp thì ta nên luân phiên những vai trò này để tránh nguy cơ một người trở nên thụ động bất bình thường; vả lại ta có thể phát hiện thấy rằng một người ất truyền tư tưởng tốt hơn hẳn, còn người kia ất nhận tư tưởng tốt hơn. Người truyền tư tưởng lựa chọn một tư tưởng có thể là bất cứ thứ gì từ một ý tưởng trừu tượng cho tới một vật cụ thể hoặc một hình kỷ hà đơn giản; y định trí vào nó rồi gây ấn tượng về nó lên bạn mình. Hiếm khi nào ta cần phải nhấn mạnh rằng tâm trí nên hoàn toàn tập trung, ở trong tình trạng mà Patanjali mô tả một cách thi vị là “nhất tâm”. Người thiếu kinh nghiệm không nên toan tính định trí quá lâu kéo chú tâm của y sẽ bị dao động hoặc xao lãng, thế là hình thành một thói quen xấu, phát triển sự căng thẳng dẫn tới sự mệt mỏi. Đối với nhiều người nếu không phải là đa số mọi người, thì định trí trong vài giây an toàn hơn định trí trong vài phút. Người tiếp nhận thả lỏng cơ thể càng thoải mái càng tốt kéo bất kỳ sự khó chịu nào của cơ thể cũng làm xao lãng chú tâm của y đối với vấn đề đang xét. Y phải để cho cái trí mình được trống rỗng – một nhiệm vụ

tuyệt nhiên không dễ chút nào với kẻ thiếu kinh nghiệm nhưng cũng đủ đơn giản một khi đã biết “bí quyết” – và y phải để ý tới những tư tưởng trôi giạt vào trí mình. Y nên viết những điều xảy ra, y chỉ cần quan tâm là cứ thụ động, không bác bỏ điều gì cũng không khích lệ điều gì. Người truyền tư tưởng dĩ nhiên cũng ghi lại những tư tưởng mà mình phóng đi và hai bản ghi chép đến một lúc thích hợp sẽ được đối chiếu. Nếu những người thực nghiệm không bắt cập một cách bất bình thường về mặt sử dụng ý chí và kiểm soát tư tưởng thì một khả năng giao tiếp nào đó sẽ được xác lập trong vòng vài tuần hoặc cùng lắm là trong vòng vài tháng. Người biên soạn tác phẩm này (A. E. Powell) biết rằng nó xảy ra ngay lần toan tính đầu tiên.

Một khi đã thỏa mãn với khả năng chuyển di tư tưởng, học viên huyền bí học chánh đạo không nên tự mãn với những cuộc thí nghiệm mang tính học thuật như vừa mô tả trên đây, hoặc không chỉ tự mãn với việc phóng đi những tư tưởng tốt bụng cho bạn bè dù chúng hữu ích đến một mức độ nào đó. Y có thể sử dụng quyền năng tư tưởng của mình với tác dụng lớn lao hơn nhiều.

Vậy là ta hãy xét một ví dụ hiển nhiên, giả sử học viên muốn giúp một người đang mắc phải một thói quen tai hại, chẳng hạn như nghiện rượu. Trước hết y nên nhận biết xem lúc nào thì tâm trí bệnh nhân rất có thể là rảnh rang chẳng hạn như giờ đi ngủ. Nếu người ấy đã ngủ thiếp đi thì lại càng tốt. Vào lúc đó, y nên ngồi một mình và hình dung bệnh nhân ngồi trước mặt mình. Việc hình dung rất rõ ràng không thiết yếu nhưng quá trình này sẽ trở nên hữu hiệu hơn nếu người ta có thể hình dung một cách sống động, rõ ràng và đầy đủ chi tiết. Nếu bệnh nhân đang ngủ thì y sẽ bị thu hút về phía người đang nghĩ tới mình và sẽ làm linh hoạt cái hình ảnh của chính mình đã được người kia tạo ra. Thế rồi học viên nên tập trung hết tâm trí chú ý vào hình ảnh và gợi cho nó những tư tưởng mà mình muốn gây ấn tượng lên tâm trí của bệnh nhân. Y nên trình bày những tư tưởng này thành ra những hình tư tưởng rõ rệt giống như khi nêu ra các lập luận trước mặt bệnh nhân hoặc biện hộ với y bằng lời lẽ.

Cần rất cẩn thận đừng toan tính kiểm soát một chút ý chí của bệnh nhân; nỗ lực chỉ nên nhằm việc đưa ra trước tâm trí bệnh nhân những ý tưởng thu hút trí thông minh và xúc động của y, có thể giúp cho y tạo ra một phán đoán đúng đắn và nỗ lực thực hiện nó. Nếu người ta toan tính áp đặt lên bệnh nhân một đường lối ứng xử đặc thù, và toan tính đó thành công cho dù chỉ chút ít nếu người ta đạt được bất cứ điều gì đó. Thoạt tiên chẳng hạn như tác dụng làm suy yếu sự thôi thúc trong tâm trí bệnh nhân có thể gây hại cho y nhiều hơn chuyện làm bậy mà y đã được cứu vớt. Hơn nữa khuynh hướng của tâm trí nhằm sa đà vào những thói quen xấu ắt không thay đổi bằng cách dùng một chướng ngại vật cản đường y sa đà vào một dạng thói xấu đặc thù. Nếu bị kiểm soát theo hướng này thì nó lại tìm hướng khác, thế là tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa. Như vậy, bắt buộc một người phải mực thước bằng cách không chế ý chí của y thì cũng không chữa được thói xấu của y chẳng khác nào nhốt người ấy vào tù. Ngoài nhận xét thực tế nêu trên, xét về mặt nguyên tắc thì điều này hoàn toàn sai khi một người cố gắng áp đặt ý chí của mình lên người khác, cho dầu để người khác làm điều đúng đắn. Sự tăng trưởng chân chính không được trợ giúp qua sự cưỡng chế từ bên ngoài. Người ta phải thuyết phục trí thông minh khơi dậy và tẩy trừ xúc động trước khi đạt được thành quả chân thực.

Nếu học viên muốn trợ giúp theo kiểu nào đó bằng tư tưởng của mình thì y nên tiến hành theo một đường lối tương tự. Như ta thấy ở Chương VIII, việc mạnh mẽ mong ước cho bạn gặp điều tốt, gửi cho y một tác nhân bảo vệ nói chung sẽ ở lẫn quanh xung quanh y dưới dạng một hình tư tưởng nhất thời, tỉ lệ với sức mạnh của tư tưởng và sẽ ngăn ngừa y khỏi

gặp điều ác, đóng vai trò một hàng rào chống lại tư tưởng thù địch, thậm chí ngăn cản những nguy cơ về thể chất. Một tư tưởng yên bình và an ủi được gửi đến như thế sẽ xoa dịu tâm trí và làm cho nó bình tĩnh, làm lan tỏa xung quanh đối tượng một bầu không khí yên bình. Như vậy hiển nhiên là sự chuyển di tư tưởng có liên quan mật thiết tới việc chữa bệnh tâm trí vốn nhằm vào việc người thao tác chuyển những tư tưởng mạnh mẽ tốt đẹp tới cho bệnh nhân. Những ví dụ về điều này là Khoa học Ki Tô giáo, khoa học trí tuệ, việc chữa bệnh bằng tâm trí v.v. . .

Những phương pháp khi người ta toan tính chữa trị cho người bệnh bằng cách tin rằng y đang khỏe mạnh thì người ta thường vận dụng một mức độ ảnh hưởng thôi miên đáng kể. Thể trí, thể vía, thể phách của một người có liên quan mật thiết với nhau đến nỗi nếu một người tin rằng mình khỏe mạnh chỉ trong tâm trí, thì cái trí của y có thể bắt buộc thể xác hài hòa với trạng thái tâm trí, thế là chữa được bệnh.

H. P. Blavastky xét thấy thật là chính đáng và thậm chí minh triết khi sử dụng thuật thôi miên để cứu một người thoát khỏi chứng nghiện rượu chẳng hạn, miễn là người thao tác biết đúng mức để có thể phá vỡ thói quen và giải phóng ý chí của bệnh nhân sao cho ý chí ấy có thể được huy động chống lại thói xấu nghiện rượu. Quyền năng ý chí của bệnh nhân đã trở nên tê liệt do việc y nghiện rượu cho nên nhà thôi miên mới dùng sức mạnh của thuật thôi miên để làm phương tiện tạm thời khiến cho ý chí con người phục hồi và tái khẳng định.

Bệnh thần kinh rất dễ khuất phục trước quyền năng ý chí, bởi vì hệ thần kinh đã được định hình để biểu diễn quyền năng tinh thần trên cõi hồng trần. Ta đạt được kết quả nhanh chóng nhất khi tác động trước hết lên hệ thần kinh giao cảm, bởi vì hệ thần kinh ấy có quan hệ trực tiếp với khía cạnh ý chí dưới dạng ham muốn, còn hệ thần kinh não tủy có liên quan trực tiếp với khía cạnh nhận biết và ý chí thuần túy.

Một phương pháp chữa bệnh khác đòi hỏi người chữa trị trước hết phải khám phá chính xác được điều gì trực trặc để hình dung ra cơ quan bị bệnh rồi tưởng tượng nó sẽ phải như thế nào. Kế đó y xây dựng vật chất trung giới vào bên trong hình tư tưởng trí tuệ mà y đã tạo ra như vậy, rồi dùng sức mạnh từ khí, y làm nó cô đọng lại thêm nữa bằng vật chất dĩ thái và cuối cùng xây dựng vào đó những vật liệu thô bằng chất hơi, chất lỏng và chất đặc. Qua việc sử dụng những vật liệu đã sẵn có trong cơ thể và cung cấp từ bên ngoài những gì còn thiếu sót.

Rõ ràng là phương pháp này ít ra cũng phải có một ý tưởng nào đó về giải phẫu cơ thể và sinh lý học; tuy nhiên trong trường hợp một giai đoạn tiến hóa tiên tiến thì ý chí của một người thao tác vốn thiếu hiểu biết trong ý thức trên cõi trần lại có thể được dẫn dắt từ một cõi cao. Trong những việc chữa trị được thực hành bằng phương pháp này thì không có nhiều nguy hiểm đi kèm theo như những phương pháp được tiến hành dễ dãi hơn, và do đó thông dụng hơn qua phương pháp tác động lên hệ thần kinh giao cảm mà ta có nói tới ở bên trên.

Tuy nhiên cũng có một nguy cơ nào đó trong việc chữa bệnh bằng quyền năng ý chí, đó là nguy cơ đẩy bệnh tật lên một thể cao. Bệnh tật thường là lối thoát thanh toán cuối cùng một điều xấu trước kia đã tồn tại trên các cõi cao, cho nên tốt hơn cứ để cho nó thể hiện ra chứ đừng dùng sức mạnh kèm chế nó rồi đẩy lùi nó lại lên các thể cao tinh vi. Nếu đó là kết quả của một ham muốn hoặc tư tưởng gian tà thì tốt hơn nên dùng những phương tiện chữa bệnh cho thể xác, bởi vì những phương tiện chữa bệnh thể xác không thể đẩy lùi di chứng lên cõi cao như trường hợp có thể xảy ra nếu ta dùng những phương tiện của cõi trí tuệ. Vì

thể cho nên thuật thôi miên Mesmer là một quá trình thích hợp vì nó là phương tiện trên cõi trần (Xem *Thế Phách*, Chương XVIII).

Một phương pháp chữa bệnh thật sự là khiến cho thể vía và thể trí được hoàn toàn hài hòa, nhưng phương pháp này khó hơn nhiều chứ không nhanh như phương pháp dùng ý chí. Nếu xúc động trong sạch và tâm trí trong sáng thì thể xác sẽ khỏe mạnh và một người có tâm trí hoàn toàn trong sạch và thẳng bằng sẽ không gây ra bệnh mới mặc dù y có thể có một nghiệp nào đó chưa tiêu tan cần phải được thanh toán hoặc thậm chí y có thể chuốc lấy một số sự không hài hòa nào đó do người khác gây ra.

Đĩ nhiên có những phương pháp khác sử dụng quyền năng tư tưởng để chữa bệnh, bởi vì tâm trí là một quyền năng sáng tạo vĩ đại trong vũ trụ mang tính thiêng liêng vũ trụ và mang tính nhân bản nơi con người, và cái trí sáng tạo được bao nhiêu thì nó cũng có thể khôi phục được bấy nhiêu; ở đâu có sự tổn thương thì ở đó cái trí có thể xoay chuyển thần lực để chữa trị tổn thương ấy.

Nhân tiện, chúng ta có thể lưu ý thấy rằng quyền năng môi chài (Xem quyển *Thế Vía*) chỉ là việc tạo ra một hình ảnh rõ ràng mạnh mẽ rồi phóng chiếu nó vào trong tâm trí của người khác.

Sự trợ giúp mà thường dành cho người khác qua việc cầu nguyện phần lớn là do tính chất vừa nêu trên, thường thường thì lời cầu nguyện có tính hữu hiệu so sánh được với lời cầu chúc tốt đẹp bình thường mà ta có thể gán cho việc tín đồ một đạo tập trung chú ý và sức mạnh của lời cầu nguyện của mình. Sự tập trung chú ý và sức mạnh giống như vậy mà không dùng tới việc cầu nguyện cũng tạo ra những kết quả tương tự. Học viên nên nhớ rằng ở đây ta đang nói tới tác dụng của việc cầu nguyện do quyền năng tư tưởng của người cầu nguyện. Đĩ nhiên lời cầu nguyện cũng có những kết quả khác do thu hút sự chú tâm của một số sinh linh thông tuệ đã tiến hóa thuộc giới nhân loại, siêu nhân loại hoặc thậm chí phi nhân loại; nó có thể có kết quả là một sự giúp đỡ trực tiếp của một quyền năng cao siêu hơn bất kỳ một quyền năng nào mà người ta cầu nguyện có được. Tuy nhiên với loại “đáp ứng cầu nguyện” này, ta không trực tiếp dính dáng tới nó ở đây.

Mọi điều mà ta có thể dùng tư tưởng để thực hiện cho người còn sống thì lại còn làm dễ hơn nữa cho người “đã chết”. Như ta có giải thích trong quyển *Thế Vía*, sau khi chết người ta có khuynh hướng xoay chú tâm vào bên trong và sống với những xúc cảm và tâm trí nhiều hơn sống với ngoại giới. Sự sắp xếp lại thể vía do Tinh linh Dục vọng càng có khuynh hướng nhốt chặt những năng lượng trí tuệ ngăn cản không cho chúng biểu hiện ra bên ngoài.

Nhưng người nào bị kiểm soát những năng lượng hướng ngoại như thế thì lại càng dễ tiếp thu những ảnh hưởng từ cõi trí tuệ. Vì vậy, y có thể được trợ giúp, khích lệ và khuyến khích hữu hiệu hơn nhiều so với khi y còn ở trên trần thế.

Trong thế giới của sinh hoạt sau khi chết, một tư tưởng yêu thương cũng sờ sờ ra trước mắt người khác y hệt như một lời nói yêu thương hoặc sự vuốt ve âu yếm trên cõi trần. Vì vậy bất cứ ai đã từ trần đều có thể tiếp nhận những tư tưởng yêu thương và an bình với lòng mong muốn cho y nhanh chóng được siêu thoát. Chỉ có điều quá nhiều người vẫn còn ở trong tình trạng trung gian lâu hơn mức lẽ ra phải như vậy, bởi vì họ không có bạn bè biết cách trợ giúp mình ở phía bên kia cửa tử.

Các huyền bí gia vốn là các giáo chủ tôn giáo lớn đều thừa biết việc phụng tự dành cho những người đã quá cố được những người còn sống thực hiện. Vì thế cho nên tín đồ Ấn giáo có Shraddha, tín đồ Ki Tô giáo có lễ Misa và những lời cầu nguyện dành cho “người chết”.

Cũng giống như vậy, việc chuyển di tư tưởng có thể diễn ra theo chiều ngược lại, nghĩa là từ người đã thoát xác chuyển sang cho người còn sống trên cõi trần. Vậy là chẳng hạn như tư tưởng mạnh mẽ của một diễn giả bàn về một tư tưởng đặc thù có thể thu hút sự chú tâm của những thực thể đã thoát xác quan tâm tới đề tài ấy; thật vậy, thính giả gồm nhiều người trên cõi trung giới hơn là những người còn đang mang xác phàm.

Đôi khi một trong những khách tham quan này có thể biết đề tài ấy nhiều hơn cả diễn giả nữa, trong trường hợp này y có thể giúp sức bằng sự ám thị hoặc minh họa. Nếu diễn giả có thần nhãn thì y có thể thấy người trợ giúp mình cùng những ý tưởng mới được thể hiện qua vật chất tinh vi trước mắt mình. Nếu y không có thần nhãn thì người trợ giúp có lẽ phải gây ấn tượng của những ý tưởng ấy lên bộ óc của diễn giả và trong trường hợp này diễn giả có thể giả định rằng chúng là ý tưởng của mình. Loại trợ giúp này thường do một nhà “phò trợ vô hình” cung ứng. (Xem quyển *Thế Via*, trang 245-246).

Quyền năng tư tưởng phối hợp của một nhóm người được cô ý dùng cho một cứu cánh nào đó thì cả các huyền bí gia lẫn những người khác đều thừa biết, họ vốn có biết một điều gì đó về khoa học thâm sâu của trí tuệ. Vậy là trong một bộ phận nào đó của Ki Tô giáo, người ta có thói quen trước khi gửi một đoàn thừa sai đi tới phúc âm hóa một giáo khu đặc biệt nào đó thì người ta thường suy tư bèn bí và xác định. Bằng cách này, một bầu hào quang tư tưởng được tạo ra ở giáo khu ấy rất thích hợp cho việc truyền bá những giáo huấn mà người ta nghĩ tới và những bộ óc tiếp thu đã được chuẩn bị để được tiếp nhận giáo huấn.

Các dòng tu chiêm niệm của Giáo hội Công giáo La mã đã dùng tư tưởng để làm được những điều tốt đẹp và hữu ích cũng giống như những tu sĩ ẩn dật thuộc các tín ngưỡng Ấn Độ giáo và Phật giáo.

Thật vậy, ở đâu có một trí thông minh tốt đẹp và trong sạch được vận dụng để trợ giúp cho thế gian bằng cách dùng nó để phổ truyền những tư tưởng thanh cao và cao cả thì ở đó người ta đã phục vụ nhất định cho con người, và tư tưởng gia cô độc trở thành một trong những người đã nâng thế giới lên tầm cao.

Còn một ví dụ nữa mà ta có thể xếp loại một phần là hữu thức còn một phần là vô thức, đó là cách thức khiến một người ảnh hưởng mạnh mẽ tới người khác bằng bầu hào quang tư tưởng khi một đệ tử hoặc môn sinh liên kết với một đạo sư hoặc sư phụ.

Ở phương Đông người ta thừa biết điều này khi người ta công nhận rằng một phần quan trọng nhất và hữu hiệu nhất trong việc rèn luyện đệ tử chính là việc y thường xuyên sống với sự có mặt của sư phụ và tắm mình trong hào quang của ngài. Dù thứ hiện thể của sư phụ rung động đều đặn và mạnh mẽ với nhịp độ vừa cao vừa đều đặn hơn bất cứ thứ gì mà đệ tử có thể duy trì được, mặc dù đôi khi y có thể đạt tới mức ấy trong những phút giây ngắn ngủi. Nhưng áp lực thường xuyên của những làn sóng tư tưởng mạnh mẽ hơn thuộc sư phụ dần dần nâng làn sóng tư tưởng của đệ tử lên cùng một cung bậc. Ta có thể xét một sự tương tự đại khái trong việc học nhạc. Một người chỉ có ít năng khiếu nghe nhạc ắt thấy khó mà hát đúng được những quãng nhạc thôi, những nếu y gia nhập với một giọng hát khác mạnh mẽ hơn đã hoàn toàn lão luyện rồi thì nhiệm vụ của y trở nên dễ dàng hơn nhiều.

Điều quan trọng là nốt chủ âm của sư phụ phải luôn luôn trỗi lên sao cho tác động của nó ảnh hưởng tới đệ tử ngày đêm mà không cần tới bất kỳ tư tưởng đặc biệt nào của bất cứ bên nào trong hai bên. Như vậy sự tăng trưởng các thể tinh vi của học trò sẽ trở nên dễ xảy ra hơn theo đúng hướng, không một kẻ phàm phu nào tác động một cách tự động và không có chủ ý mà lại gây tác dụng thậm chí được bằng một phần trăm ảnh hưởng đã được điều động cẩn thận của một bậc đạo sư. Nhưng trong một chừng mực nào đó, số lượng cũng có thể bù trừ cho việc thiếu quyền năng cá biệt sao cho áp lực không ngừng (mặc dù không

nhận biết được) tác động lên chúng ta do ý kiến và xúc cảm của những người đồng nghiệp cũng thường khiến cho ta hấp thụ mà không hề biết tới nhiều thành kiến của họ, như ta thấy trong Chương trước kia lúc bàn về ảnh hưởng tư tưởng của quốc gia và chủng tộc.

Một đệ tử “chính thức” của Chơn sư vốn tiếp xúc mật thiết với tư tưởng của Chơn sư đến nỗi y không thể tự rèn luyện mình vào bất kỳ lúc nào mà không để ý xem tư tưởng đó ra sao đối với bất kỳ đề tài cho sẵn nào; bằng cách ấy y thường tránh khỏi sai lầm. Chơn sư lúc nào cũng có thể phóng ra một tư tưởng thông qua đệ tử hoặc là một sự gợi ý hoặc là một thông điệp. Chẳng hạn như nếu đệ tử đang viết thư hoặc diễn thuyết thì trong tiềm thức Chơn sư biết được sự kiện ấy và bất cứ lúc nào ngài cũng có thể phóng vào tâm trí đệ tử một câu để được bao gồm trong bức thư hoặc sử dụng trong bài diễn thuyết. Trong những giai đoạn đầu tiên, đệ tử thường không có ý thức về điều này và giả định rằng ý tưởng ấy xuất lộ tự phát trong tâm trí mình, nhưng chẳng bao lâu sau y đã học được cách nhận ra tư tưởng của Chơn sư. Quả thật, y nên học cách nhận ra nó, bởi vì có nhiều thực thể trên cõi trí tuệ và cõi trung giới có những ý định tốt đẹp nhất theo những đường lối hữu hảo nhất rất sẵn lòng đưa ra những ám thị tương tự, và rõ ràng đệ tử cần học biết để phân biệt chúng từ đâu tới.

CHƯƠNG XII NHỮNG TRUNG TÂM TƯ TƯỞNG

Trên cõi trí tuệ có một số trung tâm tư tưởng dứt khoát là đã được cục bộ hóa, là những nơi chốn thực sự trong không gian mà các tư tưởng thuộc cùng một loại được thu hút về đó do sự giống nhau về rung động, cũng giống như những người nói cùng một thứ tiếng bị thu hút về với nhau. Các tư tưởng về một đề tài cho sẵn bị thu hút về một trong các trung tâm này, nó hấp thụ bất kỳ số lượng tư tưởng nào dù là mạch lạc hay rời rạc, đúng hay sai; trung tâm này là một loại tiêu điểm cho mọi đường lối tư tưởng hội tụ xung quanh đề tài ấy, những thứ này lại được nối kết với nhau qua hàng triệu đường nối với đủ loại đề tài khác nữa. Chẳng hạn như tư tưởng triết học có một địa hạt của riêng mình với những phân bộ tương ứng những ý tưởng triết học chính yếu, mọi loại tương quan kỳ diệu tồn tại giữa đủ thứ trung tâm này, phô bày đường lối mà các hệ thống triết học khác nhau liên kết với nhau. Những tập hợp tư tưởng ấy biểu diễn tất cả những gì mà người ta đã suy nghĩ về đề tài ấy. Bất cứ ai suy nghĩ sâu sắc, chẳng hạn như về triết học, đều đưa mình tới tiếp xúc với nhóm xoáy lực này. Nếu y đang ở trong thể trí, cho dù lúc đang ngủ hay đã chết, thì y bị thu hút vượt không gian đi tới bộ phận thích hợp trong cõi trí tuệ. Nếu thể xác mà y đang gắn kết ngăn cản chuyện này thì y sẽ vươn lên một tình huống rung động đồng cảm với một trong các xoáy lực ấy và sẽ tiếp nhận từ chúng bất cứ thứ gì mà mình đồng hóa được; nhưng tiến trình này tương đối ít thoải mái hơn trường hợp nếu y thực sự trôi dạt vào đó.

Không có chính xác một trung tâm tư tưởng dành cho kịch nghệ và chuyện hư cấu, nhưng có một vùng dành cho cái gọi là tư tưởng tiểu thuyết – một nhóm rộng lớn nhưng khá ư không xác định, gồm những hình tư tưởng bao gồm một đấng là một đám tổ hợp lơ mơ nhưng xuất sắc liên quan tới mối quan hệ của hai giới tính, một đấng là những xúc động đặc trưng cho tinh thần hiệp sĩ thời trung cổ và còn một mớ những chuyện thần tiên nữa. Ảnh hưởng của các trung tâm tư tưởng đối với người ta là một trong những lý do tại sao thiên hạ lại suy nghĩ theo kiểu bầy đàn như đàn cừu, đó là vì một người lười biếng động não ắt dễ chấp nhận một tư tưởng sẵn có của một người khác hơn là phải trải qua công trình lao động trí tuệ cứu xét đề tài này và tự mình đạt tới một quyết định.

Hiện tượng tương ứng trên cõi trung giới tác động theo một cách hơi khác. Những hình tư tưởng xúc động không tụ tập lại ở một trung tâm duy nhất trên thế giới mà chúng lại hỗn hợp với những hình tư tưởng khác có cùng bản chất ở gần kề ngay đó, sao cho những khối xúc cảm không lờ và rất mãnh liệt đều đang trôi nổi hầu như ở khắp nơi khiến cho người ta rất dễ tiếp xúc với chúng và chịu ảnh hưởng của chúng. Những ví dụ về ảnh hưởng như thế xảy ra trong trường hợp hoảng loạn, điên rồ đến phát cuồng, trầm uất v.v. . . Những dòng xúc cảm bất hảo như vậy đến với con người qua luân xa ở rún. Cũng tương tự như thế, người ta có thể chịu ảnh hưởng tốt đẹp của những xúc động cao thượng tác động qua luân xa tim. Thật khó miêu tả đáng về bên ngoài của những kho chứa tư tưởng này; mỗi tư tưởng dường như tạo ra một đường mòn, đào một lối đi xuyên qua vật chất của cõi trí tuệ. Lối đi này một khi đã được xác lập cứ mở ra hoài, hoặc nói cho đúng hơn là dễ dàng mở ra trở lại, nghĩa là các hạt của nó được làm linh hoạt trở lại khi có bất kỳ nỗ lực mới mẻ nào. Nếu nỗ lực này đi theo đường lối chung của đường lối tư duy đầu tiên thì nó dễ dàng thích ứng hơn nhiều đủ để đi dọc theo cái đường lối ấy hơn là nó phải đục đẽo ra một con đường hơi khác một chút, cho dù đường này có thể song song với đường đã có sẵn.

Đĩ nhiên nội dung của những trung tâm tư tưởng này có nhiều hơn mức bất cứ một nhà tư tưởng bình thường nào cần tới. Đối với những người nào mạnh mẽ và kiên trì thì còn có những khả năng khác liên kết với những trung tâm này. Một là: có thể đạt tới tâm trí của những người tạo ra thần lực ấy thông qua những trung tâm tư tưởng ấy. Vì thế cho nên, người nào mạnh mẽ, tha thiết, kính cẩn, có thể dạy dỗ được đều thật sự quì dưới chân của những tư tưởng gia vĩ đại trong quá khứ và học được từ các ngài những vấn đề của cuộc sống. Vậy là người ta có thể trác tâm hóa những hình tư tưởng khác nhau thuộc một trung tâm tư tưởng rồi đi theo chúng tới tận nhà tư tưởng có liên kết với chúng qua rung động để thu được thêm thông tin từ các nhà tư tưởng ấy. Hai là có một điều: bản thân chân lý hoặc nếu các ý tưởng ấy quá trừu tượng khiến ta không lĩnh hội được thì chúng ta có thể nói đó là quan niệm về chân lý trong cái trí của Thái dương Thượng Đế. Tư tưởng ấy có thể được tiếp xúc bởi kẻ nào đã đạt được mức hiệp nhất hữu thức với đáng thiêng liêng chứ ai dưới mức ấy thì không tiếp xúc được. Tuy nhiên ta có thể thấy những phản chiếu của nó từ cõi này chiếu xuống cõi kia càng ngày càng mờ đi khi chúng giáng xuống. Ít nhất thì một số những phản chiếu này cũng nằm trong tầm của một người có tư tưởng bay vút lên gặp được chúng.

Do sự tồn tại của những trung tâm tư tưởng này ta mới có một điều khác rất đáng chú ý. Hiển nhiên là nhiều tư tưởng gia có thể cùng một lúc rút ra được từ cùng một cõi trí tuệ và có thể thu thập từ đó những ý tưởng giống hệt nhau. Khi điều này xảy ra thì có thể là việc biểu hiện những ý tưởng ấy trên cõi trần trùng hợp với nhau; bấy giờ kẻ vô minh có thể buộc tội họ là đạo văn của nhau. Việc điều này không thường xuyên xảy ra trong trường hợp thực tế là do bộ óc của con người rất nặng trọc nên tương đối hiếm khi đưa được một điều gì đó học được trên cõi cao xuống tận cõi trần. Hiện tượng này xảy ra chẳng những trong địa hạt văn chương mà còn trong lãnh vực sáng chế phát minh, vì ở các phòng cấp bằng phát minh, người ta thừa biết là hầu như các phát minh giống nhau thường xảy ra cùng một lúc. Các tác giả cũng có thể thu được những ý tưởng khác từ Tiên thiên ký ảnh (Akashic records), nhưng ta sẽ bàn tới đề tài này ở một Chương sau.

CHƯƠNG XIII

Ý THỨC “TỈNH TÁO” TRÊN CỖI TRẦN

Trong chương này ta sẽ xét tới thể trí khi nó tồn tại và được sử dụng trong lúc có ý thức tỉnh táo bình thường nghĩa là trong sinh hoạt bình thường trên cõi trần. Để cho thuận tiện ta nên lần lượt bàn tới ba yếu tố vốn xác định bản chất và sự hoạt động của thể trí trong sinh hoạt trên cõi trần, nghĩa là (1) Sinh hoạt trên cõi trần, (2) Sinh hoạt về mặt Xúc động, (3) Sinh hoạt về mặt Thể trí.

(1). SINH HOẠT TRÊN CỖI TRẦN.

Trong Chương XIII của quyển Thể vía, ta có liệt kê và mô tả những yếu tố trong sinh hoạt trên cõi trần vốn có ảnh hưởng tới thể vía. Hầu hết những điều đã được viết ra trong đó đều được áp dụng cho thể trí với những sửa đổi thích đáng. Vì vậy, ở đây ta sẽ không bàn trở lại dài dòng về những yếu tố mà chỉ ôn lại chúng một cách ngắn gọn với sự bình luận tối thiểu khi cần thiết.

Vì mọi bộ phận của thể xác đều có âm bản tương ứng trên cõi trung giới và cõi hạ trí cho nên suy ra rằng một thể xác không trong sạch và thô trực ắt có khuynh hướng khiến cho thể trí cũng không trong sạch và thô trực.

Khi xét tới sự kiện bảy cấp vật chất trí tuệ đều lần lượt tương ứng với bảy cấp vật chất hồng trần (dĩ nhiên cũng tương ứng với bảy cấp vật chất trung giới), ta thấy dường như thể trí đặc biệt chịu ảnh hưởng của các chất đặc, chất lỏng, chất khí và chất dĩ thái, nghĩa là bốn cấp vật chất trên cõi trần.

Dĩ nhiên học viên ắt nhận thấy rõ rằng một thể trí bao gồm các biến thể thô trực của vật chất trí tuệ sẽ tương ứng với các loại tư tưởng thô trực dễ dàng hơn các biến thể thanh bại.

Đồ ăn thức uống thô trực có khuynh hướng tạo ra một thể trí thô trực. Thịt, rượu, thuốc lá có hại cho các thể xác, vía và trí. Điều này áp dụng cho hầu hết các thuốc ma túy. Khi người ta dùng một loại thuốc ma túy chẳng hạn như á phiện để làm giảm cơn đau nhức nhối thì nên dè xén đến mức tối đa. Người nào biết cách thì có thể loại bỏ tác dụng không tốt của thuốc phiện đối với thể trí và thể vía sau khi nó đã tác dụng lên thể xác.

Hơn nữa, một cơ thể được nuôi dưỡng bằng thịt và rượu đặc biệt rất dễ bị xáo trộn sức khỏe khi phải mở rộng đón tiếp tâm thức cao siêu; thật vậy, các bệnh thần kinh phần lớn là do sự kiện tâm thức cao siêu đang ra sức biểu hiện thông qua những thể xác bị bế tắc vì ăn thịt và bị nhiễm độc vì uống rượu.

Đủ thứ bụi nhơ cũng thường đáng chê trách ở các cõi cao còn hơn cả cõi trần nữa. Như vậy, chẳng hạn các âm bản cõi trí và cõi trung giới của vật chất phế thải bị thể xác loại bỏ dưới dạng rịn ra mà mắt thường không thấy được là có tính cách bất hảo nhất.

Bất cứ ai muốn giữ cho thể vía và thể trí được trật tự thì nên tránh tối đa những tiếng động lớn bất ngờ hoặc chói tai. Đây là một trong những lý do tại sao học viên huyền bí học nên tránh sinh hoạt nơi một đô thị náo nhiệt, cũng như lũ con nít vì những tác dụng không ngừng của tiếng động có ảnh hưởng tai hại lên thể vía và thể trí mềm dẻo của chúng. Tác dụng tích lũy của tiếng động lên thể trí gây ra cảm giác mệt mỏi và không suy nghĩ rành mạch.

Thể trí của người ta chịu ảnh hưởng hầu hết mọi thứ trong môi trường xung quanh. Vậy là chẳng hạn như những bức tranh treo trên tường trong phòng có ảnh hưởng tới ý không những vì chúng giữ trước mắt y biểu hiện của một vài ý tưởng mà còn vì họa sĩ đã

đặt hết mọi tư tưởng và xúc cảm sâu kín nhất của mình vào trong tác phẩm ấy. Ta gọi đây là phần âm bản vô hình của bức tranh được biểu diễn rõ rệt bằng vật chất trung giới và hạ trí; những thứ này xạ ra từ bức tranh cũng giống hệt như mùi hương vốn sẵn có và tỏa ra từ đóa hoa.

Sách vở đặc biệt là những trung tâm hình tư tưởng mạnh mẽ, ảnh hưởng không ai nhận ra được chúng lên sinh hoạt của một con người thường rất mạnh mẽ. Vì vậy thật không khôn ngoan khi ta bỏ vào giá sách của mình những quyển sách có tính cách khó chịu hoặc bất hảo.

Bùa hoặc bùa yêu có ảnh hưởng tới sinh hoạt của con người trong một chừng mực nào đó. Chúng đã được miêu tả trong quyển *Thẻ Phách* và *Thẻ Vía*. Nói ngắn gọn thì chúng tác động theo hai cách:

- (1) Chúng xạ ra những làn sóng của chính mình vốn có tính chất hữu dụng sẵn có;
- (2) Kiến thức về sự hiện diện và mục đích của lá bùa khơi dậy đức tin và lòng can đảm nơi người đeo bùa và như vậy triệu thỉnh được sức mạnh dự trữ của chính ý chí y.
- (3) Nếu một lá bùa được “liên kết” với người sản sinh ra nó và người đeo bùa hiệu triệu tới người làm ra bùa trong tâm trí thì chơn ngã sẽ đáp ứng và tăng cường các rung động của lá bùa bằng một làn sóng tư tưởng còn mạnh mẽ hơn nó của chính y.

Một lá bùa được tích nhiều từ khí như vậy có thể là một món trợ giúp vô giá; ta phải làm chủ được bản chất thể xác cũng như xúc động và tâm trí, và chắc chắn bản chất thể xác là khó sử dụng nhất. Một người khinh thường những chuyện như bùa còn những người khác thấy con đường huyền bí học là gian nan đến nỗi họ vui lòng tận dụng bất cứ sự trợ giúp nào vốn có thể được hiến dâng cho họ.

Lá bùa mạnh nhất trên hành tinh này có lẽ là *Thần lực Quyền* được giữ ở *Shamballa* và được sử dụng trong điểm đạo cũng như trong những dịp khác.

Người ta cũng chịu ảnh hưởng màu sắc của những vật xung quanh mình. Đó là vì cũng như một xúc cảm hoặc tư tưởng tạo ra trong vật chất tinh vi một màu nào đó, cũng vậy ngược lại, sự hiện diện của một màu cho sẵn thậm chí nơi các sự vật trên cõi trần cũng gây áp lực kiên định, có khuynh hướng khơi dậy xúc cảm hoặc tư tưởng thích hợp với màu ấy. Vì thế cho nên mới có lý do cơ sở chẳng hạn như việc dùng một vài màu được tuyển chọn mà *Giáo hội Ki Tô* dành cho chính diện của bàn thờ, lễ phục v.v. . . trong nỗ lực gia cố cho tâm trạng và xúc cảm đặc biệt thích hợp trong dịp ấy.

Con người chịu ảnh hưởng của những bức tường và đồ đạc trong phòng mình, bởi vì do tư tưởng và xúc cảm của y đã vô hình trung từ hóa những vật trên cõi trần ở gần mình sao cho chúng có được khả năng ám thị cũng một loại tư tưởng và xúc cảm ấy hoặc là đối với chính y hoặc là đối với bất cứ ai chịu ảnh hưởng của chúng. Ta thừa biết có những ví dụ nổi bật về hiện tượng này xảy ra trong những phòng giam và những nơi chốn khác tương tự.

Vì thế cũng có giá trị của những nơi linh thánh khi bầu hào quang, theo sát nghĩa, đang rung động ở nhịp độ cao. Một phòng dành riêng cho tham thiền và suy tư cao thượng chẳng bao lâu sẽ có được một bầu hào quang trong sạch và thanh bai hơn so với thế giới xung quanh mình.

Xét ví dụ về loại lực tư tưởng này, ta có thể trích dẫn trường hợp một vài chiếc tàu hoặc máy móc đã khét tiếng là “không may mắn”. Chắc chắn có trường hợp xảy ra khi hết tai nạn này tới tai nạn khác diễn ra liên quan đến chúng mà không có lý do biểu kiến nào.

Tác dụng có thể xảy ra theo cách thức như sau. Những xúc cảm oán ghét cay đắng có thể đã áp ủ chống lại người xây dựng cái tàu hoặc vị thuyền trưởng đầu tiên. Những xúc cảm về họ có lẽ không đủ mạnh thật sự để gây ra tai họa nghiêm trọng.

Nhưng trong đời sinh hoạt của mọi chiếc tàu có nhiều dịp mà một tai nạn chỉ có thể tránh được nhờ sự cảnh giác và phản ứng nhanh chóng trong đó chỉ một chút chậm trễ hoặc lúng túng cũng đủ để phóng hiện một thảm họa.

Một khối hình tư tưởng như vậy đã được miêu tả cũng quá đủ để gây ra cái sự thiếu cảnh giác nhất thời hoặc do dự nhất thời ấy, đó là đường lối dễ dàng nhất gây ra ác họa.

Rõ ràng là điều ngược lại cũng đúng và một bầu hào quang “may mắn” có thể được kiến tạo xung quanh những đồ vật chất v.v. . . do tư tưởng lạc quan và hồ hởi phấn khởi của những người sử dụng đồ vật ấy. Đối với các thánh tích thì cũng như vậy. Bất cứ món đồ nào đã được tích nhiều từ khí cá nhân đều có thể tỏa ra ảnh hưởng của nó trong nhiều thế kỷ mà thực tế là sức mạnh không hề suy giảm. Cho dầu thánh tích không đúng thực thì lúc tuôn đổ vào nó qua bao nhiêu thế kỷ xúc cảm sùng tín cũng mạnh mẽ từ hóa nó và biến nó thành một lực trợ giúp cho điều thiện.

Như vậy, cho dù cách diễn tả thật kỳ quặc, trong lời khuyên sau đây cũng có minh triết huyền bí: “Bạn hãy nhồi nhét tình thương vào ổ bánh mì mà bạn nướng lên; hãy quấn sức mạnh và lòng can đảm quanh gói quà mà bạn buộc dây cho người đàn bà có khuôn mặt mệt mỏi; hãy trao lòng tin cậy và lòng thành thật vào đồng tiền mà bạn trả cho cái người có cặp mắt đa nghi”. Học viên Chánh pháp có biết bao nhiêu cơ hội để chúc phúc cho tất cả những gì ở xung quanh mình một cách thoải mái, mặc dù những người tiếp nhận có thể hoàn toàn không ý thức được nguồn gốc của điều đến với mình.

Như ta có đề cập ở Chương XI, khi bàn đến sự Chuyển di tư tưởng, sự giao tiếp trên cõi trần với một người tiến hóa cao hơn có thể trợ giúp đáng kể cho sự phát triển và rèn luyện thể trí. Cũng giống như nhiệt bức xạ ra từ lửa, đồ vật ấm áp khi đặt gần lửa, cũng vậy bức xạ tư tưởng của một người suy nghĩ mạnh mẽ hơn chúng ta ắt khiến cho thể trí chúng ta rung động đồng cảm với người ấy và nhất thời ta cảm thấy năng lực trí tuệ của mình được gia tăng.

Ví dụ về tác dụng này thường xảy ra chẳng hạn như trong bài thuyết trình; một người trong đám thính giả khi đang lắng nghe diễn giả dường như hiểu rõ những gì đang nói nhưng về sau quan niệm ấy như mờ nhạt đi và có thể bị quên lãng hoàn toàn trong tâm trí y khi y toan tính mô phỏng lại nó. Lời giải thích là những rung động điều luyện của một tư tưởng gia mạnh mẽ nhất thời đã định hình cho thể trí của người lắng nghe, nhưng sau đó thể trí không thể tự thân tạo ra được trở lại những hình tư tưởng ấy. Vậy là một bậc đạo sư chân chính ắt còn trợ giúp cho môn đồ nhiều hơn nữa khi giữ cho y kề cận bên mình còn hơn cả việc nói ra cho y nghe rồi sau đó chữ của thầy lại trả về thầy.

Những thực thể vô hình liên kết với đại dương, núi non, rừng rú, thác nước v.v. . . đều bức xạ các rung động khơi dậy những bộ phận chưa quen thuộc của các thể trí, thể vía và thể phách; vì thế cho nên theo quan điểm này thì việc đi du lịch có thể có ích lợi cho cả ba hạ thể. Nói chung ta có thể bảo rằng mọi thứ làm gia tăng sức khỏe và phúc lợi của thể xác đều tác dụng thuận lợi lên các thể cao.

Điều ngược lại dĩ nhiên cũng đúng, sinh hoạt trên cõi xúc động và cõi hạ trí có những ảnh hưởng sâu đậm tới thể xác. Đó là vì trong khi quả đúng là do bản chất của sự việc, thể vía và thể trí dễ chịu ảnh hưởng của quyền năng tư tưởng hơn thể xác; thể nhưng ngay cả vật chất của thể xác cũng có thể được uốn nắn bằng quyền năng của xúc động và tư tưởng. Như vậy, chẳng hạn ta thừa biết rằng bất cứ đường lối tư tưởng quen thuộc nào dù là đức tính hay thói xấu đều gây ấn tượng lên các đặc điểm thể chất, hiện tượng này thông thường đến nỗi hầu hết mọi người có lẽ cũng chưa ngộ ra được hoàn toàn ý nghĩa trọn vẹn của nó. Một ví dụ khác là trường hợp “dấu Chúa” xuất hiện ngay trên cơ thể các vị thánh mà có

nhiều trường hợp đã được ghi nhận. Ta có thể cung cấp vô số ví dụ khác trích ra từ kho tài liệu phân tâm học hiện đại và những nguồn thông tin khác.

Trong con người đã tiến hóa cao thuộc Giống dân thứ Năm ngày nay, thể xác quả thật phần lớn chịu ảnh hưởng của những tâm trạng; vì thế cho nên sự lo âu, đau khổ và lo nghĩ trong tâm trí ắt tạo ra sự căng thẳng thần kinh dễ dàng làm xáo trộn các quá trình hữu cơ, tạo ra sự suy nhược và bệnh tật. Tư tưởng và xúc cảm đúng đắn gây tác động lên thể xác làm gia tăng khả năng đồng hóa prana hoặc sinh khí của nó.

Như vậy, sức mạnh của trí tuệ và sự thanh thản trực tiếp làm cho sức khỏe thể xác gia tăng vì người tiến hóa cao thuộc Giống dân thứ Năm sinh hoạt trong thể xác, theo sát nghĩa là qua hệ thần kinh.

(2). SINH HOẠT VỀ XÚC ĐỘNG

Thể trí và thể vía liên kết mật thiết với nhau đến nỗi tạo ra những tác dụng sâu sắc đối với nhau.

Sự liên kết mật thiết giữa kāma (ham muốn) và manas (tâm trí) cùng với tác động của chúng đối với nhau đã được bàn đến ở Chương VI nói về Kāma-Manas. Trong chương này ta chỉ bàn tới một vài tác dụng ngẫu nhiên thêm nữa của thể vía đối với thể trí cũng như tác dụng của thể trí đối với thể vía.

Một làn sóng xúc động càn quét qua thể vía tự thân nó không ảnh hưởng nhiều tới thể trí, mặc dù trong nhất thời nó có thể khiến cho bất kỳ hoạt động nào trong thể trí hầu như không thể truyền xuống cho bộ óc phàm. Đây không phải vì bản thân thể trí chịu ảnh hưởng mà vì thể vía đóng vai trò cầu nối giữa thể trí và bộ óc; thể vía rung động theo một nhịp độ hoàn toàn không thể truyền đạt bất kỳ làn sóng nào không hài hòa với nhịp độ rung động duy nhất ấy.

Vì vậy, tiêu biểu của tác dụng xúc động mạnh mẽ đối với hoạt động của thể trí được thể hiện điển hình qua người đang “si tình”, trong khi ở tâm trạng này màu vàng của trí năng hoàn toàn biến mất khỏi hào quang của y.

Sự ham mê ngũ dục thô thiển trong thể vía vốn được biểu diễn bằng một sắc thái khó chịu đặc trưng hoàn toàn không thể được mô phỏng lại nơi thể trí. Đây là một ví dụ của nguyên tắc vật chất thuộc đủ mọi cõi khi nó trở nên thanh bại hơn dần dần mất đi khả năng biểu diễn được những phẩm tính thấp hèn.

Vậy là một người có thể tạo ra một hình ảnh trí tuệ khơi dậy xúc cảm ham mê ngũ dục nơi bản thân, nhưng tư tưởng và hình ảnh ấy chỉ biểu hiện được qua vật chất trung giới chứ không qua vật chất thể trí. Nó ắt lưu lại một ấn tượng rất xác định với sắc thái đặc thù của mình nơi thể vía, nhưng nơi thể trí nó ắt tăng cường những màu sắc biểu diễn những điều gian tà đi kèm theo đó như tính ích kỷ, ngã mạn và lừa đảo.

Đôi khi có xảy ra việc một vài nhóm xúc cảm và tư tưởng, một số đáng mong muốn và một số không đáng mong muốn lại liên kết mật thiết với nhau. Vậy là chẳng hạn như, ta thừa biết rằng lòng sùng tín sâu sắc và một dạng ham mê ngũ dục nào đó thường hầu như hòa lẫn vào nhau không tách ra được.

Một người thấy mình bị phiền hà vì sự câu kết khó chịu ấy có thể gạt hái ích lợi của lòng sùng tín mà không phải chịu tác dụng xấu của lòng ham mê ngũ dục bằng cách bao quanh thể trí của mình nhờ một lớp vỏ cứng ngắt xét về những sự té phân ở cấp thấp. Bằng cách này y thật sự đã đóng kín hữu hiệu những ảnh hưởng thấp trong khi vẫn còn để cho những ảnh hưởng cao tác động thoải mái lên mình. Đây chẳng qua chỉ là một ví dụ về một hiện tượng có rất nhiều biến thể trong cõi hạ trí.

Thế trí dĩ nhiên có tác dụng đáng kể lên thể vía và học viên nên chú ý cẩn thận tới sự kiện này. Y nên nhớ lại rằng xét cho cùng thì mỗi thể đều bị kiểm soát bởi mỗi thể ngay bên trên nó. Như vậy thể xác không thể tự mình làm chủ được mình, nhưng những đam mê và ham muốn của thể vía có thể điều khiển và kiểm soát thể xác. Đến lượt thể vía lại phải được rèn luyện và kiểm soát bằng thế trí bởi vì chính nhờ tư tưởng mà chúng ta có thể biến đổi ham muốn và bắt đầu chuyển hóa nó thành ý chí, đây là khía cạnh cao của ham muốn. Chỉ Bản ngã dưới dạng Tư tưởng mới có thể làm chủ được Bản ngã dưới dạng Ham muốn. Chính ý thức rất thoải mái tự do trong việc chọn lựa các ham muốn cho thấy một điều gì đó cao hơn ham muốn đang tác động, và điều gì đó cao hơn ham muốn đó là manas; xét về bất cứ điều gì thấp hơn bản thân thì tự do ý chí vốn ở nơi manas.

Học viên cũng nên nhớ lại rằng các luân xa tức trung tâm lực của thể vía được kiến tạo và kiểm soát từ cõi trí tuệ cũng như các trung tâm lực trong óc phàm được kiến tạo từ cõi trung giới.

Mọi xung lực do thế trí phóng xuống óc phàm đều phải đi qua thể vía và vì vật chất thể vía hưởng ứng với các rung động tư tưởng nhiều hơn với vật chất thể xác, cho nên tác động trên thể vía cũng lớn hơn theo tỉ lệ ấy. Quá trình này được bàn trong Thể Vía trang 78 mà học viên nên tham chiếu.

Vì thế cho nên cũng giống như các rung động của vật chất, thế trí kích động các rung động vật chất thể vía, tư tưởng của con người cũng có khuynh hướng kích động các xúc động. Vậy là ta thừa biết rằng chỉ cần nghĩ tới điều mình coi là sai trái thì người ta đôi khi cũng dễ dàng nổi giận. Điều ngược lại cũng đúng. Mặc dù nó thường bị quên lãng. Bằng cách suy nghĩ bình tĩnh và hợp lý, người ta có thể ngăn ngừa hoặc loại trừ sự tức giận hay là những xúc động bất hảo khác.

Một ví dụ về tác dụng của thói quen trật tự và khoa học của thế trí đối với thể xác được minh họa trong quyển *Con người Hữu hình và Vô hình* ở kính ảnh XX, nó phác họa thể vía của mẫu người khoa học. Các màu sắc của thể vía có khuynh hướng sắp xếp thành những dải băng đều đặn và những đường phân giới giữa chúng trở nên dễ dàng và xác định. Trong những trường hợp cực đoan, sự phát triển của trí năng đưa tới việc hoàn toàn loại bỏ xúc cảm sùng tín và làm giảm đáng kể lòng ham mê ngũ dục.

Nói chung việc đạt được định trí và phát triển thế trí cũng ảnh hưởng tới sinh hoạt mơ mộng và có khuynh hướng làm cho các giấc mơ trở nên linh hoạt kéo dài, hợp lý, thậm chí mang tính giáo huấn.

Thật vậy, nơi người đã phát triển thể vía chỉ nên phản ánh những màu sắc của thế trí biểu thị là người ấy chỉ cho phép mình cảm nhận những gì lý trí mình nêu ra.

Ngược lại không một xúc động nào trong bất kỳ hoàn cảnh nào tuyệt nhiên nên ảnh hưởng tới thế trí, vì thế trí là nơi cư trú của tư tưởng chứ không phải của xúc động hoặc đam mê.

(3). SINH HOẠT TRÊN CÔI TRÍ TUỆ

Mặc dù một phần nhỏ công tác xây dựng và tiến hóa tâm trí của con người có thể được thực hiện từ bên ngoài, thế nhưng hầu hết phải là kết quả hoạt động tâm thức của chính y. Vì vậy, nếu một người muốn có thể trí mạnh mẽ tràn đầy nhựa sống, linh hoạt, có thể lĩnh hội được những tư tưởng cao siêu được trình bày cho mình thì y phải kiên định làm việc qua sự suy tư đúng đắn.

Mỗi người là kẻ thường xuyên nhất ảnh hưởng tới thế trí của chính mình. Những người khác chẳng hạn như diễn giả và tác giả đôi khi ảnh hưởng tới thế trí nhưng y mới luôn

luôn ảnh hưởng tới nó. Ảnh hưởng của chính y đối với thành phần cấu tạo của thể trí ắt mạnh mẽ hơn hẳn ảnh hưởng của bất kỳ người nào khác và bản thân y xác định nhịp độ rung động bình thường của thể trí. Những rung động nào không hài hòa với nhịp độ này đều bị vứt đi khi chúng chạm tới thể trí của y. Nếu y suy nghĩ chân thật thì một lời nói dối không thể bám vào thể trí của y; nếu y suy nghĩ một cách yêu thương thì một lòng thù ghét không thể quấy nhiễu y; nếu y suy nghĩ một cách minh triết thì vô minh không thể làm tê liệt y. Tâm trí không được phép dường như thể đang bị bỏ hoang vì lúc bấy giờ bất cứ mầm mống tư tưởng nào có thể bám rễ trong đó và tăng trưởng, nó không được phép tha hồ rung động vì điều đó ngụ ý là nó sẽ đáp ứng với bất kỳ rung động thoáng qua nào. Tâm trí của con người là của chính y, cho nên y chỉ cho phép những tư tưởng nào được chọn ngã chọn lựa thâm nhập vào.

Đa số mọi người chẳng hề biết cách suy nghĩ gì cả, và ngay những người tiến bộ một chút cũng hiếm khi suy nghĩ một cách xác định và cực lực ngoại trừ trong những lúc họ thật sự dấn thân vào một nhiệm vụ nào đó đòi hỏi họ phải toàn tâm toàn ý. Vì vậy phần lớn tâm trí luôn luôn bị bỏ hoang, sẵn sàng tiếp nhận bất cứ hạt giống nào có thể được gieo rắc vào đó.

Nếu quan sát kỹ lưỡng tư tưởng mình thì đại đa số mọi người ắt thấy rằng phần lớn là chúng bao gồm một luồng tư tưởng ngẫu nhiên vốn tuyệt nhiên không phải là tư tưởng của chính mình mà chỉ là những mảnh vụn đã bị những người khác thải bỏ. Kẻ phạm phu khó lòng biết chính xác mình đang suy nghĩ gì vào bất kỳ lúc đặc thù nào hoặc tại sao mình lại nghĩ tới nó. Thay vì hướng tâm trí mình tới một chỗ xác định, y lại để cho nó chạy lòng lên hoặc bị bỏ hoang sao cho bất kỳ hạt giống nguyên nhân nào gieo trồng vào đó cũng có thể nảy mầm và đơm hoa kết trái trong đó.

Một học viên tha thiết ra sức nâng cao mình lên hơi vượt trên tư tưởng của kẻ phạm phu nên nhớ rằng một phần rất lớn tư tưởng nổi loạn vốn thường xuyên gây sức ép lên y ở một mức độ thấp hơn mức độ của chính y; vì vậy y cần phải cảnh giác chống lại ảnh hưởng của nó. Có một đại dương tư tưởng mà mọi loại đề tài hoàn toàn không quan trọng đều được nhồi nhét vào đó và ta cần nghiêm khắc loại bỏ nó đi. Đây là một lý do tại sao việc “Lợp Ngói cho Chi bộ” lại là sự “dè chừng thường xuyên” của mọi hội viên Tam Điểm.

Nếu một người chịu khó tạo ra thói quen tư duy tập trung và bền bỉ thì y ắt thấy rằng bộ óc của mình được rèn luyện để chỉ lắng nghe những sự thôi thúc của Chơn ngã – Chủ thể Tư duy đích thực – nó sẽ vẫn còn yên tĩnh khi không được sử dụng và sẽ từ chối tiếp nhận đáp ứng với những dòng tư tưởng ngẫu nhiên xuất phát từ đại dương tư tưởng xung quanh sao cho nó không còn ngăn cách với những ảnh hưởng từ các cõi cao nơi mà sự giác ngộ vốn sắc sảo hơn và sức phán đoán vốn chân thực hơn bao giờ hết so với mức dưới đây. Chỉ khi nào người ta có thể giữ cho tâm trí mình được kiên định, có thể làm cho nó yên tĩnh và giữ nó trong tình trạng ấy không suy nghĩ gì thì tâm thức cao siêu mới có thể khẳng định được. Lúc bấy giờ con người mới sẵn sàng bước vào việc thực hành tham thiền và Yoga như ta sẽ thấy vào đúng lúc.

Đây là bài học thực hành trong việc rèn luyện thể trí. Kẻ thực hành ắt phát hiện ra rằng nhờ suy nghĩ mà ta mới có thể khiến cho cuộc đời cao cả hơn và hạnh phúc hơn, và cũng quả thật là nhờ có minh triết ta mới có thể chấm dứt được đau khổ.

Người minh triết ắt quan sát tư tưởng của mình một cách kỹ lưỡng nhất vì nhận thức được rằng trong đó có một công cụ hữu hiệu mà mình phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng nó cho đúng đắn. Y có bốn phận phải kèm chế tư tưởng của mình kéo nó chạy lòng lên, gây

tai hại cho bản thân cũng như cho người khác. Y có bốn phận phải phát triển quyền năng tư tưởng bởi vì nhờ vào đó mà y mới có thể làm được nhiều điều tốt.

Việc đọc sách không kiến tạo được thể trí, chỉ tư tưởng mới kiến tạo được nó. Việc đọc sách chỉ có giá trị khi nó cung cấp vật liệu cho tư tưởng và sự tăng trưởng trí tuệ của con người sẽ tỉ lệ với số lượng tư tưởng mà y sử dụng trong khi đọc sách. Nhờ sự vận dụng một cách điều độ và kiên trì – nhưng không quá quắc – khả năng suy nghĩ cũng sẽ tăng trưởng giống như khả năng của cơ bắp tăng trưởng qua việc luyện tập. Nếu không có việc suy tư như thế thì thể trí vẫn còn được kết cấu lỏng lẻo và thiếu tổ chức; nếu không đạt được sự định trí – khả năng cố định tư tưởng vào một điểm nhất định – thì ta không thể vận dụng được quyền năng tư tưởng gì hết.

Như vậy qui luật của sự sống (theo đó sự tăng trưởng là do việc luyện tập) cũng áp dụng cho thể trí cũng giống như thể xác. Khi ta vận dụng thể trí và khiến cho nó rung động theo tác động của tư tưởng thì vật liệu mới được thu hút từ bầu hào quang trí tuệ xung quanh và được xây dựng vào trong thể trí, vậy là nó sẽ gia tăng về kích thước cũng như về sự phức tạp của cấu trúc. Số lượng tư tưởng xác định sự tăng trưởng của thể trí, phẩm chất của tư tưởng xác định loại vật chất được sử dụng cho sự tăng trưởng này.

Ta nên xét tới phương pháp đọc sách tỉ mỉ hơn một chút nữa. Trong một quyển sách được viết ra kỹ lưỡng thì mỗi câu hoặc mỗi đoạn đều bao hàm một phát biểu rõ ràng hoặc một ý tưởng xác định, ý tưởng này vốn được biểu diễn qua hình tư tưởng của tác giả. Hình tư tưởng ấy thường bị bao quanh bởi đủ thứ hình tư tưởng phụ trợ vốn biểu diễn những hệ luận gồm các suy luận cần thiết bắt nguồn từ ý tưởng chính yếu.

Trong trí của người đọc ắt cũng phải dựng nên một bản sao chính xác hình tư tưởng của tác giả, có lẽ ngay tức khắc hoặc có lẽ từng bước một. Liệu những hình tư tưởng biểu thị các hệ luận có xuất hiện hay chẳng còn tùy thuộc vào bản chất cái trí của người đọc, nghĩa là liệu y có nhanh chóng hiểu ngay được mọi thứ tiếp theo suy ra từ một phát biểu nào đó hay chẳng.

Một người có cái trí chưa phát triển tuyệt nhiên không thể suy nghĩ rõ ràng mà chỉ kiến tạo một loại hình khối vô định hình không chính xác thay vì là một hình kỷ hà học. Những người khác có thể tạo ra một hình dạng nhận ra được nhưng có góc cạnh cùn nhụt hoặc một bộ phận với tỉ lệ không thích hợp với phần còn lại. Những người khác có thể tạo ra một loại khung sườn cho thấy rằng họ đã lĩnh hội được đại khái về ý tưởng ấy nhưng chưa được sống động và thiếu chi tiết. Còn có những người khác có thể tiếp xúc với một khía cạnh của ý tưởng chứ không phải khía cạnh khác, vậy là chỉ kiến tạo được một nửa hình tư tưởng hoặc chỉ lĩnh hội được một điều và bỏ qua những điều còn lại.

Một người học giỏi ắt mô phỏng được hình ảnh của ý tưởng trung tâm một cách chính xác và ngay tức khắc, còn những ý tưởng ngoại vi sẽ xuất lộ từng thứ một khi xoay vòng ý tưởng trung tâm trong trí mình.

Một trong những lý do chính yếu của các hình ảnh bất toàn chính là việc thiếu chú ý. Một nhà thần nhãn thường có thể nhìn thấy tâm trí của một người đọc bện bện với nửa tá đề tài cùng một lúc. Trong óc y đang sôi sục những lo toan về gia đạo, những lo âu về chuyện làm ăn, nhớ lại và tiên niệm những điều khoái lạc, một mỗi vì phải nghiên cứu v.v. . ., những thứ này chiếm hết 9/10 thể trí của y, chỉ để lại 1/10 nỗ lực tuyệt vọng nhằm lĩnh hội cái hình tư tưởng mà giả sử rằng y đang đồng hóa từ quyển sách.

Kết quả của việc đọc sách manh mún và thiếu hệ thống như vậy chỉ lấp đầy thể trí bằng một đồng hình tư tưởng vụn vặt rời rạc giống như những viên sỏi thay vì xây dựng nó thành ra một tòa kiến trúc có thứ tự.

Vì vậy rõ ràng là để có thể sử dụng cái trí và thể trí hữu hiệu thì ta cần phải rèn luyện nó, chú ý và định trí; con người phải học cách giải tỏa tâm trí mình khỏi mọi tư tưởng ngoại lai không dính dáng vô chủ đề mà y đang nghiên cứu.

Nhờ hình tư tưởng của tác giả, một học viên lão luyện có thể tiếp xúc với tâm trí của tác giả và thu được từ y thêm thông tin hoặc ánh sáng về những điều khó hiểu, mặc dù trừ phi học viên đang phát triển cao, y sẽ tưởng tượng rằng những tư tưởng mới đến với mình chỉ là của mình thôi thay vì là tư tưởng của tác giả.

Nên nhớ rằng mọi công trình trí tuệ được thực hiện trên cõi trần đều phải được thực hiện qua óc phàm thì mới được coi là thành công, cho nên óc phàm phải được rèn luyện và xếp thứ tự sao cho thể trí có thể dễ dàng hoạt động thông qua đó.

Ta thừa biết rằng một vài bộ phận trong bộ óc có liên quan tới một vài đức tính nơi con người và khả năng của y suy tư theo một số đường lối nào đó: tất cả những bộ phận này đều phải được xếp cho có thứ tự và được tương quan đúng mức với các vùng trong thể trí.

Một học viên huyền bí học dĩ nhiên cố ý rèn luyện mình về thuật suy nghĩ; vì vậy tư tưởng của y có nhiều quyền năng hơn tư tưởng của người thiếu rèn luyện và nó rất có thể ảnh hưởng tới một phạm vi rộng lớn hơn, tạo ra một tác dụng lớn lao hơn nhiều. Điều này xảy ra hoàn toàn ở ngoài tầm ý thức của chính y mà y tuyệt nhiên không phải thực hiện bất kỳ nỗ lực đặc biệt nào về vấn đề ấy.

Nhưng vì huyền bí gia đã được học về quyền năng ghê gớm của tư tưởng cho nên trách nhiệm của y trong việc sử dụng đúng đắn nó cũng lớn hơn theo tỉ lệ ấy, và y phải mất công sử dụng nó để trợ giúp cho những người khác.

Một lời cảnh báo đối những kẻ có khuynh hướng ưa cãi lý cũng là đúng chỗ nơi đây. Những kẻ nào dễ bị khiêu khích để cãi lý nên nhớ lại rằng khi họ hăm hở lao vào cuộc khẩu chiến thì họ đã mở toang cửa cho thành trì trí tuệ của mình, bỏ mặc nó không ai phòng ngự. Vào những lúc như thế, bất kỳ lực tư tưởng nào ngẫu nhiên ở xung quanh đó cũng có thể xâm nhập và xâm chiếm thể trí của họ. Trong lúc phẫn nộ về những điều chẳng có gì quan trọng toàn thể trường lực của thể trí của họ lại bị hủy hoại đều đều do ảnh hưởng đang tuôn tràn vào họ. Học viên huyền bí học nên hết sức cẩn thận đừng để cho mình bị lôi cuốn vào những chuyện cãi lý. Kinh nghiệm cho thấy rằng ít khi có khuynh hướng làm thay đổi được ý kiến của đôi bên; trong hầu hết mọi trường hợp nó chỉ củng cố những ý kiến đã được xác lập rồi.

Mọi giờ giấc trong cuộc sống đều cung cấp cơ hội cho tâm thức xây dựng thể trí. Dù thức hay ngủ chúng ta đều đang xây dựng thể trí của mình. Mọi sự xao xuyên trong tâm thức cho dù chỉ do một tư tưởng thoáng qua cũng thu hút vào trong thể trí một số hạt vật chất trí tuệ và rũ bỏ những hạt khác ra khỏi thể trí. Nếu ta làm cho thể trí rung động theo những tư tưởng thanh khiết và cao cả thì sự nhanh nhẹn của những rung động ấy ắt khiến cho các hạt vật chất thô phải bị bắn ra nhường chỗ cho những hạt thanh bai hơn. Bằng cách này ta có thể khiến cho thể trí càng ngày càng tinh vi và thanh khiết hơn. Một thể trí được cấu tạo bằng vật liệu tinh vi như thế ắt không đáp ứng với những tư tưởng thô trực và gian tà; một thể trí được kiến tạo bằng vật liệu thô sẽ chịu ảnh hưởng của những điều gian tà tạm ghé vào chứ không đáp ứng với điều tốt lành để được lợi ích.

Điều nêu trên đặc biệt áp dụng cho khía cạnh “hình tướng” của thể trí. Chuyển sang khía cạnh sự sống, học viên cũng nên nhớ rằng chính bản thể của tâm thức thường xuyên đồng nhất hóa mình với Phi Ngã và thường xuyên tái khẳng định mình bằng cách bác bỏ Phi Ngã. Thật vậy, tâm thức chẳng qua chỉ là việc luân phiên khẳng định và phủ nhận: “Tôi là cái này” và “Tôi không phải là cái kia”. Vì thế cho nên tâm thức mới gây ra nơi vật chất (và

cũng chính là) cái sự hút và đẩy mà ta gọi là rung động. Thế là phẩm chất của những rung động do tâm thức tạo nên ắt xác định sự thanh bai hay thô trực của vật chất được thu hút vào trong thể trí.

Như ta đã thấy ở Chương XI, những rung động tư tưởng của người khác (vốn có tư tưởng thanh cao) tác động lên chúng ta có khynch hướng khơi dậy những rung động trong thể trí của ta với loại vật chất có thể đáp ứng được nó; những rung động này quấy nhiễu và thậm chí làm bắn tung ra một số vật chất quá thô trực nên không thể rung động theo nhịp hoạt động cao của nó. Vì thế cho nên lợi ích mà ta nhận được từ người khác chủ yếu tùy thuộc vào suy tư trong quá khứ của chính ta, bởi vì muốn chịu ảnh hưởng tích cực có lợi thì trước hết ta phải có trong nội bộ thể trí của mình một số loại vật chất cao siêu mà tư tưởng người khác có thể ảnh hưởng tới được.

Thể trí tuân theo định luật về thói quen cũng như các thể khác. Vì thế cho nên nếu ta để cho thể trí mình làm quen với loại rung động nào đó thì thể trí ấy sẽ học cách mô phỏng lại nó càng ngày càng dễ dàng hơn. Vậy là chẳng hạn như nếu người ta để cho mình nghĩ xấu về người khác thì chẳng bao lâu sau y đâm ra dễ có thói quen nghĩ xấu về người khác hơn là nghĩ tốt. Bằng cách đó nhiều thành kiến mới nảy sinh ra làm cho người ta mù quáng đi không thấy được những điều tốt của người khác và thói phỏng quá mức điều xấu nơi người khác.

Có nhiều người vì vô minh nên mắc phải thói quen nghĩ xấu; cố nhiên y cũng có thể tập thói quen nghĩ tốt. Cũng chẳng khó khăn gì trong việc rèn luyện mình nhìn thấy những tính chất tốt hơn là tính chất xấu nơi những người mà chúng ta gặp phải. Nhờ vậy ta mới có thói quen thương yêu người khác hơn là ghét bỏ người ta. Bằng cách thực hành như vậy, tâm trí ta bắt đầu hoạt động dễ dàng hơn theo những lối mòn âm mộ và đánh giá cao thay vì theo lối mòn đa nghi và dèm pha. Như vậy việc sử dụng quyền năng tư tưởng một cách có hệ thống ắt khiến cho cuộc đời dễ chịu hơn và thoải mái hơn, cũng như xây dựng được loại vật chất đúng đắn vào trong thể trí của mình.

Nhiều người không vận dụng năng lực trí tuệ của mình được đúng mức như khả năng có thể; tâm trí của họ thường tiếp nhận hơn là sáng tạo, họ thường xuyên chấp nhận tư tưởng của người khác thay vì tạo ra tư tưởng của riêng mình xuất phát từ nội lực.

Việc ngộ ra được sự thật này ắt khuyến khích người ta thay đổi thái độ trong tâm thức đối với sinh hoạt hàng ngày và giám sát sự hoạt động của cái trí. Thoạt đầu người ta có thể cảm thấy bối rối vô cùng khi nhận thức được rằng có nhiều suy tư của mình tuyệt nhiên không phải là của chính mình, tư tưởng từ đâu đến với mình mà mình không hay rồi lại biến đi đâu mất mà mình cũng lại chẳng biết; tâm trí của mình giống như một cái chỗ mà các tư tưởng xẹt ngang qua đó.

Sau khi đã đạt tới giai đoạn sơ bộ về việc tự ý thức trong cái trí của mình, kế đó người ta phải quan sát xem có gì khác nhau giữa tình trạng của các tư tưởng khi chúng xâm nhập vào tâm trí mình và khi chúng bỏ đi ra khỏi tâm trí, nghĩa là để xem chính bản thân mình có thêm thắt gì vào đó trong thời gian chúng tạm trú nơi bản thân mình hay không. Bằng cách này, tâm trí của y sẽ nhanh chóng trở nên thật sự chủ động và phát triển được quyền năng sáng tạo của mình.

Kế tiếp người ta nên hết sức cố ý xem điều gì được phép ở lại trong tâm trí mình. Khi y thấy có một tư tưởng tốt thì y sẽ suy gẫm về nó, tăng cường nó rồi lại phóng nó đi trở thành một tác nhân ban phúc. Khi y thấy trong trí mình có một tư tưởng xấu thì y phải nhanh chóng loại bỏ nó ngay.

Việc đùa giỡn vô ý thức với tư tưởng về những ý niệm và phẩm chất bất hảo là một nguy cơ thật sự, tạo ra khuynh hướng nhắm vào điều bất hảo như vậy, dẫn tới hành động thể hiện chúng. Một người đùa giỡn trong tư tưởng với ý tưởng về một hành động ác có thể thấy mình thực hiện hành động ấy ngay trước cả lúc mình nhận thức được mình đang làm chuyện ấy. Khi cánh cổng cơ hội mở toang ra thì hành động nghiêng ngả trong tâm trí sẽ ụa ra thể hiện thành hành động trên thực tế. Đó là vì mọi hành động đều bắt nguồn từ tư tưởng; ngay cả khi hành động được thực hiện mà không suy nghĩ (ta thường bảo như vậy) thì song le đó chỉ là biểu hiện theo bản năng của những tư tưởng, ham muốn, xúc cảm mà người ta đã cho phép nó nảy nở trong bản thân từ trước kia.

Sau khi đã đều đều theo đuổi trong một thời gian việc thực hành chọn lựa tư tưởng nào mình cần áp ủ thì người ta ắt phát hiện ra rằng càng ngày càng có ít tư tưởng xấu tràn vào tâm trí mình; thật vậy, những tư tưởng như thế ắt bị dội ngược trở lại do tác dụng tự động của chính cái trí. Tâm trí của y cũng bắt đầu đóng vai trò một nam châm thu hút mọi tư tưởng tương tự xung quanh y. Như vậy người ta sẽ thu thập vào trong thể trí của mình một mớ vật liệu tốt và cứ mỗi năm trôi qua thì nội hàm của thể trí sẽ phong phú hơn.

Vậy là ta thấy rằng nguy cơ lớn nhất cần phải tránh là để cho những hình tư tưởng ngoại lai được kích động tạo ra, để cho những kích thích từ ngoại giới gợi lên những hình ảnh trong thể trí, biến vật chất trí tuệ sáng tạo thành ra những hình tư tưởng có tích năng lượng và tất nhiên sẽ tìm cách xả năng lượng để tự thể hiện mình. Trong cái hoạt động vô tô chức của thể trí ấy, ta thấy có nguồn gốc của hầu hết mọi sự đấu tranh trong nội tâm và mọi khó khăn trên đường đạo. Chính sự vô minh ấy khiến cho thể trí cứ hoạt động một cách vô kỷ luật, ta nên thay thế sự vô minh ấy bằng sự hiểu biết và nên học cách kiểm soát thể trí của mình sao cho chúng không bị ngoại cảnh kích động tạo ra những hình tư tưởng mà chính ta phải dùng ý chí để tạo ra hình tư tưởng.

Rất nhiều sự đau khổ vốn do óc tưởng tượng không có kỷ luật. Việc không kiểm soát được những đam mê thấp hèn (nhất là ham muốn tình dục) là kết quả của một óc tưởng tượng vô kỷ luật chứ không phải do ý chí bạc nhược. Cho dầu ta cảm thấy ham muốn mãnh liệt thì chính tư tưởng sáng tạo mới gây ra hành động. Nếu chỉ quan sát hoặc suy nghĩ về đối tượng ham muốn thì đâu có gì nguy hiểm, nhưng khi người ta tưởng tượng mình nhượng bộ những ham muốn ấy và dung túng cho các ham muốn củng cố hình tư tưởng mà mình tạo ra thì bắt đầu có nguy hiểm. Ta rất nên ngộ ra được rằng trong những đối tượng của ham muốn ấy không hề có sức mạnh nếu ta không sa đà vào những chuyện tưởng tượng mang đầy tính sáng tạo. Một khi ta đã thực hiện được như vậy thì chắc chắn sẽ phải phấn đấu.

Trong sự phấn đấu này ta có thể cầu viện tới cái ta nghĩ rằng đó là ý chí của mình và cố gắng thoát ra khỏi hậu quả của óc tưởng tượng của chính mình bằng sự đề kháng kịch liệt. Ít người nào học biết được rằng sự lo âu chống đối bắt nguồn từ sợ hãi vốn khác hẳn với ý chí. Đúng hơn là ta nên dùng ý chí để kiểm soát óc tưởng tượng ngay từ đầu, vậy là đã nhờ bật tận rễ cái nguyên nhân gây rắc rối cho mình.

Trong một chương sau này ta ắt thấy rằng vật liệu mà ta thu thập được trong kiếp này lúc sinh hoạt sau khi chết sẽ được đào luyện ra thành quyền năng và năng khiếu trí tuệ để rồi được biểu hiện thêm nữa trong những kiếp tương lai. Thể trí trong kiếp tới tùy thuộc vào công việc mà chúng ta đang làm trong thể trí kiếp này. Nghiệp quả mang lại vụ gặt tùy theo cái mà ta gieo; ta không thể cách ly kiếp này với kiếp kia mà cũng không thể tạo ra điều gì đó từ hư vô giống như có phép lạ.

Trong Chandogyopanishad có dạy: “Con người là tạo vật của sự suy gẫm, y suy gẫm về điều gì trong kiếp này thì kiếp sau sẽ trở thành điều ấy”.

Đề chiến đấu với việc thay đổi thói quen suy nghĩ, có một quá trình bao gồm việc phóng ra khỏi thể trí một loạt những hạt trí tuệ rồi thay thế chúng bằng những hạt khác thuộc loại cao hơn; điều này lúc đầu dĩ nhiên là khó cũng như thoát đầu muốn dẹp bỏ những thói quen thể xác. Nhưng ta có thể làm được điều đó và khi hình thức cũ đã được thay đổi thì việc suy tư đúng đắn càng ngày càng trở nên dễ dàng và cuối cùng là tự phát.

Hầu như không có một giới hạn nào trong mức độ mà người ta có thể tự cải tạo mình qua việc hoạt động trí tuệ tập trung. Như ta đã thấy các trường phái chữa bệnh – chẳng hạn như Khoa học Ki Tô, Khoa học Tâm trí và những trường phái khác – đều sử dụng cái tác nhân đầy quyền năng này để thu lượm được thành quả và lợi ích của chúng chủ yếu tùy thuộc vào việc người thực hành có hiểu biết hay chẳng về những thần lực mà mình đang sử dụng. Vô số sự thành công chứng tỏ rằng thần lực ấy tồn tại; những trường hợp thất bại cho thấy rằng người ta không vận dụng được thần lực khéo léo hoặc không sử dụng được nó đúng mức cho nhiệm vụ cần phải làm. Nói chung thì tư tưởng là biểu lộ của Tính Sáng Tạo tức Ngôi Ba trong ba Ngôi của con người. Theo thuật ngữ của Ki Tô giáo, Ý chí là biểu lộ của Ngôi Chúa Cha, Tình thương là biểu lộ của Ngôi Chúa Con, còn Tư tưởng tức hoạt động sáng tạo là biểu lộ của Ngôi Chúa Thánh Thần. Đó là vì chính tư tưởng nơi chúng ta mới hành động, mới sáng tạo và thực thi những mệnh lệnh của ý chí. Nếu Ý chí là Vua thì Tư tưởng là ông Tể tướng.

Huyền bí gia áp dụng quyền năng sáng tạo này để xúc tiến cơ tiến hóa của con người. Khoa Yoga Đông phương ứng dụng những định luật tiến hóa tổng quát về tâm trí để xúc tiến cơ tiến hóa của một tâm thức đặc thù. Người ta đã chứng tỏ và có thể chứng tỏ đi chứng tỏ lại rằng nếu tư tưởng được tập trung chú ý vào bất kỳ ý tưởng nào thì nó sẽ xây dựng ý tưởng ấy thành ra tính tình của người suy nghĩ; như vậy người ta có thể sáng tạo ra nơi bản thân một đức tính như mong muốn bằng cách suy tư tập trung và bền bỉ, nghĩa là bằng cách tham thiền.

Khi biết được định luật này, người ta có thể xây dựng thể trí của mình như mong muốn cũng giống hệt người thợ nề xây dựng một bức tường. Quá trình tu tâm dưỡng tính cũng mang tính khoa học chẳng khác gì việc phát triển năng lực của cơ bắp.

Ngay cả sự chết cũng không ngăn chặn được công trình này theo như ta sẽ thấy ở những chương sau.

Trong công trình này ta có thể sử dụng việc cầu nguyện một cách rất hữu hiệu, có lẽ ví dụ điển hình nhất là qua cuộc đời của một tín đồ Bà la môn. Toàn thể cuộc đời ấy hầu như là một lời cầu nguyện liên tục. Mặc dù chi ly và tinh xảo hơn nhiều, song nó khá giống như hình thức được một số tu viện nữ của Công giáo sử dụng khi kẻ sơ cơ được huấn luyện cầu nguyện mỗi khi ăn để cho linh hồn mình được nuôi dưỡng bằng bánh hằng sống, cầu nguyện mỗi khi tắm rửa để cho linh hồn mình được giữ trong sạch, cầu nguyện mỗi khi vào nhà thờ để cho cuộc đời mình là một cuộc trường chinh phục vụ v.v. . . Cuộc đời của một tín đồ Bà la môn cũng giống như thế, ngoại trừ lòng sùng tín của y có qui mô lớn hơn và được thể hiện tỉ mỉ hơn nhiều. Chẳng ai dám nghi ngờ kẻ nào thật sự tuân thủ trung thực mọi huấn lệnh ấy lại không chịu ảnh hưởng sâu sắc và thường xuyên của một hành động như thế.

Như ta thấy ở Chương IV, thể trí có một đặc tính là nó gia tăng về kích thước và dĩ nhiên cũng gia tăng hoạt động khi chính con người tăng trưởng và phát triển. Như ta biết, thể xác đại khái vẫn giữ cùng một kích thước trong những thời đại dài đằng dặc, thể vía tăng trưởng đến một mức nào đó; nhưng thể trí (cũng như thể nguyên nhân) bành trướng rất nhiều trong những giai đoạn tiến hóa sau này, biểu lộ sự chói lọi rực rỡ nhất của ánh sáng,

nhiều màu lấp lánh huy hoàng cực độ trong khi nghỉ ngơi và phóng ra những tia lóe lấp lánh chói mắt khi hoạt động cao độ. Nơi một người chậm phát triển thì thậm chí thể trí của y thật khó phân biệt được; nó ít tiến hóa đến nỗi ta cần chú ý một chút thì mới nhìn thấy nó. Cho nên nay đa số mọi người vẫn chưa thể có được suy tư rõ ràng nhất là về vấn đề tôn giáo đối với người Tây phương. Mọi thứ đều mờ mờ và lơ mơ. Muốn phát triển về mặt huyền bí thì không thể mờ mờ và lơ mơ. Quan niệm của ta phải rành rành và hình tư tưởng của ta phải xác định. Ngoài những đặc tính khác ra, đây là những điều cốt lõi trong sinh hoạt của huyền bí gia.

Học viên cũng nên ngộ ra rằng mỗi người tất yếu phải xem xét thể giới bên ngoài thông qua cái trí của chính mình. Ta có thể so sánh kết quả như vậy với việc nhìn một phong cảnh qua cặp kính màu. Một người chưa bao giờ nhìn thấy gì ngoại trừ qua cặp kính màu đỏ hay màu xanh, ắt chẳng hề ý thức được những sự thay đổi mà những cặp kính này đã tác động lên màu sắc thực của phong cảnh. Cũng giống như vậy, người nào thường hoàn toàn không có ý thức về tác dụng xuyên tạc ấy đều nhìn mọi vật thông qua cái trí của chính mình. Chính vì ý nghĩa khá rõ rệt ấy mà ta mới gọi cái trí là “kẻ tạo ra sự hão huyền”. Học viên huyền bí học rõ ràng có bổn phận phải tẩy trừ và phát triển thể trí của mình, loại bỏ những “mụn cóc” (xem trang 31) và những thành kiến sao cho thể trí của y phản ánh được sự thật mà ít bị xuyên tạc nhất do những khuyết tật của thể trí.

Tác dụng của con người đối với loài thú là một vấn đề mà ta nên bàn một cách ngắn gọn để hoàn tất việc nghiên cứu về thể trí, các tác động và phản tác động của nó. Nếu một người đối xử với con thú bằng một tư tưởng yêu thương hoặc cố gắng rõ rệt để dạy cho nó một điều gì đó, thì có một tác động trực tiếp và hữu ý từ thể vía hoặc thể trí của người ấy đối với hiện thể tương ứng của con thú. Điều này tương đối hiếm hoi, phần lớn công việc ấy được thực hiện mà không có bất kỳ sự hữu ý trực tiếp nào của đôi bên, chỉ là tác động không thể tránh khỏi và không ngừng xuất hiện vì hai thực thể hữu quan sống kề cận bên nhau. Tính tình và loại người cũng có thể ảnh hưởng tới số phận của một con thú. Nếu sự tương tác giữa đôi bên chủ yếu mang tính xúc động thì có nhiều khả năng là con thú sẽ phát triển chủ yếu thông qua thể vía của mình, và sự cắt rời cuối cùng mối quan hệ với hồn khóm sẽ do một cơn luyến ái đột ngột trào dâng lên tới tận khía cạnh bề đề của chơn thần vốn đang trôi nổi bên trên đó, thế là tạo thành Chơn ngã.

Nếu sự tương tác chủ yếu là về mặt trí tuệ thì thể trí còn non nớt của con thú sẽ được kích thích và con thú có lẽ sẽ biệt lập ngã tính qua cái trí.

Nếu con người có ý chí kiên cường hoặc ý chí tâm linh mạnh mẽ thì con thú có lẽ sẽ biệt lập ngã tính qua sự kích thích ý chí.

Sự biệt lập ngã tính qua luyến ái, trí năng và ý chí là ba phương pháp bình thường. Cũng có thể biệt lập ngã tính qua những phương tiện không đáng mong muốn chẳng hạn như do lòng ngã mạn, sợ hãi, thù ghét hoặc ham muốn quyền lực.

Vậy là chẳng hạn như có một nhóm vào khoảng hai triệu chơn ngã đã biệt lập ngã tính trong Cuộc tuần hoàn thứ Bảy thuộc Dãy Nguyệt tinh hoàn toàn do sự kiêu ngạo mà không có một đức tính nào khác hơn là một mức độ khéo léo nào đó; vì vậy thể nguyên nhân của họ hầu như không có màu nào khác hơn là màu cam.

Sự ngạo mạn và vô kỷ luật của nhóm này đã gây ra sự rắc rối thường xuyên cho bản thân và cho những người khác trong suốt quá trình lịch sử. Một số những người này trở thành các “Hắc diện Tinh quân” vào thời Châu Atlantis, còn những người khác trở thành những nhà chinh phục thế giới gây điên đảo cho thiên hạ hoặc những triệu phú tán tận lương tâm, khét tiếng là những “Napoleon về tài chính”, tức những kẻ tài phiệt.

Có một số đã biệt lập ngã tính do sự sợ hãi vì lòng độc ác gây ra; họ đã trở thành những pháp quan của tòa án tôn giáo thời Trung cổ (trang 110) và những kẻ hành hạ con nít thời nay. Ta sẽ tìm thấy chi tiết thêm nữa về cơ chế biệt lập ngã tính trong quyển *Nghiên cứu về Tâm thức* của Tiến sĩ Annie Besant trang 172-173. Trong quyển *Thế Nguyên Nhân* cũng sẽ bàn tới điều này.

CHƯƠNG XIV NHỮNG NĂNG KHIẾU

Cũng giống như thể vía, thể trí cũng có thể được khơi hoạt trải qua thời gian, và nó sẽ học được cách đáp ứng với những rung động vật chất thuộc cõi của chính mình, như vậy nó mở ra cho Chơn ngã một thế giới tri thức và quyền năng hoàn toàn mới mẻ và rộng lớn hơn nhiều. Tuy nhiên ta không được lẫn lộn sự phát triển trọn vẹn của tâm thức nơi thể trí với việc chỉ học cách sử dụng nó trong một chừng mực nào đó thôi. Bất cứ khi nào con người suy nghĩ thì y cũng sử dụng thể trí của mình, nhưng còn lâu lắm y mới sử dụng được nó làm một hiện thể độc lập để cho tâm thức có thể biểu hiện trọn vẹn thông qua đó. Như ta đã thấy trước kia (trang 20) thể trí của kẻ phạm phu tiến hóa kém hơn nhiều so với thể vía. Trong đa số mọi người bộ phận cao cấp cho đến nay vẫn còn hoàn toàn ngủ im ngay cả khi bộ phận hạ đẳng đang hoạt động ráo riết. Thật vậy, thể trí của người bình thường vẫn còn chưa phải là một hiện thể theo đúng nghĩa, bởi vì người ta không thể vận dụng nó và cũng không thể vận dụng các giác quan của nó để tiếp nhận những ấn tượng theo kiểu bình thường.

Trong số các nhà khoa học thời nay, mặc dù thể trí của họ đã phát triển rất cao, thế nhưng nó chỉ chủ yếu được sử dụng trong tâm thức đang tỉnh táo, chứ cho đến nay vẫn còn rất khiếm khuyết không trực tiếp thu nhận được thông tin trên các cõi cao. Ngoại trừ những người đã được các huân sư thuộc Quân Tiên Hội dạy dỗ dứt khoát, còn thì rất ít người hoạt động một cách hữu thức trong thể trí, bởi vì muốn làm được như vậy có nghĩa là cần phải dành biết bao nhiêu năm thực hành về tham thiền và nỗ lực đặc biệt. Mãi cho tới khi được Điểm đạo lần thứ nhất thì ban đêm người ta vẫn hoạt động trong thể vía, nhưng ngay khi đã hoàn toàn kiểm soát được thể vía thì người ta đã có thể sử dụng nó trọn vẹn được và bắt đầu làm việc trên cõi trí tuệ. Khi thể trí đã được tổ chức hoàn chỉnh thì nó sẽ trở thành một hiện thể linh hoạt hơn nhiều so với thể vía và ta có thể làm được nhiều điều ở trong thể trí mà trên cõi trung giới không thực hiện được. Ứng viên của cuộc Điểm đạo thứ nhì phải có khả năng hoạt động tự do trên cõi trí tuệ bởi vì cuộc Điểm đạo ấy diễn ra trên cõi hạ trí.

Cũng giống như tầm nhìn trên cõi trung giới khác hẳn tầm nhìn trên cõi hồng trần bao nhiêu thì tầm nhìn trên cõi trí tuệ cũng khác hẳn tầm nhìn trên cả hai cõi vừa nêu bấy nhiêu. Trong thần nhãn trên cõi trí tuệ ta không còn nói tới những giác quan riêng rẽ chẳng hạn như thị giác và thính giác mà đúng hơn ta phải nêu định đề là có một giác quan duy nhất tổng quát, nó đáp ứng hoàn toàn với những rung động đạt tới nó khi nó nhận biết được bất kỳ sự vật nào thì ngay tức khắc nó hiểu được trọn vẹn sự vật ấy; và có thể nói là nó nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy và biết hết mọi chuyện cần biết (nguyên nhân, hậu quả, khả năng của sự vật) sao cho ít ra xét về cõi trí tuệ và các cõi thấp thì đó là một tác động ngay tức khắc. Chẳng bao giờ có bất kỳ sự nghi ngờ, do dự hoặc chần chờ gì về tác động trực tiếp này của loại giác quan cao cấp ấy.

Nếu người ta nghĩ tới một nơi chốn thì y đã ở ngay chỗ đó; nếu người ta nghĩ tới một người bạn thì người bạn ấy đã sờ sờ ra ngay trước mặt mình. Không thể có sự hiểu lầm nào

nữa, y không còn có thể bị lừa gạt hoặc nhầm lẫn do dáng vẻ bên ngoài nào vì mọi tư tưởng và xúc cảm của bạn mình đều sò sò ra trước mắt giống y quyển sách mở toang ra trên cõi ấy.

Nếu con người có giác quan cao cấp và bạn của y cũng khai mở được giác quan ấy thì sự giao tiếp của họ thật là hoàn hảo đến nỗi không một quan niệm trên trần thế nào mô tả được, đối với họ khoảng cách và sự ngăn cách không còn nữa; xúc cảm của họ không còn bị che khuất hoặc cùng lắm chỉ bị diễn tả nửa vời qua những lời lẽ vụng về; việc hỏi và đáp không còn cần thiết nữa vì người ta đọc hiểu được hình tư tưởng ngay khi chúng vừa được tạo ra, sự trao đổi ý tưởng cũng nhanh như tia chớp khi chúng xuất lộ trong tâm trí.

Thế nhưng ngay cả cái năng khiếu kỳ diệu này cũng chỉ khác nhau về mức độ chứ không khác nhau về chủng loại đối với những năng khiếu mà ta hiện đang sử dụng. Đó là vì trên cõi trí tuệ cũng giống như trên cõi hồng trần (Xem trang 113) các ấn tượng vẫn còn được truyền thụ nhờ vào những rung động đi từ sự vật được nhìn thấy tới người đang nhìn thấy. Tình huống này không áp dụng cho cõi bồ đề nhưng trong quyển sách này ta không quan tâm tới cõi bồ đề.

Đối với thần nhãn của hạ trí thì ta không thể hoặc không nên nói rất nhiều điều bởi vì chẳng có bao nhiêu ví dụ về điều ấy, ngoại trừ trong đám học viên đã được rèn luyện đúng mức nơi một số trường huyền bí học cao cấp nhất. Đối với những học viên này thì thần nhãn hạ trí mở ra một thế giới mới và mọi điều ta có thể tưởng tượng được đều cực kỳ vinh quang và chói lọi so với kiếp sống tầm thường.

Mọi điều mà nó mang lại - ít ra thì mọi điều mà học viên có thể tiêu hóa được - đều nằm trong tâm với của một học viên lão luyện, nhưng nhà thần nhãn chưa được lão luyện thì chẳng mấy khi với tới được nó. Có lẽ trong số những nhà thần nhãn bình thường thì chưa có tới một người trong cả ngàn người đạt được mức ấy. Nó cũng đã từng xảy ra trong cơn xuất thần do thôi miên mesmer khi đối tượng đã thoát khỏi tầm kiểm soát của người thao tác, nhưng diễn biến này cực kỳ hiếm có, vì nó cần có hầu hết những đức tính siêu nhân nhằm đạt tới đạo tâm cao cả và sự trong sạch hoàn toàn về tư tưởng và ý nghiệp nơi cả đối tượng lẫn người thao tác. Ngay cả trong những trường hợp ấy thì đối tượng chẳng mấy khi mang lại một điều gì xuống bộ óc, ngoại trừ một sự hồi ức lơ mờ về một sự cực lạ khôn tả nhưng mãnh liệt, thường thường nhuôm đậm màu sắc những xác tín tôn giáo của cá nhân mình.

Chẳng những việc hoạt động trên cõi hạ trí có thể giúp ta biết hết mọi thứ - dĩ nhiên là tất cả những điều không vượt quá mức hạ trí - mà quá khứ của thế giới cùng với hiện tại cũng mở toang ra trước mắt người ta bởi vì người ta truy cập được ký ức không thể phai mờ của thiên nhiên (Xem Chương XXVIII). Vậy là chẳng hạn như đối với người nào có thể hoạt động thoải mái trong thể trí, có những phương pháp hiểu được ý của một quyển sách khác hẳn với quá trình đọc sách. Đơn giản nhất là cách đọc được ý đó từ cái trí của một người đã nghiên cứu quyển sách, nhưng dĩ nhiên phương pháp này chỉ bị phản đối là người ta té ra là chỉ biết được quan niệm của chính người nghiên cứu quyển sách thôi.

Cách thứ hai là khảo cứu hào quang của quyển sách. Mỗi quyển sách đều được bao quanh bởi hào quang tư tưởng được kiến tạo bằng tư tưởng của tất cả những người đã đọc và nghiên cứu quyển sách ấy. Như vậy, thuật trắc tâm một quyển sách thường cung cấp cho ta sự hiểu biết khá đầy đủ về nội dung của nó, mặc dù dĩ nhiên đó có thể chỉ là những ý kiến ngoài lề của đủ thứ bạn đọc vốn không hề được biểu hiện trong chính quyển sách.

Ở Chương VIII ta có nêu rõ, xét vì sự kiện dường như thời nay ít bạn đọc nào đọc sách rốt ráo và suy nghĩ nghiêm chỉnh như thời xưa cho nên những hình tư tưởng liên quan tới

một quyển sách thời nay hiếm khi nào chính xác và rành mạch như những hình tư tưởng xung quanh các bản thảo thời xưa.

Cách thứ ba là hoàn toàn đi cửa sau đối với quyển sách hay bản thảo ấy để lọt qua tiếp xúc với cái trí của chính tác giả mà ta đã mô tả ở Chương X.

Thế nhưng cũng có một phương pháp thứ tư đòi hỏi có quyền năng cao cấp hơn tức là trực tâm được đề tài trong quyển sách rồi dùng thể trí đi tới tận trung tâm tư tưởng về đề tài ấy nơi hội tụ mọi luồng tư tưởng liên quan tới đề tài này. Ta đã bàn tới vấn đề này ở Chương XII nói về các Trung tâm Tư tưởng. Để có thể quan sát được trên cõi trí tuệ, người ta cần rất cẩn thận tạm ngưng suy nghĩ trong một thời gian sao cho công việc tạo ra hình tư tưởng không thể ảnh hưởng tới vật chất dễ bị gây ấn tượng xung quanh mình, vậy là làm thay đổi hoàn toàn tình huống xét về bản thân mình. Ta không được lẫn lộn việc tạm ngưng suy nghĩ này với việc bỏ trống thể trí mà rất nhiều phép thực hành Hatha Yoga nhắm đạt tới nó. Trong trường hợp thể trí bị bỏ trống hoặc bỏ hoang, người ta làm cho thể trí bị cùn nhụt đến mức hoàn toàn thụ động, tình trạng này gần giống như trở thành đồng cốt. Trong trường hợp tạm ngưng suy nghĩ cái trí vẫn cảnh giác và tích cực đến mức tối đa nhưng chỉ nhất thời tạm ngưng suy nghĩ để phòng ngừa yếu tố cá nhân xâm nhập vào quan sát điều mà nó muốn quan sát.

Các Luân xa tức Trung Tâm Lực cũng tồn tại trong thể trí giống như mọi hiện thể khác. Đó là những điểm giao tiếp mà thần lực tuôn chảy từ một hiện thể này sang một hiện thể khác. Các Luân xa trong thể Phách đã được mô tả ở trang 22 v.v. . . trong quyển Thể Phách, còn các Luân xa trong thể Vía đã được mô tả ở trang 31 v.v. . . trong quyển Thể Vía. Hiện nay ta có rất ít thông tin sẵn có liên quan tới các Luân xa trong thể Trí.

Chỉ có mỗi một thông tin như sau: Nơi một loại hình người thì Luân xa ở đỉnh đầu bị uốn cong hoặc bẻ xiên cho đến khi xoáy lực của nó trùng với cơ quan đã bị teo tóp mà ta gọi là tuyến tủy; những người thuộc loại hình này nếu làm linh hoạt được nó thì sẽ biến nó thành một đường liên giao trực tiếp với hạ trí mà xét theo biểu kiến là không đi xuyên qua cõi trung gian tức cõi trung giới theo cách bình thường. Bà Blavatsky nhằm nói tới chính loại hình người này khi bà nhấn mạnh đến việc khơi hoạt tuyến tủy.

Còn một sự kiện khác nữa là năng khiếu phóng đại mà người Ấn Độ gọi là Anima vốn thuộc về Luân xa giữa hai chân mày. Từ bộ phận trung tâm của Luân xa ấy có lòi ra một cái mà ta có thể gọi là một kính hiển vi nhỏ xíu; kính này có thấu kính kích cỡ chỉ vào một nguyên tử, cho nên nó cung ứng cho ta một cơ quan với kích cỡ tương đương những vật nhỏ xíu mà ta cần quan sát. Nguyên tử được sử dụng có thể thuộc cõi hồng trần, cõi trung giới hoặc cõi hạ trí, nhưng dù thể nào đi nữa thì cũng cần phải chuẩn bị đặc biệt. Mọi loa tuyến của nguyên tử đều phải được khai mở và đạt mức hoạt động trọn vẹn giống như thể mức đạt được vào Cuộc tuần hoàn thứ Bảy của Dây hành tinh chúng ta. Thần thông này thuộc về thể nguyên nhân, do đó nếu một nguyên tử thuộc cõi thấp hơn được dùng làm thị kính thì ta phải sử dụng một hệ thống các đối thể phản chiếu. Ta phải hiệu chỉnh nguyên tử ấy tới từng cảnh giới một sao cho bất kỳ độ phóng đại nào cần thiết cũng có thể được áp dụng khiến cho vật cần khảo sát đạt mức thích ứng.

Nếu ta mở rộng thần thông này thêm nữa thì người thao tác có thể tập trung ý thức vào thấu kính rồi phóng chiếu nó ra tới những điểm ở rất xa. Bằng cách sắp xếp khác, ta cũng có thể sử dụng thần thông này với mục đích thu nhỏ kích thước khi ta muốn quan sát trọn cả một vật quá lớn cho nên thị giác bình thường không thể nhìn thấy ngay trong một lúc. Người Ấn Độ gọi thần thông này là Mahima.

Không có một giới hạn trong không gian nào đối với thần nhãn trên cõi hạ trí vượt ngoài tầm chính của cõi hạ trí, như ta sẽ thấy ở Chương XXVII, bản thân cõi hạ trí của trái đất không vươn tới được cõi hạ trí của các hành tinh khác. Tuy nhiên nhờ có thần nhãn của hạ trí ta vẫn có thể thu lượm được nhiều thông tin về các hành tinh khác.

Khi thoát ra khỏi bên ngoài những nhiễu loạn thường xuyên của bầu khí quyển trên trái đất, ta có thể nhìn thấy rõ ràng hơn nhiều. Cũng chẳng khó khăn gì khi học cách điều chỉnh để có độ phóng đại rất lớn, nhờ vậy ta có thể thu thập được thông tin rất thú vị về thiên văn học.

Prana tức Sinh khí cũng tồn tại trên cõi trí tuệ chẳng khác nào trên mọi cõi, nhưng ta chẳng biết gì về điều ấy. Phát biểu này cũng đúng đối với Kundalini tức Hỏa xà, cũng như đối với Fohat tức điện và đối với loại sinh lực mà trong quyển *Thẻ Phách* gọi là Nguyên Lực.

Xét về Prana và Kundalini trên cõi trí tuệ thì hiện nay ta hầu như chẳng biết điều gì. Tuy nhiên, ta biết rằng Kundalini làm linh hoạt đủ thứ hiện thể. Còn Nguyên Lực mà ta vừa nêu trên chính là một trong những biểu hiện của Luồng Lưu Xuất thứ Nhì thoát thai từ Ngôi Hai của Thượng Đế. Trên cõi Bồ đề nó biểu hiện thành nguyên khí Ki Tô nơi con người; nơi thể Trí và thể Vía, nó làm linh hoạt đủ thứ lớp vật chất; nó xuất hiện dưới dạng một xúc động cao thượng ở phần cao trên cõi trung giới, còn ở phần thấp nó xuất hiện dưới dạng chỉ là một đợt sinh lực cấp năng lượng cho vật chất của thể Vía. Khi được hiện thân ở mức thấp nhất, nó khoác lấy vật chất dĩ thái và từ thể Vía ùa vào các Luân xa trên bề mặt thể Phách; nơi đây nó gặp phải Kundalini đang trào dâng từ bên trong cơ thể con người.

Học viên ắt nhớ lại rằng (Xem quyển *Thẻ Phách* trang 44) luồng Prana màu tím kích thích tư tưởng và xúc động thuộc loại tâm linh rất cao, còn tư tưởng bình thường được kích thích do tác động của luồng màu xanh lơ hòa lẫn với một phần màu vàng; cũng vậy, nơi một số loại ngu đần ngớ ngẩn thì luồng sinh khí màu vàng lẫn màu xanh lơ tím đều bị ức chế hầu như hoàn toàn không đến được bộ óc.

Từ khi quyển *Thẻ Phách* được xuất bản, ông Leadbeater còn xuất bản thêm quyển *Các Luân Xa*, trong đó có một số thông tin mới đây giá trị liên quan đến các Luân xa, nhất là liên quan đến mối quan hệ giữa đủ thứ trung tâm lực (tức Luân xa) và các cõi. Vì vậy học viên có thể thấy những bảng sau đây là hữu ích.

BẢNG CÁC LUÂN XA						
Số thứ tự	Tên gọi bằng tiếng Việt	Tên gọi bằng tiếng Bắc phạn	Vị trí	Số lượng cảm	Nhóm	Liên kết với các lực
1	Luân xa ở Gốc hoặc Rễ	Mūlādhāra	Chót xương sống	4	Nhóm I liên quan tới Sinh lý	Kundalini
2	Luân xa Lá lách	-----	Phía trên Lá lách	6		Prāna
3	Luân xa Rún	Manipūra	Ở Rún, phía trên Tàng Thái dương	10	Nhóm II liên quan tới Phạm ngã	Trung giới cấp thấp
4	Luân xa Tim	Anahata	Bên trên Tim	12		Trung giới cấp cao
5	Luân xa ở Họng	Visuddha	Phía trước Họng	16		Hạ trí
6	Luân xa ở giữa chân mày hoặc Trán	Ājnā	Giữa hai chân mày	96	Nhóm III Tâm linh	Các lực cao cấp xuyên qua tuyến Yên
7	Luân xa đỉnh đầu	Sahasrāra	Ở ngay đỉnh đầu	12+960		Lực cao cấp xuyên qua tuyến Tàng

Từ những điều nêu trên ta thấy dường như là Nguyên Lực, Prana và Kundalini không trực tiếp liên quan tới sinh hoạt xúc động và trí tuệ của con người mà chỉ liên quan tới sự khỏe mạnh nói chung của thể xác. Tuy nhiên cũng có những lực khác nhập vào các luân xa mà ta có thể miêu tả là mang tính thông linh và tâm linh. Luân xa ở chót xương sống và ở lá lách không bộc lộ tính cách này, nhưng Luân xa ở rún và các Luân xa cao hơn là cửa mở vào đối với những thần lực ảnh hưởng đến ý thức của con người. Dường như có một sự tương ứng nào đó giữa màu sắc của các luồng Prana chạy tới nhiều trung tâm lực, và màu sắc mà bà Blavatsky gán cho các nguyên khí nơi con người trong sơ đồ của quyển III Giáo Lý Bí Truyền trang 452, được ta trình bày qua bảng sau đây.

Màu sắc của Prana	Luân xa nhập vào	Màu sắc được trình bày trong bộ Giáo Lý Bí Truyền	Các nguyên khí được biểu diễn
Màu xanh lơ nhạt	Luân xa họng	Màu xanh lơ	Ātmā (Lớp vỏ hào quang)
Màu vàng	Luân xa tim	Màu vàng	Buddhi
Màu xanh lơ sậm	Luân xa giữa chân mày	Màu chàm hoặc màu xanh lơ sậm	Thượng trí
Màu xanh lục	Luân xa Rún	Màu xanh lục	Kāma-Manas tức Hạ trí
Màu hoa hồng	Luân xa lá lách	Màu đỏ	Kāma-Rūpa
Màu tím	Đỉnh đầu	Màu tím	Thể Phách
Tím-Đỏ (với một màu tím khác)	Luân xa ở Góc (sau đó dâng lên luân xa đỉnh đầu)	-----	-----

Kundalini thuộc về Luồng Lưu Xuất thứ Nhất xuất phát từ Ngôi Ba. Ở trung tâm của trái đất, nó thao tác trong một quả cầu rộng lớn mà ta chỉ có thể đến gần những lớp bên ngoài; những lớp này có quan hệ đồng cảm với các lớp Kundalini trong cơ thể con người. Vậy Kundalini trong cơ thể con người xuất phát từ cái đã được gọi là “phòng thí nghiệm của Chúa Thánh Thần” ẩn sâu trong mặt đất. Nó thuộc về lửa của Prana và sinh lực. Prana thuộc về không khí, ánh sáng và không gian phóng khoáng; lửa từ bên dưới mang tính vật chất hơn nhiều giống như lửa của viên sắt đã cháy đỏ. Lực ghê gớm này có một khía cạnh khá kinh khủng, nó tạo cho ta một cảm tưởng càng ngày càng đi xuống sâu hơn vào vật chất, rồi tiến lên từ từ nhưng không gì ngăn cản nổi với một sự chắc chắn khôn nguôi.

Ta nên lưu ý rằng Kundalini là quyền năng của Luồng Lưu Xuất thứ Nhất trên con đường phản bản hoàn nguyên và nó tác động tiếp xúc mật thiết với Nguyên Lực mà ta đã nêu rõ; cả hai cùng nhau đưa tạo vật tiến hóa lên tới mức mà nó có thể tiếp nhận Luồng Lưu Xuất của Thượng Đế Ngôi Một để trở thành một Chơn ngã của con người.

Sự phát triển quá sớm của Kundalini có nhiều khả năng bất lợi. Nó tăng cường mọi thứ trong bản chất con người, nó đạt tới những bản chất thấp hèn và gian tà dễ dàng hơn những đức tính tốt. Chẳng hạn nơi thể Trí, nó rất dễ khơi dậy tham vọng để rồi chẳng bao lâu sau bành trướng tới mức vô độ không thể tin được. Nó cũng rất có thể mang lại sự tăng cường lớn lao trí năng, nhưng đồng thời nó ắt tạo ra lòng ngã mạn bất thường ma quỷ mà ta hoàn toàn không tưởng tượng nổi nơi con người bình thường. Người nào không biết gì thì chớ nên khơi hoạt nó và nếu người ta thấy nó đã được khơi hoạt một cách ngẫu nhiên thì y nên ngay tức khắc tham khảo ý kiến của một người nào đó hiểu rõ hoàn toàn về vấn đề này. Trong Hathayogapradipika (III. 107) có nói: “Nó mang lại sự giải thoát cho Đạo sĩ Yoga và sự nô lệ cho kẻ điên rồ”.

Việc chinh phục Kundalini phải được lập lại trong mỗi kiếp bởi vì trong mỗi kiếp luân hồi là lại có những hiện thể mới, nhưng sau khi người ta đã thành tựu hoàn toàn thì việc lập lại cũng dễ dàng thôi. Ta phải nhớ rằng tác động của nó biến thiên theo những loại người khác nhau; chẳng hạn như một số người ắt thấy Chơn ngã hơn là nghe thấy tiếng nói của Chơn ngã. Lại nữa, mối quan hệ này với phần cao cả có nhiều giai đoạn; đối với phàm ngã nó có nghĩa là ảnh hưởng của Chơn ngã, nhưng đối với Chơn ngã nó lại có nghĩa là quyền

năng của Chơn thần, và đối với Chơn thần thì đến lượt nó lại có nghĩa là trở thành một biểu hiện hữu thức của Thượng Đế.

Hơn nữa, để vận dụng được năng lực của thể Trí thì ta cần phải tập trung tâm thức vào thể Trí. Tâm thức của con người chỉ có thể được tập trung vào một hiện thể trong một lúc nào đó, mặc dù y có thể có ý thức thông qua những hiện thể khác một cách mơ hồ. Vậy là nếu một người có thần nhãn thể Vía và thể Trí mà lại tập trung ý thức vào óc phàm thì y ắt hoàn toàn thấy rõ thể xác của bạn mình nhưng đồng thời y cũng thấy được thể Vía và thể Trí của người ta hơi mờ nhạt đi. Chỉ trong chớp mắt là y có thể thay đổi tiêu điểm sao cho y thấy hoàn toàn thể Vía; trong trường hợp đó thì y ắt thấy thể Trí và thể Xác nhưng không có nhiều chi tiết. Điều này cũng đúng đối với thần nhãn thể Trí và thần nhãn của các cõi cao hơn.

Khi đưa xuống bộ óc phàm điều mà ta nhìn thấy trên cõi hạ trí thì ta phải thực hiện một công việc khó khăn chuyên dời kếp từ cõi cao xuống cõi thấp vì trí nhớ phải được đưa qua cõi trung giới ở giữa.

Ngay cả khi ta sử dụng được các năng khiếu hạ trí khi tỉnh thức trong xác phàm thì nhà khảo cứu cũng bị hạn chế do ngôn từ cõi trần hoàn toàn không có khả năng diễn tả điều mà y nhìn thấy.

Để đưa tâm thức của thể trí vào óc phàm thì ta phải phát triển những mối liên kết giữa các thể khác nhau. Những mối liên kết này tồn tại trước tiên mà không nhập vào tâm thức của con người và không được làm linh hoạt tích cực, chúng giống cái gọi là những cơ quan còn sơ sài trong xác phàm vốn đang chờ đợi được phát triển qua việc sử dụng. Những mối liên kết ấy nối liền xác phàm và thể phách với thể vía, thể vía với thể trí, thể trí với thể nguyên nhân. Tác động của ý chí bắt đầu làm linh hoạt chúng và khi chúng bắt đầu hoạt động thì con người sử dụng chúng để chuyên tâm thức từ hiện thể này sang hiện thể kia. Việc dùng ý chí để làm linh hoạt các mối liên kết ắt giải phóng Hỏa Xà Kundalini.

Mối liên kết giữa thể xác và thể vía là tuyến Yên, còn mối liên kết giữa thể xác và thể trí là tuyến Tùng. Như ta đã nêu trên, một số người phát triển tuyến Yên trước, một số người phát triển tuyến Tùng trước, mỗi người phải tuân theo phương pháp mà sư phụ mình qui định.

Khi một người đã học cách xuất ra khỏi thể xác trong trạng thái ý thức tỉnh táo vì đã phát triển được những mối liên kết giữa các hiện thể thì dĩ nhiên y đã bắc nhịp cầu vượt qua vực thẳm ngăn cách sinh hoạt trên cõi trần và sinh hoạt trong lúc ngủ. Việc bắc cầu qua vực thẳm này ắt dễ dàng hơn nếu ta rèn luyện cho bộ óc hưởng ứng với những rung động của thể trí; bấy giờ bộ óc càng ngày càng trở nên công cụ ngoan ngoãn của Chơn thần, tiến hành hoạt động theo sự thôi thúc của ý chí và đáp ứng với sự tiếp xúc nhẹ nhàng nhất.

Ta có thể tóm tắt những điều chuẩn bị chính yếu cần thực hiện để tiếp nhận những rung động của tâm thức cao siêu nhập vào thể xác một cách thật hữu ích như sau đây: tẩy trừ các hạ thể bằng thực phẩm trong sạch và sinh hoạt trong sáng, hoàn toàn chế ngự được các đam mê; trau dồi tính tình và tâm trí thẳng bằng, điều độ, không chịu ảnh hưởng của những thăng trầm xáo động của cuộc sống ngoại giới; có thói quen tham thiền trong tịch lặng (Xem các Chương từ XV đến XVII) về các đề tài cao siêu; không còn hối hả nữa, nhất là sự hấp tấp, lãn xăn, dễ bị kích động của cái trí, nó khiến cho bộ óc không ngừng bay lượn từ điều này sang điều khác; thật sự yêu thích những chuyện của cõi cao siêu sao cho tâm trí thỏa mãn với sự đồng hành đó giống như đồng hành với một người bạn thân thương.

Khi người ta có thể sử dụng năng khiếu trí tuệ ở trạng thái ý thức tỉnh táo thông thường thì cố nhiên y có thể nhận được đủ thứ ấn tượng từ cõi trí sao cho mọi hoạt động của

người khác được cảm thấy giống như lúc nhìn vào chuyển động cơ thể của người ta. Khi học cách sử dụng các quyền năng của thể trí, người ta không mất đi những quyền năng thấp vì chúng được bao gồm trong các quyền năng cao.

Ở giai đoạn này người ta cũng có thể gia tăng khả năng hữu dụng rất nhiều nhờ hữu thức sáng tạo ra và điều động một hình tư tưởng mà mình có thể sử dụng để làm việc ở những nơi mà trong nhất thời mình không tiện du hành tới đó bằng thể trí. Ý kiểm soát những hình tư tưởng này từ xa, giám sát và hướng dẫn chúng hoạt động, biến chúng trở thành các tác nhân của ý chí mình.

Khi người ta bắt đầu phát triển theo những đường lối huyền bí thì như ta đã nêu rõ, toàn bộ thể trí phải được tẩy trọc để làm việc có thứ tự hoàn toàn. Ý rất cần có khả năng tạo ra những hình tư tưởng trong sáng và mạnh mẽ; hơn nữa ý rất nên hình dung ra chúng một cách rõ ràng nếu có thể được.

Ta không được lẫn lộn hai hành vi này. Việc tạo ra một hình tư tưởng là tác động trực tiếp của ý chí hoạt động thông qua thể trí; còn sự hình dung chỉ là khả năng dùng thần nhãn nhìn thấy rõ hình tư tưởng mà mình đã tạo ra. Nếu người ta suy nghĩ cực lực về bất cứ sự vật nào thì hình ảnh của nó trong thể trí cũng rõ ràng dường ấy cho dù ý có thể hình dung ra nó hay không đi chăng nữa.

Học viên cũng phải liên tục phấn đấu để duy trì sự trong sạch về đạo đức và sự thăng bằng về tâm trí bằng không thì thần nhãn ắt chỉ là sự nguyện rửa chứ không phải là ân phúc cho người có được nó.

Việc phát triển tâm thức của thể trí ắt khiến cho đời người và trí nhớ của ý được liên tục trong suốt kiếp lâm phạm.

Như vậy khi một người có thể hoạt động hữu thức trong thể trí, ném trái những quyền năng và những hạn chế của nó thì tất nhiên ý cũng học được cách phân biệt giữa bản thân và hiện thể mà mình đang sử dụng. Giai đoạn kế tiếp đối với ý ắt là nhận thức được tính cách hảo huyền của phạm ngã tức “cái tôi” của thể trí để rồi đồng nhất hóa mình với Chơn non, Chơn ngã, sống trong thể Nguyên nhân.

Bước tiếp theo này ắt nâng tâm thức lên tới mức Chơn ngã trên cõi thượng trí; nó ắt ban cho con người trí nhớ về mọi kiếp đã qua.

Nhưng trước khi người ta có thể hi vọng xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa cõi hạ trí và cõi trung giới sao cho ý có được vui sướng là hồi niệm liên tục thì trong một thời gian dài ý phải thực hành rất ráo được việc sử dụng thể trí làm một hiện thể. [Sự tương tự khiến ta thấy rằng Chơn ngã cũng phải hoàn toàn tỉnh thức và hoạt động trên cõi riêng mình trong một thời gian dài trước khi bất kỳ kiến thức nào về kiếp sinh tồn ấy có thể lọt xuống tới tận ý thức trên cõi trần].

Vậy là thể trí vốn không thể bị mệt mỏi; không hề có chuyện cái trí bị mệt mỏi. Điều ta gọi bằng danh xưng này chỉ là sự mệt mỏi của óc phạm mà cái trí là biểu hiện thông qua đó.

Tuy nhiên sự mệt mỏi thuần túy của thể xác có thể tạo ra tác dụng lên thể trí. Vậy là một người hoàn toàn kiệt sức thì phần lớn là cũng mất đi khả năng phối kết. Mọi tế bào đều kêu ca và tác dụng lên mọi hiện thể - thể phách, thể vía và thể trí - tạo ra rất nhiều những xoáy lực nhỏ riêng rẽ, mỗi xoáy lực run rẩy theo nhịp độ của riêng mình sao cho tất cả những hiện thể đều mất hết sự cố kết và không còn khả năng làm việc.

Trong tình trạng hiểu biết hiện nay của ta thì ta chưa biết chính xác phương pháp tác động của trí nhớ bình thường vì đề tài này chưa ai khảo cứu. Tuy nhiên rõ ràng một rung

động trong thể trí là một phần của điều đã xảy ra và thể nguyên nhân tuyệt nhiên không dính dáng vào đó.

Cách đây nhiều ngàn năm dường như đã có một nghi lễ nào đấy nhắm vào việc khai mở năng lực của các thể cao. Trong một phòng tối người chủ lễ thốt ra từ ngữ “Om”, nó khiến cho mọi người có mặt được hài hòa mật thiết với vị chủ lễ, với mọi xúc cảm tràn đầy tâm trí. Khi vị chủ lễ thốt ra từ ngữ “Bhur” thì gian phòng tràn ngập ánh sáng thông thường đối với giác quan của họ. Khi vị chủ lễ thốt ra âm thanh của một từ khác thì họ được tạm thời khai mở thần nhãn thể vía; một từ ngữ khác cũng khai mở được thần nhãn thể trí của họ. Những tác dụng như thế chỉ tạm thời thôi, còn vào một dịp trong tương lai thì dĩ nhiên nó cũng dễ tạo ra cùng kết quả đối với chính những người ấy.

Quan trọng là học viên nên học cách phân biệt giữa linh tính và trực giác. Vì cả hai đều xuất phát từ bên trong ra tới bộ óc cho nên thoát tiên chúng có vẻ giống hệt nhau, vì vậy ta rất cần thận trọng. Khi tình huống cho phép thì ta nên chờ đợi một lúc, bởi vì linh tính thường yếu đi trong khi trực giác vẫn không chịu ảnh hưởng khi thời gian trôi qua. Linh tính thường có kèm theo sự kích động và trong đó có một yếu tố cá nhân nào đấy; còn trực giác chân chính mặc dù mang tính quyết đoán vẫn được bao quanh bởi một ý thức về sức mạnh bình tĩnh. Linh tính là sự trào dâng của thể vía, còn trực giác là một mẫu tri thức do Chơn ngã ẩn tượng lên phạm ngã; như vậy nó xuất phát từ cõi thượng trí hoặc ngay cả đôi khi từ cõi bồ đề.

Muốn phân biệt linh tính với trực giác nếu bản chất chưa hoàn toàn thăng bằng thì như ta đã nói ở trên, ta cần phải cứu xét bình tĩnh và có sự trì hoãn. Trong tình huống ấy linh tính sẽ tiêu ma đi còn trực giác lại tăng trưởng rõ rệt và mạnh mẽ hơn. Sự bình tĩnh và thanh thản khiến cho hạ trí nghe rõ ràng hơn được tiếng nói của trực giác và cảm nhận được quyền năng của nó. Như vậy trực giác chẳng mất đi điều gì mà đúng hơn lại còn thu thêm được sự thắng lợi từ trì hoãn bình tĩnh.

Hơn nữa trực giác luôn luôn có liên quan tới một điều gì đó vị tha. Nếu trong một linh tính xuất phát từ một cõi cao có một chút lòng ích kỷ nào đó thì ta có thể đoán chắc rằng đó là linh tính của cõi trung giới chứ không phải trực giác chân chính của cõi bồ đề.

Trực giác hơi giống như thị giác trực tiếp trên cõi trần, rốt cuộc nó sẽ thay thế cho lý trí và lý trí có thể so sánh với xúc giác trên cõi trần. Trực giác phát triển từ lý trí cũng theo trình tự ấy mà không thay đổi bản chất cốt lõi giống hệt như mắt phát triển từ xúc giác. Nhưng trực quan của kẻ thiếu thông minh chỉ là linh cảm do dực vọng sinh ra, cho nên thấp hơn chứ không cao hơn lý trí.

CHƯƠNG XV SỰ ĐỊNH TRÍ

Từ những điều chúng ta đã thấy về cơ chế và quyền năng của tư tưởng, thật rõ ràng là việc kiểm soát cái trí có tầm quan trọng hơn hẳn so với mức ta giả định thông thường cả vì ích lợi của con người lẫn vì ảnh hưởng của nó đối với công việc mà y làm được cho người khác. Thật vậy, sự kiểm soát tư tưởng là điều kiện tiên quyết cốt yếu để phát triển các quyền năng của linh hồn.

Trong quyển *Tiếng Nói Vô Thinh* có nêu rõ rằng: “Cái Trí là kẻ giết chết thực tại, đệ tử hãy tiêu diệt kẻ giết thực tại”. Điều này dĩ nhiên không có nghĩa là ta phải tiêu diệt cái trí vì

nếu không có nó thì ta không tiến bộ được, nhưng ta phải làm chủ và chế ngự được nó; nó không phải là Chơn Nhơn mà là một công cụ để cho Chơn Nhơn rèn luyện và vận dụng.

Rõ rệt là học viên phải hết sức cẩn thận để dung dưỡng những tư tưởng và xúc động mà mình được phép. Kẻ phạm phu ít khi nghĩ tới việc toan tính kiểm soát những xúc động, ngoại trừ có lẽ kiểm soát sự biểu lộ ra bên ngoài của nó; khi y thấy xúc động xuất lộ bên trong bản thân thì y chịu theo nó và cho rằng làm như thế mới là tự nhiên. Tuy nhiên, học viên huyền bí phải chọn theo một thái độ khác hẳn: thay vì để cho xúc động chạy lồng lên thì y phải hoàn toàn kiểm soát được nó và ta phải thực hiện điều này bằng cách phát triển và kiểm soát thể Trí. Một trong những bước đầu tiên hướng về điều này là nhận thức rằng thể Trí không phải là Chơn Nhơn mà là một công cụ Chơn Nhơn phải học cách sử dụng.

Như vậy học viên phải đặt ra cho mình nhiệm vụ làm chủ được cả xúc động lẫn tâm trí; y phải biết chính xác mình đang suy nghĩ về điều gì và tại sao mình nghĩ như vậy đến mức mà y phải sử dụng cái trí, xoay chuyển nó hoặc nắm giữ nó yên tĩnh giống như một người đầu gươm điều luyện xoay chuyển vũ khí theo ý muốn của mình về hướng này hướng khác và cũng có thể nắm chắc nó theo y muốn. Nói cách khác, y phải đạt được khả năng định trí vốn là một điều kiện sơ bộ cần thiết cho mọi công trình trí tuệ.

Y phải học cách suy nghĩ kiên định và liên tục, không để cho cái trí đột ngột nhảy từ chuyện này sang chuyện khác, không phí phạm năng lượng của cái trí vào đa số những tư tưởng không quan trọng.

Hầu hết mọi người đều thấy đủ thứ tư tưởng đi lạc, không mời mà đến ủa vào trong tâm thức mình vì họ hoàn toàn không quen kiểm soát cái trí cho nên họ bất lực không kèm chế được dòng thác ấy. Những người đó đâu có biết tư tưởng thật sự tập trung nghĩa là gì; chính việc hoàn toàn thiếu định trí này, sự bạc nhược này của cái trí và ý chí khiến cho các giai đoạn sơ khởi trong sự phát triển huyền bí khó khăn xiết bao đối với kẻ phạm phu. Và lại, bởi vì trong hiện trạng thế giới ngày nay rất có thể có nhiều tư tưởng gian tà trôi nổi hơn là tư tưởng tốt lành, cho nên khuyết điểm này chỉ khiến cho người ta chịu đủ thứ cảm dỗ mà chỉ cần một chút cố gắng và thận trọng là có thể hoàn toàn tránh được.

Xét về khía cạnh hình tướng thì định trí là giữ cho thể Trí được định hình theo một hình ảnh kiên định; xét về khía cạnh sự sống thì đó là việc điều khiển sự chú ý tới hình tướng ấy một cách kiên định sao cho ta mô phỏng lại được nó bên trong bản thân. Chính lực của ý chí mới bắt buộc cái trí phải giữ nguyên một hình tướng duy nhất, mới định hình được nó theo một hình ảnh duy nhất, hoàn toàn bất chấp mọi ấn tượng khác tác động vào nó.

Nói một cách ngắn gọn hơn thì định trí cốt ở việc tập trung tâm trí vào một ý tưởng duy nhất và giữ cho nó ở ngay đó. Nói đơn giản hơn, thì định trí là chú ý. Nếu người ta chú ý tới điều mình đang làm thì y đang định trí.

Trong khi liên kết với những dạng cao của sự nghe thấy thì trung tâm lực ở họng cũng có liên hệ mật thiết với khả năng chú ý mà mọi hệ thống huyền bí học đều luôn luôn cho nó là rất quan trọng. Vì thế cho nên trong trường phái Pythagore chẳng hạn, học viên trong nhiều năm được duy trì ở cấp Akoustikoi gọi là Thịnh Văn và bị cấm tuyệt không được lao vào vùng nước nguy hiểm đầy chuyện mới mẻ chừng nào họ chưa hoàn toàn bén rễ với những nguyên lý triết học đã được xác lập. Cũng vì những lý do tương tự trong các bí pháp ở Mithra, cấp thấp nhất là con Quạ nghĩa là chỉ được phép lập lại những điều mình nghe nói y hệt như con quạ hoặc con vẹt. Hội viên Tam Điểm ắt nhận ra được sự tương ứng của các cấp này với cấp E. A. trong hệ thống của mình. Nhân tiện, xin nói cấp E. A. triệu thỉnh sự trợ giúp con người sử dụng nó một lớp đặc thù các sinh linh thông tuệ phi nhân loại thuộc cõi tinh vi, nó cần được thực hiện chính xác đúng nơi đúng chỗ; nếu thực hiện điều cần phải

làm một cách cẩn thận, không suy nghĩ thì người ta chỉ rước lấy những ảnh hưởng mà mình chẳng biết gì và chưa hề được chuẩn bị. Khi sử dụng mọi dạng “pháp thuật” như thế thì người ta nên cảnh giác kéo vô hình trung mình chỉ rước lấy những ảnh hưởng bất lợi mà trong trường hợp khác ắt đã làm ngơ mình đi. Học viên cũng nên nhớ rằng tác dụng tự nhiên của việc định trí là tạo ra sự căng thẳng của các cơ bắp trong cơ thể, chẳng hạn như việc cau mày. Sự căng thẳng như thế chẳng những làm cơ thể mệt mỏi mà còn gây trở ngại cho việc chu lưu thần lực. Vì vậy, định kỳ trong buổi tham thiền cũng như trong sinh hoạt hằng ngày, học viên nên chú tâm tới cơ thể và cố ý “thư giãn”. Kinh nghiệm chứng tỏ rằng trong toàn bộ hệ thống được vô cùng thoải mái ngay cả chỉ sau một lúc hoàn toàn thư giãn. Những người có bản chất mạnh mẽ và cực lực nên đặc biệt chú ý tới sự thư giãn và thấy mình có thể cần phải thực hành những bài tập nhất định với mục đích ấy. Có nhiều quyển sách bàn về đề tài này, ta có thể tin tưởng khuyên bạn đọc tham khảo một trong những quyển sách hay nhất là quyển *Quyền Năng do Sự Nghỉ ngơi* của Annie Payson Call.

Định trí không phải là vấn đề nỗ lực thể xác; lúc cái trí quay sang một tư tưởng thì nó đã định trí về tư tưởng ấy rồi. Định trí đâu phải là vấn đề dùng sức mạnh để giữ cho cái trí (trang 128) gắn liền với một tư tưởng nào đó mà định trí là để cho cái trí tiếp tục an nghỉ nơi tư tưởng ấy một cách hoàn toàn yên tĩnh và tịch lặng. Học viên phải nhớ rằng chỗ của tư tưởng không phải ở trong bộ óc mà ở trong thể trí; vì thế cho nên định trí liên quan tới thể trí nhiều hơn là óc phàm. Như vậy, định trí rõ rệt không phải là một trạng thái thụ động mà ngược lại là một hoạt động cực lực và điều độ. Trên cõi trí tuệ, nó cũng giống như việc chuẩn bị cơ bắp để nhảy vọt trên cõi hồng trần hoặc làm cứng đờ cơ bắp để đối phó với một sự căng thẳng kéo dài. Kể nào bắt đầu thực sự định trí đối với tư tưởng thoát tiên không nên vượt quá 5 hoặc 10 phút trong một mạch bằng không y sẽ bắt bộ óc làm việc quá sức. Dần dần thì thời gian có thể kéo dài ra tới 15 - 20 hoặc 30 phút. Học viên chẳng bao giờ nên thực hành định trí hoặc tham thiền tới mức cảm thấy bộ óc đờ đẫn và nặng nề, vì đờ đẫn và đau đớn là những tín hiệu nguy hiểm, nó biểu thị rằng nỗ lực được thực hiện đã làm thay đổi vật chất của các thể nhanh hơn mức tương hợp với sức khỏe.

Hầu hết mọi người dường như thấy khó kiểm chế tư tưởng hơn xúc động, có lẽ vì họ được giáo dục coi việc để cho xúc động lộng hành, không bị kiểm soát là khiếm nhã trong khi họ thường bỏ mặc cho tư tưởng chạy rong theo tiếng gọi của óc hoang tưởng. Khi người ta bắt đầu toan tính kiểm soát cái trí của mình thì y thấy mình xung đột với những thói quen đã qua của thể Trí. Cũng như tâm thức tập thể của thể Vía tạo thành cái gọi là Tinh linh Dục vọng bao nhiêu (Xem quyển *THỂ VÍA* trang 77) thì tâm thức tập thể của thể Trí cũng tạo thành Tinh linh Trí tuệ bấy nhiêu. Như vậy, Tinh linh Trí tuệ này đã quen có mọi chuyện theo ý mình và trôi dạt dờ từ đề tài này sang đề tài khác theo ý ngông của chính mình. Đấu tranh với Tinh linh Trí tuệ, xét về một số phương diện thì khác với đấu tranh chống lại Tinh linh Dục vọng. Tinh linh Trí tuệ vốn sớm tiến hóa hơn Tinh linh Dục vọng trọn cả một giai đoạn cho nên ít quen thuộc hơn với việc bị giam hãm trong vật chất; vì thế cho nên nó năng động hơn Tinh linh Dục vọng: lãn xăn hơn nhưng thiếu quyết tâm hơn và thiếu sức mạnh hơn.

Xét về bản chất của sự việc thì như vậy y dễ quản lý hơn nhưng lại không quen quản lý; điều này khiến cho muốn kiểm soát một tư tưởng thì thật sự cần vận dụng ít sức mạnh hơn việc kiểm soát ham muốn, nhưng cũng cần áp dụng kiên trì sức mạnh ấy. Ta cũng phải nhớ rằng trên cõi trí tuệ, cái trí vốn ở vùng đặc địa của mình và đang xử trí vật chất của chính mình sao cho đó chỉ là vấn đề thực hành trong việc nó học cách quản lý hoàn hảo

Tinh linh Trí tuệ; trong khi đó lúc ta cố gắng kềm chế Tinh linh Dục vọng thì ta đang đưa cái trí xuống một cõi xa lạ với nó và áp đặt một uy lực ngoại lai từ bên ngoài.

Một vài sự kiện vừa nêu quan trọng đến nỗi ta nên ôn lại chúng một cách ngắn gọn. Bản thân việc kiểm soát cái trí dễ hơn nhiều so với việc kiểm soát xúc động; nhưng ta đã thực hành kiểm soát xúc động trong một chừng mực nào đó và theo thông lệ ta hầu như chưa thực hành việc kiểm soát cái trí. Vì thế cho nên việc vận dụng trí tuệ dường như khó khăn xiết bao đối với chúng ta. Cả hai cùng nhau tạo thành một nhiệm vụ dễ dàng hơn nhiều so với việc hoàn toàn làm chủ được thể xác; nhưng trong một chừng mực nào đó, ta đã thực hành công việc kiểm soát thể xác trong một số kiếp trước kia, mặc dù thành tích của ta theo đường lối ấy thậm chí rõ ràng là bất toàn. Việc hiểu được rốt ráo vấn đề này ắt dứt khoát khích lệ học viên. Việc hiểu biết ấy có một kết quả là gây ấn tượng lên y, linh hoạt về một sự thật của nhận xét trong quyển *Tiếng Nói Vô Thinh*, theo đó trần gian là địa ngục chân chính duy nhất mà huyền bí gia đã từng biết tới. Để thấy phát biểu nêu trên không dường như sai sự thật hoặc ngoa ngoác, xin học viên hãy xét tới nỗi khó khăn khi dùng quyền năng tư tưởng để trấn áp chẳng hạn như một cơn đau răng kịch liệt (mặc dù ngay cả điều này cũng có thể được thực hiện trong một số tình huống nào đó); rõ ràng là dễ hơn nhiều khi dùng quyền năng tư tưởng để trấn áp sự chán nản, giận dữ, ghen tuông hoặc bất kỳ xúc động khó chịu nào khác, và còn dễ hơn nữa khi lái tư tưởng chệch ra khỏi một đề tài không hấp dẫn hoặc bất lợi chuyển sang một đề tài hấp dẫn hoặc có ích lợi hơn hay là thậm chí ngưng làm việc hoàn toàn bằng cái trí.

Giờ đây ta nên xét tỉ mỉ hơn những trở ngại cho việc định trí; như ta thấy, những trở ngại này tự nhiên chia thành hai nhóm chính. Nhóm thứ nhất có liên quan tới Kāma tức dục vọng; nhóm thứ nhì có liên quan tới chính bản chất của vật chất trí tuệ. Cách đây 5.000 năm trong cuộc đàm đạo bất hủ giữa Arjuna và Shri Krishna (Xem *Chí Tôn Ca* VI, 34-35), Arjuna đã diễn tả việc khó kiểm soát cái trí như sau: “Hỡi đáng giết chết Madhu, cái khoa yoga mà ngài tuyên bố qua sự bình tâm, con thấy chẳng có nền tảng vững chắc nào cho nó vì nó thật lãn xăn; bởi vì cái trí, hỡi đáng Krishna, nó quả thật là lãn xăn. Nó thật hung hãn, dữ dội và thật khó uốn nắn; con thấy khó uốn nắn nó cũng như khó nắm bắt được gió”.

Và câu trả lời vẫn còn đúng mãi, câu này vạch ra đường lối duy nhất dẫn đến thành công: “Hỡi kẻ được võ trang hùng hậu, chắc chắn là cái trí thật khó uốn nắn; nhưng ta có thể uốn nắn nó bằng việc *thực hành thường xuyên* (abhyasa) và *sự lãnh đạm điềm nhiên, dứt bỏ* (vairagya).

Chúng ta sẽ xét hai trở ngại (mà hai phương thuốc chữa trị chúng đã được viết nghiêng như trên) theo thứ tự ngược.

(1). Sự lãnh đạm, điềm nhiên. Điều này rõ ràng nhằm nói tới khả năng của kāma, tức dục vọng, thu hút, gây ảnh hưởng và bám lấy cái trí. Ở chương 6, ta đã nghiên cứu tỉ mỉ mối quan hệ giữa kāma và manas, ta thấy cách thức mà ham muốn không ngừng thúc đẩy cái trí và thường xuyên khiến cái trí cung cấp cho mình vui sướng. Vậy là cái trí bị dẫn dụ phải mưu tìm cái mang lại vui sướng cũng như tránh né cái gây ra đau khổ. Vì thế cho nên chỉ khi nào ta chế ngự và làm chủ được xúc động thì ta mới khống chế nó và ngăn ngừa nó không lôi kéo cái trí đi chệch ra khỏi nhiệm vụ mà nó đã đề ra cho mình thực thi. Học viên nên nhớ lại rằng một khối hỗn độn những xúc động nhỏ mọn thật không xứng đáng với một sinh linh thuần lý và thật là hết sức mất tư cách khi con người vốn là Điểm Linh Quang của Thượng Đế mà lại để cho mình chịu sự chi phối của Tinh linh Dục vọng vốn là một thứ thậm chí chưa đạt được mức khoáng vật. Dường như có hai cách thức chính yếu giúp ta đạt

được sự điềm nhiên này và dùng nó làm phương tiện để định trí. Ta có thể gọi chúng là (a)- phương pháp Triết học và (b)- phương pháp Sùng tín.

(a)- *Phương pháp Triết học*: Phương pháp này cốt ở việc biến đổi và tăng cường thái độ của mình đối với bất cứ thứ gì thường hấp dẫn và trói buộc con người sao cho người ta hoàn toàn chế ngự được kâma tức ham muốn; vậy là con người trở nên điềm nhiên với mọi sự vật cho dù ở bên ngoài hay là được giới thiệu với cái trí từ bên trong. Theo nhận xét của chính người viết tác phẩm, phương pháp này dường như khó khăn đối với hầu hết những người có tính khí Tây phương và thường có khuynh hướng tạo ra nhiều bói rối hơn là giải quyết được bói rối; đối với những người có tính khí Đông phương (tạm dùng một cách phân biệt thô thiển nhưng hữu ích) thì nó có vẻ không tạo ra nhiều khó khăn như thế. Muốn trình bày rõ ràng phương pháp này thì cần phải có một bộ khảo luận về triết học và dĩ nhiên điều này vượt xa tầm mức của quyển sách. Ta chỉ cần nói vài lời cũng đủ nêu lên đại ý của phương pháp ấy. Triết lý của hệ thống này được mô tả trong các Đề mục 5 và 6 của *Chí Tôn Ca*, vốn được lần lượt gọi là Khoa Yoga Xả bỏ Hành động và Khoa Yoga Tự chế.

Trong hệ thống này con người “chẳng ghét bỏ mà cũng chẳng ham muốn; y thoát khỏi các cặp đối đãi; y nhận thấy rằng các giác quan theo đuổi những đối tượng của giác quan; y đặt mọi hành động nơi Đấng Vĩnh Hằng, từ bỏ sự dính mắc; y xả bỏ trong trí mọi tác động; y quan sát giống nhau một người Bà la môn có học thức và khiêm tốn, một con bò cái, một con voi, thậm chí một con chó và kẻ cùng đinh; y không vui mừng khi đạt được điều dễ chịu, cũng chẳng buồn rầu khi vớ phải điều khó chịu; y không dính mắc vào những sự tiếp xúc với ngoại giới và thấy mình hoan hỉ nơi Tự ngã; y có thể nhẫn nhục; sức mạnh sinh ra từ ham muốn và đam mê được làm cho hài hòa, hạnh phúc, chú ý tới phúc lợi của chúng sinh; tách rời khỏi ham muốn và đam mê.

“Y thực thi hành động ấy coi là một bổn phận, độc lập với kết quả của hành động; với ý chí tạo hình xả bỏ kiểm soát và yên bình, y vẫn không thay đổi khi nóng hoặc lạnh, khi sướng hoặc khổ cũng như vinh hoặc nhục; y coi như nhau những người thương yêu, bạn và thù, người xa lạ, người vô thương vô phạt, người nước ngoài và thân quyến cũng như kẻ công chính và kẻ gian tà; y không còn hi vọng và tham lam nữa; y không còn khao khát những điều đáng mong muốn; y giống như một ngọn đèn đặt ở nơi không có gió; ngay cả sự phiền não nặng nề cũng không làm y xao động; y không ngần ngại từ bỏ mọi ham muốn sinh ra do óc tưởng tượng; dần dần y đạt được sự bình an vì đã khiến cho cái trí an trụ nơi TỰ NGÃ; y thấy Tự Ngã ngự nơi vạn vật và vạn vật đều có nơi Tự ngã và y đã hoàn toàn trở nên hài hòa”.

Đoạn trích dẫn nêu trên chẳng qua chỉ là sự phác họa đại khái điều mà ta gọi là phương pháp Triết học. Thật ra phương pháp này có thể chế biến và thích ứng trong một phạm vi rất rộng để thích ứng với những cá thể đặc thù và tính khí đặc dị của y. Tuy nhiên, như ta đã nói, phương pháp Triết học là con đường khó đi và gây bói rối cho đa số mọi người, vì vậy “thiên chức của người khác thì tràn đầy nguy hiểm” nên ta theo phương pháp thứ nhì thì ít kịch liệt hơn mà ta sẽ miêu tả bây giờ.

(b) *Phương pháp Sùng tín* – Trong phương pháp này thay vì loại bỏ kâma, nghĩa là ham muốn tức dính mắc thì học viên lại dùng chính cái sức mạnh của kâma để ổn định cái trí. Đây là phương pháp độc đáo của kẻ sùng tín, y trau dồi kâma dưới dạng cao nhất tới mức cường độ cực mạnh sao cho mọi sự dính mắc khác đều trở nên tương đối vô nghĩa; do đó nó bất lực không làm xáo trộn hoặc xao lãng sự chú ý của y. Kẻ có tính khí sùng tín có thể đạt được mục tiêu của mình bằng cách định trí vào một đối tượng yêu thương hoặc một hình ảnh thân thương, chính điều vui sướng mà y trải nghiệm do sự lạng ngắm cái hình ảnh

ấy đã giữ cho cái trí cố định vào đó, cho dù cái trí có bị sức mạnh khác lôi kéo lệch ra khỏi nó thì cái trí cứ trở đi trở lại nó hoài. Bằng cách này, người sùng tín đạt được một mức độ định trí đáng kể. Trong khi người sùng tín sử dụng yếu tố hấp dẫn như thế đối với một con người thì người có đầu óc triết lý hơn lại có thể thay thế hình ảnh hấp dẫn bằng một ý tưởng sâu xa nào đó hoặc ngay cả một bài toán khó khăn nào đó; như vậy, đối với y, lợi ích trí thức tức lòng ham muốn sâu sắc có được sự hiểu biết cung cấp khả năng ràng buộc của sự hấp dẫn và như vậy giữ cho cái trí không bị xao động.

Xét theo quan điểm này thì ta định nghĩa sự định trí một cách hữu dụng như sau: Việc thực hành định trí là việc kiểm soát cái trí, dùng một tâm trạng để chế ngự cái trí, dùng ý chí để dẫn dắt lên cái trí sao cho mọi suy nghĩ đều uốn mình theo chủ đích đã được chọn lựa.

Đối với kẻ nào không dứt khoát có tính sùng tín thì ta có thể thay đổi phương pháp nêu trên khá nhiều; thật vậy đối với hầu hết mọi người phương pháp được thay đổi này quả thật có lẽ là phương pháp dễ nhất mà người ta thực hiện trong sinh hoạt hằng ngày. Nó cốt ở việc trở nên bận tâm và đắm chìm vào đề tài được tuyển lựa đến nỗi chính vì thế mà mọi tư tưởng khác đều bị loại ra khỏi cái trí. Cái trí trở nên bận tâm đến nỗi nó cảm ứng ra một trạng thái ít nhiều tập trung chăm chú. Học viên phải học cách hoàn thành điều này một cách thoải mái và y sẽ thành công rực rỡ khi trau dồi được khả năng và thói quen quan sát, chú tâm tới những đối tượng nơi ngoại giới. Ta chọn một đối tượng, khảo sát và nghiên cứu nó tỉ mỉ về nhiều phương diện. Không một đối tượng nào trong thiên nhiên thật ra lại nhằm chán hoặc không thú vị; nếu có một điều gì đó dường như vậy thì nói cho đúng hơn đó là vì ta thiếu chú ý và không nhận thức được để đánh giá cao sự kỳ diệu và vẻ đẹp trong sự biểu lộ của nó. Ta cần đạt được một mức độ làm chủ nào đó trong việc thực tập sơ cấp tương đối như nêu trên thì mới có thể hình dung thành công được: hình dung là năng lực tạo ra trong cái trí một đối tượng được mô phỏng với chi tiết tỉ mỉ thể mà mắt phàm không nhìn thấy đối tượng; việc hình dung chính xác là một năng lực cần thiết trong một vài dạng công tác huyền bí, chẳng hạn như trong nghi lễ.

Nếu thay vì là một đối tượng cụ thể mà ta lại chọn một ý tưởng, chẳng hạn như một đức tính thì nó cũng khơi dậy lòng nhiệt thành và sùng tín của học viên; trong trường hợp này sự định trí chủ yếu là của xúc cảm chứ còn cái trí thì không rõ rệt như vậy. Xúc cảm dễ đạt được mức nhất tâm hơn tư tưởng bởi vì tư tưởng vốn tinh vi và năng động hơn; nhưng nếu ta có thể cảm ứng được sự tập trung xúc cảm thì trong một chừng mực nào đó sự định trí sẽ nối tiếp theo. Khi thực hành định trí cũng như tham thiền, kẻ sơ cơ hay thấy rằng có nhiều ham muốn nhỏ nhỏ chưa được thỏa mãn và nhiều vấn đề chưa được suy nghĩ rõ ràng cứ ngoác cái miệng hau háu đòi khát ra gào thét lấn át sự chú tâm của mình. Để dẹp tan những sự trở ngại ấy, việc ức chế hoặc đè nén chúng không có công dụng là bao. Việc đối phó tốt hơn là phải quan tâm tới chúng, dành cho chúng một thời gian và suy nghĩ về chúng. Một cái trí không khắc phục được sự dao động như thế đến nỗi những vấn đề tồn đọng cứ triền miên không giải quyết được thì không định trí thành công chứ đừng nói chi tới tham thiền. Học viên phải quyết tâm dàn xếp những vấn đề của mình, đi tới những quyết định dứt khoát để rồi không suy đi nghĩ lại về đề tài ấy nữa. Khả năng làm như vậy được gia tăng nhờ việc thực hành và thói quen hễ quyết định là bắt tay vào làm ngay.

(2). Việc Thực hành Thường xuyên. Ở đây dường như ta nhằm nói tới tính chất lẫn lẫn vốn ít nhiều cố hữu nơi vật chất trí tuệ và nơi tinh hoa ngũ hành trí tuệ. Thật vậy, tinh hoa ngũ hành phần lớn là chịu trách nhiệm về những tư tưởng lang thang của ta khi nó thường xuyên nhảy nhót từ chuyện này sang chuyện kia. Nhưng bởi vì vật chất trí tuệ cũng tuân theo định luật thói quen giống như mọi loại vật chất cho nên ta có thể rèn luyện nó

bằng cách thường xuyên thực hành cho đến khi nó quen với việc đảo ngược lại tính lẫn lẫn; như vậy là ta đã uốn nắn nó thành ra một tôi tớ ngoan ngoãn và cúc cung tận tụy phục vụ Chơn Nhơn tức Chủ thể tư tưởng. Cố nhiên cách nhanh nhất và tốt nhất để khắc phục sự lang thang của cái trí là phải sử dụng ý chí. Thật vậy, cho dù ta chọn phương pháp nào đó đi chăng nữa thì ta vẫn phải sử dụng ý chí đến một chừng mực nào đó. Có một số người chỉ trông cậy hoàn toàn vào sức mạnh của ý chí và ý chí có thể được phát triển đến mức vô hạn, trong khi những người khác lại thích hỗ trợ và bổ sung cho quyền năng ý chí bằng triết lý, lòng sùng tín hoặc bất kỳ công cụ nào khác mà họ có thể phát hiện ra cho bản thân. Dĩ nhiên ta có thể tạo ra một lớp vỏ bao bọc xung quanh mình, vậy là ta đã loại trừ được những tư tưởng từ bên ngoài, nhưng người ta không khuyến khích dùng phương pháp này làm một chiến lược mãi mãi bởi vì xét cho cùng thì những lớp vỏ bảo vệ chẳng qua chỉ là những cái nạng chống đỡ. Tuy nhiên nếu ta sử dụng một lớp vỏ bảo vệ thì cũng phải nhận thức được rằng nó không thể ngăn ngừa được những tư tưởng lang thang xuất hiện ngay từ bên trong cái trí chính mình. Nó chỉ ngăn ngừa được sự xâm nhập từ bên ngoài của những tư tưởng ngẫu nhiên trôi nổi do người khác đã thả lỏng cho chúng bèo giạt mây trôi. Ta chỉ nên dùng vật chất hạ trí để tạo ra một lớp vỏ như vậy, bằng không thì ta có thể ngăn ngừa những tư tưởng hữu ích hoặc chính tư tưởng của ta cũng bị cản trở không tuôn lên được hướng về phía Chơn sư. Trong Hội Tam Điểm, quá trình tương ứng với điều nêu trên là việc Lọt ngói cho Chi bộ; điều này dĩ nhiên được thực hiện ở trên một cõi thích hợp với Mức độ mà nó được triển khai. Trong sinh hoạt đời thường hằng ngày ta có thể và nên đạt được khả năng định trí. Cho dù ta đang làm việc gì thì ta cũng nên tập trung toàn bộ chú tâm vào đó, toàn tâm toàn ý làm việc ấy. Chẳng hạn như ta nên viết một bức thư cho kỹ lưỡng và chính xác, không được cầu thả về chi tiết khiến cho tác dụng của nó bị trì hoãn hoặc phương hại. Ta nên hết sức chú tâm đọc một quyển sách và cố gắng lĩnh hội ngụ ý của tác giả. Không một ngày nào trôi qua mà ta lại không thể luyện tập cái trí một cách nhất định. Đó là vì sức mạnh của cái trí chỉ có được qua việc luyện tập; nếu bỏ phế thì bao giờ nó cũng bị suy yếu rồi teo tóp đi. Học viên cũng nên lĩnh hội được cơ chế của sự lo âu và phương pháp loại trừ điều ấy. Miễn là đừng quá sức thì làm việc chẳng những không gây phương hại cho bộ máy tư duy mà ngược lại còn củng cố cho bộ máy ấy. Nhưng quá trình lo âu trong trí dứt khoát làm tổn hại cái trí, chỉ sau một thời gian là nó sẽ gây ra sự kiệt quệ thần kinh và ưa cầu kinh khiến cho ta không thể làm việc đều đều bằng cái trí. Lo âu là quá trình lập đi lập lại cùng một chuỗi tư tưởng mà chẳng thay đổi được bao nhiêu, chẳng đi đến kết quả gì, thậm chí thường khi lại chẳng nhắm vào một kết quả nào. Đó là việc cứ tiếp tục mô phỏng lại những hình tư tưởng được phát khởi do thể trí và bộ óc chứ không phải do tâm thức, rồi thể trí và bộ óc lại áp đặt những hình tư tưởng ấy lên tâm thức. Chủ thể suy tư vì không giải được bài toán của mình cho nên vẫn bất đắc chí, nỗi e sợ do tiên liệu về chuyện rắc rối đã khiến cho y cứ nhấp nha nhấp nhòm đứng ngồi không yên. Trong tình huống ấy (nghĩa là chủ thể suy tư mất phương hướng) thì cái trí và bộ óc cứ tiếp tục nhồi nén những hình ảnh đã được định hình và bị bác bỏ ra. Trong khi lo âu, Chủ thể suy tư trở thành kẻ nô lệ thay vì là chủ nhân ông của các hạ thể.

Lo âu phần lớn là do cơ chế tự động vì vậy ta có thể sử dụng chính cái đặc tính ấy của vật chất để lấy độc trị độc. Có lẽ cách tốt nhất để dẹp bỏ một “kênh dẫn lo âu” là đào một kênh dẫn khác có đặc tính ngược hẳn lại nó. Ta có thể thực hiện điều này bằng cách cứ tham thiền về một tư tưởng chẳng hạn như “Tự ngã là Yên bình, tôi là Tự ngã. Tự ngã là Sức mạnh, tôi là Tự ngã”. Khi ta suy ngẫm như vậy thì sự Yên bình mà ta đang lặng ngẫm sẽ bủa quanh ta và ta cũng sẽ được tràn ngập Sức mạnh mà mình đã phác họa cho bản thân

trong lúc suy tư. Dĩ nhiên công thức chính xác về các ý tưởng để tham thiền phải thích ứng với từng cơ thể đặc thù.

Học viên phải học cách chắt chiu những suy tư mà còn có thể ngưng suy nghĩ một cách tùy ý. Khi việc suy nghĩ đã xong rồi thì nên dứt bỏ nó hoàn toàn chứ không cho phép nó trôi nổi dật dờ, lướt qua cái trí rồi lại biến đi đâu mất giống như một chiếc thuyền va chạm vào vách đá. Người ta không giữ cho cỗ máy vận hành khi nó không tạo ra công hữu ích vì như vậy sẽ làm mòn máy móc một cách không cần thiết. Cũng giống như vậy, bộ máy vô giá là cái trí không nên được phép xoay chuyển không có mục đích, không bị hao mòn khi không tạo ra kết quả hữu ích. Cũng giống như tay chân mỗi mệt rã rời sẽ phục hồi sức lực khi được nghỉ ngơi hoàn toàn, do vậy cái trí sẽ cảm thấy thoải mái khi được hoàn toàn thư giãn.

Khi học viên đã hoàn tất một công trình suy tư thì y nên dứt bỏ tư tưởng ấy, thế rồi khi những tư tưởng khác xuất hiện trong trí mình thì y cũng đừng chú tâm tới chúng. Có một phương pháp khác mà người viết quyển sách này sử dụng rất thành công, không chú trọng vào việc xoay chuyển chú tâm sang hướng khác [bản thân việc này là một hành vi tích cực] mà cốt ở việc không chú ý tới những tư tưởng xuất lộ. Cứ để cho những tư tưởng ấy lộ mặt ra mà đừng thèm ngó ngang gì tới chúng. Sau một thời gian ngắn, vì không được cấp thêm sự sống mới mẽ cho nên những tư tưởng ấy không thể xuất hiện được nữa; thế là ta trải nghiệm được sự tĩnh lặng hoàn toàn, không có bất kỳ tư tưởng nào, điều này cực kỳ thư giãn cho cả thể vía lẫn thể trí. [Ta có thể sử dụng chiến lược này để chữa bệnh mất ngủ, người viết quyển sách này thấy trong nhiều trường hợp nó thật là vô giá].

Muốn làm việc trên các cõi cao thì điều tiên quyết sơ bộ là phải ngưng tư tưởng. Khi bộ óc đã học được cách tịch lặng thì bấy giờ mới mở ra khả năng triệt thoái tâm thức ra khỏi xác phàm. Đến bấy giờ thì học viên mới vỡ lẽ ra được trọn cả ý nghĩa trong câu kinh của Patanjali, theo đó muốn thực hành Yoga thì người ta phải làm ngưng những “biến thái của nguyên khí suy tư”. Nhiệm vụ mà ta cần thành tựu là phải kiểm soát hoàn toàn được thể Trí tức “nguyên khí suy tư” sao cho nó chỉ có thể bị biến động do sự đồng ý đã được cố tình ban ra cho Chơn non, tức Chủ thể suy tư. Khi định nghĩa Yoga, Patanjali có sử dụng thuật ngữ chitta-vritti-nirodha, có nghĩa là dẹp hết (nirodha) những xoáy lực (vritti) trong cái trí (chitta).

Người ta phải có thể vận dụng và ngưng sử dụng cái trí giống như khi sử dụng một đồ vật; khi con người đạt được giai đoạn này thì y mới có thể hoàn toàn triệt thoái ra khỏi thể Trí. Như vậy Yoga chính là sự ức chế mọi rung động và biến đổi trong thể Trí. Vì thế cho nên nếu không được phát khởi từ bên trong thì thể Trí của một Chơn sư không thay đổi về màu sắc. Màu sắc thể Trí của ngài giống như “ánh trắng trên đại dương lặn tẩn gọn sóng”. Bên trong cái ánh trắng ấy có đủ mọi khả năng của màu sắc nhưng không một điều gì nơi ngoại giới có thể thay đổi chút nào được cái sắc thái lan tỏa qua ánh quang huy kiên định của nó. Thể Trí của Chơn sư chỉ là một lớp vỏ bên ngoài mà ngài sử dụng khi ngài cần giao tiếp với hạ giới.

Kết quả của việc định trí là khi Chủ thể tri thức kiên định, lặng ngấm hình ảnh duy nhất bằng cái trí đã tập trung thì y đạt được sự hiểu biết về đối tượng đầy đủ hơn mức mà mình có thể đạt được qua bất kỳ sự mô tả nào bằng ngôn ngữ. Nét phác họa thô thiển tạo ra do sự vật được mô tả bằng ngôn từ càng ngày càng được lấp đầy mọi chi tiết khi bức tranh định hình trong thể Trí và tâm thức càng ngày càng tiếp xúc nhiều hơn với sự vật được mô tả. Để biết thêm chi tiết về lý thuyết và thực hành trong việc định trí cũng như quyền năng tư tưởng, xin học viên hãy tham chiếu tác phẩm *Quyền Năng Tư Tưởng*, việc Kiểm soát và Trau dồi nó của bà Annie Besant; muốn có một cảm nang thực hành về định trí xin

học viên hãy tham chiếu quyển sách đáng khâm phục của ông Ernest Wood bàn về sự Định trí.

CHƯƠNG XVI SỰ THAM THIỀN

Dĩ nhiên, định trí không phải là cứu cánh tự thân mà chỉ là một phương tiện để đạt tới cứu cánh. Định trí uốn nắn thể trí thành ra một công cụ để cho chủ nhân ông sử dụng thoải mái. Khi cái trí tập trung đã được ổn định đều đều hướng về một mục tiêu nào đó với chủ đích xuyên qua bức màn che để đạt tới sự sống bên trong, rồi thu rút sự sống ấy hiệp nhất với sự sống của cái trí – thì bấy giờ ta đã tham thiền. Như vậy, định trí là định hình cơ quan, còn tham thiền là việc vận dụng nó.

Như ta đã thấy, định trí nghĩa là cố định cái trí vào một điểm duy nhất không cho nó xao lãng, không bị đãng trí do những sự vật bên ngoài gây ra, do hoạt động của các giác quan hoặc do hoạt động của chính cái trí. Nó phải được gom hết sức bình sinh đến nỗi ổn định không xao động và cố định cho đến khi nó dần dần học được cách triệt thoái sự chú tâm ra khỏi ngoại giới và ra khỏi cơ thể sao cho các giác quan vẫn còn yên tĩnh và tịch lặng, trong khi cái trí lại cực lực linh hoạt và mọi năng lực của nó đều được triệt thoái vào bên trong, được phóng ra ở một điểm tư tưởng duy nhất, là điểm cao nhất mà nó có thể đạt tới được. Khi nó có thể an trụ như vậy được dễ dàng thì nó sẵn sàng đạt thêm một bước nữa bằng cách nỗ lực mạnh mẽ và bình tĩnh của ý chí, nó có thể phóng mình vượt qua tư tưởng cao nhất mà nó có thể đạt được trong khi hoạt động trong bộ óc phàm; nhờ nỗ lực ấy nó sẽ vươn lên hiệp nhất với tâm thức cao siêu và thấy mình được giải thoát khỏi cơ thể.

Như vậy là bất cứ ai có thể chú ý, suy tư kiên định về một đề tài nào đó trong một thời gian ngắn mà không để cho cái trí xao lãng thì người ấy đã sẵn sàng để bắt đầu tham thiền. Chúng ta có thể định nghĩa tham thiền là chú tâm dai dẳng của cái trí được tập trung giáp mặt với một đối tượng sùng tín hoặc một vấn đề cần được soi sáng cho dễ hiểu. Thật vậy, về bất cứ vấn đề gì trong đó ta phải ngộ ra và hấp thụ sự sống chứ không phải là hình tướng. Đó là thuật xem xét một đối tượng và lật nó đi lật nó lại trong tâm trí qua đủ thứ phương diện và mối quan hệ. Sau khi đã định nghĩa tham thiền là cốt ở việc cố gắng đưa vào trong tâm thức tinh táo điều mà nó ở trạng thái hoạt động bình thường trong tâm trí, rồi sao cho nó phần nào nhận thức cái siêu thức được sáng tạo ra do quyền năng hoài bão để tạo ra một kênh dẫn, thông qua đó ảnh hưởng nguyên khí thiêng liêng hoặc nguyên khí tinh thần (Chơn nhơn) có thể tỏa chiếu cho phàm nhơn. Đó là việc cái trí và xúc cảm vươn ra bên ngoài hướng tới lý tưởng, mở ra cánh cửa cho tâm thức hạ đẳng bị giam hãm chịu ảnh hưởng của lý tưởng ấy. Bà H. P. Blavatsky có nói: “Tham thiền là sự khao khát không diễn tả nên lời của Chơn nhơn hướng về Vô cực”. Thánh Alphonus de Liguori bảo tham thiền là: “Cái lò đốt linh thánh mà trong đó linh hồn cháy bùng Tình thương Thiêng liêng của Thượng Đế”. Lý tưởng được chọn theo có thể là trừu tượng, chẳng hạn như một đức tính; nó có thể là Thiên tính nơi con người; nó cũng có thể được nhân cách hóa là một Chơn sư hoặc một Đạo sư. Nhưng trong bất kỳ trường hợp nào thì nó cũng có bản chất là nâng linh hồn lên cao hướng về cội nguồn thiêng liêng, là ham muốn của biệt ngã để hiệp nhất với Đại ngã.

Thực phẩm đối với cuộc sống trên cõi trần ra sao thì tham thiền đối với sinh hoạt tâm linh cũng như vậy. Người biết tham thiền bao giờ cũng là người hữu hiệu nhất trên thế gian.

Khi nói tới Cromwell, ngài Rosebery mô tả Cromwell là một “thần bí gia thực tiễn” và tuyên bố một thần bí gia thực tiễn là sức mạnh lớn lao nhất trên thế giới. Trí năng được tập trung và khả năng triệt thoái ra ngoài sự xáo động có nghĩa là tăng cường rất nhiều được nghị lực trong khi làm việc, có thêm sự kiên định, sự tự chủ và sự thanh thản. Người biết tham thiền là người không phí phạm thời gian, không phí hoài năng lượng, không bỏ lỡ cơ hội. Một người như thế không chế được các biến cố bởi vì bên trong y có một quyền năng mà các diễn biến chỉ là sự biểu hiện ra bên ngoài, y chia xẻ sự sống thiêng liêng và vì vậy cũng chia xẻ quyền năng thiêng liêng.

Như ta đã nói trước kia, khi cái trí được giữ để duy trì theo một hình ảnh và khi Chủ thể tri thức kiên định lặng ngắm nó thì y đạt được sự hiểu biết đầy đủ hơn nhiều về đối tượng này so với khi chỉ đạt được nhờ vào bất kỳ sự mô tả nào bằng ngôn từ. Khi sự định trí được thực hiện thì bức tranh được định hình trong thể Trí và sự định trí vào những đường nét đại khái suy ra chẳng hạn từ việc mô tả qua ngôn từ ắt bổ sung thêm càng ngày càng nhiều chi tiết khi tâm thức tiếp xúc mật thiết hơn với những sự vật được mô tả.

Mọi tôn giáo đều khuyên ta nên tham thiền, mọi trường phái triết học đều công nhận là nên tham thiền. Cũng giống như một người muốn được khỏe mạnh ắt dùng những phép thể thao, thể dục được qui định để phát triển cơ bắp; cũng vậy học viên huyền bí sử dụng những phép luyện tập tham thiền được qui định chính xác để phát triển thể Vía và thể Trí.

Có nhiên có nhiều loại tham thiền cũng như có nhiều loại hình người; rõ ràng không thể có một phép tham thiền duy nhất thích hợp cho mọi người. Tham thiền có nhiều mục đích mà mục đích chính là như sau đây:

[1] Nó bảo đảm được ít ra mỗi ngày một lần người ta đều nghĩ tới những chuyện cao siêu và thánh thiện, rút tư tưởng ra khỏi cái chu trình nhỏ mọn của sinh hoạt hằng ngày với những chuyện phù phiếm và bao nhiêu thứ rắc rối.

[2] Nó làm cho người ta quen nghĩ tới vấn đề ấy đến nỗi mà sau một thời gian thì những vấn đề ấy tạo thành bối cảnh cho sinh hoạt hằng ngày của y, cái trí của y sẽ hân hoan trở về với bối cảnh ấy bất cứ khi nào nó được giải thoát khỏi những yêu cầu ngay trước mắt của công việc làm ăn.

[3] Nó đóng vai trò một loại thể dục thể thao cho cái trí và cái vía để giữ các thể cao này được lành mạnh, giữ cho luồng sinh khí tuôn chảy qua các thể ấy. Xét về mục đích này thì ta nên nhớ rằng việc tập luyện đều đặn là quan trọng bậc nhất.

[4] Ta có thể dùng tham thiền để tu tâm dưỡng tính, để đạt được đủ thứ đức tính và phẩm chất.

[5] Nó nâng tâm thức lên tới những mức cao siêu để bao trùm được những sự vật cao siêu và tinh vi; nhờ tham thiền con người có thể vươn lên tới bản lai diện mục của Đấng Thiêng Liêng.

[6] Nó cởi mở đối với thiên nhiên và triệu thỉnh được những sự ban phước từ các cõi cao.

[7] Nó là phương cách – cho dầu là một bước rụt rè đầu tiên trên con đường đi – dẫn tới sự phát triển cao siêu và tri thức rộng lớn hơn, để đạt được thần nhãn và rốt cuộc đạt tới sự sống cao siêu hơn hoàn toàn vượt quá cõi trần này.

Tham thiền là phương pháp an toàn và dễ dàng nhất để phát triển được tâm thức cao siêu. Nhờ tham thiền, chắc chắn bất cứ ai trải qua thời gian cũng có thể lên tới Đức Thượng Đế hoặc Chơn sư, trước hết nâng mình lên cõi trung giới rồi tới cõi trí tuệ. Tuy nhiên không ai biết chắc nó sẽ phải mất bao nhiêu lâu, vì điều ấy hoàn toàn tùy thuộc vào quá khứ của học viên và những nỗ lực mà y đã thực hiện. Một người bận tâm tha thiết nghiên cứu những

chuyện cao siêu thì đã nhất thời được hoàn toàn nâng lên ra khỏi bản thân và tạo ra một hình tư tưởng mạnh mẽ trên cõi trí tuệ, nó được sử dụng ngay tức khắc để làm một kênh dẫn cho thần lực đang lớn vồn nơi thế giới ngay kể trên nó. Khi một đoàn thể người tụ họp lại cùng suy nghĩ với bản chất ấy thì kênh dẫn mà họ tạo ra xét về mọi tỉ lệ đều lớn hơn về dung lượng so với tổng số các kênh dẫn riêng rẽ. Vì vậy, một đoàn thể người như thế là một sự ban phước vô giá cho cộng đồng mà nó hoạt động trong đó. Khi họ nghiên cứu về mặt trí thức, thì họ có thể là nguyên nhân khiến cho thần lực tuôn đổ vào cõi hạ trí mà thần lực này bình thường chỉ thuộc về cõi thượng trí. Nếu tư tưởng của họ có liên quan tới luân lý và sự phát triển của linh hồn ở những phương diện cao siêu thì họ có thể tạo ra một kênh dẫn cho một tư tưởng cao siêu hơn nữa, thông qua đó thần lực của cõi bờ đề có thể giáng xuống cõi trí tuệ.

Như vậy, họ có thể gây ra ảnh hưởng được tỏa chiếu lên nhiều người vốn tuyệt nhiên không hề cởi mở với tác động của thần lực ấy nếu nó vẫn còn ở mức nguyên thủy. Đây quả thật là chức năng vĩ đại nhất và đích thực, chẳng hạn như một Chi bộ của Hội Thông Thiên Học - ắt cung ứng một kênh dẫn để phân phối Sự Sống Thiêng Liêng. Đó là mọi Chi bộ của Hội Thông Thiên Học đều là một trung tâm để cho các Chơn sư Minh triết và đệ tử các ngài chú ý tới; vì vậy tư tưởng của các thành viên của Chi bộ khi dẫn thân vào việc nghiên cứu, thảo luận v.v. . . có thể thu hút sự chú tâm của các Chơn sư, bấy giờ một thần lực được tuôn đổ ra đạt mức cao siêu hơn nhiều so với bất cứ thứ gì thoát thai từ chính các thành viên Chi bộ.

Chúng tôi xin nhắc các hội viên Thông Thiên Học nhớ rằng Tiên sĩ Besant có phát biểu cho biết Chơn sư có dạy rằng khi một người gia nhập Hội Thông Thiên Học thì y đã liên kết với các Chơn sư qua một tuyến sinh lực nhỏ xíu. Tuyến này là đường liên kết từ khí với Chơn sư; nhờ nỗ lực vất vả, sùng tín và phụng sự vị tha, học viên có thể củng cố và mở rộng tuyến này cho đến khi nó trở thành một đường ánh sáng sinh động. Người ta cũng có thể triệu thỉnh sự ban phước từ một nguồn còn cao hơn nữa. Sự Sống và Ánh Sáng của Đấng Thiêng Liêng tràn ngập trọn cả Thái dương hệ; còn thần lực ở mỗi cảnh hoặc mỗi cõi bình thường chỉ hạn chế vào cảnh hoặc cõi này thôi. Tuy nhiên nếu ta chuẩn bị một kênh dẫn đặc biệt cho nó thì nó có thể giáng xuống và soi sáng cho một cảnh thấp hơn. Một kênh dẫn như thế thường được cung ứng bất cứ khi nào có một tư tưởng hoặc một xúc cảm hoàn toàn mang tính cách vị tha. Xúc cảm vị kỷ chuyển động theo một đường cong khép kín và như vậy nó cứ chạy vòng vòng trên cảnh của riêng mình. Một xúc động cực kỳ vị tha là sự bùng nổ năng lượng một đi không trở lại, nhưng khi chuyển động hướng lên trên, nó cung ứng một kênh dẫn để cho Năng lượng thiêng liêng từ cảnh ngay kể trên nó tuôn xuống. Chính sự thực này là nền tảng của ý niệm về việc hể cầu nguyện thì sẽ được đáp ứng.

Đối với người có thần nhãn thì y thấy kênh dẫn này là một xoáy lực lớn thuộc loại hình trụ hoặc hình phễu không lồ. Đây là cách giải thích gần nhất mà ta có thể trình bày trong cõi trần, nhưng nó không được thỏa đáng bởi vì khi thần lực tuôn xuống qua kênh dẫn thì bằng cách nào đó nó tạo ra một xoáy lực làm xuất phát những đặc trưng riêng biệt nhuộm màu sắc ấy và gây ảnh hưởng biểu lộ qua cái mà kênh dẫn đã tạo ra. Khi tham thiền, thể Trí và thể Vía của con người dần dần từ hỗn loạn trở nên trật tự, bành trướng từ từ rồi dần dần học cách đáp ứng với những rung động càng ngày càng cao siêu hơn. Mỗi nỗ lực đều giúp làm mỏng bớt bức màn che ngăn cách y với cõi cao và hiểu biết trực tiếp (trực giác). Hết ngày này sang ngày khác hình tư tưởng của y trở nên xác định hơn sao cho càng ngày càng có nhiều sự sống từ bên trên tuôn đổ vào đó.

Như vậy, tham thiền giúp ta xây dựng các loại vật chất cao siêu vào trong các hiện thể. Nó thường giúp ta trải nghiệm được những xúc động cao thượng vốn bắt nguồn từ mức bồ đề rồi được phản chiếu xuống thể Vía. Hơn nữa, thể hạ trí và thể nguyên nhân cũng cần được phát triển để mang lại sự kiên định và quân bình; bằng không thì những xúc động thanh bai vốn lôi cuốn con người đi đúng hướng lại rất có thể dễ trở thành hơi méo mó một chút để rồi lôi cuốn y đi theo những đường lối quá khích cực đoan không đáng mong muốn. Chỉ có xúc cảm không thôi thì chẳng bao giờ ta đạt được sự kiên định quân bình toàn bích. Quyền năng dẫn dắt của cái trí và chỉ đạo của ý chí cũng cần thiết chẳng kém gì động cơ thúc đẩy của xúc động.

Khi thực hành tham thiền, học viên có thể thấy cần biết tới năm trình độ của cái trí theo như Patanjali xiển dương. Tuy nhiên y nên nhớ rằng năm trình độ này không hạn chế chỉ vào cõi trí tuệ mà tồn tại dưới một dạng thích hợp trên mọi cõi. Đó là:

[1] Kshipta: cái trí bay lượn như con bướm, thường xuyên nhảy nhót từ đề tài này sang đề tài khác. Nó tương ứng với hoạt động trên cõi trần.

[2] Mudha: giai đoạn rối trí, trong đó con người bị xúc động lôi kéo gây ra bối rối; nó tương ứng với hoạt động trên cõi trung giới.

[3] Vikshipta: trạng thái bận tâm hoặc mê say về một ý tưởng; ta có thể nói ý tưởng ám ảnh hoặc chiếm hữu con người. Giai đoạn này tương ứng với hoạt động nơi cõi hạ trí. Con người nên học Viveka (Xem trang 294) vốn có liên quan tới khía cạnh Nhận biết của tâm thức.

[4] Ekagrata: (Nhất tâm), trạng thái con người chiếm hữu được ý tưởng thay vì bị ý tưởng chiếm hữu. Điều này tương ứng với hoạt động trên cõi thượng trí. Ở đây con người nên học Vairagya (Xem trang 295) vốn có liên quan tới khía cạnh Hoạt động của tâm thức.

[5] Niruddha: (Tự chủ), vượt lên trên mọi ý tưởng, con người tùy chọn lựa theo Ý chí đã giác ngộ của mình. Điều này tương ứng với hoạt động trên cõi bồ đề. Ở đây con người nên học Shatsampatti (Xem trang 294) vốn có liên quan tới khía cạnh Ý chí của tâm thức.

Khi đã hoàn toàn tự chủ rồi sao cho mình có thể ức chế mọi biến động của cái trí thì con người đã sẵn sàng nhập Samadhi, tương ứng với Nhập định mà sẽ bàn tới đây đủ hơn ở Chương kế tiếp. Trong khi chờ đợi để cho được hoàn chỉnh ta nên trình bày ở đây một ý niệm sơ khởi về Samadhi. Xét theo từ nguyên (Tam muội = Samadhi) có nghĩa là “được ghép lại đầy đủ với nhau”, vì vậy có thể dịch sang tiếng Việt là “gộp cái trí lại”, nghĩa là tom góp nó lại hoàn toàn, kiểm soát được mọi sự dăng trí. Vyasa dạy rằng “yoga là cái trí thanh thản”. Đây là nghĩa gốc của Tam muội, mặc dù người ta thường dùng nó để biểu thị trạng thái xuất thần vốn là kết quả tự nhiên của sự thanh thản toàn bích. Samadhi có hai loại: (a)- *Samprajnata Samadhi* nghĩa là Samadhi có ý thức, ý thức được xoay chuyển ra bên ngoài hướng về các đối tượng. (b)- *Asamprajnata Samadhi* nghĩa là Samadhi vô thức, ý thức xoay chuyển vào trong nội tâm, triệt thoái vào trong bản thân sao cho nó được chuyển sang một hiện thể cao hơn ngay kế nó. Để tiện việc tham khảo, ta trình bày hai sự kiện này dưới dạng bảng biểu ở trang 146. Học viên cũng có thể muốn có việc liệt kê ngắn gọn bốn Trạng thái của cái Trí được khoa Yoga đề cập tới. Đó là:

[1] *Jagrat*: ý thức tỉnh táo.

[2] *Svapna*: tâm thức mơ mộng, tâm thức hoạt động trong thể Vía và có thể ghi khắc những kinh nghiệm của mình lên bộ óc.

[3] *Sushupti*: tâm thức lúc ngủ say, hoạt động trong thể Trí và không thể ghi khắc những kinh nghiệm của mình lên bộ óc phàm.

[4] *Turiya*: tâm thức xuất thần, tách rời xa bộ óc đến nỗi dùng phương tiện ngoại giới không thể dễ dàng triệu hồi nó về được.

Số	Các trình độ của cái Trí		Đức tính cần đạt được	Khía cạnh của Tâm thức
	Tiếng Bắc phạn	Tiếng Việt		
1	Kshipta	Cái trí bay lượn như con bướm	-----	-----
2	Mūdhā	Bối rối		
3	Vikshipta	Mê say	Viveka (Phân biệt)	Nhận biết
4	Ekāgrata	Nhất tâm	Vairāgya (Vô dục)	Hoạt động
5	Niruddha	Tự chủ	Shatsampatti (sáu đức tính của cái trí)	Ý chí
6	Samādhi	Thanh thần của cái trí, dẫn tới sự xuất thần	-----	-----

Tuy nhiên ta nên lưu ý rằng bốn trạng thái tâm thức này đều tồn tại trên mọi cõi. Bảng sau đây nêu ví dụ về bốn trạng thái của ý thức trên cõi trần và sắp xếp nó dưới dạng bảng biểu để được gọn ghẽ và trong sáng.

BỐN TRẠNG THÁI TÂM THỨC			
Tiếng Bắc phạn	Tiếng Việt	Các ví dụ trong ý thức trên cõi trần	
Jāgrat	Tỉnh táo	Đọc một quyển sách	Nhìn một chiếc đồng hồ
Svapna	Mơ mộng	Nhận thực được ý nghĩa của các từ ngữ	Tưởng tượng ra một chiếc đồng hồ
Sushupti	Ngủ say	Tiếp xúc với cái trí của người viết sách	Quan niệm ra một chiếc đồng hồ lý tưởng
Turiya	Xuất thần	Thâm nhập vào cái trí của người viết sách	Chuyển sang ý niệm về thời gian trừu tượng

Ta cũng nên lưu ý rằng những từ ngữ này chỉ tương đối thôi; vậy là đối với hầu hết mọi người, Jāgrat tức ý thức tỉnh táo là một bộ phận của tâm thức toàn thể vốn đang hoạt động qua bộ óc và hệ thần kinh, nó dứt khoát là tự ý thức được. Chúng ta có thể nghĩ rằng tâm thức là một quả trứng lớn ánh sáng mà chỉ có một đầu mút đút vào trong bộ óc; đầu mút ấy chính là ý thức tỉnh táo. Nhưng khi tự ý thức (ý thức mình là bản ngã) đã phát triển được trên cõi trung giới và bộ óc đã phát triển đúng mức để đáp ứng được các rung động của cõi trung giới thì tâm thức trên cõi trung giới trở thành một bộ phận của ý thức tỉnh táo; lúc bấy giờ tâm thức trên cõi hạ trí lại trở thành Svapna tức là tâm trạng mơ mộng.

Cũng giống như vậy, khi tự ý thức đã phát triển trên cõi hạ trí và bộ óc đã đáp ứng được với cõi hạ trí thì ý thức tinh táo cũng bao gồm cả tâm thức hạ trí. Và cứ tiếp tục như thế cho đến khi trọn cả tâm thức trên năm cõi đều được bao hàm trong ý thức tinh táo. Muốn mở rộng ý thức tinh táo như vậy thì cần phải phát triển các nguyên tử của bộ óc cũng như phát triển một vài cơ quan trong bộ óc và các mối nối giữa những tế bào. Muốn bao hàm tự ý thức trên cõi trung giới thì ta phải phát triển tuyến Yên và hoàn chỉnh được tập hợp loa tuyến thứ tư trong các nguyên tử. Muốn bao hàm được tự ý thức trên cõi hạ trí thì tuyến Tạng phải bước vào hoạt động và tập hợp loa tuyến thứ năm trong các nguyên tử phải tác động rõ ràng. Nếu ta chưa thành tựu được những sự phát triển này nơi xác phàm thì tâm thức cõi trung giới và tâm thức cõi hạ trí vẫn còn là siêu thức và chưa biểu hiện được qua bộ óc.

Lại nữa, nếu một người không có xác phàm thì Jagrat tức ý thức tinh táo của y chính là ý thức trên cõi trung giới. Như vậy định nghĩa mở rộng hơn của Jagrat là: Jagrat tức ý thức tinh táo là cái bộ phận của tâm thức toàn thể vốn đang hoạt động thông qua hiện thể ở ngoài cùng.

Ta cũng có thể xét lại Samadhi theo quan điểm của sự phân tích nêu trên. Samadhi là một trạng thái tâm thức trong đó thể xác không nhạy cảm nhưng cái trí hoàn toàn hữu ngã thức và từ đó cái trí trở lại óc phàm mà vẫn nhớ được những trải nghiệm siêu trần thế của mình.

Nếu một người ở trong trạng thái xuất thần và hoạt động trên cõi trung giới thì Samadhi của y trên cõi trung giới. Còn nếu y hoạt động trên cõi trí tuệ thì Samadhi của y cũng ở trên cõi ấy. Như vậy người nào có thể thực hành Samadhi đều có thể triệt thoái ra khỏi thể xác để cho nó vô tri vô giác trong khi cái trí hoàn toàn hữu thức. Vì vậy Samadhi là một thuật ngữ hoàn toàn tương đối. Do đó một Chơn sư bắt đầu Samadhi trên cõi Atma rồi từ đó vươn lên tới các cõi vũ trụ cao hơn.

Từ ngữ Samadhi đôi khi cũng được dùng để biểu thị tình trạng vượt ngoài tầm mức mà một người còn có thể giữ được ý thức. Như vậy đối với một người đã man, mà ý thức rõ rệt trên cõi hồng trần thì cõi trung giới ắt là Samadhi. Điều này có nghĩa là khi người ấy trở lại các hạ thể của mình, thì y ắt mang theo mình không được một kiến thức xác định bổ sung nào và cũng không có khả năng mới mẻ nào để làm bất cứ một điều gì hữu dụng. Loại Samadhi này không được khuyến khích trong các trường phái huyền bí học cao nhất. Đi ngủ và nhập Samadhi phần lớn là cùng một quá trình; nhưng trong khi đi ngủ là do tình huống thông thường và không có ý nghĩa thì nhập Samadhi lại là do tác động của ý chí đã được rèn luyện và là một quyền năng vô giá. Những phương tiện trên cõi trần để gây ra sự xuất thần, chẳng hạn như thôi miên, dùng ma túy, nhìn đăm đăm vào một chấm đen trên một nền trắng hoặc nhìn chăm chú vào chóp mũi cũng như những phép thực hành tương tự khác nữa, đều thuộc về phương pháp Hatha Yoga và chẳng bao giờ được sử dụng trong khoa Raja Yoga. Đối với một người có thần nhãn thì sự khác nhau giữa một đối tượng bị thôi miên mesmer và sự xuất thần do chính một đạo sĩ yoga tự gây ra thì nhìn vào là thấy rõ ngay. Nơi một đối tượng bị thôi miên hoặc thôi miên mesmer thì mọi “nguyên khí” đều có mặt, thượng trí bị tê liệt, bô đề bị cắt rời khỏi nó do sự tê liệt ấy, còn thể vía hoàn toàn tuân phục hạ trí và kama. Mặt khác, nếu xét về đạo sĩ yoga thì các “nguyên khí” của tứ nguyên hạ lại hoàn toàn biến mất, ngoại trừ những rung động khó lòng nhận ra được của prana có màu hoàng kim và một ngọn lửa màu tím có sọc hoàng kim bốc lên từ trên đầu rồi đạt đỉnh cao nơi một điểm nào đó. Người bị thôi miên hoặc thôi miên mesmer không nhớ lại được gì trong bộ óc mình về những sự trải nghiệm, còn đạo sĩ yoga lại nhớ được mọi chuyện đã xảy ra cho mình. Một

vài ví dụ thực tiễn có lẽ sẽ minh họa hay ho nhất cho một số phương pháp sử dụng trong lúc tham thiền.

Học viên nên bắt đầu bằng cách trau dồi tư tưởng cho đến khi thể xác có thói quen là một công cụ của tinh thần, y nên nghĩ tới thể xác, về cách thức để có thể kiểm soát và điều khiển được nó, thế rồi y nên tách rời tư tưởng mình ra với nó, thật vậy chối bỏ nó. Kế đó, sau khi nhận thức được rằng mình có thể kiểm soát được xúc động và dục vọng thì y nên chối bỏ thể Vía với những ham muốn và xúc động; thế rồi khi hình dung mình ở thể hạ trí và lại suy gẫm rằng mình có thể kiểm soát và điều khiển được tư tưởng thì y nên chối bỏ cái trí, rồi để cho mình bay vút lên tới tận bầu hào quang tự do của tinh thần nơi có sự an bình đời đời; sau khi ở lại đó trong một lúc y nên phấn đấu hết sức mình ngộ ra rằng đó là Chơn Ngã. Khi lại giáng xuống tâm thức, y nên cố gắng mang theo mình sự an bình của tinh thần nhập vào các hiện thể khác nhau.

Còn một phép thực hành khác là nên điều khiển buổi tham thiền để tu tâm dưỡng tính, chọn lựa vì mục đích có một đức tính, chẳng hạn như tính vô hại. Sau khi ta đã tập trung sự chú ý thì ta nên nghĩ về đề tài này xét theo nhiều khía cạnh, nghĩa là tính vô hại về hành vi, về lời nói, về tư tưởng, về ham muốn; làm thế nào biểu hiện được tính vô hại trong sinh hoạt của con người lý tưởng; làm thế nào mà nó ảnh hưởng tới sinh hoạt hằng ngày của mình; mình đối nhân xử thế ra sao nếu mình đã hoàn toàn đạt được đức tính ấy v.v. . .

Sau khi đã tham thiền như vậy về tính vô hại thì y nên mang theo vào trong sinh hoạt hằng ngày một tâm trạng sao cho chẳng bao lâu sau nó sẽ biểu hiện qua mọi hành động và tư tưởng của y. Những phẩm tính khác, dĩ nhiên cũng có thể được xử trí tương tự. Một vài tháng nỗ lực tha thiết theo những đường lối ấy ắt tạo ra những sự thay đổi kỳ diệu trong sinh hoạt của một người đã được miêu tả qua những lời lẽ đáng ghi nhớ của Plotinus: “Bạn hãy triệt thoái vào nơi bản thân rồi nhìn xem và nêu cho đến nay bạn chưa thấy mình tuyệt đẹp thì hãy làm như người sáng tạo ra một pho tượng sao cho nó được đẹp đẽ; người ấy cắt ở đây một miếng, làm bằng ở kia một mảnh, rồi tạo ra đường nét thanh bai hơn, chỗ khác thì lại trong sạch hơn cho đến khi một khuôn mặt tuyệt đẹp hiện ra trên bức tượng. Bạn cũng làm như vậy; hãy cắt bỏ đi những gì quá lố, hãy làm cho ngay thẳng lại tất cả những gì cong queo, mang lại ánh sáng cho tất cả những gì mờ tối, lao động vất vả để cho mọi thứ đều lóe lên vẻ đẹp và đừng ngưng đục đẽo pho tượng của mình cho đến khi lóe ra tia rực rỡ giống như thần linh của đức tính, cho đến khi bạn ắt thấy sự tốt đẹp tối hậu đã được xác lập vững chắc trên bàn thờ không còn tí vết (Plotinus bàn về Vẻ Mỹ Lệ, bản dịch của Stephen Mackenna).

Như vậy sự tham thiền về một đức tính khiến cho con người dần dần tăng trưởng đến mức sở hữu đức tính ấy; Kinh điển Ấn độ có dạy rất hay ho như sau: “Một người nghĩ tới cái gì thì y sẽ trở thành cái đó; vì vậy hãy nghĩ tới Đấng Vĩnh Hằng”. Và lại nữa: “Con người sáng tạo ra tư tưởng”.

Có một ví dụ rất hay về điều mà ta có thể thực hiện theo kiểu này bằng cách tham thiền, đó là có một người nào đấy trong vòng 40 năm, ngày nào cũng tham thiền về chơn lý; kết quả là y đã chinh phục với phương thức của chơn lý đến nỗi y biết khi một người đang nằm thì cái bình rớt xuống y ra sao. Có xảy ra việc một người là một thẩm phán thì khả năng của y ắt thuận lợi cho mình rất nhiều.

Trong công việc này, người ấy đang sử dụng óc tưởng tượng - là một công cụ vĩ đại nhất trong khoa Yoga. Nếu người ấy tưởng tượng trong suy nghĩ là mình có một đức tính nào đó thì y đã thành công tới một nửa để sở hữu đức tính ấy; nếu y tưởng tượng mình không còn mắc phải một khiếm khuyết nào đó thì y đã thành công một nửa trong việc thoát

khỏi khiếm khuyết ấy. Óc tượng tượng lão luyện là một vũ khí sắc bén mà người ta có thể sử dụng để dẹp bỏ hết một nửa những chuyện rắc rối và sai sót của mình. Ta không nên suy đi gẫm lại về những điều thiếu sót vì nó có khuynh hướng khuyến khích tình trạng bệnh hoạn và buồn rầu chán nản vốn đóng vai trò một bức vách khép kín mọi ảnh hưởng tâm linh. Trên thực tế ta nên lờ đi những khiếm khuyết trong bản tính của mình đến mức tối đa và chỉ tập trung vào việc xây dựng những đức tính ngược lại. Thành công trong sinh hoạt tâm linh không phải do ta đấu tranh kịch liệt với bản chất thấp hèn mà là do ta gia tăng sự hiểu biết và đánh giá cao những chuyện cao thượng. Đó là vì một khi ta đã trải nghiệm đầy đủ sự cực lạc và hoan hỉ của cuộc sống cao siêu thì khi đối chiếu tương phản với nó những ham muốn thấp hèn sẽ mờ nhạt đi và mất hết sức hấp dẫn. Một bậc đại Đạo sư có dạy rằng hình thức hối hận tốt nhất về việc phạm tội là hướng về phía trước với lòng can đảm đầy hi vọng kết hợp với quyết tâm sắt đá không phạm tội trở lại một lần nữa.

Kế đó ta hãy giả sử rằng mục đích của việc tham thiền là tìm hiểu bằng cái trí về một đối tượng cũng như mối quan hệ của đối tượng ấy với những đối tượng khác. Học viên nên nhớ lại rằng công việc đầu tiên của Chủ thể tri thức là quan sát chính xác, vì tư tưởng tùy thuộc vào tính chính xác của việc quan sát ấy, nếu sự quan sát không chính xác thì do sai lầm sơ khởi ấy ắt nảy sinh ra một số sai lầm tiếp sau mà không điều gì có thể chỉnh đốn lại được, ngoại trừ việc phải trở lại từ đầu. Sau khi đối tượng đã được quan sát kỹ lưỡng như thế thì ta tác động luồng tư tưởng lên nó sao cho có thể lĩnh hội được nó về đủ mọi khía cạnh tự nhiên, siêu trần thế và siêu hình; ta phải thực hiện nỗ lực này một cách hoàn toàn minh bạch và xác định đối với mức tâm thức vẫn còn lờ mờ. Chẳng hạn như đề tài là sự hài hòa. Ta hãy xét nó liên quan tới đủ thứ giác quan theo nhiều nghĩa; xét nó về âm nhạc, về màu sắc, về nhiều hiện tượng thuộc đủ loại khác nhau; ta hãy tìm cách khám phá ra những đặc điểm chính yếu của sự hài hòa để xem nó khác với những ý tưởng tương tự và ý tưởng tương phản ở chỗ nào, nó đóng vai trò gì trong sự nối tiếp của các diễn biến; nó có công dụng ra sao; nếu không có nó thì kết quả sẽ như thế nào. Sau khi đã trả lời tất cả những thắc mắc này và nhiều thắc mắc nữa thì ta nên cố gắng bỏ đi mọi hình ảnh cụ thể hoặc tư tưởng cụ thể và trong tư tưởng của ta chỉ giữ lại ý niệm trừu tượng về sự hài hòa.

Học viên phải nhớ rằng nhìn bằng cái trí cũng hoàn toàn có thực và thỏa đáng như nhìn bằng mắt trần. Như vậy ta có thể rèn luyện cho cái trí nhìn thấy chẳng hạn như ý niệm về sự hài hòa hoặc căn bậc hai của số hai cũng rõ rệt và chắc chắn như khi người ta nhìn thấy một cái cây hoặc một cái bàn bằng mắt phàm. Xét về ví dụ thứ ba, chúng tôi xin chọn một sự tham thiền sùng tín. Ta hãy nghĩ tới con người lý tưởng là Chơn sư hoặc nếu muốn ta có thể chọn đáng thiêng liêng hoặc bất kỳ biểu lộ nào đó của đáng thiêng liêng. Ta hãy để cho tư tưởng tác động lên đối tượng từ nhiều khía cạnh khác nhau sao cho nó thường xuyên khơi dậy sự hâm mộ, lòng biết ơn, sự kính cẩn, lòng sùng bái. Ta hãy suy gẫm về mọi đức tính biểu hiện qua đề tài này và xét mỗi đức tính với đủ mọi khía cạnh và đủ mọi mối quan hệ.

Nói chung là một lý tưởng trừu tượng và một nhân cách đều tốt như nhau xét tùy mục đích tham thiền. Một người có tính khí trí thức thường thấy lý tưởng trừu tượng thỏa đáng hơn; một người có tính khí xúc động ắt đòi hỏi một hiện thân cụ thể cho tư tưởng của mình. Nhược điểm của lý tưởng trừu tượng là nó thường không đạt được mức cường chế ta có nhiều hoài bão; nhược điểm của hiện thân cụ thể là nó thường thấp kém hơn lý tưởng.

Ở đây ta hãy đặc biệt chú ý tới kết quả của việc tham thiền về Chơn sư, nó tạo ra một mối liên kết nhất định với Chơn sư mà một nhà thần nhãn nhìn thấy nó biểu hiện thành một

loại tuyến ánh sáng. Trong tiềm thức, Chơn sư luôn luôn cảm nhận được tác động của một tuyến như thế; ngài gửi dọc theo nó để đáp ứng lại bằng một luồng từ khí kiên định vốn tiếp tục tác động rất lâu sau khi buổi tham thiền đã qua rồi. Nếu ta dùng một bức tranh để tham thiền thì ta thường có thể quan sát thấy nó thay đổi về biểu hiện. Điều này xảy ra vì ta có thể rèn luyện ý chí để tác động trực tiếp lên vật chất trên cõi trần, những hạt có thật trên cõi trần chắc chắn chịu ảnh hưởng của quyền năng tư tưởng lâu bền mạnh mẽ.

Ta có thể trình bày một dạng tham thiền khác nghĩa là tham thiền thần chú. Một thần chú là một sự nối tiếp nhất định các âm thanh được huyền bí gia sắp xếp lại để tạo ra một vài kết quả nhất định. Những âm thanh này được lập đi lập lại theo đúng tiết điệu và nối tiếp nhau ắt làm đồng bộ những rung động của các hiện thể khiến cho chúng hiệp nhất lại. Như vậy, một thần chú là một phương cách máy móc để kiểm soát các rung động hoặc cảm ứng các rung động theo như mong muốn. Hiệu lực của nó còn tùy thuộc vào cái gọi là rung động đồng cảm. (Xem quyển *Thế Vía* trang 157-158). Ta càng lập lại một thần chú thì kết quả lại càng mạnh mẽ. Vì thế cho nên việc lập lại các công thức của Giáo hội mới có giá trị, kinh mân côi khiến cho tâm thức có thể được tập trung trọn vẹn về điều được nói ra hoặc nghĩ ra mà không bị xao lãng do nhiệm vụ đếm số thứ tự.

Trong phương pháp tham thiền này được thực hành phần lớn ở Ấn Độ, tín đồ điều khiển tâm trí mình chẳng hạn như hướng về Shri Krishna, hiện thân của Thượng Đế, Chơn linh Bác ái và Tri thức trên trần thế. Người ta chọn một câu rồi ngâm đi ngâm lại thành một thần chú trong khi chăm chú suy gẫm về đủ thứ ý nghĩa sâu xa của nó. Vậy là tín đồ đã khiến cho mình tiếp xúc với Chính Đấng Thế Tôn. Điều nêu trên tạo thành bảng phác họa ngắn gọn nhất về một vài dạng tham thiền. Muốn có sự mô tả chi tiết thêm nữa, học viên nên tham chiếu quyển cảm nang tuyệt vời về sự Định Trí của Ernest Wood, quyển *Tham Thiền dành cho kẻ Sơ cơ* của J. I. Wedgwood và những chương đáng hâm mộ về sự Kiểm soát Tư tưởng và việc Tu tâm Dưỡng tính trong quyển *Trước thềm Thánh điện* của Tiên sĩ Besant.

Trong quyển *Tiên mặc đạo* của Tiên sĩ văn chương J. J. van der Leeuw có trình bày một bài “Tham Thiền về Chơn ngã” tuyệt vời ở phần Lời bạt vào cuối tập sách nhỏ đáng hâm mộ ấy. Nhiều người hằng ngày tham thiền thôi mà cũng thành công, nhưng khả năng đó sẽ lớn hơn nhiều nếu một nhóm người định trí về cùng một đề tài. Việc này tạo nên một ứng xuất trong chất ether trên cõi trần cũng như trên cõi trung giới và cõi trí tuệ, đó là một đường xoắn lại theo hướng mà chúng ta mong muốn. Vậy là thay vì phải chiến đấu chống lại môi trường xung quanh như thông lệ ta lại thấy môi trường xung quanh quả thật hữu dụng, dĩ nhiên mọi người có mặt đều thành công trong việc giữ cho cái trí mình đừng đi lang thang. Một cái trí lang thang tâm viên ý mã như vậy trong nhóm đó chặn đứng dòng tư tưởng lại sao cho thay vì có một khối tư tưởng khổng lồ di chuyển thành một cơn lũ mạnh mẽ thì trong đó lại có những đợt sóng ngầm giống như những tảng đá làm cho nước trong một dòng sông phải chuyển hướng.

Một ví dụ nổi bật về khả năng ghê gớm của việc tham thiền tập thể và tư duy tập thể chính là ngày hội mừng lễ Kim Cương của Nữ hoàng Victoria. Ông C. W. Leadbeater mô tả dịp ấy là một trong những biểu lộ thần lực huyền bí kỳ diệu nhất mà ông đã từng chứng kiến. Đám đông trở nên phấn khởi đến nỗi thiên hạ bị xúc động đến mức xuất thần, vậy là trải nghiệm một sự nâng cao tâm hồn ghê gớm. Một tác dụng tương tự trên qui mô nhỏ hơn cũng có thể được tạo ra do sự tham thiền tập thể.

Bây giờ ta hãy xét tới những điều bổ sung về tham thiền thuộc cõi trần. Trong việc tham thiền, tư thế đầu phải là không quan trọng. Ta nên để thể xác ở trong tư thế dễ chịu rồi

quên nó đi. Nếu thể xác cảm thấy không thoải mái thì ta không thể quên nó được và nó thường xuyên khiến ta phải chú ý tới nó.

Hơn nữa, cũng giống như một vài tư tưởng và xúc động có khuynh hướng biểu hiện qua những chuyển động và cử động đặc trưng của thể xác; cũng giống như vậy khi đảo ngược quá trình này, các tư thế của thể xác cũng có thể có khuynh hướng làm cảm ứng ra các tâm trạng và trạng thái xúc động, vậy là trợ giúp cho học viên kiên trì với các tâm trạng ấy. Đại đa số người Tây phương ắt thấy thoải mái nhất khi ngồi trong một ghế dựa, lưng đùng thoải mái quá, bàn tay có thể nắm lại để trên cẳng chân hoặc gác nhẹ lên đầu gối. Bàn chân có thể chụm lại hoặc vắt bàn chân phải nằm trên bàn chân trái. Việc khóa cứng đầu mút của cơ thể giúp ta ngăn ngừa từ khí tuôn ra nơi đầu ngón chân đầu ngón tay v.v. . . Tư thế nên thoải mái và thư giãn, đầu đùng gục xuống cằm mà hơi giữ cho thẳng bằng một chút, mắt nhắm kín, miệng khép lại, cột sống thẳng đứng (có nhiều dòng từ khi chạy dọc theo cột sống).

Người phương Đông thường ngồi theo thế kiết già trên sàn nhà hoặc trên một ghế đầu thấp, tư thế này nghe nói hữu hiệu hơn bởi vì bất cứ từ khí nào được phóng thích ra đều có khuynh hướng bốc lên xung quanh cơ thể thành một lớp bảo vệ.

Khi xác định tư thế tham thiền ta còn phải xét tới một yếu tố khác là khả năng mất ý thức trên cõi trần. Người Ấn Độ ngồi trên sàn nhà chỉ ngã người về phía đằng sau mà không làm cơ thể bị tổn thương; người nào tham thiền ngồi trên một ghế dựa nên dùng một cái ghế bành để cho trường hợp thể xác mất ý thức thì họ không thể té ra khỏi cái ghế. Ngoài trừ những trường hợp rất hiếm có thì không chọn theo tư thế thiền nằm, bởi vì nó có khuynh hướng tự nhiên khiến ta ngủ thiếp đi trong lúc thiền. Trước khi thiền mà tắm nước lạnh hoặc đi bộ mau mắn thì rất hữu ích để khắc phục khuynh hướng máu chảy lờ đờ vốn rõ rệt là gây tổn hại cho bộ óc. Có một mối liên hệ mật thiết giữa việc thiền sâu và thở sâu. Trong việc thực hành, người ta thấy rằng khi cơ thể được hài hòa lúc tham thiền thì nhịp thở cũng sâu hơn, đều đều và có nhịp điệu cho đến khi nó từng bước trở nên chậm chạp và yên tĩnh đến nỗi ta hầu như không nhận ra được. Hatha Yoga đảo ngược quá trình này bằng cách cố ý điều tiết hơi thở để tìm cách làm hài hòa những chức năng của cơ thể và cuối cùng làm cho cái trí tác động hài hòa. Tuy nhiên học viên nên coi chừng đừng thực hành bừa bãi những phép luyện hơi thở; tốt hơn y nên học cách kiểm soát tư tưởng theo đường lối của Raja Yoga để cho nỗ lực tham thiền gây tác dụng tự nhiên lên thể xác. Trong khi một số phép điều tức là cực kỳ nguy hiểm, ta vẫn không phản đối việc thở sâu đơn giản miễn là đừng gây căng thẳng thái quá cho phổi và tim, và đừng toan tính tập trung tư tưởng lên đủ thứ trung tâm lực tức luân xa trong cơ thể. Nhang thơm cũng hữu ích vì nó có khuynh hướng tẩy trừ bầu không khí xét theo quan niệm huyền bí. Học viên cũng có thể được trợ lực nhờ có những màu sắc đẹp đẽ, hoa và những bức tranh bày xung quanh mình cùng với những phương tiện khác nhằm nâng cao tâm trí và xúc cảm. Y cũng thấy việc tuân theo một vài phép tiết thực (Xem quyển Thể Vía trang 65) thật là hữu ích và nếu có thể được vì không gây hại cho sức khỏe thì nên kiêng thịt cá và rượu. Nếu người ta uống rượu thì việc tham thiền ắt gây ra những triệu chứng bị viêm trong bộ óc, đặc biệt ảnh hưởng tới tuyến Yên (Xem quyển Thể Vía trang 66).

Sáng sớm có lẽ là lúc thuận lợi nhất để tham thiền vì ham muốn và xúc động thường bình yên hơn sau khi ngủ và trước khi con người dấn thân bon chen trên trần thế. Nhưng nếu ta chọn bất cứ thời gian nào thì cũng phải chắc chắn rằng lúc đó không bị quấy rầy. Hơn nữa ta có nên rõ là thời khoảng luôn luôn phải cùng một lúc vì tính đều đặn là cốt lõi của phép tham thiền này. Các tín đồ thời xưa đã chọn những thời khắc là lúc mặt trời mọc, lúc

đúng ngộ và lúc mặt trời lặn vì đây là những giờ khắc thuận lợi nhất về từ khí. Ta cũng nên trau dồi thói quen hướng tâm trí trong một lúc nào đó vào mỗi tiếng đồng hồ trong ngày hãy thực chứng mình là Chơn Nhơn. Phép thực hành này dẫn tới cái mà các thần bí gia Ki Tô giáo gọi là “sự nhớ lại Chơn ngã” giúp cho học viên rèn luyện cái trí tự động trở về với những tư tưởng thiêng liêng.

Ta không nên tham thiền ngay sau khi ăn vì lý do hiển nhiên là nó có khuynh hướng rút dòng máu ra khỏi các cơ quan tiêu hóa; tham thiền vào ban đêm cũng không tốt vì cơ thể đã mỏi mệt và thể phách dễ bị lệch lạc; hơn nữa ảnh hưởng tiêu cực của mặt trăng cũng tác động vào lúc ấy làm cho những kết quả không đáng mong muốn dễ xảy ra hơn. Đôi khi việc tham thiền có thể ít thành công hơn thông lệ bởi vì có những tác dụng bất lợi đối với thể vía và thể trí. Một số người cũng nêu rõ rằng vào một số lúc nào đó tác dụng của các hành tinh thuận lợi hơn những lúc khác. Vậy là một Chiêm tinh gia đã bảo rằng khi Mộc tinh có một số quan hệ nào đó với mặt trăng thì điều này có tác dụng làm mở rộng bầu hào quang dĩ thái khiến cho việc tham thiền có vẻ thành công hơn. Mặt khác, một vài thể chiếu của Thổ tinh nghe đâu làm nghẽn mạch bầu hào quang dĩ thái khiến cho việc tham thiền gặp khó khăn.

Hệ thống tham thiền được phác họa ngắn gọn như nêu trên có mục tiêu là phát triển luân lý, trí tuệ và tâm linh cũng như kiểm soát cái trí và xúc cảm. Nó không nhắm vào việc phát triển các năng khiếu thông linh “từ bên dưới tính lên”; nhưng kết quả tự nhiên của nó có thể là khai mở được một dạng năng khiếu thông linh trực giác nơi những người có tổ chức đủ bén nhạy; nó sẽ biểu hiện thành việc gia tăng sự nhạy cảm với ảnh hưởng của con người và nơi chốn, nhớ lại được những ký ức vụn vặt về các kinh nghiệm trên cõi trung giới trong lúc ngủ, gia tăng sự mẫn cảm với việc chỉ đạo trực tiếp của Chơn ngã, có khả năng nhận ra được ảnh hưởng của các Chơn sư và những người phát triển về mặt tâm linh v.v. . .

Sự tham thiền có kết quả là được soi sáng vốn có thể là một trong ba điều khác hẳn nhau:

[1]. Nhờ cực lực suy tư kỹ lưỡng về một đề tài, bản thân người ta có thể đạt tới một kết luận nào đó liên quan tới nó.

[2]. Nó có thể đạt được sự soi sáng của Chơn ngã, khám phá được Chơn ngã thực sự nghĩ như thế nào về vấn đề hữu quan trên cõi của riêng mình.

[3]. Nếu phát triển cao siêu, người ta có thể bước vào tiếp xúc với các Chơn sư hoặc Thiên thần. Chỉ trong trường hợp thứ nhất [1] thì những kết luận của y rất có thể bị ô nhiễm bởi những tư tưởng của chính y, còn Chơn ngã ắt có thể bị siêu việt được những điều này và một Chơn sư hoặc một Thiên thần cũng đạt được như vậy.

Điều mà ta có thể thực hiện được trong khi tham thiền còn tùy thuộc vào điều mà ta đang làm suốt ngày. Nếu trong sinh hoạt bình thường, ta có những thành kiến chẳng hạn thì ta không thể thoát khỏi chúng trong khi tham thiền.

Dĩ nhiên sự tham thiền trên cõi trần là để rèn luyện các hạ thể chứ không phải dành cho Chơn ngã. Trong khi tham thiền, Chơn ngã coi phàm ngã cũng như bất cứ lúc nào khác, nghĩa là thường thường thì Chơn ngã hơi khinh thị phàm ngã. Nếu Chơn ngã đã phát triển ở một mức nào đó thì nó sẽ tham thiền trên cõi của riêng mình, nhưng sự tham thiền ấy dĩ nhiên không cần phải đồng bộ với sự tham thiền của phàm ngã.

Tham thiền là một phương tiện để đạt được thuật rời bỏ thể xác với trọn vẹn ý thức. Tâm thức được củng cố tới mức kiên định, không nao núng và cố định; sự chú ý dần dần được triệt thoái ra khỏi ngoại giới và cơ thể, các giác quan vẫn còn yên tịnh trong khi cái trí linh hoạt cực lực nhưng có mọi năng lượng được triệt thoái vào bên trong để rồi sẵn sàng được phóng ra chỉ cần có một tư tưởng nào thôi, mức cao nhất mà nó có thể đạt được. Như

vậy, khi nó có thể trụ lại tương đối dễ dàng với một nỗ lực mạnh mẽ nhưng bình tĩnh của ý chí, thì nó có thể phóng ra vượt quá tư tưởng cao nhất mà nó có thể đạt được trong khi còn hoạt động nơi óc phàm, và trong nỗ lực ấy nó sẽ vươn lên hiệp nhất với tâm thức cao siêu để rồi thấy mình được giải thoát khỏi cơ thể. Khi điều này được thực hiện thì không có ý thức về giấc ngủ hoặc giấc mơ cũng không hề bị mất ý thức; con người thấy mình ở bên ngoài cơ thể dường như lướt ra khỏi một thứ nặng nề cồng kềnh mà như không bị mất đi bất cứ bộ phận nào của bản thân. Có những cách khác để được giải thoát khỏi cơ thể, chẳng hạn như do cường độ mê mê của sự sùng tín hoặc do những phương pháp đặc biệt có thể được truyền thụ bởi một bậc đại đạo sư cho môn đồ của mình. Con người có thể trở về với cơ thể và tùy ý nhập lại vào nó; trong những trường hợp như vậy, y cũng có thể gây ấn tượng lên bộ óc và như thế trong khi ngủ nơi thể xác vẫn còn nhớ lại được những kinh nghiệm mà mình đã trải qua. Việc tham thiền thật sự có nghĩa là nỗ lực hết sức, chứ không phải là cảm giác hạnh phúc bắt nguồn từ một trạng thái ngủ lơ mơ và cơ thể cảm thấy thoải mái về tiện nghi vật chất. Vì vậy, nó chẳng đáng gì tới và thật ra khác hẳn loại thuật đồng cốt thụ động mà khoa thần linh học đã phát triển. Môn sinh không cần phải bần khổ do huấn lệnh mình nên cởi mở với những ảnh hưởng tâm linh và đồng thời lại phải tích cực. Nỗ lực tích cực là cần thiết như một điều kiện sơ bộ; điều này nâng cao tâm thức lên những mức cao sao cho các ảnh hưởng cao siêu có thể tác động được; bây giờ và chỉ bây giờ thì ta mới an toàn thư giản được đối với sự phấn đấu hướng thượng và đạt được sự thực chứng an bình. Cụm từ “mở ra cho những ảnh hưởng tâm linh” có thể bị coi là ngụ ý duy trì một thái độ cực lực tĩnh lặng ở một mức cao về tâm linh, rất giống như một con chim mặc dù có vẻ thụ động và bất động nhưng lại thăng bằng chống lại trận cuồng phong bằng một nỗ lực mạnh mẽ liên tục vỗ cánh.

CHƯƠNG XVII SỰ NHẬP ĐỊNH

NHẬP ĐỊNH là giai đoạn thứ ba trong ba giai đoạn mà chúng ta đã xét được hai giai đoạn rồi. Ba giai đoạn này là:

(1). *Định Trí*: Ghi chặt chú tâm vào một đối tượng.

(2). *Tham Thiền*: Kích thích tâm thức hoạt động nhằm chỉ nói tới đối tượng ấy thôi, nhìn ngắm đối tượng theo mọi khía cạnh khả hữu và cố gắng thâm nhập ý nghĩa của nó, đạt tới một tư tưởng mới mẻ hoặc sâu sắc hoặc là nhận được một ánh sáng trực giác nào đó về đối tượng ấy.

(3). *Nhập Định*: Tích cực tập trung tâm thức vào đối tượng trong khi đã ức chế thành công được các hoạt động hạ đẳng của tâm thức; cố định được sự chú ý trong một thời gian đối với ánh sáng mà người ta nhận được. Nó đã được định nghĩa là sự Định Trí ở đầu mút đường lối tư tưởng hoặc tham thiền.

Theo thuật ngữ của Ấn Độ thì các giai đoạn này được khuếch đại và đặt tên như sau:

[1] Pratyāhara: Giai đoạn sơ khởi, bao gồm việc hoàn toàn kiểm soát được các giác quan.

[2] Dhāranā: Định Trí.

[3] Dhyana: Tham Thiền.

[4] Samādhi: Nhập Định.

Dhāranā, Dhyana, Samādhi được gọi gộp lại là Samyama tức Tam muội. Trong tham thiền ta phát hiện được đối tượng là gì khi so sánh với những sự vật khác và có liên quan tới chúng. Chúng ta tiếp tục với quá trình lý luận và lập luận này cho đến khi ta không còn có thể lý luận hoặc lập luận gì thêm nữa về đối tượng ấy: lúc bấy giờ ta ức chế quá trình này, ngưng mọi so sánh và lập luận, với chú tâm cố định chủ động lên đối tượng, cố gắng thâm nhập sự bất định mà đối với chúng ta dường như bao xung quanh nó. Đó chính là Sự Nhập Định.

Kẻ sơ cơ nên nhớ rằng Tham Thiền là một khoa học của trọn một kiếp sống sao cho y không thể trông mong đạt tới giai đoạn nhập định thuần túy qua những nỗ lực sơ khởi. Ta cũng có thể mô tả sự Nhập Định là duy trì ý thức về một điều duy nhất, thu hút nó vào nơi bản thân sao cho người suy tư và nó hiệp nhất lại. Khi một cái trí lão luyện có thể duy trì được sự nhất tâm hoặc định trí trong một thời gian nào đó, thế rồi bỏ luôn đối tượng, vẫn duy trì sự chú tâm cố định nhưng không có chú tâm nào hướng về bất cứ điều gì thì ta đã đạt được giai đoạn nhập định. Trong giai đoạn này thế trí không phô bày ra một hình ảnh nào; các vật liệu của chính mình được giữ cho kiên định và vững bền, không nhận ấn tượng, hoàn toàn yên tịnh giống như nước tĩnh lặng. Ta không thể giữ cho trạng thái này kéo dài nhiều hơn một phút giây rất ngắn ngủi vì nó giống như trạng thái “tới hạn” của nhà hóa học, điểm ở giữa hai trạng thái vật chất. Diễn tả theo cách khác thì khi thế trí được yên tịnh, tâm thức thoát ra khỏi thế trí chuyển vào trong rồi ra khỏi “trung tâm Laya”, tức là điểm tiếp xúc trung hòa giữa thế trí và thế nguyên nhân. Sự thoát ra này có kèm theo việc tạm thời bị ngắt đi hoặc mất ý thức, đó là kết quả tất yếu của việc các đối tượng tâm thức biến mất tiếp theo sau là có ý thức nơi một thế cao hơn. Như vậy, việc bỏ đi những đối tượng tâm thức thuộc về các cõi thấp được nối tiếp bởi sự xuất hiện các đối tượng tâm thức thuộc cõi cao. Lúc bấy giờ Chơn ngã có thể uốn nắn thế trí theo những tư tưởng cao siêu của chính mình và thậm chí uốn nắn nó bằng những rung động của chính mình. Y có thể uốn nắn nó theo những linh ảnh mà mình đã đạt được trên các cõi thậm chí còn cao hơn các cõi của chính mình; như vậy, Chơn ngã có thể truyền đạt cho tâm thức hạ đẳng những ý tưởng mà thế trí không thể đáp ứng được bằng cách khác.

Đây là những sự linh cảm của các thiên tài vốn lóe xuống vào trong thế trí với ánh sáng chói lòa để soi sáng cho thế gian. Bản thân con người tiết lộ chúng cho thế gian trong trạng thái tâm trí bình thường cũng khó lòng diễn tả được chúng đã đến với mình bằng cách nào; nhưng y biết rằng bằng một cách kỳ lạ nào đó “*những quyền năng bên trong tôi reo vang. Các kiếp sống trên môi tôi và vẫy gọi bằng bàn tay tôi.*”

Sự xuất thân và linh ảnh của Chư Thánh, thuộc mọi tín ngưỡng trong mọi thời đại cũng thuộc vào bản chất này. Trong những trường hợp như thế, sự cầu nguyện kéo dài và sự tập trung tức sự nhập định đã tạo ra điều kiện trí não cần thiết. Những đường lối của giác quan đều bị khép chặt lại do sức mạnh của sự định trí nội tâm và cũng trạng thái ấy đã được đạt đến một cách nằm thì mười họa và không cố ý nhưng đạo sĩ Raja Yoga tìm cách cố ý đạt tới nó.

Sự chuyển tiếp từ tham thiền sang nhập định đã được mô tả là chuyển từ tham thiền “hữu chủng” sang tham thiền “vô chủng”. Sau khi tâm trí đã được ổn định, nó được giữ cho thăng bằng ở mức cao nhất của lý luận; mối liên kết cuối cùng trong chuỗi lập luận hoặc là đối với tư tưởng trung tâm hoặc là hình ảnh của trọn cả quá trình; đó là tham thiền hữu chủng. Thế rồi học viên nên dẹp hết mọi chuyện nhưng vẫn còn giữ cho cái trí ở mức độ đạt được, mức cao nhất đạt được một cách sung mãn và tinh thức. Đó là tham thiền vô chủng. Khi vẫn còn thăng bằng chờ đợi trong sự tịch lặng và hư vô thì con người ở trong

Pháp vân (cloud). Bấy giờ đột nhiên có một sự thay đổi, một sự thay đổi không thể nhầm lẫn được, kỳ diệu không thể tin được. Đây là sự Nhập định dẫn tới giác ngộ.

Vậy là chẳng hạn như khi thực hành nhập định về con người lý tưởng, về một Chơn sư; sau khi đã tạo ra một linh ảnh của Chơn sư, học viên lặng ngắm nó một cách ngắt ngảy làm cho mình tràn trề sự vinh diệu và vẻ đẹp của nó; thế rồi khi vút thẳng lên hướng về Ngài, y cố gắng nâng cao tâm thức lên tới lý tưởng để hòa lẫn bản thân vào đó, để hiệp nhất với nó. Sự ngắt đi tạm thời được nêu trên thì tiếng Bắc phạn gọi là Pháp vân (Dharma Mega = Đám mây chính trực); các nhà thần bí Tây phương gọi nó là “Đám mây trên Núi”, “Đám mây trên Thánh Điện”, “Đám mây trên Đền thờ Tạm”. Con người cảm thấy dường như thể được bao quanh bởi một lớp sương mù dày đặc, ý thức rằng mình không cô đơn nhưng không thể nhìn thấy được gì. Hiện nay đám mây mỏng đi và ý thức về cõi cao nhất xuất lộ. Nhưng trước khi được như vậy thì đối với con người, sự sống của chính y đang bị rút cạn đi, y bị treo lơ lửng trong hư không đen kịt và cô đơn khôn tả. Nhưng “Hãy yên tĩnh và biết rằng ta là Thượng Đế”. Trong sự tịch lặng và yên ắng ấy y sẽ nghe được Tiếng nói của Chơn ngã, sẽ thấy được sự vinh quang của Chơn ngã. Đám mây tan biến đi và Chơn ngã hiển lộ ra. Trước khi người ta có thể chuyển từ sự tham thiền sang nhập định, thì y phải từ bỏ hoàn toàn sự mong ước và hi vọng, ít ra thì cũng là trong thời kỳ thực hành; nói cách khác, y phải kiểm soát hoàn toàn được Kāma. Cái trí chẳng bao giờ có thể đơn độc được trong khi nó còn bận tâm với những mong ước; mọi sự mong ước là mầm mống có thể làm nảy sinh ra sự giận dữ, không trung thực, không trong sạch, hiểm khích, tham lam, cầu thả, bất mãn, lừa dối, đố kỵ v.v. . . Trong khi còn một mơ ước hoặc hi vọng nào đó thì vẫn còn có thể có những sự vi phạm thiên luật này. Chừng nào còn có mơ ước, còn có bất mãn thì chúng còn khiến ta lệch lạc; luồng tư tưởng bao giờ cũng tìm cách len lỏi qua những khe suối nhỏ và những kênh dẫn mở toang ra do những ham muốn chưa được thỏa mãn, mọi vấn đề chưa nghĩ ra cách giải quyết sẽ há hốc miệng ra khiến cho chú tâm của ta bị xao lãng, khi chuỗi tư tưởng đặng phải khó khăn thì nó sẽ luôn lách để nghe theo những lời gào thét ấy. Nếu ta truy nguyên cái chuỗi tư tưởng liên miên không dứt ấy thì ta ắt phát hiện ra rằng chúng có nguồn gốc là những ham muốn chưa được thỏa mãn và những vấn đề chưa giải quyết được.

Quá trình nhập định bắt đầu khi hoạt động hữu thức có thể nói là chạy vuông góc với hoạt động theo thông lệ vốn tìm hiểu một sự vật bằng cách tham chiếu tới những sự vật khác có bản chất riêng thuộc một bình diện khác; sự vận động như thế ắt cắt ngang qua những bình diện tồn tại của nó để thâm nhập vào bản chất nội tại tinh vi hơn của nó. Khi chú tâm không còn bị chia chẻ ra thành những bộ phận do hoạt động đối đãi so sánh thì cái trí sẽ vận động như một tổng thể vốn dường như hoàn toàn yên tĩnh, chẳng khác nào một bông vụ đang quay nhanh trông có vẻ như đang đứng im khi nó đạt chuyển động nhanh nhất.

Trong khi nhập định người ta không còn nghĩ tới đối tượng nữa, thậm chí tốt hơn là đừng bắt đầu với bất kỳ ý niệm nào về bản ngã và đối tượng coi như hai sự vật khác nhau có quan hệ với nhau, bởi vì làm như vậy có khuynh hướng khiến cho ý niệm nhuộm màu sắc xúc cảm. Ta nên cố gắng đạt tới một mức dứt bỏ bản ngã sao cho sự nhập định có thể bắt đầu từ bên trong chính đối tượng; sự nhiệt thành về trí năng và nghị lực đồng thời cũng được duy trì trong suốt đường lối tư tưởng. Ý thức được giữ cho thẳng bằng giống như một con chim vỗ cánh nhìn ra phía trước và chẳng bao giờ nghĩ tới việc quay trở lại.

Trong việc nhập định, tư tưởng được đưa vào bên trong cho đến khi nó không còn tiến thêm được nữa; nó được giữ ở vị trí ấy mà không thối lui hoặc trở ngược vì biết rằng ở đó có một cái gì đấy mặc dù ta chưa thể lĩnh hội rõ ràng được cái ấy là cái gì. Trong sự nhập

định này, dĩ nhiên chẳng có điều chi mang bản chất là giác ngộ hoặc hoạt động của hạ trí, mà là một tìm kiếm cực lực, một nỗ lực kéo dài để thấy được trong cái bất định ấy có một điều gì đó xác định mà không tụt xuống những cõi thấp kém thông thường được rõ ràng và chính xác. Một tín đồ ắt thực hành sự nhập định một cách tương tự, nhưng trong trường hợp này hoạt động ắt chủ yếu là xúc cảm hơn là tư tưởng.

Trong sự nhập định, về bản chất của mình, học viên chối bỏ sự đồng nhất của mình với các cơ thể ngoại giới và với cái trí. Trong tiến trình này, y không từ bỏ những thuộc tính mà chỉ từ bỏ những sự hạn chế. Cái trí vốn nhanh nhẹn và tự do hơn cái xác; vượt ngoài tầm cái trí là tinh thần vốn lại còn nhanh nhẹn và tự do hơn nữa. Tình thương vốn khả hữu nhiều hơn khi tâm hồn được tịch lặng so với lúc được biểu hiện ra bên ngoài, nhưng tinh thần vốn vượt ngoài tầm cái trí thì tình thương là chắc chắn mang tính thiêng liêng. Lý trí và sự phán đoán bao giờ cũng chính lý được bằng chứng khắp khiên của các giác quan; linh ảnh của tinh thần phân biệt được sự thật mà không cần có cơ quan nào và cũng không cần tới cái trí. Chìa khóa để đạt được thành công trong mọi bước của phép thực hành này có thể được phát biểu như sau: nếu ta ngăn cản được những hoạt động thấp thỏi mà vẫn duy trì được luồng chảy đầy đủ của năng lượng hữu thức thì trước tiên là cái hạ trí ắt sẽ trở nên tràn đầy sức sống và tinh táo, rồi lúc bấy giờ hoạt động của nó phải được ta ngăn chặn lại nhưng cái xung lực mà ta tịch thu của nó được sử dụng để phát triển và vận hành những năng lực cao siêu trong nội tâm.

Một khoa học Yoga cổ truyền có dạy rằng khi ý chí chủ động ức chế được những quá trình của cái trí suy tư thì con người thấy mình ở một trạng thái tâm thức mới vốn siêu việt được và kiểm soát được kiểu suy nghĩ bình thường cũng giống như tư tưởng siêu việt được các dục vọng cho nên mới chọn lựa ra được từ đó một dục vọng nào đấy và cũng giống như dục vọng thúc đẩy những hành động và nỗ lực đặc thù. Một trạng thái tâm thức siêu việt như vậy không thể mô tả được theo kiểu hạ trí, nhưng sự thành tựu được nó có nghĩa là con người ý thức được rằng mình là một cái gì đấy vượt trên cái trí và vượt trên tư tưởng cho dầu cái hoạt động trí tuệ ấy vẫn có thể đang hoạt động, giống hệt như mọi người có văn hóa đều nhận biết được rằng mình đâu phải là cái xác, ngay cả khi cái xác ấy đang hoạt động.

Như vậy, có một trạng thái tồn tại khác hoặc nói cho đúng hơn là một nhân sinh quan khác vượt ngoài tầm của cái trí với những quá trình vật và phân biệt, so sánh và mưu tìm mối quan hệ nhân quả giữa các sự việc. Ta chỉ thực chứng được cái trạng thái cao siêu ấy khi những hoạt động của tâm thức tràn đầy sức sống và sự nhiệt thành tràn tục đã được đưa lên vượt quá cái lối sống mò mẫm theo kiểu ăn lông ở lỗ của những con người bình thường vẫn sống một cách dã man. Cái tâm thức cao siêu ấy sớm muộn gì mọi người cũng thực chứng được và khi thực chứng được nó thì trọn cả cuộc đời sẽ đột nhiên đổi mới.

Khi học viên nhờ vào việc tham thiền mà trải nghiệm được về mặt tâm linh một cách phong phú hơn thì nhờ vậy y sẽ phát hiện ra những giai kỳ mới của tâm thức dần dần mở ra bên trong mình. Khi đã có hoài bão cố định hướng về lý tưởng thì bây giờ y sẽ ý thức được ảnh hưởng của cái lý tưởng ấy tuôn đổ xuống mình khi y thực hiện một nỗ lực vô vọng nhằm đạt tới đối tượng sùng tín của mình thì trong một phút giây ngắn ngủi, cánh cổng thiên đường mở toang ra để cho y thấy mình hiệp nhất với lý tưởng của mình và tràn đầy sự vinh quang về sự thực chứng ấy. Sau khi đã siêu việt được những hình ảnh đúng mô thức hơn của cái trí thì là một nỗ lực tuyệt vời để vươn lên trên. Lúc bấy giờ ta sẽ đạt được cái trạng thái ngất ngây của tinh thần khi các gò bó của phạm ngã đã rơi rụng đi và mọi hình bóng

của sự chia rẽ đã nhạt nhòa đi trong sự phối ngẫu toàn bích giữa chủ thể tìm kiếm và đối tượng tìm kiếm.

Trong quyển *Tiếng Nói Vô Thình* có dạy như sau: “Con không thể bước trên đường Đạo nếu con chưa trở thành chính đường Đạo. . . Xem này con đã trở thành ánh sáng, con đã trở thành âm thanh, con chính là Sư phụ và là Thượng Đế của chính mình. Bản thân con là đối tượng mà con đang mưu tìm, là cái tiếng nói chưa bao giờ dứt đoạn vẫn ngân vang trong suốt chu kỳ vĩnh hằng, bất di bất dịch, vô nhiễm, bầy âm thanh chỉ là một âm thanh thôi”.

Thật là hoài công khi ta toan tính miêu tả thêm nữa về những sự trải nghiệm như vậy bởi vì chúng vượt ngoài tầm cách diễn tả theo công thức. Ngôn từ chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng cho thấy một cái gì đấy vinh diệu khôn tả để cho kẻ hành hương có thể biết lê bước đi theo hướng ấy.

CHƯƠNG XVIII

SINH HOẠT TRONG LÚC NGỦ

Nhiều người thấy mình bối rối với những nguồn tư tưởng lang thang khi họ cố gắng chộp mắt ngủ thiếp đi. Trong những trường hợp như thế, một lớp vỏ bảo vệ cái trí sẽ giải thoát họ khỏi những tư tưởng xuất phát từ bên ngoài. Một lớp vỏ như vậy chỉ cần mang tính tạm bợ thôi, bởi vì ta chỉ cần có được sự an bình trong một thời khoảng đủ để cho người ấy ngủ thiếp đi.

Con người sẽ mang theo cái lớp vỏ bảo vệ cái trí ấy khi y rời bỏ thể xác, nhưng lúc bấy giờ nhiệm vụ của nó đã hoàn thành, mục đích duy nhất của nó là giúp cho y lìa bỏ thể xác.

Trong khi con người còn đang ở trong thể xác thì hoạt động trí tuệ tác động lên các hạt của bộ óc có thể dễ dàng ngăn cản y rời bỏ thể xác, nhưng một khi y đã thoát ra khỏi thể xác rồi thì cũng cái sự lo âu hoặc tư tưởng lang thang ấy ắt chẳng đưa y nhập trở lại thể xác được.

Khi lớp vỏ bảo vệ bị xé tung ra thì cái luồng tư tưởng vô công rồi nghề hoặc lo âu của cái trí có lẽ lại nhảy ra vỗ ngực xung tên, nhưng vì con người đã thoát ra khỏi óc phàm rồi cho nên điều này không xía vào được sự yên nghỉ của thể xác.

Rất hiếm khi nào một kẻ phàm phu trong lúc ngủ hoặc một người phát triển thông linh trong trạng thái xuất thần lại thâm nhập được vào cõi trí tuệ. Sự thanh khiết của cách sống và chủ đích ắt là một điều kiện tiên quyết tuyệt đối và ngay cả khi ta đạt được tới cõi trí tuệ thì ắt chẳng có điều gì có thể được gọi là tâm thức thật sự mà chỉ là năng lực tiếp nhận các ấn tượng.

Ta có thể trình bày một ví dụ cho thấy khả năng thâm nhập vào cõi trí tuệ trong lúc ngủ. Một người có tâm trí trong sáng và năng lực thông linh đáng kể mặc dù chưa lão luyện được tiếp cận trong lúc ngủ và người ta đưa ra cho cái trí của bà ta thấy một hình tư tưởng. Xúc cảm kính cẩn, vui mừng mãnh liệt, cao cả và mang tính tâm linh đến nỗi những tư tưởng được khêu gợi do sự lặng ngấm phong cảnh vinh diệu ấy giúp cho tâm thức của người đang ngủ chuyển vào trong thể trí nghĩa là bà vươn lên tới cõi trí tuệ. Mặc dù bà đang trôi nổi trong một biển ánh sáng và màu sắc, tuy nhiên bà lại hoàn toàn bị cuốn hút vào tư tưởng của riêng mình và không ý thức được điều gì khác nó. Bà vẫn còn ở trong tình trạng ấy nhiều tiếng đồng hồ mặc dù xét theo biểu kiến, bà không có ý thức về việc thời gian trôi

qua. Rõ ràng là trong trường hợp này mặc dù người đang ngủ có ý thức trên cõi trí tuệ, thế nhưng bà lại tuyệt nhiên không có ý thức về cõi trí tuệ.

Đường như có lẽ một kết quả như vậy chỉ có thể đạt được trong trường hợp người ta đã có được một mức phát triển thông linh nào đấy; cũng tình huống ấy thậm chí còn cần thiết dứt khoát hơn nữa để cho một đối tượng bị thôi miên mesmer có thể tiếp xúc được với cõi trí tuệ trong lúc xuất thần.

Như ta đã nói trước kia, điều này có lý do là vì nơi kẻ phạm phu thể trí chưa được phát triển đúng mức nên không thể dùng làm một hiện thể riêng rẽ của tâm thức được. Thật vậy, chỉ những người nào đã được các huấn sư thuộc Quân Tiên Hội rèn luyện đặc biệt để sử dụng nó thì mới có thể dùng nó làm hiện thể được.

Ở đây chúng tôi xin lặp lại điều đã được nói ở Chương XVI, nghĩa là mãi cho tới lúc được Điểm đạo lần thứ Nhất ban đêm người ta hoạt động trong thể vía; nhưng ngay khi đã hoàn toàn làm chủ được thể vía và sử dụng trọn vẹn được nó rồi thì người ta bắt đầu hoạt động trong thể trí. Khi đến lượt thể trí đã được tổ chức hoàn chỉnh rồi thì nó là một hiện thể linh hoạt hơn hẳn so với thể vía; nhiều điều không thể làm được trên cõi trung giới có thể hoàn thành trên cõi hạ trí.

Mặc dù sau khi chết người ta có thể sinh hoạt trên cõi trời, nghĩa là trên cõi trí tuệ (ta sẽ thấy điều đó trong các chương sau này), thế nhưng y bị nhốt kín trong một lớp vỏ bao gồm các tư tưởng của chính mình; như vậy đâu có thể gọi là hoạt động trên cõi trí tuệ được, bởi vì hoạt động trên cõi này hàm ý là có khả năng di chuyển thoải mái trên cõi này để quan sát những gì tồn tại nơi đó.

Một người có thể hoạt động thoải mái trong thể trí ắt có khả năng thâm nhập vào mọi sự vinh quang và mỹ lệ của thể trí; thậm chí khi hoạt động trên cõi trung giới ắt có được ý thức trí tuệ bao quát hơn hẳn, nó mở ra cho y những viễn cảnh màu nhiệm về tri thức và hậu như khiến cho người ta không thể sai lầm được.

Khi đang hoạt động trong thể trí thì con người bỏ lại thể vía ở chung với thể xác; nếu vì bất cứ lý do gì y muốn hiện hình ra trên cõi trung giới thì y chẳng cần phải dùng tới thể vía của chính mình mà chỉ cần nhờ tác động của ý chí, hiện hình ra một thể vía để dùng tạm. Thể vía được hiện hình ra để dùng tạm như vậy được gọi là Mâyāvīrūpa; lần đầu tiên muốn làm như vậy thường cần được giúp sức của vị sư phụ thành thạo kỹ năng (Ta sẽ bàn tới đề tài này ở chương kế tiếp).

Còn một cách khác để ta có thể sử dụng sinh hoạt trong lúc ngủ một cách hữu ích, trong đó là để giải quyết các vấn đề. Dĩ nhiên phương pháp được nhiều người thực hành, mặc dù phần lớn là vô ý thức; nó được diễn tả qua ngôn ngữ: “Đêm ngủ mang lại lời cổ vấn sáng suốt”. Vấn đề được giải quyết cần phải nhớ kỹ trong trí một cách âm thầm khi đi ngủ, ta không nên bàn luận hoặc cãi lý về nó kéo sẽ bị mất ngủ; ta chỉ cần phát biểu rõ rệt cho cái trí biết rồi cứ bỏ đấy. Thế rồi trong khi thể xác đang ngủ thì Chủ thể Suy tư được giải thoát khỏi xác phàm và óc phàm, y sẽ tiếp thu vấn đề để giải quyết nó. Thông thường thì Chủ thể Suy tư sẽ gây ấn tượng của giải pháp ấy lên trên bộ óc sao cho lúc tỉnh dậy là biết được nó. Tốt hơn ta nên trang bị sẵn giấy, bút chì kê bên giường ngủ để viết ngay ra giải pháp lúc thức dậy, bởi vì một tư tưởng đạt được như thế rất dễ bị xóa nhòa đi do những kích thích ken đặc xuất phát từ cõi hồng trần và không dễ gì phục hồi được nó.

CHƯƠNG XIX **ẢO THÂN MAYAVIRUPA**

Theo nghĩa đen Māyāvīrūpa là “thể hão huyền”, tức ảo thân. Đó là một thể vía tạm bợ mà người ta tạo ra khi người ta có thể hoạt động được trong thể trí. Nó có thể hoặc không thể giống như thể xác vì hình tướng được cung cấp cho nó phải thích hợp với mục đích để phóng chiếu nó ra. Người ta có thể tùy ý khiến cho nó nhìn thấy được hoặc không nhìn thấy được trên cõi hồng trần; người ta có thể làm cho nó không phân biệt được với xác phàm, sờ vào cũng thấy âm áp và rắn chắc cũng như mắt nhìn thấy nó được, nó có thể tiến hành trò chuyện, xét về mọi mặt thì nó giống hệt như một người phàm.

Lợi ích của việc sử dụng ẢO THÂN là ở chỗ nó không bị hão huyền trên cõi trung giới giống như thể vía chính công, không một sự hão huyền nào trên cõi trung giới đè bẹp được ẢO THÂN, không một sự ảo giác nào trên cõi trung giới có thể lừa gạt được nó.

Nhờ năng lực tạo ra một ảo thân, người ta có thể ngay tức khắc chuyển từ cõi trí tuệ sang cõi trung giới rồi ngược lại, và lúc nào cũng sử dụng quyền năng lớn lao hơn cũng như ý thức sắc sảo hơn trên cõi trí tuệ. Người ta chỉ cần hiện hình thể vía ra khi muốn cho cư dân trên cõi trung giới thấy mình được. Khi đã hoàn thành công việc trên cõi trung giới người ta lại triệt thoái vào cõi trí tuệ trở lại, thế là ảo thân biến mất, vật liệu của nó được trả lại cho dòng chu lưu vật chất trung giới nói chung, vì nó được ý chí của học viên rút ra từ đó.

Khi ở trong ẢO THÂN, người ta có thể dùng phương pháp của cõi hạ trí là chuyển di tư tưởng khi xét về việc muốn hiểu người khác; nhưng khả năng chuyển di tư tưởng bằng cách ấy đến cho người khác bị hạn chế bởi trình độ phát triển thể vía của người khác.

Trước hết, Chơn sư cần chỉ cho đệ tử biết cách tạo ra ẢO THÂN; sau đó, mặc dù thoát đầu điều này không phải chuyện dễ làm, nhưng đệ tử có thể tự mình làm được.

Sau khi được ĐIỂM ĐẠO lần thứ Nhì, việc phát triển thể trí tiên bộ nhanh chóng, chính vào lúc này hoặc gần tới mức này thì đệ tử mới học cách sử dụng ẢO THÂN.

CHƯƠNG XX **CỐI DEVACHAN: CÁC NGUYÊN KHÍ**

Trong quyển Thể Vía ta đã mô tả đầy đủ phần đầu tiên của sinh hoạt sau khi chết được trải qua trên cõi trung giới. Vì vậy bây giờ ta tiếp tục nghiên cứu từ lúc mà Thể Vía bị bỏ lại trên cõi của riêng mình, con người triệt thoái tâm thức vào trong Thể Trí, nghĩa là “vươn lên” tới cõi trí tuệ, và khi làm như thế y nhập vào cái gọi là cõi Trời. Các nhà Thông Thiên Học thường gọi nó là Devachan, nghĩa đen là Cõi Chói Sáng, tiếng Bắc phạn gọi nó là Devasthān, cõi của Chư thiên; tín đồ Ấn giáo gọi nó là Svarga, Phật tử gọi nó là Cõi Tịnh độ (Sukhavati), tín đồ Bái Hỏa giáo, Ki Tô giáo và Hồi giáo gọi nó là Thiên đường; dân gian đôi khi cũng gọi nó là “Niết Bàn”. Nguyên tắc căn bản của Devachan chính là việc đó là thể giới của tư tưởng.

Người sinh hoạt nơi Devachan được gọi là kẻ nhập Devachan. [Từ ngữ Devachan không chính xác xét về mặt từ nguyên, vì vậy dễ gây hiểu lầm. Song lẽ nó đã thâm căn cố đế trong thuật ngữ Thông Thiên Học đến nỗi người biên soạn tác phẩm này vẫn duy trì nó trong suốt quyển này. Ít ra thì nó còn đỡ vụng về hơn từ ngữ “cõi Trời”. Chú thích của A. E. Powell.]

Trong những quyển sách xưa, Devachan được mô tả như là một bộ phận được canh chừng cẩn mật trên cõi trí tuệ, nơi mà mọi phiền não và điều ác đều bị loại trừ do tác động của các Đấng thông tuệ tâm linh cao cả vốn đang giám sát cơ tiến hóa của loài người. Đó là nơi an dưỡng Cực lạc của loài người, nơi y đồng hóa một cách an nhiên những thành quả trong sinh hoạt trên cõi trần của mình.

Tuy nhiên, thật ra thì Devachan không phải là một bộ phận của cõi trí tuệ được dành riêng ra. Nói cho đúng hơn (bây giờ thì ta sẽ hiểu rõ) mỗi người tự nhốt kín mình trong lớp vỏ của chính mình, vì vậy y tuyệt nhiên không tham gia vào sinh hoạt của cõi trí tuệ; y không hề thoả mái di chuyển và giao du với người khác giống như lúc ở cõi trung giới

Có một cách khác để xem xét cái gọi là sự canh phòng nhân tạo của cõi Devachan, cái vực sâu bao xung quanh mỗi cá nhân ở đây vốn bắt nguồn từ sự kiện toàn thể vật chất cõi trung giới tức kama dĩ nhiên đã bị quét sạch đi và không còn nơi đó nữa. Vì vậy con người không còn hiện thể nào, không còn phương tiện giao tiếp nào có thể đáp ứng được với bất cứ thứ gì nơi cõi thấp. Xét theo mọi mục đích thực tiễn thì vì vậy các cõi thấp không còn tồn tại với y nữa.

Sự chia tay tối hậu của thể trí với thể vía không gây ra bất kỳ sự đau đớn hoặc đau khổ nào; thật ra thì kẻ phạm phu tuyệt nhiên chẳng có cách nào ngộ ra được bản chất của sự chia tay ấy; đơn giản là y chỉ thấy mình nhẹ nhàng chìm dần vào một sự nghỉ ngơi khoan khoái.

Tuy nhiên có một thời kỳ vô ý thức trống rỗng tương tự như lúc thường xảy ra sau khi thể xác chết, thời kỳ này có thể biến thiên trong những giới hạn rất rộng lớn và từ đó trở đi con người dần dần tỉnh thức.

Dường như thời kỳ vô ý thức là một thời kỳ thai nghén tương ứng với sinh hoạt trước khi con người chào đời và cần thiết để cho Chơn ngã nhập Devachan được kiến tạo sinh hoạt nơi Devachan. Một phần của nó dường như đang bận tâm hấp thụ qua nguyên tử trường tồn Thể Vía bất cứ thứ gì phải được tiến hành trong tương lai, còn một phần của nó lại làm linh hoạt vật chất của Thể Trí để cho nó có được sinh hoạt độc lập riêng rẽ sắp tới.

Sau khi con người thức tỉnh trở lại sau cái chết lần thứ nhì thì ý thức đầu tiên của y là sự cực lạc khôn tả, dồi dào sức sống, một cảm giác vui sống đến nỗi nhất thời y chẳng biết làm gì hơn là cứ sống, sự cực lạc như thế là bản thể của sinh hoạt nơi mọi cõi cao thuộc Thái dương hệ. Ngay cả sinh hoạt trên cõi trung giới cũng có khả năng mang lại hạnh phúc lớn hơn hẳn so với bất cứ thứ gì ta biết được trên cõi trần; nhưng sinh hoạt trên cõi trời vốn cực lạc hơn trên cõi trung giới không thể nói được. Trên mỗi cõi cao thì sự trải nghiệm như vậy đều được lặp lại, mỗi cõi vượt xa cõi trước mình. Điều này chẳng những đúng đối với xúc cảm về cực lạc mà còn đúng đối với minh triết và tầm nhìn xa trông rộng. Sinh hoạt trên cõi trời vốn viên mãn và thênh thang hơn nhiều so với sinh hoạt trên cõi trung giới đến nỗi ta không thể so sánh chúng với nhau được.

Khi kẻ đang ngủ tỉnh dậy trên cõi Devachan bừng mắt ra thì đã được những sắc thái tế nhị nhất đón chào, chính bầu không khí ở đây dường như là âm nhạc và màu sắc, toàn thể đều tràn ngập ánh sáng và sự hài hòa. Thế rồi qua ánh lung linh ảo diệu hoàng kim xuất hiện khuôn mặt những người mà y đã từng yêu thương trên trần thế, lấp lánh hào quang mỹ lệ biểu diễn những xúc động cao quý nhất và dễ thương nhất của họ, không hề bị nhuộm màu sắc của những lo toan và đam mê nơi cõi hạ giới. Chẳng ai có thể mô tả cho đúng được cái sự cực lạc khi tỉnh thức trên cõi trời.

Cường độ cực lạc này là đặc trưng chủ yếu của sinh hoạt trên cõi trời. Chẳng những trên cõi này không thể có điều ác và sự phiền não trong bản chất của sự vật hoặc mọi tạo vật đều được hạnh phúc ở đây; đó còn là một thế giới mà ngay chính sự kiện được hiện diện ở

đây cũng khiến cho vạn vật vui hưởng cái sự cực lạc tâm linh cao siêu nhất mà mình có thể đạt được; đây là một thế giới mà khả năng hưởng ứng với các hoài bão chỉ bị hạn chế bởi chính năng lực hoài bão của người ta thôi. Cái ý thức về niềm vui bất tận tràn ngập vũ trụ này chẳng bao giờ rời bỏ con người trên Devachan; trên trần thế chẳng có điều gì giống như vậy, chẳng có điều gì là hình ảnh của nó được; cái nguồn sinh lực ghê gớm mang tính tâm linh ấy thuộc cõi trời này thật là khôn tả.

Người ta đã thực hiện đủ thứ toan tính để mô tả cõi trời, nhưng tất cả đều thất bại bởi vì do bản chất; cõi trời không thể mô tả được bằng ngôn ngữ thuộc cõi trần. Vậy là các Phật tử và các nhà thâu thị Ấn Độ giáo đã nói tới những cây bằng vàng và bạc có trái cây bằng ngọc quý; nhà chép kinh Do Thái giáo vì đã sống ở một đô thị lớn nguy nga cho nên nói tới những đường phố bằng vàng và bạc; các tác giả Thông Thiên Học hiện đại hơn phác họa những dụ ngôn của mình theo màu sắc mặt trời lặn và những điều vinh quang trên biển và trên trời. Mỗi người đều cố gắng mô tả sự thật (quá vĩ đại đối với ngôn từ) bằng cách sử dụng những dụ ngôn quen thuộc với tâm trí mình.

Địa vị của con người trên cõi trí tuệ khác hẳn địa vị của y trên cõi trung giới. Trên cõi trung giới, y đang sử dụng một cơ thể mà y đã hoàn toàn quen thuộc vì có thói quen sử dụng nó trong khi ngủ. Tuy nhiên, trước đây y chưa bao giờ sử dụng thể trí và nó còn lâu mới phát triển đầy đủ. Vì vậy y tự nhốt kín mình phần lớn với thế giới xung quanh thay vì bản thân mình có thể nhìn thấy nó.

Trong sinh hoạt luyện ngục trên cõi trung giới phần thấp hèn trong bản chất của y đã bị thiêu rụi; giờ đây y chỉ còn những tư tưởng cao siêu và tinh vi hơn, những hoài bão cao thượng và vị tha mà y đã áp ủ trong khi còn sinh hoạt trên trần thế.

Nơi cõi trung giới, y có thể đã có một sinh hoạt tương đối dễ chịu, mặc dù rõ ràng là hạn hẹp; mặt khác, y có thể chịu đau khổ đáng kể trong khi tồn tại nơi luyện ngục. Nhưng nơi Devachan, y chỉ gạt hái kết quả của những tư tưởng và xúc cảm hoàn toàn vị tha; vì thế cho nên sinh hoạt trên cõi Devachan không thể khác hơn là cực lạc.

Một Chơn sư đã dạy rằng Devachan *“là một nơi không có nước mắt, không có tiếng thở dài nã nuột, nơi chẳng có cưới hỏi và nơi mà kẻ công chính đã được thực hiện đến mức hoàn hảo rất ráo”*.

Những tư tưởng tụ tập xung quanh người nhập Devachan tạo ra một loại vỏ bảo vệ, thông qua đó y có thể đáp ứng với một vài loại rung động nơi vật chất tinh vi này. Những tư tưởng ấy là các quyền năng giúp y rút ra được kho tàng vô tận của cõi trời. Chúng được dùng làm những cánh cửa sổ mà thông qua đó y có thể nhìn ra ngoài thấy được vẻ huy hoàng và mỹ lệ của cõi trời. Cũng thông qua đó sự đáp ứng với những thân lực từ bên ngoài có thể đến với y được. Mọi người vượt trên mức kẻ đã man thấp hèn nhất ắt phải có một chút xíu nào đó xúc cảm thuần túy vị tha cho dầu đó chỉ là một lần duy nhất trong suốt đời; và điều ấy là một cánh cửa sổ cho y hiện nay. Thật là một sự sai lầm khi coi lớp vỏ tư tưởng này là một sự hạn chế. Chức năng của nó không phải là khiến cho con người bị bung bít khỏi những rung động của cõi này mà đúng hơn là giúp cho y có thể đáp ứng với những ảnh hưởng ở trong tâm nhận biết của y. Như ta sẽ thấy ở Chương XXVII, cõi trí tuệ là một phần ảnh của Trí tuệ Thượng Đế, một kho chứa có tầm mức vô hạn, từ đó con người vui hưởng cõi trời có thể rút ra được đủ mức tùy theo khả năng tư tưởng và hoài bão của chính mình được sinh sản ra trong sinh hoạt trên cõi trần và cõi trung giới. Nơi cõi trời những sự hạn chế này – nếu ta có thể gọi chúng là như vậy trong lúc này – không còn tồn tại nữa; nhưng trong quyển sách này ta không bàn tới cái cõi cao siêu ấy.

Mỗi người chỉ có thể rút ra được từ cõi trời và chỉ có thể nhận biết được đúng mức về nó theo như trước kia mình đã nỗ lực chuẩn bị để thực hiện. Theo cách trình bày của dụ ngôn Đông phương thì mỗi người đều mang theo cái chén của mình; một số chén thì lớn còn một số chén lại nhỏ. Nhưng dù lớn hay nhỏ thì mỗi cái chén đều chứa đầy đến mức tối đa; biến cực lạc vốn quá đầy đủ cho bất cứ ai.

Kẻ phàm phu không thể có hoạt động gì nhiều ở cõi trí tuệ này; tình trạng của y chủ yếu là tiếp nhận và tầm nhìn của y về bất cứ thứ gì bên ngoài lớp vỏ tư tưởng của chính mình đều có tính cách hạn chế nhất. Những tư tưởng và hoài bão của y vốn chỉ đi theo một vài đường lối, y không thể đột nhiên tạo ra những đường lối mới; vì thế cho nên y bắt buộc chỉ có thể lợi dụng được chút ít từ những lực sống động vây xung quanh mình hoặc từ những cư dân thiên thần đầy quyền lực trên cõi trí tuệ, cho dẫu nhiều thiên thần này dễ dàng đáp ứng với một vài hoài bão của con người.

Vậy là kẻ nào trong buổi sinh thời chủ yếu chỉ coi trọng những sự việc vật chất ắt đã khiến cho mình chỉ có được một vài cửa sổ để cho y có thể tiếp xúc với thế giới mà y sống trong đó. Tuy nhiên kẻ nào quan tâm tới nghệ thuật, âm nhạc hoặc triết lý ắt tìm ra vô số sự hưởng thụ và vô số giáo huấn đang chờ đợi mình, tầm mức mà y có thể lợi dụng được chỉ hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng nhận thức của chính y thôi.

Có một số lớn những người mà các tư tưởng cao siêu chỉ liên quan tới sự luyện ái và sùng tín. Một người yêu thương người khác một cách sâu sắc hoặc cảm thấy vô cùng sùng tín đối với một thần linh cá nhân thì người ấy ắt tạo ra một hình tư tưởng mạnh mẽ về người bạn ấy hoặc vị thần linh ấy, và tất yếu mang theo hình tư tưởng ấy vào trong thế giới trí tuệ bởi vì nó tự nhiên thuộc về mức độ vật chất đó.

Bây giờ ta hãy theo dõi một kết quả quan trọng và thú vị. Tình thương vốn tạo lập và duy trì hình tư tưởng là một lực rất mạnh; thật vậy nó đủ mạnh để đạt tới và tác động lên chơn ngã của người bạn vốn tồn tại trên cõi thượng trí; đó là vì cố nhiên chơn ngã mới là chủ nhơn được yêu thương chứ không phải là thể xác vốn chỉ biểu diễn một phần nào của chơn nhơn. Chơn ngã của người bạn khi cảm thấy rung động bèn ngay tức khắc tha thiết hưởng ứng nó, tuôn đổ bản thân mình vào hình tư tưởng vốn tạo ra cho mình. Vì vậy bạn của người ấy, quả thật có mặt cùng với y còn linh động hơn bao giờ hết.

Việc người bạn còn sống hay đã chết thì cũng chẳng có gì khác nhau. Điều này xảy ra vì lời khẩn cầu được thực hiện không phải với một mảnh của chơn nhơn người bạn vốn đôi khi bị giam hãm trong thể xác, mà khẩn cầu với chính chơn nhơn trên cõi của riêng mình. Chơn ngã luôn luôn hưởng ứng; điều này khiến cho ai có một trăm người bạn đều có thể đồng thời hưởng ứng trọn vẹn tình luyện ái của mỗi một trong số một trăm bạn ấy. Vì không một con số nào nơi cõi thấp có thể làm cạn kiệt được hằng hà sa số biểu diễn của chơn ngã. Vì thế cho nên chơn nhơn có thể biểu diễn trên “cõi trời” qua vô số người.

Như vậy mỗi người trong sinh hoạt trên cõi trời đều thấy xung quanh mình có những hình tư tưởng được linh hoạt của tất cả những người bạn mà mình muốn kể cận. Hơn nữa, đối với y thì những hình tư tưởng này bao giờ cũng là tốt nhất bởi vì chính y đã tạo ra những hình tư tưởng để cho bạn mình biểu lộ qua đó được.

Trên cõi hồng trần còn hạn chế nhưng ta quen nghĩ tới bạn mình chỉ là sự biểu lộ hạn chế mà ta biết được trên cõi trần. Mặt khác trên cõi trời, ta rõ ràng là gần kề hơn nhiều với sự thật của bạn mình so với lúc còn ở trên trần thế, bởi vì chúng ta ở hai mức hoặc hai cõi gần hơn so với nơi cư trú của chính chơn ngã.

Có một sự khác nhau quan trọng giữa sinh hoạt sau khi chết trên cõi trí tuệ và sinh hoạt trên cõi trung giới. Đó là vì trên cõi trung giới ta gặp bạn mình (trong khi thể xác họ

đang ngủ) đang ở trong thể vía, nghĩa là ta vẫn còn giao tiếp với *phàm ngã* của họ. Song le trên cõi trí tuệ, ta không gặp gỡ bạn bè ở trong thể trí mà họ sử dụng trên trần thế. Ngược lại, chơn ngã của họ xây dựng cho họ những thể trí hoàn toàn mới và riêng biệt, và thay vì là tâm thức của phàm ngã thì tâm thức của chơn ngã lại tác động qua những thể trí ấy. Do đó, hoạt động trên cõi trí tuệ của bạn bè ta khác hẳn về mọi mặt so với phàm ngã của họ khi còn sống trong thể xác.

Vì thế cho nên, bất cứ sự phiền não hoặc rắc rối nào có thể xảy ra cho *phàm ngã* của người còn sống đều tuyệt nhiên không thể ảnh hưởng tới hình tư tưởng của y mà chơn ngã của y đang sử dụng làm một thể trí bổ sung. Nếu trong cái sự biểu lộ ấy mà y còn biết tới sự phiền não và rắc rối của phàm ngã thì nó cũng chẳng gây rắc rối cho y, bởi vì y xem xét nó theo quan điểm của chơn ngã ở trong thể nguyên nhân, đó nghĩa là một bài học để được học hỏi hay là một nghiệp báo nào đó cần phải được thanh toán. Theo quan điểm này thì y không hề bị hão huyền; ngược lại chính quan điểm của phàm ngã mới bị mê lầm; bởi vì điều mà phàm ngã coi là rắc rối hoặc phiền não thì chơn hơn trong thể nguyên nhân chỉ coi là những bước tiến trên con đường tiến hóa.

Ta cũng thấy rằng một người nơi Devachan không hề ý thức gì về phàm ngã của bạn mình trên cõi trần. Ta đã trình bày đầy đủ cái có thể được gọi là lý do máy móc của điều ấy. Cũng còn có những lý do khác vững chắc không kém đối với sự dàn xếp này. Đó là vì một người nhập Devachan rõ rệt là không được hạnh phúc nếu y cứ ngoái lại nhìn ngắm những người mà mình yêu thương giờ đây đang phiền não và đau khổ hoặc đang phạm tội.

Như vậy nơi Devachan không có sự chia cách do thời gian hoặc không gian, cũng không thể có bất kỳ sự hiểu lầm nào do từ ngữ hoặc tư tưởng; ngược lại có một sự hiệp thông gần gũi hơn nhiều giữa linh hồn với linh hồn so với trường hợp khi còn sống trên trần thế. Trên cõi trí tuệ, không có hàng rào ngăn cách nào giữa linh hồn với linh hồn; chính xác tỉ lệ với thực tại sinh hoạt của linh hồn nơi chúng ta cũng là thực tại của sự hiệp thông linh hồn nơi Devachan. Linh hồn của bạn ta sống trong hình tư tưởng mà ta tạo ra cũng đạt được mức độ mà linh hồn của bạn và linh hồn của chúng ta có thể xao xuyên rung động đồng cảm.

Việc ta không thể tiếp xúc được với những người còn ở trên trần thế chỉ giới hạn qua thể xác và thể vía hoặc nếu họ và chúng ta bất hòa với nhau trong sinh hoạt nội giới. Vì thế cho nên nơi Devachan không một kẻ thù nào có thể xâm nhập được bởi vì chỉ có sự đồng cảm, đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu mới có thể thu hút người ta lại với nhau trên cõi trời.

Đối với những người vượt ngoài tầm chúng ta về mặt tiến hóa thì ta bước vào tiếp xúc với họ cũng đạt được đến mức ta có thể hưởng ứng với họ; đối với những người kém tiến hóa hơn chúng ta thì ta hiệp thông tới mức giới hạn khả năng của họ.

Học viên nên nhớ lại rằng, Tinh linh Dục vọng sắp xếp lại thể vía sau khi chết thành ra các lớp vật chất đồng tâm mà lớp ngoài cùng là trọng trực nhất; như vậy nó đã hạn chế con người vào cái cảnh giới thuộc cõi trung giới có vật chất thuộc lớp ngoài cùng của thể vía. Trên cõi trí tuệ không có điều gì tương ứng với điều này, tinh linh trí tuệ không hành động theo kiểu mà Tinh linh Dục vọng đã chọn theo. Cũng có một sự khác nhau quan trọng nữa giữa sinh hoạt trên cõi trung giới và sinh hoạt trên cõi hạ trí. Trên cõi hạ trí, con người không lần lượt trải qua đủ thứ cảnh giới mà bị thu hút trực tiếp tới cảnh giới tương ứng nhiều nhất với trình độ phát triển của mình, y sống trọn cả sinh hoạt nơi thể trí trên cảnh giới ấy. Sự biến thiên của sinh hoạt hạ trí là vô hạn vì mỗi người tạo ra cảnh giới của riêng mình.

Nơi cõi trời Devachan, tất cả những gì có giá trị cho các kinh nghiệm đạo đức và trí tuệ của Chủ thể Suy tư trong kiếp sống vừa chấm dứt đều được liệt kê ra, suy giảm rồi dần dần được chuyển hóa thành năng khiếu nhất định về đạo đức và trí tuệ, thành những quyền năng mà y sẽ mang theo qua kiếp sống mới. Y không tác động bên trong thể trí, cái trí nhớ thực sự về quá khứ bởi vì như ta sẽ thấy theo đúng lúc, cái thể trí ấy cũng bị tan rã. Trí nhớ về quá khứ chỉ tồn tại nơi chính Chủ thể Suy tư vốn đã sống qua kinh nghiệm ấy và vẫn còn trường tồn. Nhưng những sự kiện trong kinh nghiệm quá khứ đều được tác động thành ra năng khiếu, sao cho nếu một người đã nghiên cứu sâu sắc thì hậu quả của việc nghiên cứu này là việc tạo ra một năng khiếu đặc biệt nhằm lĩnh hội và quán triệt đề tài ấy, khi lần đầu tiên nó được giới thiệu cho y trong kiếp khác. Y sẽ chào đời với một năng khiếu đặc biệt theo đường lối nghiên cứu đó và sẽ hấp thụ nó một cách rất dễ dàng.

Như vậy mọi điều được suy nghĩ trên trần thế đều được sử dụng nơi Devachan; mọi hoài bão đều được un đúc thành quyền năng, mọi nỗ lực bất đắc chí đều trở thành năng khiếu và năng lực; mọi sự phấn đấu và thất bại đều tái xuất hiện thành vật liệu để được rèn đúc thành những công cụ để chiến thắng; mọi sự phiền não và sai sót đều chối lợi thành những kim loại quý để được luyện ra thành ý chí minh triết và được chỉ đạo đúng đắn. Nơi Devachan, những kế hoạch làm việc thiện mà trong quá khứ người ta còn thiếu tài năng để hoàn tất, đều được rèn luyện thành tư tưởng, có thể nói là từng bước được diễn tập để phát triển tài năng cần thiết thành ra những năng khiếu trí tuệ ngõ hầu sử dụng được trong một kiếp sống tương lai trên trần thế.

Một Chơn sư đã dạy rằng nơi Devachan, Chơn ngã chỉ thu thập *nước cam lồ* gồm những đức tính đạo đức và tâm thức bắt nguồn từ mọi phàm ngã trên cõi trần.

Trong thời kỳ Devachan, Chơn ngã duyệt lại kho chứa kinh nghiệm của mình, vụn vặt hái kiếp sống trên trần thế vừa kết liễu, tách rời và phân loại chúng, đồng hóa những gì có thể đồng hóa được, vứt bỏ những gì lỗi thời và vô dụng. Chơn ngã chẳng còn có thể luôn luôn bận bịu trong cơn xoáy lốc của kiếp sống trần gian hơn là một công nhân luôn luôn tom góp đủ mọi vật liệu nhưng chưa bao giờ dùng vật liệu chế ra hàng hóa, hoặc cũng như một người cứ luôn luôn có thể ăn thực phẩm mà lại chưa bao giờ tiêu hóa và đồng hóa thực phẩm để kiến tạo nên các mô của cơ thể. Như vậy, ngoại trừ trường hợp rất ít người (mà ta sẽ thấy sau này) Devachan là hoàn toàn cần thiết cho kế hoạch của sự vật.

Việc không hiểu đầy đủ về chân tướng của Devachan đôi khi đã khiến người ta nghĩ rằng sinh hoạt của kẻ phàm phu nơi cõi trời hạ trí chẳng qua chỉ là sự mơ mộng và hão huyền, khi y tưởng rằng mình hạnh phúc giữa gia đình và bạn bè hoặc tiến hành kế hoạch của mình một cách hoàn toàn vui vẻ và thành công, thì y thật sự chỉ là nạn nhân của sự mê muội độc ác.

Ý tưởng này xuất phát từ quan niệm sai lầm về điều cấu tạo thành thực tại (theo như ta đã từng biết được nó) và do có một quan niệm sai sót. Học viên nên nhớ lại rằng hầu hết mọi người thực chứng được rất ít về sinh hoạt trí tuệ của mình ngay cả khi nó diễn ra trong thể xác, đến nỗi mà khi người ta trình bày với họ hình ảnh về sinh hoạt trí tuệ bên ngoài cơ thể thì họ mất hết mọi ý thức về thực tại và cảm thấy dường như thể họ chuyển vào một thế giới của giấc mơ. Song le sự thật là xét về mặt thực tại thì sinh hoạt trên cõi trần so với sinh hoạt trên cõi hạ trí bất lợi hơn nhiều.

Trong sinh hoạt bình thường trên cõi trần, hiển nhiên là quan niệm của kẻ phàm phu ấy về mọi thứ xung quanh mình đều bất toàn và thiếu chính xác về rất nhiều mặt. Chẳng hạn như y không biết gì về các lực dĩ thái, trung giới và hạ trí vốn ẩn đằng sau mọi thứ mà y nhìn thấy, và cho đến nay quả thật tạo thành bộ phận quan trọng nhất của sự vật ấy.

Toàn thể tâm nhìn của y bị giới hạn vào một bộ phận nhỏ của sự vật mà y cảm thấy bằng giác quan, do trí năng, trình độ giáo dục, kinh nghiệm giúp y hiểu rõ. Vì vậy, y sống trong một thế giới phần lớn là do chính mình tạo ra. Y không ngộ ra được rằng điều này là như vậy bởi vì y đâu có biết gì nhiều hơn. Vậy là xét theo quan điểm này thì sinh hoạt bình thường trên cõi trần ít ra cũng hão huyền chẳng kém gì sinh hoạt nơi Devachan và nếu suy nghĩ kỹ lưỡng thì ta ắt thấy nó thật ra còn hão huyền hơn nhiều.

Đó là vì khi một người nhập Devachan coi tư tưởng của mình là một điều có thực thì y hoàn toàn đúng; chúng quả là một điều *có thật* trên cõi hạ trí, bởi vì ở cõi ấy thì ngoài tư tưởng ra chẳng điều gì là có thật. Sự khác nhau ở chỗ là trên cõi trí tuệ, ta công nhận đây là một sự thật vĩ đại của thiên nhiên còn trên cõi hồng trần ta không công nhận điều ấy. Vì thế cho nên chúng tôi hoàn toàn có lý khi bảo rằng trong hai thứ thì sự si mê trên cõi trần lớn hơn sự si mê trên cõi hạ trí. Thật vậy, sinh hoạt của hạ trí vốn mãnh liệt hơn hẳn, linh hoạt và gần gũi với thực tại hơn nhiều so với sinh hoạt của giác quan.

Vì thế cho nên, theo lời của một Chơn sư: “Chúng tôi gọi sinh hoạt sau khi chết mới là thực tại duy nhất, còn sinh hoạt trên cõi trần kể cả chính phạm ngã cũng chỉ là hão huyền thôi”. “Nếu ta gọi sinh hoạt nơi Dervachan là một ‘giấc mơ’ theo bất kỳ ý nghĩa nào hơn mức của một thuật ngữ được qui ước, thì ta đã mãi mãi chối bỏ tri thức của Giáo Lý Bí Truyền vốn duy nhất nắm giữ được sự thật”.

Có một lý do khiến cho ta cảm thấy sinh hoạt nơi cõi trần là thực tại, còn khi ta nghe nói tới Devachan thì lại bảo đó là phi thực tại; bởi vì ta xem xét sinh hoạt trên cõi trần từ *bên trong* khi ta chịu đầy đủ những sự hão huyền của nó, còn ta lại lặng ngắm Devachan vốn vượt ngoài vòng thời gian từ *bên ngoài* do mức độ mâyā hoặc hão huyền đặc thù của cõi trần nhất thời không còn ảnh hưởng nữa.

Nơi chính Devachan thì quá trình này lại đảo ngược; bởi vì cư dân của nó cảm thấy sinh hoạt của chính mình mới là có thực và coi sinh hoạt trên trần thế là đầy những quan niệm sai lầm và những hão huyền rành rành nhất. Nói chung thì những người nhập Devachan gần với sự thật hơn khi họ phê phán sinh hoạt trên cõi trần, nhưng dĩ nhiên những hão huyền của trần thế, mặc dù đã bị giảm bớt, nhưng chưa hoàn toàn thoát khỏi cõi trời hạ trí bất chấp sự thật là việc tiếp xúc trên cõi ấy mang tính có thực hơn và ngay tức khắc hơn.

Nói chung thì sự thật là chúng ta càng vươn lên cao qua các cõi tồn tại thì chúng ta lại càng tiến gần hơn tới thực tại, bởi vì những sự việc tâm linh tương đối có thực và lâu bền hơn, còn những sự việc vật chất mang tính hão huyền phù du tạm bợ hơn.

Học viên có thể theo đuổi tư tưởng này mà có ích lợi hơn một chút nữa khi coi sinh hoạt nơi Devachan là kết quả của sinh hoạt trước khi trải qua trên cõi trung giới và cõi hồng trần. Lý tưởng và hoài bão cao siêu nhất của ta chưa bao giờ thực hiện được trên cõi trần và chúng cũng chẳng bao giờ có thể thực hiện được ở đó bởi vì khả năng thực hiện rất hạn hẹp do vật chất của cõi trần tương đối thô trực.

Nhưng theo luật Nhân quả nghiệp báo (luật bảo toàn năng lượng là một biểu hiện khác của luật này mà ta đã từng biết tới) không một lực nào có thể bị mất đi hoặc cướp mất hiệu quả đúng mức của mình, nó *ắt phải* tạo ra hiệu quả đúng mức và đầy đủ cho đến khi cơ hội của nó xuất hiện thì nó vẫn còn tồn tại dưới dạng năng lượng tích trữ. Nói cách khác, nhiều năng lượng tâm linh cao siêu của con người không thể tạo ra được kết quả đúng mức trong sinh hoạt trên trần thế, bởi vì những nguyên khí cao của y chưa thể đáp ứng được với những rung động thanh bại và tinh vi đến mức ấy, chừng nào con người còn chưa thoát khỏi nanh vuốt của con yêu râu xanh xác thịt. Trong sinh hoạt trên cõi trời lần đầu tiên mọi sự trở ngại ấy đều bị tháo gỡ cho nên những năng lượng tích tụ lại mới tuôn ra thành một phản ứng tất

yếu mà luật nhân quả đòi hỏi. Browning có nói: “Trên cõi trần là những vòng cung rời rạc thì trên cõi trời là một vòng tròn toàn bích”. Vậy là những sự công bằng tuyệt đối đã được thực hiện, chẳng điều gì bị mất đi bao giờ cho dầu trên cõi trời dường như là nhiều điều đã không đạt được mục đích và xôi hồng bồng không.

Như vậy, Devachan tuyệt nhiên không phải là một giấc mơ hoặc vùng đất liên hoa nơi người ta vô công rồi nghề chẳng có mục đích gì. Ngược lại đó là một vùng đất hoặc nói cho đúng hơn là một tình huống tồn tại nơi mà cái trí và cái tâm đã phát triển, không bị cản trở bởi vật chất thô hoặc bởi những sự toan tính nhỏ mọn, nơi mà người ta rèn luyện vũ khí để phân đấu vì sự sống trên trần thế và thật vậy, nơi đây bảo đảm sự tiến bộ trong tương lai.

Học viên cũng có thể nhận thức được rằng, hệ thống mà thiên nhiên đã dàn xếp sự sống sau khi chết vốn chỉ là hệ thống duy nhất có thể hoàn thành được mục đích khiến cho mọi người hạnh phúc đến mức tối đa trong khả năng hạnh phúc của mình. Nếu niềm vui trên cõi trời chỉ là một loại đặc thù (theo một vài thuyết chính thống nào đó) thì một số người ắt sẽ mỏi mệt vì nó, một số người ắt không thể tham gia vào đó hoặc là do thiếu thi hiểu theo hướng đặc thù ấy hoặc là không có được nền giáo dục cần thiết. Trong tác phẩm *Thiên đường Du ký của Thuyền trưởng Stormfield*, Mark Twain đã trình bày ý niệm theo kiểu cổ điển về thiên đường khiến nó bị *rút gọn đi đến mức vô lý*, khiến cho (theo như người ta nghĩ) không thể đứng vững được đời đời; nhờ vậy nhân tiên ông đã cung ứng một ví dụ cổ điển về việc sử dụng sự phân tích hài hước ngay cả trong những vấn đề triết lý và tôn giáo sâu sắc.

Trở lại với đề tài chính yếu của mình, ta hãy xem có sự dàn xếp nào khác đối với thân bằng quyến thuộc cũng có thể được thỏa mãn chăng? Nếu người quá cố được phép theo dõi số phận thăng trầm của bạn bè mình trên trần thế thì họ ắt không thể hạnh phúc được. Vì không biết điều gì xảy ra cho thân bằng quyến thuộc cho nên họ phải đợi đến khi bạn bè chết hết rồi mới gặp họ được thì ắt có một thời kỳ đau khổ ngưng đọng lại thường thường trải qua nhiều năm mà trong nhiều trường hợp thì đến lúc ấy bạn bè đã thay lòng đổi dạ không còn đồng cảm với mình nữa.

Thiên nhiên đã tránh được mọi điều khó khăn ấy. Mỗi người tự quyết định cho bản thân *cả về độ dài lẫn tính cách sinh hoạt trên thiên đường* qua những nguyên nhân mà bản thân mình đã tạo ra trong buổi sinh thời; vì thế cho nên y không thể không có được chính xác cái số lượng mà mình xứng đáng và chính xác cái chất lượng hoan hỉ thích hợp nhất với những đặc tính của mình. Những người mà y yêu thương bao giờ cũng sát cánh với y và bao giờ cũng ở mức cao thượng nhất và tốt đẹp nhất, không một hình bóng bất hòa hoặc thay đổi nào đã từng xảy ra giữa họ với nhau vì y nhận được từ họ bao giờ cũng chính là cái mà mình mong ước. Thật vậy, phương pháp của thiên nhiên vô cùng cao siêu hơn bất cứ điều gì mà trí khôn hoặc óc tưởng tượng của con người đã từng có thể hiển dâng ra thay vào chỗ đó.

Có lẽ trên cõi hồng trần thật khó lòng mà ngộ ra được bản chất sáng tạo của những quyền năng do Chủ thể Suy tư vận dụng khi khoác lấy thể hạ trí và không bị cản trở bởi thể xác. Trên trần thế, một nghệ sĩ có thể tạo ra những linh ảnh đẹp tuyệt vời, nhưng khi y tìm cách thể hiện nó qua vật liệu trên trần thế thì y thấy những linh ảnh ấy không đáp ứng được qua quan niệm hạ trí của mình. Song le nơi Devachan, mọi điều mà người ta suy nghĩ đến ngay tức khắc được mô phỏng thành hình dạng từ loại vật chất hoặc vật liệu tinh vi hiếm có; đó là môi trường mà cái trí thông thường hoạt động trong đó khi nó thoát khỏi mọi đam mê và đáp ứng với mọi sự thôi thúc của hạ trí. Như vậy, vẻ đẹp của môi trường xung quanh con người nơi Devachan đã tăng gia vô tận lên tới sự phong phú và năng lượng trong tâm trí của y.

Học viên nên phần đầu ngộ ra được rằng cõi trí tuệ là một thế giới rộng lớn và huy hoàng với sự sống linh động mà bây giờ ta đang sống trong đó cũng như trong các thời kỳ giữa những kiếp đã qua trên trần thế. Chỉ vì ta còn phát triển thấp kém, thể xác còn áp đặt lên ta những sự hạn chế, cho nên điều ấy mới ngăn cản ta ngộ ra trọn vẹn được mọi sự huy hoàng của cõi trời cao nhất đều ở xung quanh ta ngay tại đây và ngay bây giờ; những ảnh hưởng tuôn đổ từ cõi ấy bao giờ cũng tác động lên ta nếu ta chỉ hiểu được và tác động được nó. Một bậc thầy của Phật giáo đã dạy như sau: “Ánh sáng đều có mặt xung quanh con, miễn là con gỡ bỏ cái dải che mắt để nhìn cho rõ. Nó thật là kỳ diệu, đẹp đẽ, vượt xa bất cứ thứ gì mà người ta mơ ước tới hoặc cầu nguyện được; nó mãi mãi và bao giờ cũng thế” (*Linh hồn của một Dân tộc*, trang 163).

Nói cách khác, Devachan là một trạng thái tâm thức và bất cứ ai, vào bất cứ lúc nào cũng có thể tiếp nhận Devachan nếu y đã học được cách triệt thoái linh hồn ra khỏi các giác quan. Ta có thể xét thấy rằng Devachan đối với mỗi kiếp sống trên trần thế ra sao thì Niết Bàn đối với sự kết liễu sinh tử luân hồi cũng như vậy.

CHƯƠNG XXI

CÔI DEVACHAN: THỜI GIAN KÉO DÀI VÀ CƯỜNG ĐỘ

Khi xét thấy sự kiện con người tạo ra cho bản thân cõi luyện ngục của chính mình và cõi trời của chính mình, thì rõ ràng không một trạng thái tâm thức nào cứ mãi mãi như vậy bởi vì một nguyên nhân hữu hạn không thể tạo ra một kết quả vô hạn.

Việc xác định thời gian con người trải qua trên các cõi hồng trần, trung giới và hạ trí, thay đổi đáng kể tùy theo sự tiến hóa của mình. Người đã man hầu như sống hoàn toàn trên cõi trần, sau khi chết chỉ trải qua vài năm trên cõi trung giới. Khi y phát triển thì sự sống trên cõi trung giới của y kéo dài ra hơn và khi trí năng của y nảy nở thì y cũng bắt đầu sống một thời gian ngắn trên cõi hạ trí.

Người thường trong các giống dân văn minh ở lại trên cõi hạ trí nhiều hơn trên cõi hồng trần và cõi trung giới. Thật vậy, con người càng tiến hóa thì sinh hoạt trên cõi trung giới của y càng ngắn và sinh hoạt trên cõi hạ trí càng dài.

Vì thế cho nên ta thấy rằng, ngoại trừ trong những giai đoạn sơ khai nhất của cuộc tiến hóa cho đến nay con người trải qua một phần lớn thời gian trên cõi hạ trí. Bây giờ ta sẽ thấy tỉ mỉ ngoại trừ trong trường hợp người kém tiến hóa nhất, còn thì tỉ lệ sinh hoạt trên cõi trần với sinh hoạt trên cõi hạ trí hiếm khi nào vượt mức 1/20 và trong trường hợp những người phát triển khá thì đôi khi nó thấp tới mức 1/30. Học viên bao giờ cũng phải nhớ rằng trú sở chân thực của Chơn Nhơn tức Chơn Ngã là cõi Thượng trí; mỗi sự giáng xuống nhập thể chỉ là một thời kỳ ngắn mặc dù quan trọng trong đời sinh hoạt của mình.

Các bảng thuộc trang 186 – 187 trình bày ý niệm về thời khoảng trung bình gần đúng giữa hai kiếp sống tùy theo lớp người hữu quan cùng với phần trung bình trải qua trên các cõi trung giới, hạ trí và thượng trí.

Yêu cầu học viên đừng xét theo nghĩa đen hoặc quá cứng nhắc về sự thuyết giải cách phân loại này qua địa vị xã hội mà xét về một số phương diện thì rất đáng chê trách. Cùng lắm thì việc xếp nhóm chỉ nên coi là đại khái và gần đúng. Đó là vì hiển nhiên chẳng hạn như có những mẫu người “nghiện rượu và hết chỗ xài” thuộc bất kỳ đẳng cấp xã hội nào; hoặc một người mà địa vị xã hội thuộc về lớp người “phú nông” có thể thật ra cũng chẳng cao cấp gì hơn một công nhân không lành nghề mặc dù y có thể không phải chân lấm tay

bùn. Thay vì xét tới đẳng cấp xã hội, tốt hơn có lẽ ta nên phát minh ra một phương pháp phân loại theo sự phát triển về đạo đức và tâm trí, nhưng ngay cả phương pháp này cũng tỏ ra gặp khó khăn không kém gì phương pháp mà ta đã chọn theo.

Lớp Chon ngã	Loại hình hiện nay	Thời kỳ trung bình kéo dài tính bằng năm			
		Thời khoảng tổng cộng giữa hai kiếp sống	Sinh hoạt trên cõi Trung giới	Sinh hoạt trên cõi Trời	
				Hạ trí	Thượng trí
Những người thuộc Dãy Nguyệt tinh cấp 2	Giai cấp Tư sản	200 - 300	40	160 – 260 trên các cảnh thấp	0
Người thú thuộc Dãy Nguyệt tinh	Công nhân lành nghề	100 - 200	40	60 – 160 trên các cảnh thấp	0
Những con thú lớp 1 thuộc Dãy Nguyệt tinh	Công nhân không lành nghề	60 - 100	40 - 50	20 – 50 trên các cảnh thấp nhất	0
Những con thú lớp 2 thuộc Dãy Nguyệt tinh	Những người say rượu và những kẻ hết xài	40 - 50	40 - 50	0	0
Những con thú lớp 3 thuộc Dãy Nguyệt tinh	Nhân loại hạ đẳng	5	5	0	0

Một sự khác nhau nào đó là do phương pháp biệt lập ngã tính, nhưng nơi những lớp hạ đẳng thì sự khác nhau này cũng tỉ lệ kém hơn nhiều. Những người biệt lập ngã tính do trí năng có khuynh hướng trải qua hai thời khoảng nêu trên lâu hơn trong khi những người biệt lập ngã tính theo kiểu khác có khuynh hướng trải qua thời khoảng ngắn hơn. Bây giờ ta sẽ trở lại vấn đề này và giải thích nó một cách tỉ mỉ hơn.

Nói chung, người nào chết yểu có khuynh hướng trải qua thời khoảng ngắn hơn người chết lúc tuổi già, nhưng rất có thể tỉ lệ sinh hoạt trên cõi trung giới lớn hơn bởi vì hầu hết những xúc động mãnh liệt được thanh toán trong sinh hoạt trên cõi trung giới đều phát sinh trong thời thanh xuân của kiếp sống trên cõi trần, còn năng lượng mang tính tâm linh hơn vốn có kết quả trong sinh hoạt trên cõi trời rất có thể tiếp tục cho đến cuối hoặc gần cuối sinh hoạt trên cõi trần.

Như vậy, chúng ta đã thấy rằng toàn thể thời gian trải qua trên Devachan tùy thuộc vào vật liệu mà con người mang theo từ sinh hoạt trên cõi trần; điều này có nghĩa là bất cứ thứ gì có thể được un đúc thành ra năng lực trí tuệ và năng lực đạo đức tức là mọi tư tưởng và xúc động thanh khiết được sản sinh ra trong buổi sinh thời, mọi nỗ lực trí tuệ, đạo đức, mọi hoài bão, mọi kỷ ức về công việc hữu ích cũng như mọi kế hoạch để phụng sự nhân loại. Chẳng một điều gì bị mất đi, cho dù nó yếu ớt hoặc thoáng qua đến đâu đi nữa, tuy nhiên những đam mê ích kỷ đầy thú tính không thể *xen vào* vì không có vật liệu nào để cho chúng biểu hiện qua đó được.

Điều ác trong kiếp quá khứ cũng bó tay mặc dù nó có thể là chiêm đa số áp đảo đối với điều thiện, nó ngăn cản việc gặt hái trọn vẹn được bất cứ vụ mùa đơm bạc nào về điều thiện mà ta có thể gặp được; sinh hoạt nơi Devachan có thể rất ngắn ngủi nhưng kẻ đòi truy nhất nếu còn có chút ít lòng khao khát điều đúng đắn, còn có chút ít sự xao xuyến trong tâm hồn thì ít phải có một thời kỳ sinh hoạt nơi Devachan trong đó mầm mống thiện sẽ đâm chồi nảy lộc; trong đó tia lửa điều thiện có thể được quạt lên thành một ngọn lửa nhỏ xíu.

Trong quá khứ, khi người ta sống mà tâm hồn cứ gắn chặt vào cõi trời và hướng cả cuộc đời vào mục tiêu vui hưởng cảnh cực lạc thì thời kỳ trải qua nơi Devachan kéo dài rất lâu, đôi khi tới nhiều ngàn năm. Tuy nhiên hiện nay khi tâm trí con người tập trung nhiều hơn vào chuyện trần tục và rất ít tư tưởng của họ được hướng về sinh hoạt cao thượng thì thời kỳ Devachan đã bị rút gọn đi tương ứng như vậy.

Tương tự như thế, thời kỳ trải qua trên cõi hạ trí và cõi thượng trí tỉ lệ với số lượng tư tưởng được sản sinh ra rất nhiều trong thế thượng trí và hạ trí. Mọi điều thuộc về *phàm ngã* với những tham vọng, những quyền lợi, những yêu đương, hi vọng và sợ hãi đều đơm hoa kết trái trên cõi hạ trí tức thế giới của *hình tướng* (sắc giới); những thứ thuộc về thượng trí tức cõi tư tưởng trừu tượng vô ngã phải được thanh toán trên cõi nguyên nhân (vô sắc giới). Như bảng nêu trên chỉ rõ, đa số mọi người chỉ nhập vào cõi trời thượng trí rồi thoát ra khỏi nó một cách nhanh chóng; một số người trải qua phần lớn sinh hoạt Devachan nơi cõi trời thượng trí; một số ít người trải qua sinh hoạt Devachan hầu như toàn bộ trên cõi trời thượng trí.

Như vậy, cũng giống như một người tự tạo cho mình kiếp sống luyện ngục trên cõi trung giới; cũng vậy y quyết định cho chính mình cả thời gian kéo dài lẫn tính cách sinh hoạt trên cõi trời qua những nguyên nhân mà khi sản sinh ra trong buổi sinh thời. Vì thế cho nên y không thể không có được cả số lượng mà y xứng đáng lẫn *chất lượng* hoan hỉ chính xác mà các thói đặc dị của y thích ứng nhất.

Có một yếu tố khác rất quan trọng và đáng chú ý, đó là *cường độ* của sinh hoạt Devachan biến thiên theo các lớp Chơn ngã khác nhau, dĩ nhiên nó tạo ra tác dụng rất lớn đối với sinh hoạt trên cõi trời xét về thời gian kéo dài.

Trong bảng ở trang 186, trong nội bộ của cùng một nhóm Chơn ngã, ta thấy trình bày hai loại hình mặc dù phát triển ngang nhau nhưng lại khác nhau rất nhiều về thời khoảng giữa hai kiếp sống: một loại hình trải qua khoảng 1200 năm, còn loại hình kia trải qua 700 năm giữa hai kiếp sống. Bây giờ số lượng thần lực sản sinh ra đều đại khái bằng nhau trong cả hai trường hợp, thế mà những người trải qua thời khoảng ngắn hơn ắt nén một số lượng cực lạc gấp đôi thành ra sinh hoạt trên cõi trời, có thể nói họ hoạt động ở mức cao áp, tập trung kinh nghiệm của mình để trải qua hầu như hai lần nhiều hơn bất cứ thời kỳ cho sẵn nào đối với thành viên thuộc lớp kia.

Như ta đã nêu rõ ngắn gọn ở cách đây một vài trang, sự khác nhau này là do cách thức đạt tới việc biệt lập ngã tính. Nếu không đi sâu vào chi tiết của việc biệt lập ngã tính (điều này vượt quá phạm vi của quyển sách này) thì ta có thể giải thích rằng những người nào dần dần biệt lập ngã tính nhờ sự phát triển trí năng đều sản sinh ra một *loại* thần lực khác khiến cho họ có sinh hoạt nơi Devachan lâu dài hơn; còn những người nào biệt lập ngã tính do một sự dâng trào ngay tức khắc của lòng luyến ái hoặc lòng sùng tín đều trải qua cực lạc dưới dạng tập trung hoặc kịch liệt hơn nhiều. Nếu có bất kỳ sự khác nhau nào về *số lượng* thần lực sản sinh ra thì dường như nó hơi lớn hơn trong trường hợp những người trải qua thời khoảng ngắn hơn.

Việc khảo cứu đã chứng tỏ rằng thời khoảng giữa hai kiếp sống co dãn rất nhiều gây ra nhiều sự biến thiên nhịp độ mà các Chơn ngã triển khai sinh hoạt trên cõi trời của mình.

Có một lý do quan trọng của điều này là cần phải đưa các nhóm người gặp lại nhau cùng một lúc khi tái sinh luân hồi, chẳng những để cho họ có thể thanh toán được những mối tương quan tương duyên về nghiệp báo mà còn là vì để cho họ có thể học cách cùng nhau làm việc cho đại sự.

Chẳng hạn như có một vài nhóm Chơn ngã được gọi là những người phụng sự, họ hết kiếp này sang kiếp khác gặp nhau để có thể trải qua những kinh nghiệm sơ bộ giống nhau, sao cho những môi ràng buộc luyện ái giữa họ có thể kháng khí đến nỗi họ chẳng bao giờ hiểu lầm hoặc mất tin tưởng đối với nhau khi sự căng thẳng của công việc thực sự dành sẵn cho số phận họ xảy ra trong tương lai. Một sự kiện lớn lao vĩ đại là có nhóm dành để phụng sự quan trọng hơn bất kỳ sự cân nhắc nào khác, như vậy nhóm người này được tụ tập lại để cho họ có thể phụng sự với vai trò một đoàn thể người hiệp đồng tác chiến.

Khỏi cần nói ta cũng thấy ở đây chẳng có gì bất công, chẳng ai trốn được một chút xíu nào nghiệp báo chính đáng của mình. Nhưng nhịp độ mà nghiệp báo được thanh toán lại điều chỉnh độ đáp ứng với những tình huống đặc thù trong mỗi trường hợp. Vậy là đôi khi có xảy ra việc một nghiệp báo quá khứ nào đấy được thanh toán nhanh hơn để cho người ta có thể tự do làm việc cao thượng mà không bị nghiệp báo cản trở; cũng vì cứu cánh ấy, đôi khi có xảy ra sự nhồi quả giáng xuống một người ngay một lúc dưới dạng một thảm họa lớn lao nào đó; như vậy y thanh toán được nghiệp báo nhanh hơn và dọn đường đi trước mặt mình thêm thàng hơn.

Dĩ nhiên là trong trường hợp đại đa số nhân loại thì không có sự can thiệp đặc biệt nào thuộc loại này và sinh hoạt trên cõi trời cứ được triển khai với nhịp độ bình thường. Sự khác nhau về *thời gian* thanh toán nghiệp báo bao gồm sự khác nhau về cường độ của kiếp sống được biểu lộ qua một sự chói sáng ít nhiều nơi ánh sáng của thể trí.

CHƯƠNG XXII

CỖI DEVACHAN: NHỮNG CHI TIẾT ĐẶC THÙ THÊM NỮA

Sau khi đã nghiên cứu một số đặc điểm tổng quát của Devachan và mục đích nói chung của nó, thì giờ đây ta cần trở lại điền thêm vào những chi tiết nữa và nói thêm một số đặc điểm vốn không thể bao hàm trong lần mô tả đầu tiên mà không gây ra quá tải.

Mặc dù xét về một chừng mực nào đó, Devachan cũng có tính cách hảo huyền, quả thật cũng giống như mọi sự sống biểu lộ ở nhiều mức độ khác nhau; tuy nhiên trong sinh hoạt trên cõi trời có nhiều thực tại hơn sinh hoạt trên trần thế. Ta ắt thấy rõ điều này khi ta xét tới những tình huống cần thiết để đạt được Devachan. Đó là vì để cho một hoài bão hoặc một lực tư tưởng tạo kết quả tồn tại trên cõi trí tuệ thì nó phải có đặc trưng chủ yếu là lòng vị tha.

Tình luyện ái đối với gia đình hoặc bạn bè đưa người ta lên sinh hoạt trên cõi trời cũng như lòng sùng đạo, nhưng chỉ khi nào tình luyện ái hoặc lòng sùng tín ấy mang tính vị tha. Tình luyện ái vốn là một loại đam mê ích kỷ, yêu sách, chủ yếu chỉ muốn mình được yêu, chỉ nghĩ tới điều mà mình nhận được hơn là điều mà mình cho ra, nó cũng có thể dễ dàng thoái hóa thành thói xấu ghen tuông, thì tình luyện ái ấy không bao hàm hạt giống cho sự phát triển trí tuệ; những lực mà nó phát động ắt chẳng bao giờ vượt quá cõi trung giới, là cõi dục vọng mà chúng rõ ràng là thuộc về cõi này.

Khi không có sự đeo bám, không thu hút về phía bản ngã, không nghĩ tới được đền đáp thì ta có một sự tuôn đổ thần lực ghê gớm mà không một vật chất trung giới nào có thể diễn đạt được và tâm cỡ của cõi trung giới cũng không đủ bao dung nó. Nó cần có loại vật chất tinh vi hơn và không gian rộng lớn hơn của cõi trí tuệ, năng lượng sản sinh ra thuộc về cõi cao ấy.

Cũng giống như vậy, lòng sùng đạo của tín đồ tôn giáo có tư tưởng chủ yếu không phải là sự vinh quang của đáng thiêng liêng mà là cách thức để mình có thể cứu rỗi linh hồn của chính mình, ắt không thể đưa ta lên tới Devachan. Nhưng mặt khác, lòng sùng tín tôn giáo đích thực vốn chẳng bao giờ nghĩ tới bản thân mà chỉ hiến dâng tình thương và lòng biết ơn lên cho đáng thiêng liêng hoặc thủ lĩnh, lại được linh hứng bởi lòng ham muốn nồng nhiệt làm một điều gì đó cho đáng thiêng liêng hoặc nhân danh ngài, thì lòng sùng tín ấy thường dẫn tới một sinh hoạt kéo dài trên cõi trời thuộc một loại hình tương đối cao siêu. Đây ắt là trường hợp đối với bất cứ đáng thiêng liêng hoặc thủ lĩnh nào, do đó tín đồ đối với Đức Phật, đáng Krishna, Ormuzd, thánh Allah hoặc đáng Ki Tô đều cũng đạt tới phần thưởng là sự cực lạc trên cõi trời. Thời gian kéo dài và phẩm tính của nó tuyệt nhiên không tùy thuộc vào đối tượng của nó mà lại tùy thuộc vào cường độ và sự trong sạch của xúc cảm.

Thật là một sai lầm khi giả định rằng một người trên cõi trung giới và cõi hạ trí sau khi chết chỉ đang hoạt động để thanh toán những kết quả trong sinh hoạt trên cõi trần thế vừa qua; nói chung thì điều này đúng với kẻ phạm phu, song le ngay cả khi y đang vui hưởng cực lạc trên cõi Devachan, thì đồng thời y cũng ảnh hưởng tới những người khác, vì vậy y đang tạo ra những quả báo nghĩa là gây nghiệp.

Xét theo bản chất của sự việc thì điều này ắt phải như thế bởi vì tư tưởng là yếu tố mạnh mẽ nhất nhằm tạo ra nghiệp của con người. Mọi lực đều có đặc trưng của cõi mà nó được sản sinh ra trên đó, cõi càng cao thì lực càng mạnh mẽ và bền bỉ.

Trong những trường hợp mà hiện nay còn hiềm hoi, khi nâng tâm thức lên tới cõi nguyên nhân thì thượng trí và phạm ngã được hiệp nhất lại, tâm thức của Chơn ngã vốn ở trong tầm sử dụng của con người trải qua trọn cả các kiếp sống trên cõi hồng trần, trung giới và hạ trí. Vì thế cho nên, suy ra rằng y cũng đang gây ra nghiệp vào một thời kỳ này nhiều không kém vào thời kỳ kia, và y có thể biến đổi tình huống trong cuộc đời mình qua việc vận dụng tư tưởng và ý chí.

Nhưng ngoài những trường hợp của người phát triển cao ấy, ngay cả một người thường cũng tạo ra một cách hoàn toàn vô ý và vô thức cho bản thân mình, ba kết quả riêng biệt trong trọn cả sinh hoạt trên cõi trời.

Một – Lòng luyến ái mà y tuôn đổ lên hình tư tưởng mà y tạo ra về bạn bè mình là một quyền năng mạnh mẽ vì điều thiện. Nó đóng một vai trò đáng kể trong sự tiến hóa chơn ngã của người bạn ấy. Lòng luyến ái được khơi dậy từ người bạn, do đó có khuynh hướng làm tăng cường phẩm chất đáng hâm mộ ấy nơi bản thân y. Một hành vi như thế rõ rệt là gây ra nghiệp báo.

Thậm chí có thể là hiệu quả của tác động ấy biểu lộ nơi phạm ngã của người bạn trên cõi trần. Đó là vì nếu Chơn ngã bị biến đổi bởi lòng luyến ái tuôn đổ lên hình tư tưởng mà nó làm cho linh hoạt, thì có thể sự biến đổi ấy biểu lộ được nơi phạm ngã vốn dĩ nhiên là một sự biểu lộ khác nữa cũng của Chơn ngã ấy.

Hai – Là một người tuôn đổ một làn sóng luyến ái tràn ngập và khơi dậy những làn sóng khác đáp ứng từ người bạn thì rõ rệt là đang làm cải thiện bầu hào quang trí tuệ xung quanh mình. Bầu hào quang này tác động lên mọi cư dân của thế giới vốn đang sống trong

bầu hào quang ấy – chư thiên, loài người, loài thú, loài cây cỏ v.v. . . Điều này rõ ràng là tạo ra một nghiệp quả.

Ba – Là một tư tưởng luyện ái vị tha hoặc sùng tín chẳng những khơi dậy một sự đáp ứng từ Thượng Đế đối với cá nhân nào phát khởi tư tưởng ấy mà còn giúp cho kho thần lực được đầy tràn dưới sự quản lý của các đấng Ứng thân Nirmanakaya để dành cho các Chơn sư Minh triết và đệ tử dùng trợ giúp loài người (Xem quyển thể Vía trang 57). Cho dù kết quả của lòng luyện ái hoặc sùng tín ấy trong sinh hoạt trên cõi trần có lộng lẫy đến đâu đi nữa thì ta cũng dễ dàng thấy rằng sự đáp ứng với tư tưởng của một thực thể nhập Devachan có lẽ vẫn bền bỉ trong hàng ngàn năm và đóng góp đáng kể vào cho kho chứa, nó mang lại cho thế gian một lợi ích không thể tính toán được theo bất cứ kiểu nào mà ta sử dụng trên cõi trần.

Xét theo mọi điều cân nhắc thì ta ắt thấy rõ rằng thậm chí chỉ là một kẻ phàm phu chưa đặc biệt phát triển được tâm thức, song le cũng có thể làm được nhiều điều tốt trong khi sinh hoạt nơi Devachan, vì thế cho nên trong thời gian ấy y thực sự đang tạo ra nghiệp mới cho bản thân, và thậm chí làm biến đổi sinh hoạt trên cõi trời trong khi nó đang tiến bộ.

Trên cõi trần, nhiều tư tưởng của ta chỉ là những mảnh vụn, nơi cõi Devachan, người mơ mộng lặn ngắm những mảnh vụn ấy và kiên nhẫn đào luyện ra từng chi tiết với mọi khả năng thực hiện lộng lẫy, sống qua chúng một cách linh hoạt mà không điều gì trên trần thế bì kịp. Y xây dựng, uốn nắn, định hình chúng thành ra mọi khả năng biến thiên rồi xáo lên trong thế giới hình tướng. Những người khác có thể bấy giờ thu nhật được chúng và được chúng gọi hứng để đảm đương những kế hoạch cải cách, làm việc từ thiện v.v. . . Như vậy xét theo vật liệu tư tưởng chói ngời của một người mơ mộng đơn độc nào đó những sự thay đổi kỳ diệu có thể xảy ra thì việc “mơ mộng” của y cũng giúp tái tạo lại thế giới.

Tuy nhiên ta nên nhớ rằng, do những hạn chế mà kẻ phàm phu áp đặt lên bản thân nơi Devachan, y có thể phát khởi được một đường lối luyện ái hoặc sùng tín *mới mẻ*, nhưng lòng luyện ái và sùng tín của y dọc theo những đường lối mà y đã quyết định rồi, ắt sẽ rõ ràng là mạnh mẽ hơn bao giờ hết so với khi y đang lao động vất vả với những hạn chế nặng nề của thể xác. Điều này ắt cần phải trình bày kỹ lưỡng thêm một chút nữa. Để hiểu được mối quan hệ của một người nơi Devachan với môi trường xung quanh của y, ta phải nghĩ rằng: (1) vật chất của cõi này do tư tưởng của y định hình ra, (2) cái lực của cõi ấy được khơi dậy để đáp ứng với những hoài bão của y.

Ta đã thấy con người uốn nắn vật chất của cõi này thành ra những hình tư tưởng của bạn bè và làm thế nào mà các Chơn ngã của bạn bè biểu hiện được qua những hình ảnh ấy. Xung quanh y cũng có những lực sống động khác, những cư dân thiên thần đầy quyền lực của cõi này, trong số đó có nhiều thần lực rất nhạy cảm với một vài hoài bão của con người và sẵn sàng đáp ứng với chúng. Nhưng điều chính yếu mà ta cần phải nhớ là cả tư tưởng và hoài bão của y đều chỉ đi theo những đường lối mà y đã chuẩn bị rồi trong khi sinh hoạt trên cõi trần.

Có lẽ ta có thể tưởng tượng rằng khi một người vươn tới cõi sinh lực và lực siêu việt như thế, thì y ắt bị kích động đối với những hoạt động hoàn toàn mới theo những đường lối mới; nhưng không phải vậy. Như ta đã thấy trước kia, thể trí của y tuyệt nhiên không thuộc cùng một cấp với các hạ thể và nó cũng chưa được kiểm soát đầy đủ. Trong quá khứ, nó đã quen với việc nhận ấn tượng và tiếp thu kích thích từ tác động ở bên dưới, chủ yếu từ cõi hồng trần và đôi khi từ cõi trung giới. Bằng cách này nó đã thực hiện rất ít điều nhằm tiếp nhận những rung động trực tiếp của trí tuệ trên cõi của riêng mình; vì thế cho nên nó không thể đột ngột bắt đầu tiếp nhận và đáp ứng với chúng. Như vậy, thực tế là con người không

phát khởi bất kỳ tư tưởng nào mới mà bị hạn chế vào những tư tưởng trước kia mình đã từng áp ủ, vốn tạo thành những cửa sổ duy nhất mà thông qua đó y có thể nhìn ra thế giới mới của mình. Vì thế cho nên một phạm ngã vô vị không có gì đặc sắc, tất nhiên có một trạng thái Devachan yếu kém, không đặc sắc.

Như vậy, người ta chỉ mang vào cõi Devachan cái công cụ hạ trí mà mình có được không hơn không kém. Vì vậy, rõ ràng là có tầm quan trọng lớn lao khi trong buổi sinh thời, y khiến cho tư tưởng của mình chính xác đến mức tối đa bằng không y sẽ hạn chế rất nhiều tính hữu dụng của Devachan. Xét theo quan điểm này, Devachan là một thế giới của các hiệu quả chứ không phải là nguyên nhân, mỗi người đều bị hạn chế bởi sắc thái nhận thức cá biệt của mình và năng lực thẩm định của mình. Y càng có nhiều tiếp điểm với thế giới bên ngoài thì khởi điểm hoặc tiêu điểm phát triển càng có nhiều nơi Devachan.

Mặt khác, xét theo quan điểm của kiếp tới thì Devachan cốt yếu là một thế giới của nguyên nhân bởi vì trong đó mọi kinh nghiệm đều được đào luyện thành tính tình vốn sẽ được mang theo khi con người trở lại nhập thế. Như vậy, Devachan là kết quả trực tiếp của sự sống nhất như trên trần thế trong kiếp này và dọn đường cho sinh hoạt kiếp tới trên trần thế. Ta có thể nghiên cứu tốt nhất cách thức xác định và hạn chế tầm nhìn một người mà cửa sổ của y bắt buộc phải nhìn bằng cách xét một ví dụ có thực. Ta hãy xét trường hợp âm nhạc. Một người không có âm nhạc trong linh hồn ắt tuyệt nhiên không có cửa sổ theo hướng ấy. Tuy nhiên trong kiếp hiện tại, người nào có cửa sổ âm nhạc thì cũng thấy có một quyền năng ghê gớm. Mức độ mà y có thể đáp ứng được ắt tùy thuộc theo ba yếu tố. Khi theo đuổi sự tương tự là thủy tinh trong một cửa sổ thì ta có thể gọi ba yếu tố này là (1) kích thước của thủy tinh; (2) màu sắc của nó; (3) phẩm chất vật liệu của nó. Như vậy, nếu trong khi trên trần thế, con người chỉ có thể thẩm định được một lớp âm nhạc thôi thì bây giờ rõ rệt là y bị hạn chế trong chừng mực ấy. Ý niệm của y về âm nhạc cũng có thể nhuộm màu sao cho nó chỉ nhận vào một vài rung động của âm thanh hoặc chúng có thể mang những vật liệu tồi tàn đến nỗi làm méo mó và u ám mọi thứ đạt tới mình.

Tuy nhiên ta hãy giả định rằng cửa sổ của y là cửa sổ tốt đẹp và thông qua đó y sẽ nhận được ba tập hợp ấn tượng đặc biệt.

Một: Y ắt cảm thấy rằng âm nhạc vốn là biểu hiện sự chuyển động có thứ tự của các lực trên cõi này. Đằng sau ý niệm thơ mộng về “âm nhạc của các cõi” ắt có sự thật, vì trên các cõi cao mọi sự vận động và tác động đều tạo ra sự hài hòa về âm thanh và màu sắc. Mọi tư tưởng – tư tưởng của chính mình cũng như tư tưởng của mọi người khác - đều biểu hiện bằng cách này qua một loạt những hợp âm bao giờ cũng biến đổi dễ thương, thế nhưng không thể miêu tả được thể hiện thành một ngàn hạc cầm Aeolian. Biểu lộ âm nhạc của sự sống chói ngời thuộc cõi trời tạo thành một bối cảnh cho mọi trải nghiệm khác.

Hai: Trong số những cư dân của cõi hạ trí có một lớp chư thiên hoặc thiên thần vốn đặc biệt dành cho âm nhạc, và họ thường biểu hiện nhờ phương tiện âm nhạc tới mức đầy đủ hơn phương tiện khác. Tín đồ Ấn giáo gọi là Gandharvas. Người nào có năng khiếu âm nhạc chắc chắn thu hút sự chú ý của họ, ắt sẽ đến tiếp xúc với họ và với âm nhạc mà họ tạo ra, và chắc chắn sẽ thu hút được nhiều điều từ cái sự giao tiếp ấy bởi vì họ sẽ sử dụng đủ loại họa âm và biến thể mà trước kia y chưa hề biết tới. Bằng cách này, rốt cuộc y sẽ xuất lộ từ sinh hoạt trên cõi trời phong phú hơn nhiều so với khi y nhập vào.

Ba: Là y sẽ lắng nghe một cách chăm chú sắc sảo thường thức được âm nhạc của đồng loại mình trên cõi trời.

Nhiều nhà soạn nhạc ở đó, tuôn ra âm nhạc nhiều hơn mức bất kỳ thứ gì họ biết được trên trần thế. Thật vậy, nhiều sự cảm hứng của những nhạc sĩ trên trần thế chẳng qua chỉ là một tiếng vọng yếu ớt của âm nhạc trên cõi trí tuệ mà họ đã mơ hồ cảm thấy được.

Kinh nghiệm của một người đã từng là họa sĩ cũng giống như thế. Y ất cũng có ba khả năng tương tự:

[1] Y ất nhận thức được trật tự tự nhiên của cõi này biểu hiện qua màu sắc cũng như âm thanh.

[2] Y ất nhận thức được ngôn ngữ màu sắc của chư thiên là một cấp sinh linh giao tiếp với nhau qua những tia chớp lóe màu sắc rực rỡ.

[3] Y ất nhận thức được những sáng tạo màu sắc của các họa sĩ tài ba trên cõi trí tuệ.

Cũng những khả năng ấy chỉ thay đổi xét về chi tiết đều mở ra cho con người nhập Devachan theo mọi hướng khác về nghệ thuật hoặc tư tưởng sao cho y có thể vui hưởng và học tập được vô tận.

Khi xét tới tác động và phản tác động giữa con người nhập Devachan và hình tư tưởng mà y tạo ra về bạn mình thì ta cần xét tới hai yếu tố: [1] mức độ phát triển của chính người ấy; [2] trình độ phát triển của người bạn.

Nếu bản thân của người ấy kém phát triển thì hình ảnh mà y tạo ra về bạn bè mình ắt là bất toàn, có nhiều đức tính cao thượng của người bạn chưa được biểu hiện. Vì thế cho nên Chơn ngã của người bạn cũng chẳng dùng được hình ảnh ấy bao nhiêu vì trong đó chẳng có thứ gì để cho y có thể biểu diễn một số đức tính của mình thông qua đó.

Tuy nhiên, ngay cả khi người bạn được biểu hiện ở mức độ tồi tệ nhất qua một hình tư tưởng thì nó cũng phong phú hơn và thỏa đáng hơn nhiều so với mức đã từng đạt được trong sinh hoạt cõi trần. Đó là vì trong sinh hoạt trên cõi trần ta chỉ thấy được một phần người bạn của mình; hiểu biết của ta về những người bạn ấy bao giờ cũng phải cực kỳ thiếu sót. Và sự hiệp thông của ta với họ ắt không hoàn hảo, ngay cả khi ta tin rằng mình thật sự biết hết về người bạn thì ta cũng chỉ biết được một phần của y đang nhập thế, còn biết bao nhiêu điều khác ẩn đằng sau Chơn ngã của y mà ta chưa thể đạt tới được.

Thật vậy, nếu ta có thể nhìn thấy được bằng thần nhãn của thể trí thì trọn cả người bạn ta có lẽ cũng hoàn toàn không thể nhận ra được; chắc chắn y không phải là cái người mà ta đã từng nghĩ là mình trước kia đã biết.

Mặt khác, nếu chính người bạn lại đang chậm phát triển thì ngay cả khi tạo ra được một hình tư tưởng tốt đẹp nơi người bạn cũng không có đủ mức phát triển khiến cho y lợi dụng đúng mức được hình tư tưởng ấy, nghĩa là y không thể lấp đầy trọn vẹn được hình ảnh của chính mình do người khác tạo ra. Tuy nhiên, điều này khó có thể xảy ra và chỉ có thể xảy ra khi một đối tượng hoàn toàn không xứng đáng lại được thần tượng hóa một cách thiếu minh triết. Ngay cả khi ấy thì người tạo ra hình tư tưởng cũng chẳng thấy có gì thay đổi hoặc thiếu sót nơi bạn của mình bởi vì người bạn hiện nay *tốt hơn* nên có thể hoàn thành lý tưởng của mình nhiều hơn mức y đã từng đạt được trong sinh hoạt trên trần thế. Vì vậy cho nên niềm vui của người bạn nơi Devachan tuyệt nhiên không hề giảm bớt.

Trong khi một Chơn ngã có thể lấp đầy hàng trăm hình tư tưởng bằng những đức tính mà mình có được thì y lại không thể đột ngột tiến hóa và biểu diễn một đức tính mà y chưa phát triển chỉ vì một người nào đó đã tưởng tượng rằng y đã phát triển được nó. Vì thế cho nên mới có lợi ích lớn lao trong việc tạo ra hình tư tưởng của những đấng (chẳng hạn như các Chơn sư) vốn có thể vươn lên thậm chí vượt quá quan niệm cao siêu nhất mà hạ trí có thể tạo dựng được. Trong trường hợp một Chơn sư, một con người bị thu hút về một tâm sâu tình thương và quyền năng mà cái máy dò hạ trí của y chưa bao giờ dò ra được.

Nhưng trong bất cứ trường hợp nào thì ta cũng đạt tới được Chơn ngã của người bạn ấy bằng tình luyện ái và bất kể trình độ phát triển của y đến đâu đi nữa thì nó cũng ngay tức khắc đáp ứng qua việc tuôn đổ vào trong hình tư tưởng được tạo ra. Cho dù hình tư tưởng có được tạo ra yếu ớt đến đâu đi chăng nữa trên cõi hạ trí thì trường hợp này Chơn ngã cũng dễ dàng đạt tới được nó hơn là đạt tới thể xác vốn ở thấp hơn nó hai cõi.

Nếu người bạn vẫn còn sống trong thể xác thì dĩ nhiên trong ý thức tinh táo nơi cõi trần y hoàn toàn chẳng biết gì về việc Chơn ngã của mình đang vui hưởng sự biểu lộ thêm nữa; nhưng điều này tuyệt nhiên không ảnh hưởng tới việc rằng sự biểu lộ ấy mang tính cách có thực hơn và bao hàm một mức độ gần đúng hơn với Chơn ngã của y so với phạm ngã trên cõi trần là tất cả những gì mà hầu hết chúng ta cho đến nay có thể nhìn thấy được.

Xét theo tất cả những điều nhận xét ấy, suy ra rằng một người nói chung là dễ thương, thật sự kết bạn với nhiều người ắt có một số lớn hình tư tưởng do bạn bè mình tạo ra trên Devachan và như vậy y sẽ tiến hóa nhanh hơn một người phạm phu. Kết quả này dĩ nhiên là kết quả nghiệp báo phát triển của y giúp y có được những đức tính khiến y dễ thương như vậy.

Học viên hiện nay ắt rõ ràng nhận thức được tại sao phạm ngã mà ta biết trên cõi trần lại không đàm đạo được với bạn bè của mình nơi Devachan. Nhưng Chơn hơn tức Chơn ngã, lại làm được điều ấy vì tác động qua hình tư tưởng mà bạn bè mình tạo ra trên cõi hạ trí.

Có lẽ ta sẽ trình bày nguyên tắc này rõ ràng hơn nữa qua một ví dụ thực tiễn. Giả sử một người mẹ vốn có quan niệm tôn giáo khá hẹp hòi, chết đi bỏ lại một đứa con gái thân thương, và đứa con gái ấy sau này mở rộng được tâm ý thức tôn giáo của mình. Người mẹ ắt tiếp tục tưởng tượng rằng con gái mình vốn vẫn còn mang tính chính thống, và bà ắt chỉ thấy được tư tưởng của con gái mình biểu hiện cũng dễ dàng qua những ý niệm chính thống; bà không thể lĩnh hội được những quan niệm tôn giáo rộng rãi hơn mà con gái mình giờ đây đã chọn theo.

Nhưng xét về mặt Chơn ngã của đứa con gái lợi dụng được điều mà phạm ngã đã học hỏi thì về phần bà có khuynh hướng dần dần mở rộng và hoàn thiện những quan niệm của bà mẹ mặc dù bao giờ cũng theo đường lối mà bà mẹ quen thuộc. Giữa đôi bên không có ý thức về sự khác nhau qua ý kiến và cũng không tránh né những đề tài tôn giáo.

Những nhận xét nêu trên áp dụng cho một người có trình độ phát triển bình thường. Trong trường hợp một người tiên tiến hơn vốn đã có ý thức nơi thể nguyên nhân thì y ắt hạ cố một cách *có ý thức* phóng chiếu vào hình tư tưởng mà người bạn nhập Devachan cung cấp cho mình coi đó là một thể trí phụ trợ và hoạt động thông qua nó một cách chăm chú nhất định. Nếu y ngẫu nhiên có được thêm kiến thức thì như vậy y có thể trực tiếp và cố tình giao tiếp, truyền thụ cho bạn mình. Bằng cách này các Chơn sư tác động lên đệ tử khi họ sinh hoạt trên cõi trời và làm thay đổi tính tình của họ rất nhiều.

Như vậy, một người tạo ra cho mình một hình tư tưởng của Chơn sư ắt có thể lợi dụng được rất nhiều, mà ảnh hưởng của Chơn sư có thể tuôn xuống hình tư tưởng ấy để nhận được sự giáo huấn và giúp đỡ nhất định.

Hai người bạn có thể biết rõ về nhau trên cõi trí tuệ hơn mức có thể được khi họ sinh hoạt trên cõi trần vì mỗi người giờ đây chỉ có một bức màn che duy nhất là thể hạ trí phủ lên trên Chơn ngã. Nếu một người nhập Devachan chỉ biết một khía cạnh của bạn mình trong khi sinh hoạt trên cõi trần thì cũng chỉ thông qua khía cạnh ấy người bạn mới có thể biểu hiện được trên cõi trời. Nhưng mặc dù y phần lớn là bị hạn chế vào khía cạnh ấy, song y có thể biểu diễn khía cạnh ấy của mình đầy đủ hơn và thỏa đáng hơn bao giờ hết; thật vậy sự

biểu diễn ấy đầy đủ hơn mức con người đang ở Devachan có thể thấy được trên các cõi thấp.

Ta đã thấy một kẻ phạm phu nhập Devachan sống trong một lớp vỏ bao gồm những tư tưởng của chính mình; như vậy y đã hoàn toàn nhốt mình ra khỏi phần còn lại của thế giới, nghĩa là cả cõi hạ trí lẫn cõi thấp hơn. Nhưng mặc dù y bị khép kín không hưởng thụ trọn vẹn được những khả năng của cõi trí tuệ, song y tuyệt nhiên không hề có ý thức về bất cứ sự hạn chế nào đối với các hoạt động hoặc xúc cảm của mình. Ngược lại, y tràn đầy cực lạc đến mức tối đa mà mình có thể đạt được và y không thể tin nổi có bất kỳ niềm vui nào lớn hơn niềm vui mà bản thân mình đang trải nghiệm.

Vậy là mặc dù y đã khép kín trong một vài giới hạn nào đó, song y hoàn toàn không có ý thức về những giới hạn này và trong nội bộ giới hạn ấy, y có được mọi thứ mà mình có thể ham muốn hoặc suy nghĩ. Y đã bao xung quanh mình bằng hình tư tưởng của bạn mình và thông qua những hình tư tưởng này, y thật sự tiếp xúc mật thiết hơn với các bạn so với bất kỳ lúc nào trên bất kỳ cõi nào khác.

Người nhập Devachan không hề quên rằng có một thứ gì đó là đau khổ, bởi vì y còn nhớ rõ kiếp đã qua của mình; nhưng giờ đây y hiểu được nhiều điều vốn rõ rệt khi y còn ở trên cõi trần và niềm vui hiện tại đối với y lớn đến nỗi sự phiền não dường như chỉ là một giấc mơ đối với y.

Lớp vỏ trên cõi hạ trí có thể sánh với vỏ một quả trứng trên cõi trần. Cách duy nhất để đưa bất cứ thứ gì vào trong vỏ trứng mà không phá vỡ nó là tuôn đổ thứ ấy từ một chiều đo cao hơn hoặc tìm ra một lực có rung động đủ tinh vi để thâm nhập vào giữa các hạt tạo thành lớp vỏ mà không làm nhiễu loạn chúng. Điều này cũng đúng đối với lớp vỏ hạ trí; bất cứ rung động vật chất nào thuộc cõi hạ trí đều không thể thâm nhập vào nó, nhưng các rung động thanh bai hơn vốn thuộc về Chơn ngã có thể đi xuyên qua nó mà tuyệt nhiên không làm nhiễu loạn nó; điều này nghĩa là ta có thể tự do tác động lên nó từ bên trên chứ không phải từ bên dưới.

Từ đó suy ra hai tác dụng: [1] những rung động do con người trong lớp vỏ phóng ra từ thể hạ trí không thể tác động trực tiếp lên thể trí của bạn mình, cũng không thể sản sinh ra một hình tư tưởng đi xuyên qua không gian và bám lấy người bạn theo kiểu bình thường. Điều này chỉ có thể xảy ra nếu người ấy có thể di chuyển tự do và hữu thức trên cõi trí tuệ, mà điều này dĩ nhiên là y không thể thực hiện được; [2] những tư tưởng của người bạn cũng có thể đến với con người đang ở trong lớp vỏ Devachan giống như khi y đang sinh hoạt bình thường trên cõi hồng trần hoặc cõi trung giới.

Vì thế cho nên ta thấy rằng mọi khó khăn do lớp vỏ hạ trí gây ra xung quanh con người nhập Devachan hoàn toàn bị khắc phục theo bản chất là phương pháp tác động trực tiếp của Chơn ngã lên hình tư tưởng mà con người đã tạo ra. Xét theo tình huống con người nhập Devachan thì suy ra rằng y không còn có thể bị triệu hồi về trần thế bằng những phương pháp của Thân linh học.

Mặc dù người nhập Devachan không dễ dàng chịu ảnh hưởng từ bên ngoài, thế nhưng kẻ nào có thể chuyển sang cõi hạ trí với ý thức hoàn toàn trọn vẹn đều có thể ảnh hưởng tới những người nhập Devachan trong một chừng mực nào đó. Vậy là y có thể làm cho những tư tưởng luyện ái chẳng hạn tràn ngập lên những người ấy, và mặc dù cho đến nay những tư tưởng ấy không thể thâm nhập vào những lớp vỏ để khiến cho những người bên trong những lớp vỏ ý thức được tác giả của những tư tưởng này; thế nhưng luồng luyện ái vẫn có thể tác động lên những người đang ở trong lớp vỏ chẳng khác nào hơi ấm của mặt trời có

thể tác động lên mầm sống bên trong quả trứng, đẩy nhanh quá trình đâm chồi nảy lộc của nó và tăng cường bất kỳ cảm giác khoái lạc nào mà giả sử rằng nó có thể có được.

Nếu người ấy là một kẻ bất khả tri hoặc một nhà duy vật thì việc y không tin vào kiếp sống tương lai tuyệt nhiên không ngăn cản y trải nghiệm sinh hoạt trên cõi trung giới hoặc cõi hạ trí cũng giống như bất kỳ người nào khác; đó là vì việc một người không tin vào kiếp sống tương lai rõ ràng không thể làm thay đổi sự kiện trong thiên nhiên. Nếu người ấy đã sống một cuộc đời vị tha thì các lực mà y sản sinh ra ắt phải được thể hiện, và điều này chỉ có thể diễn ra trên cõi hạ trí nghĩa là nơi Devachan.

Đĩ nhiên nơi Devachan không có sự mệt mỏi, chỉ thể xác mới đã từng trở nên mệt mỏi. Khi ta nói mệt trí thì chính bộ óc bị mệt chứ cái trí không bị mệt.

Sự kiện cái trí của ta chỉ lĩnh hội được ba chiều đo thôi trong khi trên cõi trung giới có bốn chiều đo và cõi hạ trí có năm chiều đo, khiến ta khó miêu tả chính xác được vị trí trong không gian của những người đã rời bỏ sinh hoạt trên cõi trần. Một số người có khuynh hướng lơ xung quanh ngôi nhà trên trần thế của mình để tiếp xúc với những người bạn còn sinh hoạt trên cõi trần và những nơi mà họ đã từng biết; mặt khác còn có những người có khuynh hướng trôi nổi đi khuất mắt và tìm ra cho bản thân xét theo tỉ trọng riêng một cảnh giới cách xa rất nhiều so với mặt đất.

Như vậy, chẳng hạn kẻ phàm phu chuyển vào sinh hoạt trên cõi trời có khuynh hướng trôi nổi lên tới một khoảng cách đáng kể trên mặt đất, mặc dù mặt khác một số người như vậy lại bị thu hút về cảnh giới của ta. Thế nhưng nói chung thì ta có thể coi như cư dân trên cõi trời sinh hoạt trong một hình cầu hoặc một vùng bao xung quanh trái đất. Ngoại trừ những người rất tiên tiến thì mọi người đều tuyệt đối cần sinh hoạt trên cõi trời, bởi vì chỉ trong những tình huống ấy thì hoài bão mới có thể được phát triển thành năng lực và kinh nghiệm mới được đào luyện thành minh triết. Sự tiến bộ mà linh hồn đã tạo ra như thế vốn lớn hơn hẳn so với mức độ có thể được, nếu bằng một phép lạ nào đẩy người ta vẫn có thể ở lại nhập thể trong xác phàm trọn cả thời gian.

Nhưng đối với người tiên tiến đang tiến bộ nhanh chóng thì đôi khi người ta có thể từ bỏ sinh hoạt cực lạc nơi cõi trời – đôi khi được gọi là xả bỏ Devachan – giữa hai kiếp nhập thể để trở về thi hành công tác trên cõi trần một cách nhanh chóng hơn. Nhưng không một người nào được phép xả bỏ một cách mù quáng điều mà mình còn chưa biết, cũng không thể đi chệch ra khỏi lộ trình tiến hóa bình thường trừ phi và cho đến khi nào đã chắc chắn được rằng một sự đi chệch như vậy ắt có ích lợi tối hậu cho y.

Qui tắc chung là không ai chối bỏ Devachan chừng nào y còn chưa trải nghiệm nó trong buổi sinh thời, nghĩa là chừng nào y còn chưa đủ phát triển để có thể nâng tâm thức lên tới cõi ấy rồi mang lại cho bản thân một kỷ ức rõ ràng và đầy đủ về sự vinh quang của Devachan. Điều này có lý do là vì chính sinh hoạt của phàm ngã với môi trường quen thuộc xung quanh cá nhân vốn được tiến hành nơi các cõi trời thấp; vì vậy trước khi xảy ra sự xả bỏ, *phàm ngã* phải ngộ ra được thật rõ rệt mình phải xả bỏ cái gì, hạ trí phải đồng ý với thượng trí về đề tài này.

Qui tắc chung này có một ngoại lệ biểu kiến. Trong tình hình phát triển nhân tạo và lệch lạc theo một mặt mà ta gọi là nền văn minh hiện đại, thiên hạ không luôn luôn phát triển một cách hoàn toàn chính qui và bình thường; người ta đã phát hiện có những trường hợp có một số lượng đáng kể ý thức trên cõi hạ trí được liên kết thỏa đáng với *sinh hoạt trên cõi trung giới*, thế nhưng không một kiến thức nào về điều ấy tuyệt nhiên đã từng lọt xuống *bộ óc phàm*. Những trường hợp như thế rất hiếm có mặc dù chúng chắc chắn là vẫn có. Tuy nhiên chúng cũng không phải ngoại lệ đối với nguyên tắc được thể hiện trong qui tắc chung,

nghĩa là *phàm ngã* phải thực hiện sự xả bỏ. Đó là vì trong những trường hợp này, sinh hoạt trên cõi trung giới ắt là sinh hoạt với ý thức đầy đủ và hoàn toàn dành cho phàm ngã, cho dầu không một ký ức nào về điều ấy đã từng thâm nhập vào ý thức thuần túy của cõi trần. Như vậy, phàm ngã vẫn thực hiện việc xả bỏ nhưng thông qua tâm thức trên cõi trung giới thay vì thông qua ý thức trên cõi trần như hầu hết mọi trường hợp. Những trường hợp như vậy hầu như không có khả năng xảy ra, ngoại trừ trong số những người ít ra đã là đệ tử đệ bị của Chon su.

Một người muốn thực thi chiến tích vĩ đại xả bỏ Devachan ắt phải làm việc tha thiết cực lực để biến mình thành một công cụ xứng đáng trong tầm tay của những Đấng trợ giúp thế gian và phải sốt sắng tận tụy lao vào làm việc vất vả vì ích lợi tinh thần của những người khác.

Một người đủ tiên tiến để được phép xả bỏ Devachan lẽ ra rõ ràng là có thể trải nghiệm một sinh hoạt kéo dài rất lâu trên cõi trời; vậy thì y có thể tiêu tốn kho dự trữ thần lực này theo một hướng khác vì ích lợi của loài người, vậy là tham gia dù chỉ nhỏ nhoi thôi vào công trình của các đấng Nirmānakāya.

Khi một đệ tử đã quyết định làm như vậy thì y chờ đợi trên cõi trung giới cho đến khi Chon su có thể dàn xếp cho y một sự nhập thể thích hợp. Trước khi có thể toan tính làm như vậy, y phải được phép của một đấng có thẩm quyền rất cao. Ngay cả khi được phép như vậy, sức mạnh của định luật thiên nhiên mãnh liệt đến nỗi nghe đâu đệ tử phải hạn chế mình vào cõi trung giới, kéo một khi y đã tiếp xúc với cõi Devachan cho dầu chỉ một lúc thôi thì y lại có thể bị một dòng thần lực vô địch lôi cuốn vào đường lối tiến hóa bình thường. Trong một số trường hợp, mặc dù cũng hiếm hoi, con người được phép tiếp thu một thể xác của người lớn mà kẻ cư trú trước kia trong đó không còn sử dụng nó nữa, nhưng dĩ nhiên thể xác này thường không phải là thể xác thích hợp sẵn có.

Một con thú đã đạt mức biệt lập ngã tính, sau khi chết trên cõi trần và cõi trung giới thường có một sinh hoạt rất lâu dài mặc dù khá ư là mơ mộng nơi cõi trời thấp. Tình trạng của nó đôi khi được gọi là tâm thức ngủ chập chờn và tương tự như tình trạng của một người cũng trên cảnh giới ấy mặc dù hoạt động hạ trí kém hẳn. Nó bị vây quanh bởi những hình tư tưởng của chính mình, cho dầu nó chỉ có ý thức lơ mơ về chúng; và những thứ này dĩ nhiên bao gồm cả hình tư tưởng của những người bạn trên trần thế của nó với những tâm trạng tốt nhất và đồng cảm nhất. Những hình tư tưởng này dĩ nhiên khơi dậy sự đáp ứng từ Chon ngã của bạn nó theo cách thông thường. Con thú vẫn cứ ở tình trạng miêu tả như trên cho đến khi trong một thể giới tương lai nào đó nó khoắc lấy hình tượng của con người.

Sự biệt lập ngã tính (nhờ đó con thú vươn lên tận giới nhân loại) đạt được do liên kết với con người, trí thông minh và lòng luyến ái của con thú được phát triển tới mức cần thiết do nó quan hệ thân mật với người bạn mang xác người. Nhưng ta đã bàn tới vấn đề này ở Chương XIII.

CHƯƠNG XXIII

CÔI TRỜI THỨ NHẤT: cảnh giới thứ bảy

Mặc dù hiện nay ta ắt thấy rằng mỗi một trong bảy cõi trời thấp đều có đặc trưng của mình, nhưng ta không được giả định rằng con người phân chia sinh hoạt trên cõi trời giữa các cảnh giới khác nhau tùy theo những đặc trưng mà mình có thể đã phát triển được. Ngược lại, như ta đã nêu rõ ngắn gọn trước kia, một người thức tỉnh nơi Devachan ở cảnh

giới vốn tương ứng sát nút nhất với mức độ phát triển của mình và y trải qua sinh hoạt trọn vẹn trong thể trí nơi cảnh giới ấy. Điều này có lý do là vì cảnh giới cao có thể luôn luôn *bao hàm* phẩm chất của các cảnh giới thấp cũng như những phẩm tính đặc thù của mình; và khi nó đạt được như vậy thì các cư dân của nó hầu như luôn luôn có những phẩm chất này với mức độ trọn vẹn hơn các linh hồn trên cảnh giới thấp.

Cõi trời thấp nhất trên cảnh giới thứ bảy có đặc trưng chủ yếu là lòng luyến ái với gia đình và bạn bè; dĩ nhiên lòng luyến ái ấy phải mang tính vị tha nhưng thường nó hơi hẹp hòi một chút. Tuy nhiên ta không được giả định rằng tình thương chỉ bị hạn chế vào cõi trời thấp nhất, mà nói cho đúng hơn thì dạng luyến ái này là hình thức cao nhất mà những người thuộc cảnh thứ bảy có thể biểu hiện được. Trên những cảnh cao hơn ta ắt thấy tình thương thuộc một loại hình cao quý hơn và cao thượng hơn nhiều.

Ta nên mô tả một vài ví dụ tiêu biểu của cư dân thuộc cảnh thứ bảy. Có một ví dụ là một tiểu thương ngay thẳng và khả kính nhưng không phát triển về trí năng hoặc có ý thức tôn giáo.

Mặc dù có lẽ y vẫn đi nhà thờ đều đặn nhưng tôn giáo đối với y đã là một loại đám mây mờ mịt mà y thực ra không hiểu được nó liên quan như thế nào với việc làm ăn trong sinh hoạt hằng ngày và y chưa bao giờ xét tới nó trong khi quyết định những vấn đề làm ăn. Vì vậy trong khi y không có lòng sùng tín sâu sắc thì tuy nhiên y lại có lòng luyến ái nồng nhiệt đối với gia đình. Chúng vốn thường xuyên trong tâm trí y và y hoạt động trong tiệm buôn của mình vì gia đình nhiều hơn vì bản thân. Môi trường xung quanh y nơi Devachan ắt không thuộc loại có kỷ cương nhiều lắm; song lẽ y đã hạnh phúc cực lực đến mức tối đa và y đã phát triển được những đặc trưng vị tha ắt sẽ được kiến tạo vào linh hồn y thành ra những phẩm tính thường trụ.

Những trường hợp tiêu biểu khác là trường hợp một người từ trần trong khi con gái duy nhất của mình vẫn còn nhỏ tuổi. Nơi Devachan của y, cô con gái luôn luôn kè kè bên cạnh y ở mức tốt đẹp nhất trong khi y không ngừng dặt nên mọi loại bức tranh đẹp để vì tương lai của con gái. Một trường hợp khác là trường hợp một cô gái trẻ luôn luôn đắm mình lặng ngẫm sự hoàn hảo đa diện của cha mẹ, hoạch định những điều kinh ngạc nhỏ nhỏ và những thú vui mới mẻ cho cha. Trường hợp khác là một phụ nữ người Hi Lạp hạnh phúc tuyệt vời với ba đứa con, một đứa là một cậu trai kháu khỉnh mà bà rất vui sướng khi tưởng tượng nó chiến thắng trong Thế vận hội.

Một đặc trưng đặc biệt của cảnh giới này trong vòng vài thế kỷ vừa qua là ở đó có rất nhiều người La Mã, Carthagina và người Anh do bởi sự kiện trong đám người thuộc quốc gia này hoạt động vị tha chính yếu có được lối thoát qua tình luyến ái gia đình. Trên cảnh giới này có tương đối ít tín đồ Ấn giáo hoặc Phật giáo bởi vì trong trường hợp của họ xúc cảm tổng quát thật sự thường gia nhập ngay vào sinh hoạt hằng ngày của họ; do đó đưa họ lên một mức cao hơn.

Trong số những trường hợp mà ta quan sát thấy có hầu như vô số biến thể mà những mức độ tiến bộ khác nhau có thể phân biệt được do những mức độ chói sáng khác nhau, trong khi những sự khác nhau về màu sắc biểu thị những phẩm tính mà những người ấy đã phát triển được. Một số người là những tình nhân đã chết khi tình còn dang dở, và như vậy họ luôn luôn quan tâm tới người mà mình yêu thương đến mức loại trừ tất cả những người khác. Còn có những người khác hầu như vẫn còn dã man, thế nhưng họ đã có một chút xiu nào đó hành động vị tha.

Trong tất cả những trường hợp này thì tình luyến ái là yếu tố duy nhất nơi hoạt động trong sinh hoạt phạm ngã của họ vốn có thể biểu hiện ra trên cõi hạ trí. Trong hầu hết mọi

trường hợp quan sát được trên cõi này, những hình tư tưởng còn lâu mới hoàn hảo và do đó chơn ngã của những người bạn hữu quan chỉ có thể biểu hiện một cách tồi tàn thông qua đó. Nhưng ngay cả ở mức tồi nhất như ta đã từng giải thích ở một Chương trước kia, thì sự biểu hiện ấy vẫn trọn vẹn hơn và thỏa đáng hơn bao giờ hết khi sinh hoạt trên cõi trần.

Đối với những người thuộc cảnh thấp nhất của cõi trời thì không có nhiều vật liệu để có thể đào luyện thành năng lực và sinh hoạt của họ chẳng qua chỉ tiến bộ rất ít. Lòng luyện ái gia đình của họ sẽ được nuôi dưỡng và mở rộng ra một chút, và sẽ được tái sinh với bản chất xúc động hơi được cải tiến, có thêm khuynh hướng nhận ra và đáp ứng với một mức độ cao hơn.

CHƯƠNG XXIV

CÔI TRỜI THỨ NHÌ: cảnh giới thứ sáu

Ta có thể mô tả đặc trưng nổi bật của cảnh giới thứ sáu trên cõi trời là lòng sùng đạo mang tính nhân hình. Dường như có một sự tương ứng nào đó giữa cảnh này của cõi trời và cảnh giới thứ nhì của cõi Trung giới; sự khác nhau là ở chỗ trên cõi Trung giới bao giờ cũng có một yếu tố ích kỷ, mặc cả trong lòng sùng đạo, còn trên cõi trời là sùng tín dĩ nhiên hoàn toàn thoát khỏi bất kỳ vết nào như vậy.

Mặt khác, giai đoạn sùng tín này vốn cốt yếu ở nơi việc thường xuyên sùng bái một đấng thiêng liêng cá nhân, ắt phải được phân biệt với những dạng sùng tín cao cấp hơn vốn biểu hiện qua việc thực thi một công trình nhất định nào đó vì ích lợi của đấng thiêng liêng. Một vài ví dụ sẽ cho ta thấy những sự phân biệt này.

Khá nhiều thực thể trên cảnh này bắt nguồn từ các tôn giáo Đông phương, chỉ có điều những người ấy bao gồm nơi lòng sùng tín thuần túy, nhưng tương đối ít lý luận và kém thông minh. Ở đây ta thấy có những người sùng bái Vishnu và những người sùng bái Shiva, mỗi người cuốn mình trong lớp vỏ kén tư tưởng của chính mình, chỉ một mình đối diện với thần linh, quên hết toàn thể loài người còn lại, ngoại trừ trong mức độ lòng luyện ái của y có thể liên kết với những người y yêu thương trên trần thế kèm theo lòng sùng bái đấng thiêng liêng của y. Ta quan sát thấy một người tôn thờ Vishnu hoàn toàn đắm mình vào việc xuất thần sùng bái chính hình ảnh của đấng Vishnu mà y đã từng cung hiến trong buổi sinh thời.

Phụ nữ tạo thành đại đa số cư dân thuộc cảnh giới này và cung ứng một trong những ví dụ đặc trưng nhất. Ngoài những người khác ra còn có một người phụ nữ Ấn Độ đã vinh danh chồng mình thành ra một đấng thiêng liêng, bà cũng nghĩ rằng hài đồng Krishna đang chơi với con của chính mình; nhưng trong khi con bà hoàn toàn mang xác người và có thực thì hài đồng Krishna rõ rệt chẳng qua chỉ là giống như một hình ảnh màu xanh lơ làm bằng gỗ được cấp cho năng lượng sinh hoạt. Krishna cũng xuất hiện trong cõi trời của bà là một thanh niên ẻo lả như phụ nữ đang thổi sáo; nhưng bà tuyệt nhiên không bối rối trước sự biểu lộ thành ra hai hình tướng khác nhau này.

Một người phụ nữ khác tôn thờ Shiva, coi chồng mình là một biểu lộ của thần Shiva sao cho người này dường như thường xuyên biến đổi thành người kia.

Ta cũng thấy trên cảnh giới này có một số Phật tử, nhưng xét theo biểu kiến thì chỉ là những người thất học vốn coi Đức Phật là một đối tượng để sùng bái hơn là một bậc đại đạo sư.

Ta thấy ở đây có nhiều Ki Tô hữu chẳng hạn như một người nông dân thất học là tín đồ Công giáo La Mã lòng tràn đầy sự sùng tín, thiếu tri thức hoặc một chiến sĩ chân thành

tha thiết thuộc Đội quân Cứu thế. Ta thấy một nông dân Ái Nhĩ Lan đắm mình vào sự kính ngưỡng sâu sắc nhất về Đức Mẹ Đồng Trinh Maria mà y hình dung là đứng trên mặt trăng dang tay ra nói chuyện với y. Người ta quan sát thấy một tu sĩ thời trung cổ đang xuất thần lặng ngẫm ngắm Ki Tô bị đóng đinh trên thập tự giá, lòng sùng đạo và tình thương khao khát của ông mạnh đến nỗi khi ông thấy máu nhỏ ra từ vết thương trong hình ảnh của đấng Ki Tô thì những thánh tích ấy được mô phỏng lại trên thẻ trí của chính ông. Một người khác chỉ nghĩ đến đấng Ki Tô được vinh danh trên ngai, trước mặt ngài là một biển pha lê và xung quanh ngài là vô số những người sùng bái, trong số đó có bản thân ông đứng bên cạnh vợ và gia đình. Mặc dù tình yêu của ông đối với quyền thuộc rất sâu đậm, thế nhưng tư tưởng của ông lại bận bịu nhiều hơn với việc sùng bái đấng Ki Tô cho đến nỗi quan niệm của ông về đấng thiêng liêng mang tính duy vật đến nỗi ông hình dung mình thường xuyên biến đổi như kính vạn hoa, trở đi trở lại giữa hình dáng của một con người và một con chiên phát ngọn cờ như ta thường thấy được biểu diễn qua những khung cửa sổ của nhà thờ.

Có một trường hợp thú vị là một người nữ tu người Tây Ban Nha đã từ trần vào khoảng 19 tuổi. Trên thiên đường cô tưởng tượng bản thân mình đi kè kè theo đấng Ki Tô trong đời sinh hoạt của ngài mà các Phúc âm đã thuật lại và sau khi ngài bị đóng đinh trên thập tự giá thì cô lại chăm sóc Đức Mẹ Đồng Trinh Maria. Việc cô hình dung ra phong cảnh và quần áo của người Palestine hoàn toàn không chính xác, Đấng Cứu Thế và các môn đồ mặc quần áo của nông dân Tây Ban Nha, còn khu đồi xung quanh Jerusalem là vùng núi non có trồng các vườn nho, những cây ô liu lại treo lủng lẳng lớp rêu màu xám của Tây Ban Nha. Cô nghĩ rằng bản thân mình rất cuộc tử vì đạo rồi thăng thiên, thế nhưng cô chỉ sống đi sống lại cái đời sinh hoạt mà cô cảm thấy thích thú xiết bao.

Một đứa trẻ chết vào lúc lên 7 tuổi bận tâm với việc trên cõi trời đóng lại vai tuồng trong những câu chuyện tôn giáo mà người bảo mẫu Ái Nhĩ Lan kể cho nó nghe. Nó thích nghĩ tới bản thân đang chơi đùa với Chúa Hài Đồng Jesus và giúp Chúa làm ra những con chim sẻ bằng đất sét mà theo huyền thoại đấng Ki Tô đã dùng quyền năng khiến cho nó trở nên sống động rồi cất cánh bay lên.

Cho đến một người là kẻ duy vật và bất khả tri thì y vẫn còn có thể có sinh hoạt trên cõi trời miễn là y có lòng sùng tín. Đó là vì tình duyên ái gia đình vị tha sâu sắc cũng như nỗ lực tha thiết về lòng nhân ái cũng là những luồng năng lượng lớn đổ ra cho nên phải tạo ra kết quả và kết quả ấy không được tạo ra ở đâu khác hơn là cõi hạ trí.

Ta ắt thấy rằng lòng sùng tín mù quáng không hề lý luận mà ta đã nêu ra các ví dụ bất cứ lúc nào cũng không thể đưa tín đồ lên tới bất cứ đỉnh cao tâm linh vĩ đại nào; nhưng dĩ nhiên người ta vẫn hoàn toàn hạnh phúc và mãn nguyện bởi vì họ nhận được điều cao siêu nhất mà họ có thể đánh giá cao được. Một sinh hoạt trên cõi trời như thế đâu phải không có một tác dụng rất tốt đối với đời sinh hoạt tương lai của họ. Đó là vì mặc dù trong hầu hết mọi trường hợp chỉ sùng tín không thôi chẳng bao giờ giúp phát triển được trí năng, thế nhưng nó cũng tạo ra một năng lực gia tăng để có một dạng sùng tín cao hơn và nó cũng khiến cho cuộc sống được thanh khiết. Vì vậy, người nào vui hưởng cảnh thiên đường như vừa được mô tả rất có thể là không tiến bộ nhanh chóng, thế nhưng ít ra cũng được ngăn ngừa khỏi nhiều nguy cơ bởi vì trong kiếp tới ít có khả năng y sẽ sa đọa vào bất kỳ tội lỗi thô tục nào, hoặc là bị thu hút từ những hoài bão sùng tín sang một sinh hoạt mê tục chỉ biết có hà tiện, đầy tham vọng hoặc ăn chơi đàng điếm.

Thế nhưng việc lược qua cảnh giới thứ sáu rõ rệt là đã chú trọng tới sự cần phải noi theo lời khuyên của thánh Phê rô: “Ngoài đức tin ra con nên có thêm đức hạnh, và ngoài đức hạnh ra con nên có thêm tri thức”.

CHƯƠNG XXV

CÔI TRỜI THỨ BA: cảnh giới thứ năm

Ta có thể mô tả đặc trưng chủ yếu của mức này trên cõi trời là lòng sùng tín biểu hiện thành công việc hoạt động. Đây đặc biệt là cõi để thực thi những kế hoạch đồ sộ và những bản thiết kế chưa thực hiện được trên trần gian, để có những tổ chức lớn lao được linh hứng qua lòng sùng đạo và thường có mục tiêu là một mục đích từ thiện nào đó. Tuy nhiên ta phải nhớ rằng khi ta vươn lên cao hơn thì ắt có thêm sự phức tạp và đa diện sao cho xảy ra nhiều sự biến thiên và ngoại lệ vốn không dễ dàng gì được xếp vào trong đề mục tổng quát của cõi này nói chung.

Một trường hợp điển hình hơi trên mức trung bình là trường hợp một người có lòng sùng đạo sâu sắc, người ta thấy y tiến hành một kế hoạch đồ sộ mà chính y đã nghĩ ra để cải thiện đời sống của giai cấp nghèo khổ. Kế hoạch này, bao gồm việc hỗn hợp các doanh nghiệp để tiết kiệm ngổ hầu trả lương cao, cung cấp ký túc xá và vườn tược cũng như chia xẻ lợi nhuận. Ông hi vọng rằng việc biểu lộ khía cạnh thực tiễn này của Ki Tô giáo sẽ chinh phục được nhiều người theo tín ngưỡng của mình vì biết ơn những lợi ích vật chất mà mình được thụ hưởng.

Một trường hợp khá giống như vậy là một ông hoàng người Ấn Độ, trong khi còn ở trên trần thế đã uốn nắn cuộc đời và phương pháp cai trị của mình theo gương vị vua anh hùng thiêng liêng Rama. Nhiều kế hoạch của ông đã thất bại trên trần thế, nhưng trong sinh hoạt trên cõi trời mọi chuyện đều diễn tiến suôn sẻ, chính cá nhân Rama đã cố vấn và điều khiển công việc để nhận được sự sùng bái đời đời của tất cả đám thần dân sùng tín.

Một trường hợp kỳ lạ về công tác tôn giáo cá nhân là một nữ tu thuộc về một dòng tu hoạt động tích cực. Trên thiên đường bà thật thường xuyên quan tâm tới việc cung cấp thực phẩm cho kẻ đói, chữa bệnh cho người đau yếu, giúp người nghèo có quần áo mặc; đặc điểm của mỗi trường hợp này là người nào được bà quản lý đều ngay tức khắc đổi hình dáng ra thành đáng Ki Tô để rồi được bà tôn sùng với lòng hâm mộ sốt sắng.

Có một trường hợp giúp ta hiểu rõ là hai nữ tu có lòng sùng đạo nồng nhiệt, một người bị què quặt còn người kia tận tụy chăm sóc người què. Trên trần thế, họ thường bàn bạc và hoạch định công trình từ thiện tôn giáo mà họ đem ra thực thi nếu có thể làm được. Trên cõi trời, mỗi người đều là nhân vật nổi bật nhất ở thiên đường của người kia, người què trở nên khỏe mạnh trong khi mỗi người đều nghĩ tới người kia đang cùng làm việc với mình để thực thi những mong ước chưa thực hiện được trong kiếp sống trên trần thế. Trong những trường hợp này điều khác nhau duy nhất mà sự chết mang lại chính là việc loại trừ được bệnh tật và đau khổ khiến cho công việc trước kia không thực hiện được thì bây giờ đâm ra dễ dàng hơn.

Trên cõi này ta thấy có một loại hình cao siêu những nhà truyền giáo sùng tín và chân thành, dần thân vào công việc hợp với sở thích của mình là cải giáo đám đông người theo tôn giáo đặc thù mà mình ủng hộ.

Trên cõi này cũng xảy ra một số trường hợp những kẻ tận tụy với nghệ thuật, họ chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật hoặc coi nghệ thuật là điều hiển dương cho đáng thiêng liêng chứ không nghĩ tới tác dụng của nó đối với đồng loại của mình.

Các nghệ sĩ theo đuổi nghệ thuật vì hiếu danh và muốn khoa trương bản ngã dĩ nhiên không tìm đường lên tới cõi này được. Mặt khác, những người coi năng khiếu của mình là một quyền năng vĩ đại được phó thác cho mình để nâng cao tinh thần của đồng loại ắt lên tới một cõi trời thậm chí còn cao hơn cõi mà ta đang xét hiện nay.

Ví dụ như ta có thể nói tới một nhạc sĩ có tính khí rất mộ đạo, y coi mọi công trình lao động bác ái của mình chỉ để hiến dâng cho đấng Ki Tô, y chẳng biết gì về sự phô trương hoành tráng âm thanh và màu sắc mà những bản nhạc mình soạn ra gây tác động lên cõi hạ trí. Lòng nhiệt thành của y dĩ nhiên không hề bị phí phạm bởi vì cho dù y không biết thì nó vẫn mang lại niềm vui và sự trợ giúp cho nhiều người, những kết quả của nó ắt chắc chắn là đem lại cho y càng thêm lòng sùng tín và có thêm năng khiếu âm nhạc trong kiếp tới. Nhưng nếu không có hoài bão rộng lớn hơn nữa để trợ giúp nhân loại thì các loại sinh hoạt trên cõi trời này có thể lập đi lập lại hầu như vô tận.

Học viên ắt nhận thức được rằng ba cõi trời thấp (trên các cảnh giới thứ bảy, thứ sáu và thứ năm) có liên quan tới sự triển khai lòng sùng tín đối với *phàm ngã* hoặc là đối với gia đình và bạn bè, hoặc là đối với một đấng thiêng liêng cá nhân hơn là lòng tận tụy bao quát dành cho nhân loại vì lợi ích của loài người mà ta sẽ thấy biểu hiện trên cảnh giới kế tiếp.

CHƯƠNG XXVI

CÔI TRỜI THỨ TƯ: cảnh giới thứ tư

Cõi trời thứ tư trên cảnh giới thứ tư vốn là mức cao nhất ở cấp sắc giới. Các hoạt động của nó biến thiên đến nỗi thật khó mà xếp nhóm chúng theo một đặc trưng đơn giản nào. Tốt nhất là ta có thể sắp xếp chúng thành ra bốn phân bộ chính:

- 1- Vị tha theo đuổi tri thức tâm linh.
- 2- Tư tưởng cao siêu về triết học hoặc khoa học.
- 3- Năng khiếu văn nghệ được vận dụng một cách vị tha.
- 4- Phụng sự vì phụng sự.

Một vài ví dụ về mỗi một trường hợp trong những lớp này ắt khiến cho ta dễ dàng hiểu được chúng hơn.

1- Vị tha theo đuổi tri thức tâm linh.

Hầu hết các cư dân thuộc lớp này đều được chiêu mộ từ những tôn giáo công nhận cần phải đạt được tri thức tâm linh. Vậy là trong số Phật tử, ta thấy ở đây có nhiều tín đồ thông minh coi Đức Phật là bậc đạo sư hơn là đấng đề mình sùng bái, và khát vọng cao nhất của họ là được ngồi dưới chân ngài để học hỏi.

Trong sinh hoạt trên cõi trời mong ước ấy của họ được thỏa mãn vì hình tư tưởng mà họ tạo ra về Đức Phật không chỉ là một hình hài rỗng tuếch; minh triết, quyền năng và lòng từ bi mầu nhiệm của bậc đạo sư vĩ đại nhất trên trần thế chói ngời qua hình tư tưởng ấy. Nhờ vậy họ thu thập được kiến thức mới và có được những quan niệm rộng lớn hơn với tác dụng nổi bật đối với kiếp tới của họ. Có lẽ họ chẳng nhớ nổi những sự kiện cá biệt mặc dù trong kiếp sau khi những sự thật ấy được giới thiệu cho họ thì họ ắt dễ dàng lĩnh hội được và nhận ra được sự thật ấy bằng trực giác. Hơn nữa, kết quả của giáo huấn này sẽ được xây dựng vào Chơn ngã thành ra một khuynh hướng mạnh mẽ có những quan niệm rộng rãi hơn mang tính triết lý cao siêu hơn về mọi đề tài như thế.

Tác dụng của sinh hoạt trên cõi trời như vậy đã đẩy nhanh đáng kể sự tiến hóa của Chơn ngã. Vì thế cho nên lợi ích to lớn đã thu thập được khi người ta chấp nhận sự chỉ đạo của những bậc thầy có đầy đủ những quyền năng sống động.

Một kết quả tương tự ở một mức độ kém hơn cũng xảy ra cho một người noi theo giáo huấn của một tác giả tâm linh vĩ đại và biến tác giả ấy thành ra một nhân vật lý tưởng. Chơn ngã của tác giả sẽ gia nhập vào sinh hoạt cõi trời của học viên và nhờ quyền năng đã phát

triển của chính mình làm linh hoạt hình tư tưởng của bản thân, như vậy khiến cho giáo huấn mà mình đã từng viết ra được sáng tỏ thêm nữa.

Nhiều người thuộc Ấn giáo đạt được cõi trời ở mức này cũng như một vài môn đồ tiên tiến của phái Sufi và Bái Hỏa giáo cùng với một số môn đồ sơ khai phái Ngô đạo. Nhưng ngoại trừ một vài người thuộc phái Sufi và Ngô đạo thì không một tín đồ Hồi giáo hoặc Ki Tô giáo nào dường như thăng lên tới tận mức này; tuy nhiên một số người trên danh nghĩa Hồi giáo hoặc Ki Tô giáo vẫn có thể được nâng lên tới cảnh giới này vì trong tính tình của họ có những đức tính không tùy thuộc vào giáo huấn đặc thù của tôn giáo gốc là Hồi giáo hoặc Ki Tô giáo. Ở đây ta cũng thấy những học viên Huyền bí học tha thiết vốn chưa đủ tiến bộ để được phép “xả bỏ” Devachan (xem trang 203). Những người này bao gồm học viên của các trường huyền bí học khác hơn những trường mà hầu hết hội viên Thông Thiên Học đều biết rõ. Người ta quan sát thấy một trường hợp thú vị khi một người sa vào thái độ thiếu tin tưởng động cơ thúc đẩy của bạn cũ và thầy dạy mình một cách không xứng đáng và không có lý do biện minh; do đó bà khép kín mình đối với ảnh hưởng đáng kể của giáo huấn cao siêu mà lẽ ra bà có thể vui hưởng trong sinh hoạt trên cõi trời. Ảnh hưởng của giáo huấn ấy thật ra không thể bị phong tỏa đối với bà nhưng chính thái độ tâm trí của bà đã khiến bà trong một chừng mực nào đó không tiếp thu được chúng, mặc dù bản thân bà hoàn toàn không có ý thức về điều này. Trong tay bà sẵn có dồi dào tình thương, sức mạnh và tri thức, nhưng sự bội bạc của chính bà đã làm què quặt đáng buồn khả năng tiếp nhận được nó.

2. Tư tưởng cao siêu về Triết học hoặc Khoa học.

Lớp này không bao gồm những triết gia tốn thời giờ đấu khẩu và chẻ sợi tóc làm tư bởi vì đó là một dạng tranh luận bắt nguồn từ lòng ích kỷ và ngã mạn, do đó chẳng bao giờ giúp ta thật sự hiểu được những sự thật trong vũ trụ và cũng chẳng tạo ra kết quả thể hiện được trên cõi hạ trí.

Đúng hơn thì ta thấy nơi đây có những tư tưởng gia cao thượng và vị tha, họ mưu tìm tri thức và sự giác ngộ chỉ với mục đích giúp cho đồng loại mình cũng được giác ngộ.

Một ví dụ tiêu biểu là một người sau này mới theo triết hệ Tân Platon, y tận tâm phát hiện những điều bí nhiệm của trường phái tư tưởng ấy và cố gắng tìm hiểu ảnh hưởng của nó đối với sinh hoạt và sự phát triển của con người.

Còn một trường hợp khác là một nhà thiên văn mà công trình nghiên cứu đã dẫn ông tới thuyết Phiếm thần. Ông vẫn còn kính cẩn đeo đuổi công trình nghiên cứu ấy và thu được kiến thức từ các cấp thiên thần mà thông qua họ trên cõi này sự chuyển động tuần hoàn hoành tráng của những ảnh hưởng tinh tú dường như biểu hiện thành ra ánh sáng sống động lóng lánh không ngừng thay đổi. Ông đắm mình lặng ngắm một hoạt cảnh rộng lớn gồm các tinh vân xoay vòng và các hệ thống thế giới đang dần dần được tạo lập để phần đầu dựng nên một ý niệm nào đó về hình thù của vũ trụ. Tư tưởng của ông bao xung quanh ông, hình thành những ngôi sao và ông hân hoan lắng nghe nhịp điệu tôn nghiêm của âm nhạc vang rền thành những bản hợp ca hùng tráng xuất phát từ những tinh cầu đang chuyển động.

Các nhà khoa học như nhà thiên văn nêu trên ắt trở lại trên trần thế dưới dạng những nhà phát minh phát hiện vĩ đại, có trực giác không thể sai lầm về những đường lối bí nhiệm của thiên nhiên.

3. Nỗ lực văn nghệ được biểu diễn một cách vị tha.

Trên cõi này ta thấy có những nhạc sĩ tài ba nhất. Mozart, Beethoven, Bach, Wagner và những người khác đều đang làm tràn ngập cõi trời với những hòa âm vinh quang hơn hẳn so với mức họ có thể tạo ra được khi còn ở trên trần thế. Các luồng âm nhạc thiêng liêng từ các cõi cao tuôn đổ vào họ để được họ chuyên biệt hóa biến thành của mình, thế rồi phóng ra

xuyên suốt cả cõi thành một đợt sóng triều âm nhạc du dương thêm cho niềm cực lạc của mọi thứ xung quanh. Cả những người đang hoạt động với trọn vẹn ý thức trên cõi này lẫn những thực thể đã thoát xác trên cõi này đều bị vây bủa trong đám mây tư tưởng của chính mình và chịu ảnh hưởng sâu sắc do tác dụng cao thượng hóa của loại âm nhạc ấy.

Ở đây các họa sĩ và điêu khắc gia cũng thường xuyên dùng tư tưởng tạo ra đủ thứ tinh linh nhân tạo có hình dạng dễ thương mà họ phóng ra để giúp vui và khích lệ đồng loại.

Trong nhiều trường hợp những quan niệm đẹp đẽ này cũng có thể được lĩnh hội bởi tâm trí của các nghệ sĩ còn mang xác phàm, đóng vai trò gợi cảm hứng cho họ.

Trên cõi này ta thấy một nhân vật thú vị là một ca sĩ đồng ca đã chết yểu. Ngoài năng khiếu vĩ đại về ca nhạc, y chẳng còn mấy năng khiếu nào khác, nhưng y đã dùng chính năng khiếu ấy một cách xứng đáng, cố gắng là tiếng nói của con người ngỏ lời với cõi trời và của cõi trời ngỏ lời với con người, bao giờ cũng khao khát muốn biết thêm về âm nhạc giúp cho y xứng đáng hơn để phục vụ Giáo hội. Trong sinh hoạt trên cõi trời, mơ ước của y đã đơm hoa kết trái, hình ảnh xương xẩu kỳ quặc của thánh Cecilia do tư tưởng của y tạo ra về hình ảnh của bà vẽ trên cửa sổ kiếng màu đã đến với y một cách quan phòng. Hình tư tưởng này được làm linh hoạt bởi một trong những tổng thiên thần thuộc huyền giai thiên giới về âm nhạc và thông qua hình tư tưởng ấy, tổng thiên thần dạy cho ca sĩ đồng ca một âm điệu vĩ đại hơn bao giờ hết so với mức y đã biết trên trần thế.

Còn một ví dụ nữa là có một người trên trần thế không chịu dùng năng khiếu văn chương của mình chỉ để kiếm ăn cho bản thân mà thay vào đó lại viết ra một quyển sách chẳng ai buồn đọc; suốt đời y cô độc để rồi cuối cùng chết vì phiền não và đói khổ. Trong sinh hoạt cõi trời, y vẫn cứ thui thủi một mình nhưng y thấy trải ra trước mặt viễn cảnh không tưởng mà mình đã từng mơ ước cùng với đám đông mang tính vô ngã mà mình đã ao ước phụng sự. Niềm vui của đám đông ấy trào dâng lại cho y tạo thành thiên đường cho kẻ cô đơn.

4. Phụng sự vì Phụng sự.

Trên cõi này ta cũng thấy có nhiều người phụng sự vì mục đích phụng sự hơn là vì họ muốn làm vừa lòng bất kỳ một đảng thiêng liêng đặc thù nào. Họ dấn thân vào việc triển khai (một cách đầy hiểu biết và khôn ngoan bình tĩnh) những dự án khổng lồ mang lại điều lợi ích, những kế hoạch hoành tráng để cải thiện thế giới, đồng thời họ cũng đang làm chín muồi những khả năng giúp mình thực hiện những dự án ấy trong tương lai nơi một cõi thấp hơn là sinh hoạt trên cõi trần.

CHƯƠNG XXVII CÔI TRÍ TUỆ

Vật chất trí tuệ có khả năng rung động hưởng ứng những phương thức hoạt động dưới dạng trí năng của tinh thần, cũng giống như vật chất trung giới đóng vai trò tương tự đối với ham muốn và xúc động chẳng khác nào vật chất bề dề hưởng ứng với hoạt động của Tinh thần dưới dạng trực giác. Vì thế cho nên cõi hạ trí là một bộ phận hoặc khía cạnh của thiên nhiên vốn thuộc về tâm thức hoạt động dưới dạng tư tưởng, đó không phải là cái trí hoạt động thông qua óc phàm mà là cái trí hoạt động trên cõi của riêng mình, không vướng vít vật chất hồng trần. Năm cõi thấp của thiên nhiên tương ứng với “ngũ đại” của cô nhân như sau:

Cõi hoặc Thế giới		“Ngũ đại” của cổ nhân	
Tiếng Bắc phạn	Tiếng Việt	Tiếng Bắc phạn	Tiếng Việt
Ātmā	Ý chí	Ākāsha	Hư không
Buddhi	Trực giác	Vāyu	Gió
Manas	Cái trí	Tejas tức Agni	Lửa
Kāma	Xúc cảm	Apas tức Jala	Nước
Sthūla	Sinh hoạt trên cõi trần	Prithivī	Đất

Trong một số sách vở của Ấn Độ còn có một sự phân loại khác nữa, trong đó người ta ghép nhóm cái trí vào ngũ đại. Người Ấn Độ có một cách thức xem xét sự việc theo một quan điểm rất cao, xét theo biểu kiến thường là quan điểm của Chơn thần và đối với Chơn thần thì cái trí chẳng qua là một công cụ của tâm thức. Vậy là ở Chương 7 của *Chí Tôn Ca*, đấng Shri Krishna đã dạy: “Đất, nước, lửa, gió, hư không, manas, buddhi và ahamkāra – đây là cách phân chia biểu lộ của ta ra thành tám phần”. (Prakriti). Sau này ngài còn nói tới tám phần này là “biểu lộ hạ đẳng của mình”.

Cõi trí tuệ là cõi của Chơn nhơn, chính từ ngữ con người (man) thoát thai từ gốc Bắc phạn là man, động từ này nghĩa là “suy nghĩ”, do đó *man* nghĩa là *người suy nghĩ*, nó được đặt tên theo thuộc tính đặc trưng nhất của mình là trí tuệ.

Như vậy, cõi trí tuệ là quê cha đất tổ của ta, là nơi mà ta thật sự thuộc về, bầu hào quang nguyên thủy của ta là nơi có các ý tưởng chứ không có các hiện tượng trên cõi trần.

Khi Chơn nhơn tức Chủ thể Suy tư nhập thể nơi xác phàm được kiến tạo để tiếp nhận mình thì con thú vô tri vô giác trở thành sinh linh biết suy tư nhờ có Manas nhập vào và ngự nơi y. Vậy là con người đã khoác lấy “lớp áo bằng da” của mình sau khi sa đọa vào vật chất trên cõi trần, để cho y có thể ăn Trái cây Tri thức rồi trở thành một “Thần linh”. Vì thế cho nên con người là mối liên kết giữa Đấng Thiêng Liêng và con thú.

Cõi trí tuệ có tầm quan trọng đặc thù chẳng những vì con người sau khi đã phát triển khá tốt cái trí, đã sống ở đây gần hết thời gian, chỉ lặn xuống cõi trần trong những thời gian ngắn ngủi sống hữu hoại, mà còn vì đây là nơi gặp gỡ của tâm thức cao và tâm thức thấp.

Trong tiếng Anh từ ngữ “tâm trí” tượng trưng cho cả chính tâm thức trí thức lẫn những tác dụng mà tâm thức ấy gây ra cho óc phàm. Tuy nhiên trong huyền bí học, ta phải quan niệm tâm thức trí thức là một thực thể cá biệt, một sinh linh, mà các rung động sinh hoạt của nó chính là tư tưởng, được biểu diễn chẳng phải bằng những lời lẽ trên cõi trần mà bằng những hình ảnh.

Chơn nhơn là Manas, Chủ thể Suy tư, tác động trên những cảnh giới cao, tức nguyên nhân của cõi trí tuệ. Chỉ một phần nhỏ rung động của nó có thể được mô phỏng lại – thậm chí rất bất toàn – nơi những vật liệu tương đối thô trên cõi trần; óc phàm và thần kinh hệ chỉ có thể mô phỏng lại một phần nhỏ các chuỗi rộng lớn những rung động trí tuệ mà Chủ thể Suy tư lập nên nơi cõi của riêng mình.

Những bộ óc rất nhạy cảm đáp ứng được tới mức mà ta gọi là trí năng vĩ đại; những bộ óc không đáp ứng một cách ngoại lệ chỉ đáp ứng được tới mức mà ta gọi là ngu đần; những bộ óc đáp ứng một cách ngoại lệ tới mức mà ta gọi là thiên tài. Như vậy cái gọi là năng khiếu trí tuệ của mỗi người biểu diễn mức độ nhạy cảm của bộ óc tới hàng triệu lần sóng tư tưởng xuất phát từ Chủ thể Suy tư mà nó có thể đáp ứng được.

Vậy là ý thức hoạt động nơi bộ óc được soi sáng từ bên trên nhờ vào những ý niệm không hề được tạo ra từ vật liệu do cõi trần cung cấp mà được phản ánh trực tiếp vào trong

đó từ Trí tuệ Vũ trụ (xem bên dưới). “Định luật tư tưởng” vĩ đại điều tiết mọi sự suy nghĩ và chính hành vi suy nghĩ cũng tiết lộ tư tưởng có tồn tại trước vì nó được thực hiện nhờ vào những định luật, theo những định luật và không thể không có định luật.

Khi xét một quan điểm rộng lớn hơn nữa về cõi trí tuệ thì ta thấy nó có thể được mô tả là đều phản ánh Trí tuệ Vũ trụ trong Thiên nhiên, vốn là bình diện mà trong hệ thống nhỏ bé của ta tương ứng với Đại Trí trong Càn khôn. Đại Trí này chính là Mahat, Thượng Đế Ngôi Ba, tức Trí Thông tuệ Sáng tạo của Thượng Đế, Brahma của tín đồ Ấn giáo, Văn Thù Sư Lợi của Phật tử Bắc tông, Chúa Thánh Thần của Ki Tô hữu.

Trí tuệ Vũ trụ là cái mà vạn vật đều tồn tại trong đó dưới dạng nguyên mẫu; nó là cội nguồn của vạn vật, là suối nguồn của những năng lượng tạo hình, là kho chứa trong đó tàng trữ mọi hình tướng nguyên mẫu, vốn được sinh ra và triển khai tỉ mỉ trong các loại vật chất thấp lúc vũ trụ đang tiến hóa. Đây là thành quả của những vũ trụ quá khứ được tiếp thu làm hạt giống để phát triển trong vũ trụ hiện nay.

Trên phần thượng trí của cõi trí tuệ có tồn tại những ý niệm nguyên mẫu mà hiện nay đang được tiến hóa cụ thể. Ở cõi hạ trí những ý niệm này được triển khai thành những hình tướng liên tiếp rồi sớm muộn gì cũng được mô phỏng lại nơi cõi trung giới và cõi trần.

Một ví dụ về những ý niệm này là những tinh linh nhân tạo nhỏ bé mà đôi khi ta có thể nhìn thấy nó treo lơ lửng xung quanh một cái cây hoặc một đóa hoa trong suốt thời gian những cái chồi cây đang được hình thành. Đây là những hình tư tưởng do các đại thiên thần giám sát cơ tiến hóa của giới thực vật sáng tạo ra vì mục đích đặc biệt để triển khai những ý tưởng của họ liên quan tới những cái cây và những đóa hoa. Một tinh linh như vậy thường có hình dạng là mô hình dĩ thái của chính đóa hoa hoặc một tạo vật nho nhỏ dần dần kiến tạo đóa hoa thành ra hình tướng và màu sắc mà vị thiên thần đã nghĩ ra. Khi công trình này hoàn tất thì tinh linh cũng bị kiệt quệ năng lượng và vật chất cấu tạo thành nó bị tan rã vào trong kho chứa tổng quát của loại vật chất ấy.

Dĩ nhiên ta không được lẫn lộn những tinh linh giả tạo này với các tinh linh thiên nhiên (xem quyển *Thế Vía* trang 181) mà ta thường thấy chơi đùa xung quanh những đóa hoa.

Trước khi Đức Bàn Cổ của một Dãy Hành tinh hoặc một Cuộc tuần hoàn bắt đầu nhiệm vụ được qui định cho mình, thì Ngài khảo sát cái bộ phận của hình tư tưởng đầy quyền năng của Thượng Đế liên quan đến công trình của Ngài, rồi giáng cấp nó xuống một mức nào đó để dễ dàng được thường xuyên tham khảo. Đức Bàn Cổ của mỗi Thế giới cũng như mỗi Căn chủng cũng làm giống như vậy ở mức độ thấp hơn. Thế rồi mỗi Đức Bàn Cổ xây dựng đến mức gần hơn hết so với mô hình mà Ngài có trước mặt mình, thông thường là từng bước tiến gần tới mức hoàn hảo cần thiết, chẳng hạn như những nỗ lực sơ khởi để tạo lập một giống dân thường chỉ thành công có một phần.

Vào bắt đầu Cuộc tuần hoàn thứ Tư hiện nay, mọi nguyên mẫu của loài người đều được xuống cấp kể cả những giống người chưa hề tồn tại. Nhờ khảo sát những nguyên mẫu này, ta có thể biết được con người trong tương lai sẽ ra sao. Họ ắt có các hiện thể tinh vi hơn về mọi mặt và có dáng vẻ rõ rệt là đẹp hơn, biểu diễn các lực tâm linh thông qua hình tướng.

Chính nơi Bầu A trong Cuộc tuần hoàn thứ Tư thì cái trí mới dứt khoát ở trên cõi hạ trí và như vậy ta có thể bảo rằng chính trong Cuộc tuần hoàn này thì con người mới bắt đầu thật sự suy nghĩ. Kết quả sơ khởi không hề tốt đẹp. Trong những Cuộc tuần hoàn trước kia, y chưa đủ phát triển để phát sinh ra được những hình tư tưởng đến một mức độ đáng kể, do đó tinh hoa ngũ hành của các bầu hành tinh chỉ chịu tác dụng của các thiên thần, họ để cho mọi thứ đều được điều hòa và thanh bình. Nhưng khi con người chen vào những tư tưởng

ích kỷ và gây xích mích của mình thì tình huống thoải mái này đã bị xáo trộn rất nhiều. Bắt đầu có sự tranh chấp, bất ổn, bất hòa, giới động vật dứt khoát tẩy chay con người và bắt đầu sợ hãi, oán thù con người.

Trên Bầu A cũng có hồn khóm của loài động vật và thực vật, thậm chí của loài khoáng vật nữa. Cố nhiên ta khó lòng mà quan niệm được khoáng vật có thể như thế nào trên cõi trí tuệ; nó ắt tương ứng với tư tưởng của ta về khoáng vật; nhưng hình tư tưởng tồn tại trên đó vốn thuộc về Đức Bàn Cổ và được uốn nắn bởi một quyền năng mà tâm trí ta hoàn toàn không sánh kịp.

Như ta thấy ở Chương II, trong lộ trình tự nhiên của các diễn biến, Cuộc tuần hoàn thứ Tư hiện nay lẽ ra chủ yếu dành để trau dồi xúc động và Cuộc tuần hoàn thứ Năm sắp tới lẽ ra dành để tiến bộ về trí năng. Tuy nhiên ta đã tiến rất xa đối với chương trình được dự kiến sẵn cho ta. Sự tiến bộ này là hoàn toàn do các Đấng Uy Nghi được gọi bằng nhiều danh xưng khác nhau như Hỏa Đức Tinh quân, các Con của Sương Mù Lửa, Tinh quân của Kim tinh vì các Ngài từ Kim tinh giáng lâm xuống trái đất.

Hầu hết các ngài chỉ ở lại với chúng ta qua cái thời kỳ tới hạn trong lịch sử của ta; một số đấng còn ở lại hiện giờ giữ những chức vụ cao nhất trong Quần Tiên Hội cho đến khi loài người do chúng ta tiến hóa lên có thể tiếp quản những chức vụ cao cấp của các ngài.

Ở Chương VII và VIII, ta có giải thích là vật liệu thuộc cõi trí tuệ, do sự thôi thúc của các rung động tư tưởng có thể phối hợp lại và sản sinh ra bất kỳ tổ hợp nào mà tư tưởng có thể kiến tạo được. Cũng như sắt có thể chế tạo thành cái xẻng hoặc cây gươm, cũng vậy vật chất trí tuệ có thể được định hình thành ra các hình tư tưởng hỗ trợ hoặc gây phương hại. Vậy là ở cõi này tri hành hiệp nhất; vật chất ngoan ngoãn phục vụ cho sự sống thích ứng với mọi xung lực sáng tạo.

Cõi trí tuệ vốn là cõi của chính tư tưởng, là nơi đặc địa của tư tưởng cho nên nó gần gũi với thực tại hơn nhiều so với bất kỳ cõi nào khác thấp hơn. Đó là vì mọi thứ mang tính vật chất đều bị chôn giấu nơi vật chất cho đến thực tại mà nó có được vẫn kém hiển lộ và khó lòng nhận ra được hơn hẳn khi ta xem xét nó theo một quan điểm cao hơn.

Toàn thể Thái dương hệ của ta vốn là một sự biểu lộ của Thượng Đế, mọi hạt trong đó đều là một bộ phận thuộc các hiện thể của Ngài. Vì thế cho nên mọi chất trí tuệ trong Thái dương hệ đều cấu thành thể trí của Ngài.

Dĩ nhiên điều này chẳng những bao gồm cõi trí tuệ thuộc về mỗi một trong các hành tinh hồng trần mà còn là cõi trí tuệ thuộc về mỗi một trong các hành tinh trung giới và hơn nữa còn là hành tinh thuần túy bằng chất hạ trí mà trong Dãy hành tinh của ta thường được gọi là các Bầu hành tinh A và G. Nhân tiện xin chú thích rằng con người thuộc Bầu hành tinh A trong Cuộc tuần hoàn thứ Nhất khó lòng có thể được gọi là con người, y là một tư tưởng; y là cái một ngày kia sẽ trở thành một thể trí – là mầm mống của thể trí có lẽ quan hệ với các khả năng sau này của mình cũng giống như hình thái phôi thai của một đứa trẻ sau khi mới được một tháng tuổi so với cơ thể con người được phát triển trọn vẹn, ở giai đoạn sơ khởi này y có rất ít ý thức.

Vật chất được miêu tả như trên để bao gồm thể trí của Thái dương Thượng Đế thì cũng bao gồm thể trí của bảy Hành tinh Thượng Đế vốn là các trung tâm lực trong nội bộ Thái dương Thượng Đế.

Thế mà trong mỗi thể trí của con người đều có các hạt thuộc về mỗi một trong bảy Hành tinh Thượng Đế, nhưng tỉ lệ biến thiên rất nhiều và các tỉ lệ này xác định *loại hình* của mỗi người.

Nơi bảy Hành tinh Thượng Đê có xảy ra định kỳ những sự biến đổi thông linh và những sự biến đổi này đều ảnh hưởng tới cơ thể của mỗi người trên thế giới bởi vì vật liệu tạo nên các thể của y cũng là vật liệu của Hành tinh Thượng Đê. Dĩ nhiên mức độ mà y chịu ảnh hưởng còn tùy thuộc vào tỉ lệ trong cơ thể y của loại hình vật chất thuộc về vị Thượng Đê đặc thù ấy. Vì thế cho nên chuyển động của các Chơn linh Hành tinh này có tầm quan trọng đối với con người, đó là cơ sở lý luận tối hậu của khoa Chiêm tinh học.

Ngoài ra ảnh hưởng của các loại hình lớn này cũng tác động lên tinh hoa ngũ hành mà ta đã thấy (xem trang 6) hoạt động tích cực trong thể vía và thể trí của con người. Vì thế cho nên bất kỳ sự kích động bất thường nào của bất kỳ loại hình nào đều ảnh hưởng trong một chừng mực nào đó tới hoặc là xúc động hoặc là tâm trí của y, hoặc là cả hai trong một mức độ tương ứng với số lượng loại hình tinh hoa ngũ hành đặc thù hữu quan mà y có trong các hạ thể của mình. Tự thân những ảnh hưởng này cũng chẳng có tác dụng tốt xấu nhiều hơn bất kỳ lực thiên nhiên nào khác; chúng có thể hỗ trợ hoặc gây hại tùy theo công dụng của chúng đối với ta.

Thật là quan trọng mà ngộ ra được rằng bất kỳ áp lực nào của những ảnh hưởng này đối với con người đều không thể khống chế ý chí y một chút xíu nào. Trong một số trường hợp, cùng lắm thì nó cũng chỉ có thể khiến cho ý chí ấy dễ hoặc khó tác động theo một đường lối nào đấy. Một người có quyết tâm sắt đá hoặc một học viên huyền bí học có thể dẹp những ảnh hưởng này qua một bên coi như không đáng kể. Còn đối với người có ý chí bạc nhược thì đôi khi nên biết lúc nào thì lực này hoặc lực kia có thể được vận dụng thuận lợi nhất: “Người minh triết làm chủ được vận mệnh của mình, còn kẻ dại khờ thì chiều theo số phận”.

Trong khi mỗi bầu hành tinh vật lý đều có các cõi hồng trần, trung giới và trí tuệ, cõi này xuyên thấu cõi kia, do đó chiếm cùng một chỗ trong không gian thì tất cả những bầu hành tinh này đều hoàn toàn cô lập, không liên giao được với những cõi tương ứng thuộc bất kỳ bầu hành tinh nào khác. (Chỉ ở mức cõi Bồ đề và cao hơn nữa thì mới có tình huống chung cho mọi hành tinh thuộc dãy hành tinh của ta).

Bất chấp điều nêu trên, mỗi một trong cõi này lại có một tình huống vật chất nguyên tử mang tầm cỡ vũ trụ. Thật vậy, bảy cảnh giới nguyên tử của Thái dương hệ, xét riêng với các cảnh giới còn lại có thể nói là cấu thành cõi vũ trụ thấp nhất mà đôi khi ta gọi là cõi hồng trần vũ trụ. Như vậy, cõi trí tuệ của ta là cảnh giới thứ ba của cõi vũ trụ thấp nhất.

Xét theo kiểu khác thì bộ phận nguyên tử của cõi trí tuệ của ta là cảnh giới thấp nhất trong thể trí của Hành tinh Thượng Đê. Cõi trung giới của trái đất mở rộng ra hơn một chút so với khoảng cách trung bình tới mặt trăng (trái đất và mặt trăng cách nhau vào khoảng 240.000 dặm); cõi trí tuệ của trái đất (dĩ nhiên là một bầu xác định) còn mở rộng hơn vào trong không gian hơn cả cõi trung giới nữa, nó có tỉ lệ với cõi trung giới cũng giống như cõi trung giới đối với cõi trần. Chỉ bộ phận nào thuộc vật chất nguyên tử của cõi trung giới và cõi trí tuệ mà ở tình huống hoàn toàn tự do thì mới cùng mở rộng ra theo chất ether liên hành tinh (chất này bao gồm các cực vi tử hồng trần ở trạng thái bình thường không bị nén lại). Do đó người ta không thể dùng thể trí hoặc thể vía đi từ bầu hành tinh này sang bầu hành tinh kia trong dãy hành tinh của ta cũng như không đi được bằng thể xác. Trong thể Thượng trí khi nó phát triển rất cao thì người ta có thể thành tựu được điều ấy mặc dù cũng không dễ dàng và nhanh chóng như khi thực hiện trên cõi Bồ đề.

Vả lại, cũng không thể thấy được rõ chi tiết những hành tinh khác đối với bất kỳ hệ thống thần nhãn nào liên quan tới cõi hạ trí hoặc bất kỳ cõi nào thấp hơn, mặc dù người ta

có thể thu lượm được nhiều thông tin bằng cách vận dụng khả năng phóng đại (xem trang 116).

Vật chất của các cõi thấp chưa bao giờ được đưa từ hành tinh này sang hành tinh kia. Chẳng hạn như khi ta rời hành tinh này để nhập thể trên Thủy tinh thì chỉ có Chơn ngã là được mang đi. Các Chơn ngã ấy sẽ thu hút về xung quanh mình vật chất hạ trí và trung giới thuộc về hành tinh mới và sẽ có được những thể xác được cung cấp bởi những người đã ở trên Thủy tinh rồi.

Vật chất thuộc cõi trí tuệ được chia thành bảy cấp tinh vi y hệt trên cõi trung giới và hồng trần. Vì thiếu thuật ngữ cho nên hiện nay ta phải gọi chúng bằng những thuật ngữ dành cho bảy cấp vật chất thuộc cõi trần, nghĩa là chất đặc, chất lỏng, chất hơi v.v. . . Cảnh giới cao nhất hoặc tinh vi nhất dĩ nhiên bao gồm các cực vi tử trí tuệ. Một cực vi tử trí tuệ bao gồm 49^4 tức là 5.764.801 (vào khoảng năm triệu $\frac{3}{4}$) “bọt hỗn nguyên khí” (koilon).

Ba cấp cao của vật chất trí tuệ gọi là vô sắc tức arūpa, bốn cấp thấp gọi là hữu sắc tức rūpa. Sự phân biệt này là có thực vì nó liên quan tới những cách phân chia của chính cái trí.

Nơi các cảnh sắc giới, rung động của tâm thức làm phát sinh ra những hình ảnh và mọi tư tưởng đều xuất hiện thành một hình thù sống động; nơi các cảnh vô sắc giới tâm thức, nói cho đúng hơn, dường như phóng ra các tia chớp lóe hoặc các luồng năng lượng sống động không định hình thành các hình ảnh riêng rẽ trong khi còn ở trên cảnh giới của riêng mình, nhưng khi nó tràn xuống các cảnh hạ trí thì nó lập nên đủ thứ hình tướng, tất cả đều liên quan tới một tình huống chung nào đấy. Nói cách khác, các cảnh vô sắc giới liên quan đến việc biểu diễn các nguyên lý, ý niệm, tư tưởng trừu tượng, còn các cảnh sắc giới liên quan đến những tư tưởng cụ thể và những ý tưởng đặc thù.

Ngôn từ phần lớn là biểu tượng của hình ảnh cho nên thuộc về vận hành của hạ trí trong bộ óc; suy ra rằng hầu như (nếu không phải là hoàn toàn) không thể dùng ngôn từ để mô tả sự vận hành của tư tưởng trừu tượng. Đó là vì các cảnh vô sắc giới thuộc về lý trí thuần túy vốn không vận hành trong nội bộ những giới hạn hẹp hòi của ngôn ngữ.

Còn một sự phân biệt tổng quát khác nữa giữa các cảnh sắc giới và các cảnh vô sắc giới của cõi trí tuệ, đó là: trên cảnh sắc giới con người sống theo tư tưởng của chính mình và hoàn toàn đồng nhất hóa mình với phạm ngã trong kiếp sống mà mình vừa mới từ bỏ. Trên cảnh vô sắc giới y chỉ là Chơn ngã luân hồi và miễn là y đã phát triển đúng mức trên cảnh ấy để biết một chút gì đó thì y ắt hiểu được (ít ra trong một chừng mực nào đó) cơ tiến hóa mà mình đang dần thân vào và công trình mà mình phải thực hiện.

Vật chất trí tuệ vốn tinh vi hơn nhiều so với vật chất trung giới hoặc vật chất hồng trần cho nên suy ra rằng sinh lực trên cõi trí tuệ gia tăng hoạt động ghê gớm. Vật chất trí tuệ thường xuyên chuyển động không ngừng, khoác lấy hình tướng mỗi khi sự sống xao xuyên và dễ dàng thích ứng với mọi sự biến đổi chuyển động. Ngay cả vật chất trung giới dường như cũng tương đối nặng nề và không sáng trong so với nó. Rung động của vật chất trí tuệ nhanh hơn rung động của vật chất hồng trần, cũng giống như rung động của ánh sáng nhanh hơn rung động của âm thanh. Ta có thể nói rằng vật chất trí tuệ thật sự vận động *theo* tư tưởng; vật chất trung giới thì vận động kém nhanh hơn tư tưởng mà cũng nhanh đến nỗi quan sát viên bình thường khó lòng nhận ra được bất kỳ sự khác nhau nào; dĩ nhiên vật chất dĩ thái không tuân theo tư tưởng nhanh như vật chất trung giới.

Học viên cố nhiên ngộ ra được rằng cũng giống như mỗi hạt ether hồng trần trôi nổi trong một biển vật chất trung giới. Cũng vậy mỗi hạt vật chất trung giới trôi nổi trong một đại dương chất trí tuệ mặc dù có nhiều người áp ủ ý tưởng cho rằng sự việc trên cõi trần dễ xử trí hơn sự việc trên cõi trung giới hoặc cõi trí tuệ, nhưng sự thật ngược hẳn lại. Đó là vì

vật chất trí tuệ rất tinh vi và dễ đáp ứng với xung lực trí tuệ cho nên tác động của ý chí dễ điều khiển và vận dụng nó hơn hẳn so với chất trung giới hoặc chất hồng trần.

Trong quyển *Tiếng nói Vô thanh* có đề cập tới ba Phòng: Phòng Vô minh, Phòng Học tập và Phòng Minh triết. Có lẽ Phòng Vô minh tiêu biểu cho cõi hồng trần, Phòng Học tập tiêu biểu cho cõi trung giới và hạ trí; còn Phòng Minh triết tiêu biểu cho cõi thượng trí và Bồ đề.

Trên bốn cảnh thấp của cõi trí tuệ người ta vẫn còn có thể có một số mức độ hão huyền, nhưng nó dường như ít hơn đối với người nào có thể hoạt động trên đó với trọn vẹn ý thức ngay khi còn sống trên cõi trần hơn là đối với kẻ chưa phát triển hoạt động trên đó sau khi chết như ta đã giải thích ở chương bàn về Devachan. Như vậy cõi hạ trí vẫn còn là một cõi của phàm ngã dễ bị lầm lạc; trên đó cũng như trên cõi trung giới có một con rắn cuộn mình bên dưới mỗi đóa hoa, bởi vì nếu những ham muốn điên rồ của phàm ngã quậy phá theo kiểu này thì lòng ngã mạn và thành kiến lại ở nơi cõi hạ trí.

Trên cõi thượng trí, mặc dù Chơn ngã còn chưa biết nhiều điều nhưng nó biết cái gì là biết chính xác. Tuy nhiên trong quyển này ta không trực tiếp bàn về sinh hoạt của *thể nguyên nhân*.

Có một sự khác nhau triệt để giữa các cõi hạ trí và thượng trí. Nơi cõi hạ trí thì vật chất chiếm ưu thế, nó là điều đầu tiên đập vào mắt người ta; và tâm thức khó khăn lắm mới chiếu sáng được qua các hình tướng. Nhưng trên cõi thượng trí thì sự sống chiếm ưu thế và hình tướng trên đó chỉ phục vụ cho mục đích của sự sống. Nơi cõi hạ trí, việc cung cấp sự sống biểu lộ qua các hình tướng thật là khó khăn, nhưng trên cõi thượng trí thì ngược hẳn lại – khó khăn là ở chỗ duy trì và cung cấp hình tướng cho sự sống đang trào dâng. Chỉ ở trên mức đường phân giới giữa cõi hạ trí và cõi thượng trí thì ánh sáng tâm thức mới không bị trôi sụt và chiếu sáng bằng năng lực của chính mình. Vì thế cho nên biểu tượng lửa tâm linh rất thích hợp với tâm thức trên các cảnh cao phân biệt hẳn với các cảnh thấp khi biểu tượng lửa đốt cháy nhiên liệu thích hợp hơn.

Trong trường hợp cõi trung giới ta có thể tường thuật chút ít về phong cảnh của nó, nhưng ta không thể làm như vậy đối với cõi trí tuệ vì cõi trí tuệ không có phong cảnh ngoại trừ trường hợp mỗi cá nhân tạo ra phong cảnh cho chính mình bằng tư tưởng của mình; dĩ nhiên ta không bao gồm vào “phong cảnh” những thực thể trí tuệ khác mà bản thân họ trong nhiều trường hợp là những sự vật rất đẹp.

Tuy nhiên, tình huống trên cõi trí tuệ khó mô tả bằng lời đến nỗi có lẽ ta sẽ nói chính xác hơn khi cho rằng mọi phong cảnh khả hữu đều tồn tại trên đó; không có điều gì mà ta hình dung là dễ thương lại không tồn tại ở đó với một cường độ và sự trọn vẹn vượt quá sức tưởng tượng của ta. Nhưng từ cái sự chói lọi của thực tại sống động ấy, mỗi người chỉ nhìn thấy điều mà sự phát triển của mình khiến cho mình nhận thức được.

Thật khó miêu tả sự khác nhau giữa vật chất của các cảnh khác nhau trên cõi trí tuệ bởi vì người chép sách không còn hình dung từ nào để toan tính mô tả cảnh thấp nhất, như vậy y lại càng chẳng còn tìm ra được từ ngữ nào để mô tả những cảnh cao hơn. Ta chỉ có thể nói rằng khi ta vươn lên cao thì vật liệu trở nên thanh bai hơn, các hòa âm đầy đủ hơn, ánh sáng linh hoạt hơn và trong suốt hơn. Trong âm thanh có nhiều họa âm hơn, trong màu sắc có nhiều sắc thái tinh tế hơn, khi ta vươn lên qua các cảnh giới thì có thêm nhiều màu sắc mới lạ. Người ta nói một cách thơ mộng và rất đúng rằng ánh sáng của cõi thấp là bóng tối của cõi ngay phía trên nó.

Trên cảnh cao nhất, vật chất được làm cho linh hoạt và sinh động nhờ vào một năng lượng chảy từ trên xuống giống như ánh sáng xuất phát từ cõi Bồ đề. Khi ta giáng xuống

qua mỗi cảnh thì vật chất của mỗi cảnh trở thành năng lượng của ngay phía trên nó; nói cho chính xác hơn thì năng lượng nguyên thủy cộng với vật chất của các cảnh cao trở thành năng lượng làm linh hoạt cảnh thấp ngay bên dưới. Như vậy, cảnh thứ bảy tức cảnh thấp nhất gồm có năng lượng nguyên thủy đã bị che phủ hoặc lấp kín sáu lần, và vì vậy nó vô cùng yếu ớt, thiếu linh hoạt.

Khi bước vào cõi trí tuệ với ý thức trọn vẹn, người ta có ấn tượng ban đầu rất giống như trường hợp mô tả ở Chương XX, khi ta bàn tới một người sau khi thể vía đã chết bèn thức tỉnh trên cõi Devachan. Y sẽ trải nghiệm được cực lạc kịch liệt, sinh lực khôn tả, quyền năng gia tăng ghê gớm và hoàn toàn tin chắc xuất phát từ những điều này. Y thấy mình ở giữa cái đối với y dường như là trọn cả một vũ trụ ánh sáng, màu sắc và âm thanh hằng biến đổi. Y dường như đang trôi nổi trong một biển ánh sáng sống động, xung quanh là đủ thứ màu sắc và hình tướng dễ thương mà y có thể tưởng tượng được; mọi thứ này đều biến đổi theo mọi làn sóng tư tưởng phóng ra từ tâm trí mình, và quả thật y ắt chỉ phát hiện được tư tưởng của mình biểu hiện qua vật chất của cõi này cũng như tinh hoa ngũ hành của nó. Như ta thấy trước kia, tư tưởng cụ thể có hình dạng các đối tượng trong khi ý niệm trừu tượng thường được biểu diễn bởi đủ thứ hình kỷ hà hoàn chỉnh và đẹp nhất. Về vấn đề này ta nên nhớ rằng nhiều tư tưởng đối với chúng ta trên cõi trần chẳng khác nào chỉ là những điều trừu tượng, thì trên cõi trí tuệ lại là những sự kiện cụ thể.

Cảm giác tự do trên cõi trí tuệ lớn đến nỗi khi so sánh với sinh hoạt trên cõi trung giới thì sinh hoạt ấy dường như là tình trạng tù đày. Bất cứ người nào muốn rút lui ra khỏi môi trường xung quanh trên cõi trí tuệ và dành hết năng lực cho việc suy tư yên tĩnh đều có thể sống trong một thế giới của riêng mình mà không thể bị chen vào quấy nhiễu; y cũng có thêm lợi ích là nhìn thấy được mọi ý tưởng của mình và hậu quả của chúng được thể hiện ra trọn vẹn, lướt qua trước mắt y như một loại toàn cảnh.

Tuy nhiên muốn quan sát cõi mà mình ở trên đó y phải rất cẩn thận làm tạm ngưng tư tưởng của chính mình trong một thời gian để cho y không chịu ảnh hưởng của vật chất dễ bị gây ấn tượng xung quanh mình (xem trang 114). Sau khi đã đạt tới tình huống mà mình không còn là trung tâm bức xạ ánh sáng, màu sắc, âm thanh và hình tướng nữa thì chẳng vì thế mà cõi trí tuệ lại ngưng tồn tại; ngược lại, các họa âm và ánh sáng lóng lánh của nó lại càng lớn lao hơn bao giờ hết. Bây giờ y mới nhận thức được rằng mình đang chứng kiến ngôn ngữ màu sắc của các thiên thần, là cách biểu lộ tư tưởng hoặc đàm đạo của những sinh linh cao hơn hẳn bản thân y trên thang tiến hóa. Nhờ thực nghiệm và thực hành y ắt cũng phát hiện được rằng bản thân mình có thể sử dụng cách diễn tả ấy, vậy là đàm đạo được và học hỏi được từ những thực thể cao siêu phi nhân loại mà ta sẽ mô tả ở một chương sau này. Đó là vì học viên ắt nhớ lại rằng một hình tư tưởng bao gồm những hạt vật chất trí tuệ rung động rất nhanh, tạo ra các chấn động ngay xung quanh nó, và những chấn động này làm nảy sinh ra các cảm giác âm thanh và màu sắc nơi bất kỳ thực thể nào đã thích ứng được để diễn dịch chúng ra như vậy.

Một khách tham quan cõi trí tuệ, cũng có thể tạo ra xung quanh bản thân mình một lớp vỏ bảo vệ khổng lồ mà không một tư tưởng hoặc lời đàm đạo nào của các thực thể khác có thể xuyên thấu qua đó được. Thế rồi khi giữ cho tâm trí mình hoàn toàn yên tĩnh, y có thể khảo sát tình huống bên trong lớp vỏ.

Bây giờ y có thể nhận thức được một loạt khác hẳn những mạch động đều đặn mà những hiện tượng nhân tạo hơn khác nữa đã làm che khuất đi. Đây là những điều phổ biến khắp vũ trụ mà quyền năng của con người không thể kiểm soát hoặc đẩy lùi bằng bất kỳ lớp vỏ nào. Chúng không tạo ra màu sắc hoặc hình tướng mà chảy một cách đều đặn không gì

cản trở được xuyên qua mọi vật chất của cõi từ trong ra ngoài rồi lại từ ngoài vào trong giống như hơi thở ra và hít vào của hơi thở lớn.

Có nhiều tập hợp các mạch động này, phân biệt rõ rệt nhau qua âm lượng, thời gian rung động và cung bậc của họa âm mà nó mang lại. Lớn hơn bất cứ thứ nào khác ta thấy có một làn sóng lớn dường như là chính nhịp đập trong tim của hệ thống – làn sóng này trào dâng từ các trung tâm không ai biết được trên các cõi cao xa tuôn đổ sự sống qua trọn cả thế giới của ta để rồi rút lại qua đợt sóng triều ghê gớm về tới nơi xuất phát ra mình. Nó đi theo một đường cong dài dọn sóng và âm thanh của nó giống như tiếng rì rào của biển. Thế nhưng bên trong nó và xuyên qua nó có vọng lên một bài ca khải hoàn vang rền là chính âm nhạc của các tinh cầu.

Người nào đã từng một lần nghe thấy cái bài hát vinh diệu của thiên nhiên ấy ắt chẳng bao giờ quên mất nó hoàn toàn. Ngay cả trên cõi hồng trần mà so sánh với nó thật âm đậm xiết bao, y vẫn luôn luôn nghe thấy nó dưới dạng một loại âm rất thấp.

Nếu người ta đã đạt tới một trình độ phát triển tâm linh nào đó thì y có thể hòa lẫn tâm thức mình với làn sóng cần quét ấy và phó mặc cho nó đưa mình lên tới tận cội nguồn của nó. Nhưng ta nên khôn ngoan đừng làm như vậy nếu không có một Chơn sư ở ngay bên cạnh để kéo mình về vào đúng lúc; bởi vì bằng không thì sức mạnh vô địch của nó ắt mang y đi lên tới cõi còn cao hơn nữa mà những điều vinh diệu lớn lao hơn hẳn thì Chơn ngã của y cho đến nay vẫn chưa dung nạp nổi. Y sẽ mất hết ý thức mà không chắc chắn được bao giờ và ở đâu thì mình mới phục hồi lại được.

Trong khi việc đạt được sự hiệp nhất như vậy là mục tiêu tối hậu của cơ tiến hóa của con người, thì y phải đạt tới mục tiêu ấy bằng tâm thức trọn vẹn và toàn bích chứ không buông trôi để bị hấp thu vào một trạng thái vô ý thức trống rỗng chẳng khác bao nhiêu với việc bị diệt vong.

Trên cõi trí tuệ, người ta có thể đi vòng quanh thế giới bằng tốc độ tư tưởng; y ở phía thế giới khác ngay khi muốn ở chỗ đó, vì sự đáp ứng của vật chất trí tuệ với tư tưởng là ngay tức khắc và ý chí rất dễ kiểm soát được nó.

Trên cõi trí tuệ không có sự luân phiên ngày và đêm, cũng chẳng có gì tương ứng với việc thức hoặc ngủ, dĩ nhiên ngoại trừ việc lần đầu tiên nhập vào cõi này rồi cuối cùng rời bỏ nó.

Cũng như cõi trần có ba chiều đo, còn cõi trung giới có bốn chiều đo; cũng vậy cõi trí tuệ có năm chiều đo. Nhưng như ta đã giải thích trong quyển *Thế Vía* trang 165, có lẽ chính xác hơn phải nói rằng tâm thức trên mỗi cõi có thể thâm định được thế giới mà mình đang hoạt động trong đó qua số chiều đo nêu trên.

Ba dạng năng lượng ta đã biết đều được biểu lộ thích đáng trên mọi cõi mà học viên đã từng đạt tới. Vì thế cho nên, Fohat, Prana và Kundalini đều tồn tại trên cõi trí tuệ mặc dù hiện nay ta chẳng biết bao nhiêu về chi tiết sự vận hành của chúng.

Một người có ý thức trọn vẹn trên cõi trí tuệ, dĩ nhiên nhìn thấy trọn cả loài người chỉ ngoại trừ những kẻ đang sống trong thể thượng trí thôi, vì mọi người đang sinh hoạt trong thể vía hoặc thể xác cũng phải có thể trí. Tuy nhiên những người nào bị hạn chế trong lớp vỏ tư tưởng của mình trên cõi trời khó lòng được coi là bạn đồng hành của mình vì lý do đã được giải thích ở Chương nói về Devachan.

Giữa những người có ý thức trọn vẹn trên cõi trí tuệ đều có một sự hiệp nhất khắng khít hơn hẳn so với mức có thể đạt được ở bất kỳ mức nào thấp hơn. Một người không còn có thể lừa gạt được người khác về điều mà mình suy nghĩ, vì mọi tác động của trí tuệ đều mở ngỏ trước con mắt của mọi người nhìn. Giờ đây người ta có thể trao đổi ý kiến hoặc cảm

tưởng chẳng những với tốc độ nhanh như tư tưởng mà còn với sự chính xác hoàn toàn, vì giờ đây mỗi người đều tiếp nhận ý tưởng chính xác về người khác, trong sạch, rõ rệt, ngay tức khắc mà không làm cho y bị lạc đường khi đi qua mê lộ của ngôn từ.

Học viên ắt nhớ lại rằng trên cõi trung giới ngôn ngữ bất đồng là một rào cản của giao tiếp vì tư tưởng phải được diễn tả dứt khoát bằng ngôn từ thì một thực thể khác trên cõi này mới hiểu nổi. Tuy nhiên trên cõi trí tuệ người ta giao tiếp trực tiếp với nhau bằng sự chuyển đi tư tưởng cho dù ngôn từ của họ có thể ra sao đi chăng nữa.

Không gian chẳng phải là rào cản đối với một người có thể tiếp xúc với bất kỳ người nào khác chỉ bằng cách chú ý đến y thôi. Hàng rào thực sự giữa những con người là hàng rào do khác nhau về trình độ tiến hóa. Kẻ tiến hóa thấp hơn chỉ có thể biết người tiến hóa cao hơn tới mức mà mình có thể hưởng ứng được; và những sự hạn chế như vậy chỉ có kẻ tiến hóa cao hơn mới có thể cảm thấy rõ rệt vì kẻ tiến hóa thấp hơn có mọi điều mà y dung chứa được.

Phương pháp tìm kiếm một người trên cõi trí tuệ cho dù y đã chết hay còn sống là như sau. Đó là vì mỗi một trong các hiện thể của con người đều có cái có thể gọi là một chủ âm, một cung bậc trung bình của đủ thứ lực và phẩm tính thuộc con người trên cõi hữu quan. Chưa bao giờ ta thấy có hai người mà nốt chủ âm đồng nhất với nhau ở mọi mức, nghĩa là dĩ thái, trung giới, hạ trí và thượng trí sao cho khi ta trở chúng lên cùng một lúc thì chúng tạo thành một hợp âm. Như vậy hợp âm của mỗi người là độc nhất vô nhị và cho dù y đang thức hay đang ngủ, đang sống hay đã chết thì hợp âm của y vẫn luôn luôn giống nhau. Và người ta luôn luôn có thể dùng hợp âm ấy để tìm ra y.

Nếu một người ở trên cõi cao, chỉ trong thể nguyên nhân thôi, thì y vẫn còn có hợp âm mang theo mình, vì các nguyên tử trường tồn là quá đủ để tạo ra âm thanh đặc biệt.

Nhà thấu thị lão luyện vốn có thể cảm thấy được hợp âm đều chỉnh hợp các hạ thể của chính mình ngay lúc đó chính xác theo những nốt nhạc ấy rồi dùng một nỗ lực ý chí để phóng đi âm thanh của nó. Cho dù con người cần tìm kiếm có thể ở bất cứ nơi đâu trong ba cõi thì y vẫn có một sự đáp ứng ngay tức khắc. Thể nguyên nhân của y chói sáng ngay tức khắc, giống như một ngọn lửa lớn và nhà thấu thị thấy ngay được điều này sao cho một luồng giao tiếp từ khí được xác lập.

Nhà thấu thị có thể sử dụng đường ấy làm một loại kính viễn vọng, hoặc nếu muốn y có thể phóng tâm thức mình đi lóe lên dọc theo đường ấy với tốc độ ánh sáng và nhìn từ đầu này của đường truyền thấy rõ được nó.

Hợp âm của con người chính là pháp danh huyền bí chân thực của y. Một truyền thuyết mơ hồ nào đây về điều này có lẽ là nguồn gốc của niềm tin trong số một vài người đã man cho rằng phải giấu kín tên thực của một người kẻ pháp thuật sẽ tác hại đến y.

Ta cũng có thể nói rằng vào mỗi cuộc Điểm đạo con người lại thay đổi pháp danh chân thực, vì mỗi cuộc Điểm đạo là mỗi lần có sự công nhận chính thức việc thành tựu tiến bộ mà có thể nói đã giúp con người nâng bản thân lên một khóa nhạc cao hơn sao cho từ nay trở đi hợp âm của y phải được trở lên khác đi.

Ta không được lẫn lộn pháp danh của người này với pháp danh của thể Hào quang (Xem bên dưới) vì đó là hợp âm của ba nguyên khí thuộc Chơn ngã, được tạo ra do rung động của các nguyên tử Atma, Bồ đề và Thượng trí, cũng như Chơn thân ẩn đằng sau chúng.

Thực ra thì ta không hề nghe thấy hoặc nhìn thấy hợp âm; ta tiếp nhận nó bằng một nhận thức phức hợp đòi hỏi thực tế cùng một lúc có sự hoạt động của tâm thức nơi thể nguyên nhân và nơi mọi hạ thể.

Vậy là mọi người đều phát âm pháp danh chân chính của riêng mình. Cũng giống như y có hơi hám riêng về vật chất mà một con chó săn có thể lần mò theo vết; cũng vậy y có âm thanh về mặt tâm linh. Những người có thể nghe thấy âm thanh ấy của y nơi các nội giới đều biết y ở đâu trên thang tiến hóa, y có thể làm gì và không thể làm gì. Hội viên Tam Điểm ắt nhận ra hợp âm là “cú gõ” của của chính con người, là “bản phúc trình” của chính y do Chơn ngã nêu ra, nó mở ra cho con người con đường dẫn vào Chi bộ chân chính.

Thê Hào quang tức con người vinh danh là một tên gọi đôi khi dành cho ba nguyên khí cao của một người, nghĩa là Atma-Buddhi-Manas, vốn cấu thành Chơn ngã trong thê nguyên nhân. Dĩ nhiên đây không phải là hình ảnh của bất kỳ hiện thể nào trong các hiện thể quá khứ của con người mà nó chứa đựng trong bản thân tinh hoa của mọi điều tốt đẹp nhất trong mỗi một hiện thể quá khứ; đó là thê biểu thị ít nhiều hoàn chỉnh dường như thê nhờ kinh nghiệm mà nó được tăng trưởng biểu thị đáng thiêng liêng ngụ ý ra sao để cho con người sẽ được như vậy.

Từ hiện thể ấy, trên cõi nguyên nhân, ta có thể nhìn thấy chẳng những lịch sử trong quá khứ của con người là gì mà còn thấy được trong một chừng mực đáng kể tương lai ngay trước mắt mình.

CHƯƠNG XXVIII **TIÊN THIÊN KÝ ẢNH**

Không một sự miêu tả cõi trí nào mà lại hoàn chỉnh nếu ta không nhắc tới cái được gọi là Tiên thiên ký ảnh. Chúng cấu thành lịch sử duy nhất đáng tin cậy của thế giới và thường được gọi là ký ức của thiên nhiên, cũng như Sổ ghi chép chân thực về Nghiệp báo, tức Sổ Bộ đời của các Nghiệp quả Tinh quân (Lipika).

Từ ngữ Tiên thiên hơi bị gọi lệch lạc một chút bởi vì mặc dù ta đọc ký ảnh từ chất Tiên thiên khí (Ākāsha) tức vật chất trên cõi trí tuệ, thế nhưng chúng không thực sự thuộc về cõi này. Có một tên gọi còn tồi hơn nữa mà trong khi tài liệu buổi ban đầu về đề tài này người ta thường sử dụng, đó là “ký ảnh của tinh tú quang” vì chúng vượt xa cõi trung giới, chỉ có những cảnh thoáng nhìn thấy vụn vặt xuất hiện trên cõi trung giới mà bây giờ ta sẽ thấy.

Từ ngữ Tiên thiên là thích hợp chỉ vì trên cõi trí tuệ lần đầu tiên ta mới tiếp xúc dứt khoát với ký ảnh và thấy có thể làm việc với chúng một cách đáng tin cậy.

Học viên đã quen thuộc với sự kiện khi một người phát triển thì thê thượng trí của y vốn xác định giới hạn hào quang của y bèn gia tăng kích thước cũng như độ sáng và sự thanh khiết về màu sắc. Khi theo đuổi quan niệm này tới một mức cao hơn nhiều thì ta đạt tới ý tưởng rằng Đức Thái Dương Thượng Đế bao hàm bên trong mình trọn cả Thái dương hệ. Vì thế cho nên bất cứ điều gì xảy ra bên trong Thái dương hệ đều ở bên trong tâm thức của Thượng Đế. Như vậy ta thấy ký ảnh chân thực là ký ức của Ngài.

Và lại ta cũng thấy rõ rệt rằng cho dù ký ức ấy tồn tại trên bất cứ cõi nào thì nó cũng vượt xa bất cứ thứ gì mà ta biết được. Do đó cho dù ta tìm được cách đọc bất cứ ký ảnh nào đi nữa thì nó cũng chỉ là phản ảnh của ký ảnh vĩ đại nguyên bản được phản chiếu xuống môi trường thô trực hơn của các cõi thấp hơn.

Ta biết có các ký ảnh này trên cõi bờ đề, trí tuệ và trung giới; ta sẽ mô tả chúng theo thứ tự ngược lại.

Trên cõi trung giới sự phản chiếu cực kỳ bất toàn; ta có thể thấy những ký ảnh như vậy cực kỳ manh mún và thường bị méo mó ghê gớm. Trong trường hợp này thật là rất hay khi ta dùng phép tương tự là nước vốn rất thường được sử dụng làm biểu tượng của cõi trung giới. Sự phản chiếu rõ rệt trong nước yên lặng cùng lắm cũng chỉ là một sự phản chiếu biểu diễn một sự vật có ba chiều đo bằng một sự vật có hai chiều đo, rồi cũng chỉ biểu diễn được hình dạng và màu sắc của sự vật, sự vật lại còn bị đảo ngược nữa. Nếu mặt nước bị xáo động thì sự phản chiếu sẽ bị vỡ vụn và méo mó đến nỗi hầu như vô dụng và thậm chí gây lầm lạc trong việc hướng dẫn ta nhận thức hình ảnh và dáng vẻ chân thật của sự vật được phản chiếu.

Thế mà trên cõi trung giới ta chưa bao giờ có bất cứ điều gì gần tương ứng với một bề mặt yên lặng. Ngược lại ta phải đối phó với một chuyển động nhanh chóng gây rối mắt. Vì thế cho nên ta không thể trông cậy vào việc có một sự phản chiếu rõ ràng và xác thực. Do đó, một nhà thần nhãn chỉ có năng khiếu nhìn thấy trên cõi trung giới chẳng bao giờ trông cậy gì được vào bất cứ hình ảnh nào trong quá khứ xuất hiện trước mắt mình là chính xác và hoàn hảo. Đó đây cũng có một bộ phận nào đấy của nó được như vậy, nhưng tuyệt nhiên y chẳng biết đó là bộ phận nào. Khi được rèn luyện cẩn thận lâu dài, y có thể học cách phân biệt giữa những ấn tượng đáng tin cậy và những ấn tượng không đáng tin cậy, xây dựng từ những phản chiếu rời rạc một loại hình nào đó về sự vật được phản chiếu. Nhưng thường thường thì rất lâu trước khi làm chủ được các khó khăn này, y đã phát triển được thần nhãn trên cõi trí tuệ vốn làm cho công việc lao động vất vả ấy không còn cần thiết nữa.

Trên cõi trí tuệ tình huống khác hẳn. Ở đây, ký ảnh là trọn vẹn và chính xác; ta cũng có thể nhầm lẫn khi đọc nó. Điều này có nghĩa là bất kỳ số lượng nhà thần nhãn nào mà dùng thần nhãn trí tuệ để khảo sát một ký ảnh nào đó, đều thấy chính xác cùng một sự phản chiếu và mỗi người đều đạt được một ấn tượng chính xác khi đọc ký ảnh.

Với năng khiếu của thể nguyên nhân, nhiệm vụ đọc ký ảnh còn dễ hơn nữa. Thật vậy, dường như để đọc được hoàn chỉnh (xét về khả năng trên cõi trí tuệ) thì Chơn ngã phải hoàn toàn thức tỉnh sao cho nó có thể sử dụng vật chất nguyên tử của cõi trí tuệ.

Ta thừa biết rằng nếu một số người chứng kiến một diễn biến xảy ra trên cõi trần thì tường trình của họ sau đó thường biến thiên rất nhiều. Điều này là do quan sát thiếu sót, mỗi người chỉ nhìn thấy đặc điểm trong diễn biến thu hút mình nhất.

Trong trường hợp quan sát trên cõi trí tuệ thì yếu tố cá nhân không ảnh hưởng nhiều tới ấn tượng mà ta nhận được. Đó là vì mỗi quan sát viên đều hoàn toàn lĩnh hội được trọn cả đề tài, và vì vậy y có thể nhìn thấy các bộ phận của nó lệch ngoài tỉ lệ đúng đắn.

Tuy nhiên, sự sai lầm có thể dễ dàng xảy ra trong việc truyền ấn tượng nhận được xuống các cõi thấp. Ta có thể xếp nhóm đại khái những lý do của việc này là vì chính quan sát viên và do khó khăn cố hữu hoặc nói cho đúng hơn không thể thực thi nhiệm vụ một cách hoàn hảo.

Xét theo bản chất sự việc thì chỉ một phần nhỏ kinh nghiệm trên cõi trí tuệ có thể được biểu diễn trên cõi hồng trần, vì thế cho nên do mọi sự diễn đạt đều mang tính một phần, rõ rệt là ta có một khả năng nào đó để chọn lựa bộ phận được diễn tả. Cũng chính lý do này, những cuộc khảo cứu bằng thần nhãn của các nhà Thông Thiên Học hàng đầu được thường xuyên kiểm chứng và kiểm soát bởi ít ra là hai nhà quan sát trước khi người ta công bố việc khảo cứu.

Tuy nhiên ngoài yếu tố cá nhân ra còn có những khó khăn cố hữu nhằm đưa ấn tượng từ một cõi cao xuống một cõi thấp. Để hiểu được điều này, ta nên biết tới sự tương tự về thuật hội họa. Một họa sĩ đã cố gắng mô phỏng một vật ba chiều trên một bề mặt phẳng, dĩ

nhiên chỉ có hai chiều đo. Ngay cả bức tranh hoàn hảo nhất thực ra hầu như còn lâu lắm mới mô phỏng được phong cảnh mà nó biểu diễn: đó là vì không một đường đơn nào hoặc một góc đơn nào trong đó có thể giống hệt như những thứ trên sự vật được sao chép. Đó chỉ là một toan tính rất khéo léo nhằm tạo ra theo một ý nghĩa thôi nhờ vào những đường nét và màu sắc trên một nguồn thông tin phẳng gây ra ấn tượng giống như ấn tượng phong cảnh thực tác động lên. Nó chẳng thể truyền đạt cho ta điều gì ngoại trừ sự ám thị tùy thuộc vào kinh nghiệm trước kia của chính ta, chẳng hạn như tiếng gầm rú trên biển cả, mùi hương của những đóa hoa, vị ngọt của trái cây, độ cứng hoặc mềm của các bề mặt.

Việc nhà thần nhân cố gắng diễn tả các hiện tượng trên cõi trí bằng ngôn ngữ trên cõi trần còn gặp khó khăn lớn hơn nhiều, bởi vì như ta đã nói ở một Chương trước kia, cõi trí tuệ có năm chiều đo.

Dáng vẻ của ký ảnh biến thiên trong một chừng mực nào đó tùy theo tình huống mà người ta nhìn thấy ký ảnh. Trên cõi trung giới, sự phản ảnh thường là một hình ảnh đơn giản, mặc dù đôi khi hình được nhìn thấy lại là hình cử động. Trong trường hợp này, thay vì chỉ là hình ảnh chụp chớp nhoáng thì đúng hơn đã có một sự phản chiếu dài hạn và hoàn hảo xảy ra.

Trên cõi trí tuệ chúng có hai khía cạnh khác hẳn nhau. *Một* là, nếu người quan sát không đặc biệt nghĩ tới chúng thì ký ảnh chỉ tạo thành một bối cảnh cho bất cứ điều gì đang diễn tiến. Trong tình huống ấy, chúng quả thực chỉ là những sự phản chiếu từ hoạt động không ngừng của một Tâm thức lớn trên một cõi cao hơn nhiều và rất giống dáng vẻ của những hình điện ảnh. Tác động của những hình ảnh được phản chiếu thường xuyên tiếp diễn như thể người ta đang quan sát các diễn biến trên một sân khấu ở xa.

Hai là, nếu nhà quan sát lão luyện đặc biệt chú ý tới bất kỳ phong cảnh nào thì nó sẽ ngay tức khắc xuất hiện trước mắt y bởi vì đây là cõi tư tưởng không bị cản trở. Như vậy, nếu y muốn nhìn thấy Julius Caesar đổ bộ xuống nước Anh thì chỉ trong chốc lát y thấy mình chẳng những nhìn vào bức tranh mà còn đứng thực sự trên bờ biển trong đám lính quân đoàn cổ La Mã với trọn cả phong cảnh diễn ra xung quanh mình giống hệt khi y thấy nó, nếu y đã từng ở đó lúc nó diễn ra vào năm 55 trước Công nguyên. Các diễn viên dĩ nhiên hoàn toàn không có ý thức gì về y vì họ chẳng qua chỉ là hình phản chiếu, bất cứ nỗ lực thay đổi nào của y cũng tuyệt nhiên không ảnh hưởng tới lộ trình tác động của họ.

Nhưng y có quyền kiểm soát tốc độ vỡ tuồng diễn ra trước mắt y. Vậy là y có thể khiến cho các diễn biến trong một năm xảy ra trước mắt y chỉ nội trong một tiếng đồng hồ. Y có thể chặn đứng chuyển động lại vào bất cứ lúc nào và chừng nào y muốn thì đều có thể giữ cho bất kỳ phong cảnh đặc biệt xem trong bao lâu cũng được.

Chẳng những y nhìn thấy mọi thứ có thể nhìn được trên cõi trần nếu y có mặt lúc diễn biến xảy ra mà y còn nghe thấy và hiểu được điều người ta nói, y có ý thức về tư tưởng và động cơ thúc đẩy của mình.

Có một trường hợp đặc biệt khi một nhà khảo cứu có thể gia nhập vào một diễn biến với sự đồng cảm mật thiết hơn so với ký ảnh. Nếu y đang quan sát một phong cảnh mà bản thân y tham gia vào đó trong một kiếp trước thì có hai khả năng mở ra trước mắt y: (1)- Y có thể nhìn thấy nó theo kiểu thông thường cũng như một khán giả mặc dù (như ta đã biểu thị ở trên) một khán giả có sự thiện cảm và giác ngộ thật hoàn hảo, (2)- Y có thể một lần nữa đồng nhất hóa mình với cái phạm ngã đã chết từ lâu rồi của mình để trải nghiệm lại tư tưởng và xúc động của thời ấy. Thật vậy, y thu hồi từ tâm thức vũ trụ cái bộ phận mà bản thân y đã liên kết với nó.

Học viên ắt dễ dàng nhận thức được những khả năng kỳ diệu mở ra trước mắt kẻ nào làm chủ hoàn toàn được khả năng đọc thoải mái Tiên thiên ký ảnh. Y có thể thoải mái duyệt lại mọi lịch sử, sửa chữa lại nhiều sai lầm và quan niệm lầm lạc vốn đã len lỏi vào những bài tường thuật do các sử gia trao truyền lại. Y cũng có thể quan sát chẳng hạn như những sự biến đổi địa chất vốn đã xảy ra và những đại họa đã nhiều lần làm thay đổi bộ mặt trái đất.

Người ta thường có thể xác định được ngày tháng của bất kỳ ký ảnh nào mà ta có thể khảo sát, nhưng điều này rất mất công và đòi hỏi nhiều khéo léo. Có nhiều cách làm như vậy: (1) người quan sát có thể nhìn vào tâm trí của một người thông minh hiện diện trong bức tranh và nhìn thấy ngày tháng mà y giả sử đúng là như vậy; (2) y có thể quan sát thấy ngày tháng được viết trong một bức thư hoặc tài liệu. Ngay khi y đã tìm được ngày tháng, chẳng hạn như đối với hệ thống niên đại của La mã hoặc Hi Lạp thì dĩ nhiên chỉ là vấn đề tính toán để rút gọn nó về hệ thống được chấp nhận hiện nay, (3) y có thể quay sang một ký ảnh hiện đại nào đấy mà ngày tháng của nó có thể dễ dàng nhận biết được từ những nguồn lịch sử thông thường.

Trong những thời kỳ tương đối mới đây thì thường không có sự khó khăn nào khi nhận biết ngày tháng, nhưng trong những thời kỳ xa xưa hơn nhiều thì ta phải chọn theo những phương pháp khác. Ngay cả khi ta có thể đọc ngày tháng trong tâm trí của một người nào đó sinh hoạt trong bối cảnh ấy thì cũng có thể gặp khó khăn khi liên hệ hệ thống ngày tháng của y với hệ thống của người quan sát. Trong những trường hợp như thế thì (4) người quan sát có thể để cho ký ảnh quay trước mắt mình [y có thể làm như vậy theo bất kỳ tốc độ nào chẳng hạn như một năm tương đương với một giây hoặc nhanh hơn nếu y muốn] và đếm số năm từ ngày tháng đã được biết. Trong những trường hợp như thế, dĩ nhiên y cần tạo ra một ý niệm gần đúng nào đó xét theo dáng vẻ bên ngoài nói chung và môi trường xung quanh của thời kỳ để cho y không có một chuỗi năm kéo quá dài nên không thể đếm được. (5) Nếu số năm trải dài ra tới hàng ngàn thì phương pháp nêu trên ắt quá nhàm chán nên không thực tiễn. Người quan sát có thể theo phương án lưu ý một điểm trên trời mà trục trái đất đang chỉ vào đó để tính toán ngày tháng từ những dữ liệu đã biết liên quan tới chuyển động quay thứ cấp của trái đất mà ta gọi là tiếng động của các phân điểm. (6) Trong những ký ảnh rất sơ khai về các diễn biến xảy ra cách đây nhiều triệu năm, thời kỳ tiếng động của các phân điểm (vào khoảng 26 ngàn năm) có thể được dùng làm một đơn vị. Trong những trường hợp này ta không cần hoàn toàn chính xác bởi vì ngày tháng tính theo những con số chẵn cũng đủ cho mọi mục đích thực tiễn khi bàn tới những thời kỳ xa xưa như vậy.

Việc đếm số chính xác ký ảnh chỉ có thể được sau khi đã rèn luyện kỹ lưỡng. Như ta thấy cần có thần nhãn trên cõi trí tuệ trước khi ta có thể đọc được một cách đáng tin cậy. Thật vậy, khả năng sai lầm giảm thành tối thiểu nếu thần nhãn trí tuệ được người khảo cứu làm chủ trọn vẹn trong khi còn tỉnh thức nơi thể xác; và muốn được như vậy thì ta cần có những năm lao động vất vả và kỷ luật tự giác nghiêm khắc. Và lại vì ký ảnh thực ở trên một cõi hiện nay vượt xa tầm với của ta, cho nên muốn hiểu được chúng hoàn toàn thì cần có những năng khiếu thuộc một cấp cao hơn nhiều so với bất kỳ cấp nào mà nhân loại đã tiến bộ tới được. Vì thế cho nên quan niệm hiện nay của chúng ta về trọn cả vấn đề này tất nhiên phải bất toàn vì ta đang xem xét chúng từ bên dưới thay vì từ bên trên.

Ta không được lẫn lộn Tiên thiên ký ảnh (akashic records) với những hình tư tưởng (thought forms) chỉ là nhân tạo vốn hiện diện rất nhiều trên cả cõi hạ trí lẫn cõi trung giới.

Vậy là, chẳng hạn như ta đã từng thấy ở Chương VIII, bất kỳ diễn biến lịch sử vĩ đại nào đã được một số lớn người thường xuyên nghĩ đến và hình dung một cách sống động đều

tồn tại dưới dạng một hình tư tưởng nhất định trên cõi hạ trí. Điều này cũng áp dụng cho những nhân vật chính trong các vở tuồng, chuyện hư cấu v.v. . . Những sản phẩm tư tưởng ấy (ta nên lưu ý chúng thường là tư tưởng hoàn toàn vô minh hoặc thiếu chính xác) dễ nhìn thấy hơn nhiều so với Tiên thiên ký ảnh thực, vì ta có nói, muốn đọc ký ảnh cần phải được huấn luyện, trong khi muốn nhìn thấy hình tư tưởng thì chẳng cần gì ngoài việc liếc nhìn vào cõi hạ trí.

Vì thế cho nên nhiều linh ảnh của các vị thánh, nhà thấu thị v.v. . . không phải là các ký ảnh chân thực mà chỉ là những hình tư tưởng.

Có một phương pháp để đọc các ký ảnh là nhờ vào thuật trắc tâm. Dường như có một thứ ái lực hoặc sự gắn bó từ khí giữa bất kỳ hạt vật chất nào với ký ảnh bao hàm lịch sử. Thật vậy, mỗi hạt đều mãi mãi mang theo mình ấn tượng về bất cứ thứ gì đã xảy ra gần kề bên nó. Ái lực này khiến cho nó có thể đóng vai trò là một loại vật dẫn giữa ký ảnh với những năng khiếu thuộc bất cứ ai cũng có thể đọc được ký ảnh.

Nhà thần nhãn thiếu lão luyện thường không thể đọc được ký ảnh nếu không có một mối liên kết vật lý như thế khiến y quan hệ với đề tài cần thiết. Phương pháp vận dụng thần nhãn như vậy chính là thuật trắc tâm. Vậy là nếu một mảnh đá chẳng hạn như thuộc về Stonehenge được đưa cho một nhà trắc tâm, thì y có thể thấy và mô tả được những tàn tích và vùng lãnh thổ bao xung quanh chúng; hơn nữa, có lẽ y cũng thấy được một số những diễn biến quá khứ liên quan tới Stonehenge, chẳng hạn như những nghi lễ của người Druid.

Hoàn toàn có thể là ký ức thông thường chẳng qua cũng biểu hiện theo cùng nguyên lý ấy. Những phong cảnh mà ta trải qua suốt các kiếp sống dường như tác động lên các tế bào trong bộ óc sao cho nó lập nên một mối liên hệ giữa những tế bào này với bộ phận ký ảnh mà ta đã từng liên kết; thế là ta “nhớ” được điều mà mình đã nhìn thấy.

Ngay cả một nhà thần nhãn lão luyện cũng cần có một mối liên kết giúp y tìm ra được ký ảnh về một diễn biến mà trước đó y chưa biết. Có nhiều cách để thực hiện điều này. Vậy là (1) Nếu y đã từng viếng thăm phong cảnh của diễn biến ấy thì y có thể nhớ lại hình ảnh của địa điểm để rồi lướt qua các ký ảnh cho đến khi y đạt tới thời kỳ mong muốn. (2) Nếu y chưa nhìn thấy địa điểm đang xét thì y có thể chạy ngược thời gian tới ngày tháng trong diễn biến để rồi mưu tìm điều mong muốn. (3) Y có thể khảo sát ký ảnh thuộc thời kỳ này khi y chẳng khó khăn gì mà nhận diện ra được bất cứ nhân vật nổi bật nào liên quan tới diễn biến ấy; lúc bấy giờ y có thể lướt qua các ký ảnh của người ấy cho đến khi y đạt tới diễn biến mà y đang mưu tìm.

Như vậy ta thấy rằng khả năng đọc ký ức của thiên nhiên tồn tại nơi con người ở nhiều mức độ; có một vài nhà thần nhãn lão luyện vốn có thể tùy ý tham khảo ký ảnh cho bản thân, nhà trắc tâm cần có một vật liên quan tới quá khứ để đưa y đến tiếp xúc với quá khứ, người nào có những thoáng nhìn nhất gừng và ngẫu nhiên về quá khứ; người nhìn đắm đắm vào quả cầu pha lê đôi khi có thể hướng kính viễn vọng trung giới kém chắc chắn hơn (xem quyển *Thế Vía* trang 235) tới một phong cảnh nào đó cách đây đã lâu rồi.

Nhiều biểu lộ hạ đẳng của những quyền năng này được vận dụng một cách vô ý thức. Vậy là có nhiều người nhìn đắm đắm vào quả cầu pha lê thấy những phong cảnh từ quá khứ mà không thể phân biệt chúng với những linh ảnh trong hiện tại; những người có khuynh hướng thông linh mơ hồ nhìn thấy những hình ảnh thường xuyên xuất hiện trước mắt mình mà chẳng bao giờ ngộ ra được rằng họ đang thực sự trắc tâm đủ thứ sự vật xảy ra xung quanh mình một cách ngẫu nhiên.

Một biến thể của loại người thông linh này là kẻ chỉ có thể trắc tâm con người thôi thay vì trắc tâm đồ đạc vô tri vô giác (điều này thông thường hơn). Trong hầu hết mọi

trường hợp, năng khiếu này bộc lộ một cách thất thường. Những nhà thông linh ấy khi gặp một người lạ đôi khi trong chớp mắt thấy được một diễn biến nổi bật nào đó trong cuộc đời của người lạ ấy, còn những dịp khác thì họ lại chẳng nhận được một ấn tượng đặc biệt nào.

Hiếm hoi hơn, ta còn thấy những người có được linh ảnh chi tiết về cuộc sống quá khứ của bất kỳ người nào mà mình gặp. Một trong những ví dụ điển hình nhất thuộc lớp này có lẽ là người Đức Zschokke, y mô tả năng khiếu đáng kể của mình một cách tỉ mỉ trong phần tự truyện.

Mặc dù việc bàn về cõi bỏ đề nằm ngoài tầm quyền sách này thế nhưng để cho được hoàn chỉnh; và một lần nữa mang tính minh họa, ta có thể đề cập ngắn gọn tới các ký ảnh khi chúng tồn tại trên cõi bỏ đề.

Ký ảnh được gọi là trí nhớ của thiên nhiên thì trên cõi bỏ đề còn hơn hẳn một trí nhớ theo nghĩa bình thường của từ này. Trên cõi này thời gian, không gian không còn hạn chế nữa. Người quan sát không còn cần phải duyệt lại một loạt các diễn biến vì quá khứ, hiện tại cũng như tương lai đều hiện diện cùng một lúc đối với y, bởi vì y đang ở vào cái được gọi là “Hiện tại Vĩnh hằng”, cho dù cụm từ này nghe ra có vẻ vô nghĩa trên cõi trần.

Cho dù cõi bỏ đề còn ở bên dưới tâm thức của Thượng Đế rất nhiều nhưng vô cùng rõ ràng là “ký ảnh”, chẳng những chỉ là trí nhớ; bởi vì tất cả những gì xảy ra trong quá khứ hoặc những gì xảy ra trong tương lai đều *xảy ra ngay bây giờ*, trước mắt y cũng giống hệt như những diễn biến của cái trí mà ta gọi là hiện tại. Cho dù điều này nghe ra có vẻ khó tin, song lẽ nó lại là sự thật.

Một sự tương tự thuần túy và đơn giản thuộc cõi trần có thể giúp ta phân nào hiểu được quả thật tương lai, quá khứ cũng như hiện tại đều có thể nhìn thấy cùng một lúc.

Ta hãy công nhận hai tiên đề sau đây: (1) Với tốc độ thông dụng ánh sáng trên cõi trần có thể truyền đi vô hạn trong không gian mà không bị mất mát. (2) Thượng Đế vốn toàn hiện ắt phải ở mọi điểm trong không gian chẳng phải lần lượt mà cùng một lúc.

Khi thừa nhận những tiên đề này tất nhiên ta phải suy ra rằng mọi thứ vốn đã từng xảy ra từ khi thế giới bắt đầu được khai sinh ắt ngay lúc này phải diễn ra trước mắt Thượng Đế, không chỉ là trí nhớ mà thật sự diễn ra ngay bây giờ cho Ngài quan sát.

Hơn nữa, do tâm thức chuyển động đơn giản qua không gian, Ngài chẳng những liên tục có ý thức về mọi diễn biến đã từng xảy ra mà còn có ý thức về mọi diễn biến đang xảy ra theo bất kỳ tốc độ nào mà Ngài muốn hoặc tiến về *phía trước* theo chiều ta tính là thời gian hoặc là *ngược lại phía sau*.

Ta không thể nhìn thấy tương lai rõ ràng như quá khứ vì khả năng nhìn thấy tương lai thuộc về một cõi cao hơn nữa. Hơn nữa, mặc dù sự dự đoán vẫn có thể được trong một chừng mực lớn lao trên cõi trí tuệ, thế nhưng nó chưa hoàn chỉnh bởi vì khi bàn tay của người đã tiến hóa rớt tới đâu trong mạng lưới định mệnh thì ý chí đầy quyền năng của y cũng có thể đưa vào những sợi chỉ mới lạ làm thay đổi kiểu mẫu của cuộc sống vị lai. Lộ trình của một người bình thường kém tiến hóa hầu như không có ý chí của riêng mình đáng kể, thường được tiên tri khá đầy đủ, nhưng khi Chơn ngã dừng cảm giữ lấy tương lai trong tầm tay của mình thì ta không thể tiên đoán tương lai chính xác được.

Một người có thể sử dụng thể Atma đều có thể tiếp xúc với Trí nhớ Vũ trụ vượt ngoài tầm giới hạn ngay cả thuộc về Dãy hành tinh của chính mình.

Ở trang 88, ta có đề cập tới một nguyên nhân khả hữu của sự đạo văn. Còn một nguyên nhân nữa đôi khi xảy ra là hai tác giả ngẫu nhiên nhìn thấy cùng một Tiên thiên ký ảnh trong cùng một lúc. Trong trường hợp này, chẳng những xét theo biểu kiến họ đạo văn

lẫn nhau mặc dù mỗi người nghĩ mình đã sáng tạo ra tình tiết, bố cục v.v . . . song thật ra cả hai lại còn đạo văn của lịch sử chân thật thuộc thế giới.

CHƯƠNG XXIX CÁC CƯ DÂN TRÊN CỖ TRÍ TUỆ

Khi phân loại các cư dân trên cõi trí tuệ, ta ắt chọn theo sự phân loại mà các cư dân trên cõi trung giới đã từng được chọn như vậy (xem quyển *Thế Vía* trang 168), nghĩa là (1). Nhân loại; (2). Phi nhân loại; (3). Nhân tạo.

Vì những sản phẩm do các đam mê gian tà của con người vốn đầy dẫy trên phần lớn cõi trung giới lại không thể tồn tại trên cõi trí tuệ, cho nên những phân bộ mà ta phải xét tới tự nhiên là sẽ ít hơn hẳn so với trường hợp các thực thể của trung giới.

Bảng sau đây trình bày những lớp chính:

CƯ DÂN TRÊN CỖ HẠ TRÍ			
Nhân loại		Phi nhân loại	Nhân tạo
đang mang xác	đã bỏ xác		
Các Thánh sư Các Điểm đạo đồ Những người tiến hóa	Con người nhập Devachan	Rūpadevas (Sắc giới thiên thần)	Tinh linh
		Hòn khóm của loài thú	
		Những con thú đã biệt lập ngã tính	
		Giới tinh hoa ngũ hành thứ nhì	

Để cho tiện, ta ắt thấy rằng thực thể nhân loại được chia thành *người đang mang xác*, nghĩa là người vẫn còn gắn bó với thể xác mà ta bảo là “còn sống” và những người “đã chết”, không còn thể xác nữa.

NHÂN LOẠI: CÒN MANG XÁC – Những người vẫn còn gắn bó với thể xác có thể hoạt động với đầy đủ ý thức trên cõi trí tuệ đều hoặc là Thánh sư hoặc là Đệ tử đã được Điểm đạo, bởi vì nếu một học viên chưa được Chơn sư dạy cách sử dụng thể hạ trí thì y ắt không thể tự do vân du, thậm chí ngay cả trên các cảnh thấp.

Các Thánh sư và các Điểm đạo đồ xuất hiện thành những bầu ánh sáng có màu sắc sống động chói lọi, xua tan mọi ảnh hưởng xấu ở bất cứ nơi đâu mà mình đi tới, tỏa ra xung quanh mình một cảm giác bình an và hạnh phúc đến nỗi cả những người không thấy được các ngài cũng đều thường có ý thức được. Hầu hết những công trình quan trọng nhất của các ngài đều được thực hiện trên cõi trí tuệ, nhất là trên các cảnh cao nơi ta có thể tác động trực tiếp lên Chơn ngã. Chính từ cõi này các ngài mới đổ xuống những ảnh hưởng tâm linh vĩ đại nhất tuôn tràn vào cõi tư tưởng. Cũng từ đó các ngài thổi thức đủ thứ phong trào vĩ đại mang lại phúc lợi. Ở đây cũng có nhiều thần lực tâm linh được phân phối ra do sự xả thân của các

đấng Nirmanakayas (Xem quyển *Thế Vía* trang 57); đây cũng là giáo huấn trực tiếp được dành cho các môn đồ đã tiến hóa đúng mức để tiếp nhận được nó theo kiểu này, bởi vì ở đây nó có thể được truyền thụ dễ dàng và hoàn chỉnh hơn trên cõi trung giới. Hơn nữa, chúng có một môi trường hoạt động vĩ đại liên quan tới những người mà ta gọi là “người chết”.

Các Thánh sư hoặc Chơn sư phần lớn là ngự nơi cảnh cao nhất tức cảnh nguyên tử của cõi trí tuệ. Nhưng trong đa số trường hợp những đấng đạt tới mức Chơn tiên không còn giữ lại thể xác, thể vía, thể trí hoặc thể nguyên nhân nữa mà thường xuyên sống ở cảnh cao nhất. Khi các ngài cần giao tiếp với một cõi thấp thì các ngài mới thu hút vào xung quanh mình một hiện thể tạm bợ làm bằng vật chất thuộc cõi ấy.

Để hiểu rõ hơn tình hình trên cõi trí tuệ và các cư dân của nó, ta cũng cần đề cập tới những kẻ không hiện diện trên cõi này. Đặc trưng trên cõi trí tuệ là vị tha và tính linh, cho nên suy ra rằng pháp sư tà đạo và các môn đồ không thể có được chỗ đứng trên đó. Bất chấp sự kiện trí năng phát triển rất cao nơi nhiều đối tượng này và do đó vật chất thuộc các thể trí của họ cực kỳ chủ động và nhạy cảm theo một số đường lối, thế nhưng trong mọi trường hợp thì những đường lối này đều có liên quan tới một loại ham muốn cá nhân nào đó. Chúng chỉ có thể biểu hiện qua phần thấp của thể hạ trí vốn câu kết không tách rời khỏi được vật chất trung giới. Do hậu quả tất nhiên của sự hạn chế này, hoạt động của họ hầu như chỉ hạn chế vào cõi trung giới và cõi trần.

Một người có cuộc sống gian tà và ích kỷ, quả thật cũng có những thời kỳ suy tư hoàn toàn trừu tượng, trong đó y có thể sử dụng thể trí của mình miễn là y đã học được cách làm như thế. Nhưng lúc mà yếu tố cá nhân chen vào và người ta cố gắng tạo ra một kết quả gian tà nào đấy thì tư tưởng không còn trừu tượng và con người thấy mình lại một lần nữa làm việc với vật chất trung giới quen thuộc. Vì vậy, người ta có thể bảo rằng một pháp sư tà đạo chỉ có thể hoạt động trên cõi trí tuệ khi y đã quên mất việc mình là một pháp sư tà đạo.

Nhưng ngay cả khi y quên mất điều ấy thì y cũng có thể nhìn thấy được trên cõi trí tuệ đối với những người hoạt động trên đó một cách hữu thức chứ không bao giờ có khả năng nhìn thấy được đối với những người nhập Devachan, họ hoàn toàn bị cách ly trong thế giới tư tưởng của chính mình mà không một điều gì có tính cách khó chịu hoặc gian tà có thể xâm nhập từ bên ngoài vào.

Đối với người bình thường trong lúc ngủ hoặc những người đã phát triển thông linh trong khi xuất thần, thì cũng có thể xâm nhập vào cõi trí tuệ, mặc dù trường hợp này rất hiếm có. Điều kiện tiên quyết là có cuộc sống và mục đích hoàn toàn thanh khiết và ngay cả khi người ta đạt tới cõi này thì cũng có điều gì đáng gọi là ý thức chân thực mà chỉ là khả năng nhận được một vài ấn tượng. Một ví dụ của điều này được trình bày ở chương *Sinh hoạt trong lúc ngủ* trang 166.

NHÂN LOẠI: ĐÃ THOÁT XÁC – Lớp này bao gồm tất cả những người nhập Devachan, họ đã được mô tả rồi ở các chương bàn về tình huống ấy.

PHI NHÂN LOẠI: Trong quyển *Thế Vía* trang 169 có nói rằng đôi khi ta thấy trên cõi trung giới có một vài thực thể vũ trụ là khách tham quan từ các hành tinh khác và Thái dương hệ khác. Những khách tham quan như thế ta thường gặp ở trên cõi trí tuệ nhiều hơn. Khó khăn trong việc mô tả những thực thể ấy bằng ngôn ngữ loài người hầu như không thể khắc phục được, vì vậy ta sẽ không toan tính làm nhiệm vụ ấy.

Các ngài là những thực thể rất cao cả, có liên quan không phải với cá nhân mà với các tiến trình vũ trụ vĩ đại. Những đấng tiếp xúc với thế giới của ta là các tác nhân trực tiếp để

thi hành luật nhân quả, nhất là liên quan tới những biến động về đất đai và biển cả được sinh ra do động đất, sóng thủy triều và mọi nguyên nhân địa chấn khác.

Các Rūpadevas: là những thực thể mà tín đồ Ấn giáo và Phật tử gọi là Chư thiên, tín đồ Bái Hòa giáo gọi là các Đấng Chúa tể trên trời và dưới đất, tín đồ Ki Tô giáo và Hồi giáo gọi là các thiên thần và những người khác nữa gọi là Con của Thượng Đế v.v. . . đây là một giới các Chơn linh thuộc về một dòng tiến hóa khác hẳn nhân loại; trong dòng tiến hóa này, người ta có thể coi là một giới ngay kể trên nhân loại; cũng giống nhân loại ngay kể trên giới động vật. Tuy nhên ở đây có một sự khác nhau quan trọng; bởi vì trong khi một con thú chỉ có thể chuyển vào giới nhân loại thì khi một con người đạt quả vị Chơn tiên có nhiều sự lựa chọn mà đường lối thiên thần chỉ là một trong số đó. Mặc dù có liên quan tới trái đất, các thiên thần tuyệt nhiên không bị hạn chế vào đó vì trọn cả dãy hành tinh gồm bảy bầu hành tinh của ta chỉ là một thể giới duy nhất đối với họ; họ tiến hóa qua một hệ thống lớn gồm bảy dãy hành tinh.

Đội quân này từ trước tới nay chỉ được chiêu mộ chủ yếu từ đám nhân loại khác nữa trong Thái dương hệ, một số tiến hóa thấp hơn và một số tiến hóa cao hơn chúng ta, vì có một bộ phận rất nhỏ trong nhân loại chúng ta đủ tiến hóa để có thể gia nhập vào hàng ngũ ấy. Dường như chắc chắn là một trong nhiều lớp của họ chưa trải qua bất kỳ trình độ nhân loại nào so sánh được với chúng ta.

Hiện nay ta không thể hiểu thật nhiều về họ, nhưng rõ ràng là cuộc tiến hóa của họ có mục tiêu cao hơn hẳn chúng ta, nghĩa là trong khi trình độ Chơn tiên là quả vị mà ta nhắm tới vào cuối Cuộc tuần hoàn thứ Bảy, thì quả vị mà dòng tiến hóa thiên thần đạt được trong thời kỳ tương ứng ắt cao hơn thế rất nhiều. Đối với họ cũng như đối với ta có một con đường dốc đứng hơn nhưng đi tắt nhiều hơn dẫn tới những đỉnh cao còn hơn thế nữa.

It ra cũng có nhiều loại hình thiên thần giống như có nhiều giống dân và trong mỗi loại hình này đều có nhiều cấp quyền lực hoặc trí năng và phát triển tổng quát sao cho hoàn toàn có tới cả trăm biến thể.

Các thiên thần đã được chia thành chín Cấp mà hồng danh sử dụng trong Giáo hội Ki Tô giáo như sau: Thiên thần, Tổng thiên thần, Tọa thần, Quản thần, Lãnh thần, Dũng thần, Uy thần, Cherubim và Seraphim. Trong số những người này có bảy thuộc về các Cung lớn gộp thành Thái dương hệ, còn hai cấp có thể được gọi là vũ trụ vì chúng có chung một số Thái dương hệ khác.

Trong mỗi Cấp có nhiều loại hình, trong mỗi loại hình có một số người làm việc, một số người trợ giúp những kẻ bị rắc rối và phiền não; một số người làm việc trong đội quân lớn những người đã chết; một số người canh gác, một số vị tham thiên, còn những người khác ở vào trình độ mà họ chủ yếu chỉ quan tâm tới sự phát triển của riêng mình.

Cũng có những thiên thần âm nhạc vốn biểu hiện trong âm nhạc giống như ta biểu diễn bằng ngôn từ; đối với họ một hợp âm rải là một lời chào mừng, một tấu khúc (fugue) là một lời đàm đạo, một nhạc kịch tôn giáo là một bài thuyết trình. Có những thiên thần màu sắc biểu lộ qua sự thay đổi những sắc thái sáng chói giống như kính vạn hoa. Cũng có những thiên thần sinh hoạt và biểu hiện qua mùi thơm và hương thơm. Một phân bộ của loại hình này bao gồm các thiên thần nhang trầm, họ bị thu hút bởi những sự rung động của nó và lấy làm thích thú khi sử dụng những khả năng của nó.

Còn có một loại khác thuộc về giới tinh linh thiên nhiên hoặc tinh linh, chúng không *biểu lộ* nhờ vào mùi hương mà sống bên cạnh, sống dựa vào những hơi phóng phát cho nên ta luôn luôn thấy chúng ở đâu có hương thơm tỏa ra. Có nhiều biến thể, một số hấp thụ những hơi hám thô thiên và ghê tởm, còn một số khác chỉ ngụp lặn trong những hương

thơm thanh bai và tinh vi. Trong số này có một vài loại hình đặc biệt bị thu hút bởi mùi nhang trầm vì vậy ta thấy chúng nơi những nhà thờ có sử dụng nhang trầm.

Những kẻ được dạy dỗ để biết và đáp ứng được với lời kêu gọi từ xưa lúc bắt đầu lễ Thánh thể của Ki Tô giáo, họ chịu trách nhiệm phân phối thần lực và thường được gọi là các thiên thần tông đồ hoặc là thiên sứ. Một số những vị này hoàn toàn thông thạo với lớp công việc ấy do đã thực hành từ lâu rồi, còn những người khác đang tập sự tha thiết học điều cần phải làm và cách làm điều ấy.

Phương pháp tiến hóa của thiên thần chủ yếu là bằng cách phụng sự, một buổi lễ như lễ Thánh thể cung cấp cho họ một cơ hội rất tốt và họ sẵn sàng lợi dụng. Trong buổi sơ lễ thì vị Thiên thần Chủ lễ trước hết đáp ứng với lời hiệu triệu do vị linh mục nêu ra và y dường như triệu tập đám còn lại; trong buổi lễ Chính tức buổi lễ *Hát*, nhạc du dương thời xưa thu hút kẻ tập sự ngay tức khắc phải hát vang rền lên và họ sẵn sàng tham gia buổi lễ vào lúc thích hợp cho mỗi người. Có nhiều loại phụng tự của các thiên thần mà chỉ một vài thiên thần tiếp xúc với loài người chủ yếu liên quan tới các nghi lễ tôn giáo.

Các thiên thần được triệu thỉnh trong những việc phụng tự của Ki Tô giáo có trình độ phát triển tâm linh cao hơn hẳn loài người. Trong Hội Tam Điểm người ta cũng triệu thỉnh sự trợ giúp của thiên thần, nhưng các thiên thần được triệu thỉnh gần mức phát triển trí tuệ của con người hơn và mỗi thiên thần mang theo một số thuộc cấp thi hành mệnh lệnh của mình.

Mọi Chi bộ Hội Tam Điểm được tổ chức chính qui đều phụ trách do một Thiên thần Cung Bầy điều khiển công việc.

Không một thiên thần nào có thể xác giống như chúng ta. Loại thấp nhất được gọi là Kāmadevas có thể thấp nhất là thể vía; lớp kế tiếp là Rūpadevas, có những thể bằng chất hạ trí và họ cư trú nơi bốn cảnh thấp tức cảnh Sắc giới của cõi trí tuệ; lớp ba là Arūpadevas, sống trong các thể bằng chất thượng trí tức chất nguyên nhân. Trên ba lớp này còn có bốn lớp khác, lần lượt cư ngụ nơi bốn cõi cao trong Thái dương hệ. Hoàn toàn vượt trên và vượt ngoài tầm giới thiên thần là đại đoàn Chơn linh hành tinh. Dĩ nhiên trong quyển sách này, ta chủ yếu là quan tâm tới các Rūpadevas.

Mối quan hệ của các thiên thần với các tinh linh thiên nhiên khá giống như (ở một mức cao hơn) quan hệ của loài người với loài thú. Cũng giống như một con thú có thể đạt được biệt lập ngã tính chỉ bằng cách liên kết với con người; cũng vậy dường như một tinh linh thiên nhiên thông thường chỉ đạt được biệt lập ngã tính luân hồi thường trụ bằng cách gắn bó với các thiên thần theo một tính cách khá giống như vậy.

Các thiên thần chưa bao giờ là người, hầu hết đã vượt quá giai đoạn làm người, nhưng cũng có một số trong quá khứ đã từng làm người.

Cơ thể của thiên thần linh hoạt hơn cơ thể của con người vì có thể bành trướng và co rút lại nhiều hơn hẳn. Họ cũng có một tính chất bốc lửa nào đó, phân biệt họ rõ ràng với loài người. Những thăng giáng trong hào quang của thiên thần lớn đến nỗi chẳng hạn như hào quang của một thiên thần bình thường có đường kính 150 thước Anh thì ta đã quan sát thấy nó bành trướng ra tới chừng hai dặm về đường kính.

Màu sắc trong hào quang thiên thần có bản chất giống như ngọn lửa hơn là đám mây. Con người trông giống như một đám mây hơi đang bốc cháy cực kỳ chói lọi thể nhưng vẫn tinh tế, còn thiên thần trông giống như một khối lửa.

Thiên thần sống ở chu vi hào quang nhiều hơn hẳn so với con người. Trong khi 99% vật chất thuộc hào quang con người ở trong nội bộ chu vi thể xác thì tỉ lệ này kém hơn hẳn trong trường hợp thiên thần.

Họ thường xuất hiện thành con người có kích thước khổng lồ. Họ có kiến thức bao quát, quyền năng to lớn và có dáng vẻ rất chói lọi; người ta đã mô tả họ là những tạo vật chói sáng lóe lên, đa sắc, giống như cầu vồng có màu sắc siêu nhiên biến đổi, có dáng điệu vương giả oai vệ nhất, là hiện thân của năng lượng bình thản, thể hiện sức mạnh vô địch. Trong kinh *Khái huyền* (xi) người ta mô tả một trong các thiên thần là “trên đầu có một cầu vồng”, khuôn mặt trông dường như thể mặt trời và đôi chân giống như những trụ cột lửa. Giọng nói thiên thần giống như âm thanh của nhiều nguồn nước. Họ dẫn dắt trật tự thiên nhiên, đội ngũ của họ không ngừng thi hành quá trình thiên nhiên một cách đều đặn và chính xác. Các thiên thần tạo những hình tư tưởng giống như chúng ta nhưng hình tư tưởng thường không cụ thể như chúng ta chừng nào họ còn chưa đạt được trình độ cao. Họ có bản chất rộng rãi, ưa tổng quát hóa và thường xuyên tạo ra những kế hoạch hoành tráng. Họ có ngôn ngữ màu sắc, có lẽ không xác định như ngôn ngữ của ta, mặc dù xét về một vài phương diện thì nó có thể diễn tả nhiều hơn.

Các thiên thần không trải qua những cuộc điếm đạo như chúng ta; giới thiên thần và giới nhân loại hội tụ ở mức cao hơn quả vị Chơn tiên.

Có nhiều cách để cho con người gia nhập vào dòng tiến hóa thiên thần ngay cả ở trình độ chúng ta hoặc thấp hơn. Đôi khi người ta nói tới việc chấp nhận đường lối tiến hóa này so sánh với sự xả bỏ cao cả của các đấng Ứng thân (Nirmanakayas) coi như là “chiều theo sự cảm dỗ để trở thành một thần linh”. Nhưng theo cách diễn tả ấy ta không được suy diễn rằng có bất kỳ bóng dáng chê trách nào gắn liền với con người đã chọn lựa như vậy. Con đường mà ngài đã chọn theo không phải là con đường ngắn nhất mà là con đường rất cao thượng, và nếu trực giác đã phát triển của ngài thôi thúc ngài hướng về con đường ấy, thì đó chắc chắn là con đường tốt đẹp nhất thích hợp với khả năng của ngài.

Trong Hội Tam Điếm, vị thiên thần hướng dẫn liên quan tới trình độ S.D. là một Rūpadeva, ngài sử dụng các tinh linh thiên nhiên và tinh hoa ngũ hành ở mức của mình. Các thiên thần thủ lĩnh tương ứng với ba Chức sắc Chính là các Arūpadevas, các ngài có tâm thức và vận dụng thần lực các cõi mà các ngài lần lượt đại diện.

Thiên thần ở mức J.W. chịu trách nhiệm về cấp thứ nhất. Thiên thần ở mức S.W. chịu trách nhiệm ở cấp thứ nhì và thiên thần ở mức W.M. chịu trách nhiệm ở cấp thứ ba.

Ta chẳng biết qui tắc nào hoặc giới hạn nào đối với công việc của các thiên thần. Họ có nhiều đường lối hoạt động hơn mức ta có thể tưởng tượng được. Họ thường hoàn toàn sẵn lòng xiển dương và nêu gương về những đề tài theo đường lối của chính mình cho bất kỳ người nào đã tiến bộ đúng mức để thẩm định các ngài. Nhiều sự giáo huấn đã được trình bày theo kiểu này nhưng cho đến nay ít người có thể lợi dụng được nó.

Trong khi các thiên thần đẹp vô cùng thì giới thiên thần hạ đẳng lại có những quan niệm mơ hồ và lơ mơ nhất về sự vật, vì không chính xác đối với những sự kiện. Bởi thế cho nên khi có bạn thiên thần là một người rất thú vị, thế nhưng không liên quan tới sự kiện mà loài người đang tiến hóa trong đó, thì người ta phải hết sức cẩn thận khi nghe theo lời khuyên của thiên thần về hành động trên cõi trần.

Nói chung thì cấp thiên thần cao cộng tác không dè dặt với Thiên cơ trong vũ trụ, vì thế là “cấp” hoàn hảo mà ta tìm được trong thiên nhiên. Ở hàng ngũ thấp thì sự vâng lời tuyệt đối này mang tính bản năng và tự động hơn là hữu thức, họ làm việc của mình và cảm thấy bị thôi thúc theo chiều hướng của Ý chí Duy nhất xuyên suốt qua vạn vật.

Trong trường hợp các thiên thần Quốc gia, khi thiên thần đứng đầu mỗi quốc gia là một vị có trí tuệ rất cao luôn luôn hợp tác với Thiên cơ thì các thiên thần quốc gia cấp thấp

chẳng hạn như lại đánh nhau bảo vệ quốc gia của chính mình trên chiến trường. Khi trí tuệ của họ đã phát triển thì họ sẽ càng ngày càng hợp tác nhiều hơn với Thiên cơ.

Tinh linh Trái đất là một thực thể mơ hồ có trái đất là thể xác của mình, không phải thuộc cấp thiên thần cao nhất. Ta chẳng biết bao nhiêu về tinh linh này; có thể nói nó thuộc về Sắc giới Thiên thần nhiều hơn vì thể xác của nó là trái đất.

Các thiên thần vượt trên quả vị Chơn tiên, nghĩa là quả vị Điểm đạo thứ Năm, thường sống trong cái mà tiếng Bắc phạn gọi là Jñānadeha tức thể tri thức. Phần thấp nhất của thể này là một nguyên tử thuộc cõi Niết bàn mà các ngài sử dụng như chúng ta sử dụng thể xác.

Học viên nên tham chiếu quyển *Thế Vía* trang 187 có phần mô tả Tứ đại Thiên vương (Devarājas) tức đấng Quản trị Trái đất.

Trong Hội Tam Điểm có bốn nùm tua xuất hiện ở bốn góc của “Đường biên có khía răng cưa”, đó là biểu tượng của Tứ đại Thiên vương, đấng Cai quản Tứ đại đất, nước, gió, lửa và là tác nhân của luật Nhân quả.

Hồn khóm của Loài thú: Hồn khóm mà đại đa số con thú gắn bó vào đây vốn ở trên cõi hạ trí. Việc mô tả bản chất của các hồn khóm ấy khiến ta đi lạc đề quá xa cho nên ở đây ta chỉ hạn chế vào việc nhắc tới chúng.

Những Con thú đã Biệt lập ngã tính: Những con thú này cùng với trạng thái tâm thức của chúng trên cõi trí tuệ đã được mô tả ở trang 204.

Giới Tinh hoa Ngũ hành thứ Nhì: Ở Chương II, ta đã mô tả việc khai sinh ra Tinh hoa Ngũ hành Trí tuệ. Ta cũng đã bàn tới tinh hoa này với chức năng là một bộ phận trong thể trí của con người cũng như được dùng làm hình tư tưởng. Vì vậy, ở đây ta không cần nói thêm nhiều điều về nó nữa.

Có ba giới Tinh hoa Ngũ hành: giới thứ Nhất làm linh hoạt vật chất thuộc các cảnh thượng trí tức nguyên nhân; giới thứ Nhì làm linh hoạt vật chất thuộc bốn cảnh thấp của cõi trí tuệ; giới thứ Ba làm linh hoạt vật chất trung giới. Trong giới thứ Nhì, phân bộ cao nhất tồn tại trên cảnh thứ tư, trong khi mỗi một trong ba cảnh thấp lại có hai lớp, vậy là tạo thành tổng cộng bảy phân bộ trên bốn cảnh này.

Ở trang 5 ta đã thấy rằng tinh hoa ngũ hành trí tuệ ở trên vòng cung tiến hóa *đi xuống*, vì vậy nó kém tiến hóa hơn tinh hoa ngũ hành trung giới hoặc dĩ nhiên kém tiến hóa hơn bất kỳ giới nào sau này, chẳng hạn như giới khoáng vật; và chúng ta đã nhấn mạnh tới tầm quan trọng của sự kiện này để học viên thường xuyên nên nhớ kỹ nó.

Nếu có thể được thì Tinh hoa Ngũ hành Trí tuệ còn bén nhọn ngay tức khắc hơn nữa đối với tác động của tư tưởng hơn hẳn Tinh hoa Ngũ hành Trung giới; người khảo cứu luôn luôn chú ý thấy nổi bật lên sự tinh tế kỳ diệu giúp nó hưởng ứng với tác động nhẹ nhàng nhất của cái trí. Dĩ nhiên chính sự sống của nó cốt ở nơi sự sống này và nó tiến bộ được là nhờ các thực thể biết suy tư sử dụng nó.

Nếu ta có thể tưởng tượng nó có một lúc nào đó hoàn toàn không chịu tác động của tư tưởng thì nó ắt hiện ra là một quần thể vô định hình gồm những nguyên tử vô cùng nhỏ đang nhảy múa, ham mê cường độ diệu kỳ của sự sống, nhưng có lẽ chẳng tiến bộ được bao nhiêu trên con đường tiến hóa đi xuống nhập vào vật chất. Như khi tư tưởng chộp lấy nó và kích động nó hoạt động thúc đẩy nó trên cảnh sắc giới biến thành đủ loại hình tướng dễ thương (thành những luồng chớp lóe trên cảnh vô sắc giới) thì nó đã nhận được rõ rệt là một xung lực thêm nữa mà khi được lập lại thường xuyên sẽ giúp nó tiến bộ trên lộ trình của mình.

Đó là vì khi một tư tưởng được hưởng từ cảnh cao xuống những sự việc trần tục thì nó bị lừa xuống dưới để khoác lấy vật chất của các cõi thấp. Khi được làm như vậy, nó mang

tinh hoa ngũ hành (lớp màn che thứ nhất được tạo thành từ tinh hoa ấy) xuống tiếp xúc với vật chất thấp hơn; vậy là từng bước tinh hoa ngũ hành đã quen đáp ứng với những rung động thấp hơn và như vậy là đã tiến bộ trong cơ tiến hóa đi xuống chìm vào vật chất.

Tinh hoa này cũng rất dễ chịu ảnh hưởng của âm nhạc do các nhạc sĩ tài ba trên cõi Devachan tuôn ra (xem trang 197). Ta nên nhận thức rõ rằng có sự khác nhau rất lớn giữa sự vĩ đại và quyền năng của tư tưởng trên cõi của riêng mình với nỗ lực tương đối yếu ớt mà ta gọi là tư tưởng trên cõi trần.

Tư tưởng thông thường bắt nguồn nơi thể hạ trí và khi giáng xuống nó khoác lấy tinh hoa ngũ hành trung giới. Người nào có thể sử dụng được thể nguyên nhân thì sinh ra tư tưởng ở mức ấy; những tư tưởng này khoác lấy tinh hoa ngũ hành hạ trí do đó vô cùng tinh vi hơn, xuyên suốt hơn và hữu hiệu hơn về mọi mặt.

Nếu tư tưởng được chuyên dùng vào những mục đích cao siêu thì các rung động của nó có thể quá tinh vi cho nên không biểu hiện qua vật chất trung giới; nhưng khi chúng ảnh hưởng tới vật chất thấp hơn này thì chúng có tác dụng lớn hơn nhiều so với những tư tưởng được sản sinh ra gần hơn xiết bao với mức của vật chất thấp hơn.

Nếu ta cứ tiếp tục theo đuổi ý niệm này thêm nữa thì tư tưởng của một Điểm đạo đồ nảy sinh ra trên cõi bồ đề và khoác lấy vật chất thượng trí; tư tưởng của Chơn sư nảy sinh ra trên cõi Niết Bàn vận dụng các quyền năng không thể tính toán được thuộc những cõi vật chất vượt ngoài tầm hiểu biết thông thường của ta.

Tinh linh Nhân tạo. Các tinh linh trí tuệ tức các hình tư tưởng đã được mô tả đầy đủ rồi cho nên ta không cần nói thêm nữa về chúng quá nhiều. Cõi trí tuệ thậm chí còn có nhiều tinh linh nhân tạo hơn cõi trung giới và chúng đóng một vai trò lớn trong đám các sinh vật hoạt động trên cõi trí tuệ. Dĩ nhiên, chúng chói sáng hơn và có màu sắc rực rỡ hơn các tinh linh trung giới vì chúng mạnh mẽ hơn tồn tại lâu dài hơn và được cấp sinh lực đầy đủ hơn.

Khi người ta còn nhớ rằng trên cõi trí tuệ, tư tưởng vốn lớn mạnh hơn xiết bao và sức mạnh của nó chẳng những do thực thể nhân loại vận dụng mà còn do các thiên thần nữa cũng như các khách tham quan từ các cõi cao, thì ta ắt ngộ ra rằng tầm quan trọng và ảnh hưởng của những thực thể nhân tạo như vậy khó lòng có thể được thổi phồng lên.

Các Chơn sư và Điểm đạo đồ cũng ưa sử dụng các tinh linh trí tuệ này, dĩ nhiên những tinh linh mà các ngài tạo ra tồn tại lâu hơn nhiều và có quyền năng tỉ lệ lớn hơn bất kỳ tinh linh nào được mô tả khi ta bàn tới cõi trung giới, trong quyển *Thế Vía* trang 190.

CHƯƠNG XXX SỰ CHẾT CỦA THỂ TRÍ

Như ta đã thấy sự sống trên cõi trời Devachan vốn hữu hạn, cho nên nó ắt phải chấm dứt. Điều này xảy ra khi Chơn ngã đã đồng hóa được mọi tinh hoa kinh nghiệm vốn được thu thập trong những kiếp sinh hoạt trước kia trên cõi hồng trần và trung giới.

Bây giờ mọi năng lực trí tuệ vốn được biểu hiện thông qua thể trí bèn được triệt thoái vào bên trong thể thượng trí tức thể Nguyên nhân. Cùng với chúng, *đơn vị trí tuệ* (vốn thực hiện chức năng tương tự như nguyên tử trường tồn thể xác và thể vía) cũng bị triệt thoái vào bên trong thể nguyên nhân và ở lại đó dưới dạng tiềm tàng cho đến lúc được hiệu triệu hoạt động trở lại khi đã tới lúc tái sinh.

Đơn vị trí tuệ cùng với nguyên tử trường tồn thể vía và thể xác được bọc trong sinh võng (life web) bằng chất bồ đề (xem trang 285) và được tích trữ thành một hạt chói lợi giống như hạt nhân bên trong thể nguyên nhân vốn là tất cả những gì còn lại của các hạ thể nơi các hạ giới ký gửi vào Chơn ngã.

Bản thân thể trí là lớp vỏ tạm bợ cuối cùng của Chơn nhơn, tức Chơn ngã, bị bỏ lại dưới dạng một xác chết trí tuệ cũng giống như thể xác và thể vía bị bỏ lại. Các vật liệu của nó tan rã và được trả lại cho kho vật chất chung của cõi trí tuệ.

Nói cho nghiêm xác thì trong quyển sách này ta không quan tâm tới sự sống của con người trên cõi thượng trí hoặc cõi nguyên nhân mà chỉ quan tâm tới rất ngắn gọn bộ phận của sinh hoạt này diễn ra trên cõi thượng trí sao cho câu chuyện về sinh hoạt của con người giữa kiếp này với kiếp kia không đến nỗi quá thiếu sót.

Khi đã hoàn tất sinh hoạt của mình trên các cõi trung giới và hạ trí thì mỗi người ít ra cũng đều thu được một tia chớp lóe tâm thức của Chơn ngã ở trong thể nguyên nhân. Dĩ nhiên càng có một thời kỳ dứt khoát hữu thức khi sinh hoạt trên cương vị Chơn nhơn trên cõi của riêng mình thì người ấy càng tiên tiến. Khi tâm thức Chơn ngã nhất thời lóe lên thì con người nhìn thấy trọn cả kiếp sống đã qua của mình và thu thập từ đó ấn tượng về thành công hoặc thất bại trong công trình mà nó dự trù thực hiện.

Cùng với điều ấy, y cũng dự đoán được cuộc sống trước mắt mình, hiểu biết được bài học tổng quát mà mình cần được dạy dỗ hoặc sự tiến bộ nhất định mà mình dự trù thực hiện trong kiếp tới. Chơn ngã chỉ thức tỉnh rất từ từ với giá trị của sự thoáng thấy này; nhưng khi y bắt đầu hiểu ra được chúng thì tự nhiên là y cũng bắt đầu vận dụng được chúng. Rốt cuộc thì y đạt tới một giai đoạn mà sự thoáng thấy này không còn tạm bợ nữa khi y có thể xét tới vấn đề đầy đủ hơn nhiều và dành một thời gian nào đó cho những kế hoạch của mình ở kiếp sống ngay trước mắt. Bây giờ ta phải tạm hoãn việc mô tả thêm nữa sinh hoạt của Chơn ngã trên cõi của riêng mình, dành nó cho quyển trong loạt sách này, quyển ấy bàn về *Thể Nguyên Nhân*.

CHƯƠNG XXXI PHÀM NGÃ VÀ CHƠN NGÃ

Bây giờ ta xét tới mối quan hệ giữa Phàm ngã với Chơn ngã. Tuy nhiên vì ta chưa nghiên cứu tới Chơn ngã (dĩ nhiên điều này phải được dành cho quyển kế tiếp bàn về Thể Nguyên Nhân), cho nên ta không thể hoàn toàn khảo cứu đầy đủ mối quan hệ giữa Phàm ngã và Chơn ngã. Hơn nữa trong quyển sách này ta phải khảo cứu vấn đề chủ yếu là theo quan điểm của Phàm ngã hơn là theo quan điểm của Chơn ngã. Trong quyển *Thể Nguyên Nhân* ta lại phải xét tới đề tài này vốn rất quan trọng, nhưng lúc bấy giờ cố nhiên là ta xét chủ yếu theo quan điểm của Chơn ngã.

Phàm ngã bao gồm những hiện thể phù du mà Chơn nhơn tức Chủ thể suy tư biểu hiện qua các cõi hồng trần, trung giới và hạ trí nghĩa là các thể xác, vía và trí cùng với mọi hoạt động liên quan tới những hiện thể này.

Chơn ngã bao gồm chính Chủ thể suy tư, Tự ngã ở trong Thể Nguyên Nhân. Cũng giống như một cái cây rụng hết lá để rồi trường tồn qua mùa xuân, mùa hạ và mùa thu; cũng vậy Chơn ngã khoác lấy các Phàm ngã để trường tồn qua các chu kỳ sống trải ra trên cõi hồng trần, trung giới và hạ trí. Cũng giống như những chiếc lá tiếp thu, đồng hóa và chuyển giao chất dinh dưỡng cho nhựa cây để rồi rốt cuộc được rút vào trong thân cây của cây gốc,

thể rồi lá rụng và chết đi; cũng vậy Phàm ngã thu thập kinh nghiệm rồi chuyển giao kinh nghiệm cho Chơn ngã gốc, để rồi rút cuộc khi đã hoàn thành nhiệm vụ nó cũng rơi rụng và chết đi.

Chơn ngã nhập thể nơi Phàm ngã để có được sự xác định. Chơn ngã trên cõi của riêng mình thật là hoành tráng, nhưng sự hoành tráng ấy rất mù mờ ngoại trừ trong trường hợp những người đã tiến hóa cao trên đường tiến hóa.

Các “Nguyên khí” của con người đôi khi được xếp loại như sau			
Cách phân loại thứ nhất		Một cách phân loại khác	
Tam nguyên bất tử tức Chơn ngã	Ātmā	BẤT TỬ	Ātmā
	Buddhi		Buddhi
	Manas		Thượng trí
Tứ nguyên hữu hoại tức Phàm ngã	Kāma	BẤT TỬ CÓ ĐIỀU KIỆN	Kāma Manas
	Prāna		Prāna
	Thê Phách		Thê Phách
	Xác phàm		Xác phàm

Còn một cách phân loại do bà H. P. Blavatsky sử dụng như sau. Bà nói tới bốn phân bộ của cái trí:

(1) Manas Taijasi tức Manas quang huy vốn thực là Buddhi hoặc ít ra cũng là cái trạng thái của con người khi Manas đã hiệp nhất với Buddhi, không còn ý chí riêng rẽ của mình nữa.

(2) Manas chính hiệu, Thượng trí, cái trí suy tư trừu tượng.

(3) Antahkarana: Mối liên kết hoặc cầu nối giữa Thượng trí với Kāma-manas trong khi nhập thể.

(4) Kāma-Manas vốn là Phàm ngã theo thuyết này.

Đôi khi bà còn gọi Manas là deva-ego (bản ngã linh thiêng) để phân biệt với Phàm ngã. Thượng trí vốn linh thiêng bởi vì nó có tư tưởng tích cực là kriyashakti, quyền năng thực hiện mọi chuyện, mọi công trình thực ra đều do quyền năng tư tưởng thực hiện. Từ ngữ Thiêng liêng có từ nguyên là div, có nghĩa là chói sáng và nhằm nói tới tính chất thiêng liêng trong cuộc sống của riêng nó vốn chói sáng từ bên trong manas.

Hạ trí chỉ là một gương phản chiếu không có ánh sáng của riêng mình; nó là một điều gì đấy mà ánh sáng đến đi xuyên qua nó hoặc âm thanh đến xuyên qua nó – nó chỉ là *một mặt nạ* (persona).

Trong trường phái Vedanta của Shri Sankarāchārya, thuật ngữ Antahkarana (xem trang 271) được dùng để biểu thị cái trí theo nghĩa trọn vẹn nhất, nghĩa là toàn thể cơ quan nội tại hoặc công cụ nội tại giữa Tự ngã thâm sâu nhất và ngoại giới, nó luôn luôn được mô tả thành bốn phần:

- (1) Ahamkāra là “kẻ tạo ra cái tôi”
- (2) Buddhi là Tuệ giác, trực giác tức lý trí thuần túy
- (3) Manas là Tư tưởng
- (4) Chitta là sự Phân biệt các đối tượng

Cái mà người phương Tây thường gọi là cái trí với khả năng tư duy trừu tượng và cụ thể chính là hai phần cuối cùng trong cách phân loại nêu trên, nghĩa là Manas và Chitta.

Nhà Thông Thiên Học ắt nhận ra phép phân chia của phái Vedanta có những điều quen thuộc với mình là Ātmā, Buddhi, Manas và Hạ trí.

Trong hệ thống biểu tượng của Hội Tam Điem, hạ trí và thể trí được biểu diễn bằng SD.

Bảng sau đây trình bày các nguyên khí của con người trong hệ thống Hội Tam Điem:

Các Nguyên khí nơi Con người		Chức sắc	Màu sắc của các tinh linh thiên nhiên liên kết với tinh hoa ngũ hành
Tiếng Bắc phạn	Tiếng Việt		
Ātmā	Ý chí	WM	Màu hoa hồng, hoàng kim, xanh lơ và xanh lục
Buddhi	Trực giác	SW	Chủ yếu là xanh lơ như điện
Thượng trí	Thượng trí	JW	Chủ yếu màu hoàng kim
Hạ trí	Hạ trí	SD	Màu vàng
Kāma	Ham muốn và Xúc động	JD	Màu đỏ như son
Linga Sharīra	Xác phàm	OG	

Như vậy Tam nguyên Thượng tức Tam vị nhất thể Thiêng liêng cả nơi Thượng Đế lẫn con người đều được Hội Tam Điem biểu diễn thành ba Chức sắc Chính, còn Phàm ngã, phàm nhơn tức Tứ nguyên hạ được biểu diễn bằng ba Chức sắc Phụ và Kẻ Lọp ngói. Trong Ki Tô giáo ta thấy có hệ biểu tượng sau đây:

Các yếu tố và các công cụ (trong lễ Misa ở thánh đường)	Các nguyên khí nơi con người
Bánh thánh	Chơn thần
Đĩa đựng bánh thánh	Ātmā-Buddhi-Manas
Rượu nho	Chơn ngã
Chén đựng rượu	Thể Thượng trí
Nước	Phàm ngã

Việc Chơn ngã tiếp thu Phàm ngã được trình bày tương tự như việc phóng chiếu một tia lửa ra khỏi Ngọn lửa Tâm trí. Ngọn lửa đốt cháy vật liệu mà nó rót vào để rồi từ đó xuất hiện một ngọn lửa mới có bản thể đồng nhất với điều sản sinh ra mình, nhưng riêng rẽ với nhau vì mục đích biểu lộ. Vì thế cho nên người ta bảo rằng bạn có thể thắp sáng một ngàn cây nến từ một ngọn lửa duy nhất, nhưng ngọn lửa chẳng bao giờ giảm bớt, mặc dù có một ngàn ngọn lửa được nhìn thấy ở nơi mà trước kia ta chỉ thấy một ngọn lửa thôi.

Chỉ có Chủ thể suy tư, tức Chơn ngã là trường tồn, đó là người “chẳng bao giờ tận số”, là đáng thanh xuân vĩnh hằng mà *Chí Tôn Ca* diễn tả là khoác lấy rồi vứt bỏ những hiện thể giống như một con người mặc vào những bộ quần áo mới rồi cởi bỏ những bộ quần áo cũ. Mỗi Phàm ngã là một bộ phận mới mẻ đối với Diễn viên bất tử và y cứ bước lên sân khấu đời người hết lần này tới lần khác, nhưng trong vở tuồng cuộc đời thì mỗi nhân vật chính mà y đóng vai lại là con của nhân vật trước và là cha của những nhân vật sau sao cho chuyện đời là một vòng liên tục.

Những yếu tố cấu thành Phàm ngã được nối kết lại qua những mắt xích ký ức được gây ra do những ấn tượng tác động lên ba hạ thể cũng như sự đồng nhất hóa của Chủ thể suy tư với các hiện thể của mình; điều này lập nên tâm thức của Phàm ngã mà ta gọi là *Ahamkāra*, từ nguyên là *Aham* (tôi) và *kāra* (làm), như vậy *Ahamkāra* nghĩa là kẻ làm ra “cái tôi”.

Trong những giai đoạn tiến hóa thấp, cái “ngã” thức này trụ nơi thể xác và thể vía, cho nên hoạt động nhiều nhất qua các hiện thể này; về sau nó chuyển sang thể hạ trí, lúc bấy giờ hạ trí chiếm ưu thế.

Phàm ngã với những xúc cảm, ham muốn, đam mê và tư tưởng phù du, vậy là tạo thành một thực thể hầu như độc lập; thế nhưng lúc nào nó cũng bòn rút năng lực Chủ thể suy tư mà nó bao bọc.

Hơn nữa vì các đặc tính của nó thuộc về các cõi thấp thường xung đột trực tiếp với những quyền lợi trường tồn của Chơn ngã tức là “Chủ thể ngự trong thân xác” cho nên mới xảy ra xung đột, ba hồi thì chiến thắng nghiêng về sự khoái lạc tạm bợ, ba hồi thì cán cân nghiêng về sự thu hoạch trường tồn.

Khi bàn tới Phàm ngã, có một trở ngại mà ta phải khắc phục là *asmitā*, ý niệm “tôi là cái này” tức điều mà một Chơn sư đã từng gọi là “phàm ngã nhận vơ”. Như ta đã thấy Phàm ngã phát triển xuyên suốt cuộc sống thành ra một thứ hoàn toàn xác định với một hình tướng nhất định, những chú tâm và thói quen của thể xác, thể vía và thể trí. Nếu nó nêu gương tốt thì ai mà phản đối nó làm chi. Nhưng nếu sự sống bên trong lại bị thuyết phục cho rằng mình là Phàm ngã ấy thì y sẽ bắt đầu cức cựa tận tụy phục vụ quyền lợi của nó thay vì sử dụng nó làm một dụng cụ chỉ để phục vụ cho các mục đích tâm linh của mình. Cũng chính vì sự nhầm lẫn ấy mà ta thấy thiên hạ mới lòng lộn lên mưu tìm của cải, quyền uy, danh vọng v.v. . . một cách vô độ. “Phàm ngã nhận vơ” là chướng ngại lớn lao nhất khi Chơn ngã sử dụng Phàm ngã và do đó nó cản trở rất nhiều cho tiến bộ tâm linh.

Có nhiên là sự sống của Phàm ngã bắt đầu khi Chủ thể suy tư tạo ra một thể trí mới (xem Chương 32) và nó vẫn trường tồn cho đến khi thể trí bị tan rã vào lúc kết thúc thời kỳ nhập *Devachan*.

Mục đích của Chơn ngã là khai triển những tiềm năng của mình và Chơn ngã làm như vậy bằng cách hạ cố nhập vào các Phàm ngã liên tiếp. Thiên hạ không hiểu được điều này – và dĩ nhiên ở giai đoạn hiện nay thì đại đa số mọi người đều hiểu lầm như vậy – cho nên mới coi Phàm ngã là cái tôi đích thực, vì vậy chí thú sống cho nó thôi, vun quén suốt cuộc đời mình vì những điều dường như chỉ là lợi ích tạm bợ của nó.

Song le, người thông hiểu ắt ngộ ra được rằng *chỉ có sự sống Chơn ngã mới là điều duy nhất quan trọng* và Phàm ngã tạm bợ phải được sử dụng vì mục đích tiến bộ của Chơn ngã. Như vậy, khi con người đã quyết định giữa hai đường lối hành động khả hữu thì người ấy không còn bắt chước hầu hết mọi người xem điều gì mang lại lợi ích hoặc khoái lạc lớn nhất cho mình là quan trọng theo quan điểm Phàm ngã, mà điều gì mang lại tiến bộ lớn nhất cho mình mới là quan trọng theo quan điểm Chơn ngã. Kinh nghiệm chẳng bao lâu sau sẽ dạy cho y biết rằng điều gì không tốt đẹp cho tất cả chúng sinh thì điều ấy chẳng bao giờ có thể tốt đẹp cho bản thân y cũng như cho bất kỳ người nào khác. Vậy là y đã học cách hoàn toàn quên mình để chỉ cứu xét tới điều gì tốt đẹp nhất cho toàn thể loài người xét chung.

Sự củng cố Phàm ngã gây thiệt hại cho Chơn ngã là lỗi lầm mà học viên bao giờ cũng phải cảnh giác. Chẳng hạn như ta hãy xét tới kết quả khả hữu về một khuyết điểm thông thường nhất là lòng ích kỷ. Đây chủ yếu là một tình huống hoặc một thái độ của *cái trí*, cho nên ta phải mưu tìm kết quả của nó nơi cõi trí tuệ. Vì đó là sự củng cố Phàm ngã gây thiệt

hại cho Chơn ngã nên một trong những kết quả của nó chắc chắn là chú trọng tới Phàm ngã, sao cho lòng ích kỷ có khuynh hướng sinh sôi nảy nở dưới dạng trầm trọng hơn và cứ đều đều tăng trưởng mạnh hơn. Dĩ nhiên, đây là một phần trong sự vận hành nói chung của luật nhân quả và chú trọng tới việc trở ngại cho sự tiến bộ gây tai hại xiết bao qua việc làm cho khuyết điểm ích kỷ cứ kéo dài miên viễn. Đó là vì thiên nhiên sẽ trừng phạt khắc nghiệt nhất bằng cách luôn luôn tước bỏ cơ hội tiến bộ.

Khi một người đã vươn lên tới mức hơi cao hơn mức phạm phu tục tử thì hoạt động chính yếu của y trở nên mang tính trí tuệ và có nguy cơ kéo y sẽ đồng nhất hóa mình với cái trí. Vì vậy y nên phấn đấu đồng nhất hóa mình với Chơn ngã, biến Chơn ngã thành ưu điểm nổi bật nhất trong tâm thức mình, vậy là hiệp nhất Chơn ngã với Phàm ngã.

Học viên nên phấn đấu ngộ ra được rằng cái trí *không phải là* Chủ thể tri thức mà là công cụ giúp cho Chủ thể tri thức có được sự hiểu biết. Đồng nhất hóa cái trí với Chủ thể tri thức thì chẳng khác nào đồng nhất hóa con dao đục đẽo với điều khắc gia sử dụng con dao ấy. Cái trí vốn hạn chế Chủ thể tri thức; khi ngã thức đã phát triển thì Chủ thể tri thức thấy mình bị cái trí ngăn trở về mọi mặt. Cũng giống như một người đeo găng tay dày cui thấy rằng vì vậy mình đã mất đi phần lớn khả năng xúc giác tinh vi; cũng vậy, Chủ thể tri thức khi khoắc lấy cái trí cũng bị hạn chế như thế. Bàn tay đút vào găng tay thì năng lực của nó bị giảm bớt rất nhiều; cũng vậy, Chủ thể tri thức hiện diện bên trong cái trí nhưng quyền năng biểu hiện của Chủ thể tri thức thì bị hạn chế rất nhiều.

Như ta đã thấy ở một chương trước kia, thể trí có đặc trưng là thật sự định hình một bộ phận của mình thành ra giống như đối tượng được bày ra cho nó. Khi thể trí đã được biến đổi như vậy, thì con người tự nhủ rằng mình *biết được* đối tượng ấy. Tuy nhiên, y không hề biết chính đối tượng mà chỉ biết cái hình ảnh do chính đối tượng tạo ra trong thể trí của chính mình. Và lại, vì những lý do đã bàn luận rồi (xem trang 56) hình ảnh ấy không phải là sự mô phỏng toàn bích của đối tượng mà có nhiều khả năng nhuộm màu và bị xuyên tạc theo những đặc trưng của cái trí đặc thù mà nó được hình thành trong ấy.

Những nhận xét này khiến ta tỉnh ngộ ra rằng trong cái trí hoặc thể trí của mình, ta không hề biết được “bản thân sự vật” mà chỉ biết những hình ảnh của sự vật được tạo ra trong tâm thức của ta. Tham thiền về những ý tưởng này sẽ giúp cho những học viên càng ngày càng ngộ ra được đầy đủ rằng bản thân mình là Chơn ngã chứ *không phải* là Phàm ngã; Chơn ngã chỉ tạm thời khoắc lấy Phàm ngã trong kiếp sống trên trần thế này thôi.

Việc Phàm ngã có một tính gian tà hàm ý là Chơn ngã thiếu một đức tính tương ứng. Chơn ngã có thể bất toàn nhưng nó không thể gian tà; trong bất kỳ tình huống thông thường nào, không một loại gian tà nào có thể biểu hiện qua thể nguyên nhân được.

Lý do máy móc của điều này đã được ta giải thích trước kia rồi. Những tính chất gian tà chỉ có thể biểu hiện qua bốn phân bộ thấp của chất trung giới. Những phân bộ này lại phản chiếu ảnh hưởng của mình trên cõi trí tuệ chỉ thông qua bốn phân bộ thấp của cõi trí tuệ; vì thế cho nên chúng tuyệt nhiên không thể ảnh hưởng tới Chơn ngã. Những xúc động duy nhất có thể xuất hiện trên ba cảnh giới cao thuộc cõi trung giới đều là những xúc động tốt, chẳng hạn như yêu thương, đồng cảm và sùng tín tận tụy. Những thứ này ảnh hưởng tới Chơn ngã ở trong thể nguyên nhân vì Chơn ngã ngự trong ba cảnh giới cao tương ứng thuộc cõi trí tuệ.

Hậu quả cực đoan nhất được tạo ra nơi thể nguyên nhân qua những kiếp sống kéo dài dằng dặc thuộc một loại hình thấp kém chắc chắn là không có khả năng tiếp nhận được ấn tượng tốt đối lập với nó trong một thời kỳ rất lâu sau đó, đây là một loại tê cứng hoặc tê liệt

vật chất nguyên nhân; một sự vô ý thức chống lại những ấn tượng về điều tốt thuộc loại đối lập.

Như vậy, những phẩm chất mà Chơn ngã phát triển chẳng thể nào khác hơn là các đức tính. Khi những đức tính này đã được xác định trọn vẹn thì chúng biểu lộ qua mỗi một trong vô số Phàm ngã của Chơn ngã, và vì vậy những Phàm ngã này chẳng bao giờ có thể phạm tội ngược lại những đức tính ấy.

Nhưng khi có một khoảng trống trong Chơn ngã thì không có một điều gì cố hữu nơi Phàm ngã kèm chế được sự tăng trưởng của thói xấu đối lập; và vì những người khác trên thế gian xung quanh y đã có thói xấu ấy rồi và vì con người là một con thú ưa bắt chước cho nên hoàn toàn có thể là thói xấu ấy sẽ nhanh chóng biểu hiện nơi y. Song le như ta đã thấy, thói xấu vốn thuộc về các hạ thể của Phàm ngã chứ không thuộc về Chơn nhơn ngự trong đó. Sự lập lại các thói xấu trong những hiện thể này có thể tạo nên một động lượng rất khó chinh phục; nhưng nếu Chơn ngã khởi động tạo ra nơi bản thân đức tính đối lập thì thói xấu ấy bị cắt đứt tận gốc rễ và không còn tồn tại được nữa hoặc là trong kiếp này hoặc là trong mọi kiếp vị lai. Nói cách khác, nguyên tắc mà ta phải áp dụng vào cuộc sống thực tiễn là dẹp bỏ một phẩm tính gian tà sao cho nó chẳng bao giờ có thể xuất hiện trở lại, nghĩa là lấp đầy khoảng trống trong Chơn ngã bằng cách phát triển đức tính đối lập. Giờ đây, nhiều trường phái tâm lý học và giáo dục hiện đại ủng hộ phương pháp này hơn là phương pháp tấn công một phẩm tính gian tà theo kiểu trực tiếp hơn. Emerson có nói một cách đầy giá trị: “Chúng ta hãy củng cố chính mình bằng việc thường xuyên khẳng định”.

Phàm ngã chỉ là một mảnh của Chơn ngã. Chơn ngã chỉ phóng chiếu ra một bộ phận nhỏ xíu của bản thân nhằm vào các thể hạ trí, thể vía và thể xác. Nhà thần nhãn có thể thấy mảnh tâm thức nhỏ xíu này chạy vòng vòng bên trong con người. Đôi khi người ta thấy nó là “con người hoàng kim có kích thước bằng ngón tay cái” ngự ở tim. Những người khác thấy nó là một ngôi sao ánh sáng chói lọi.

Người ta có thể giữ cho Ngôi sao Tâm thức này ở nơi mình muốn, nghĩa là ở bất kỳ nơi đâu trong bảy luân xa của cơ thể.

Luân xa nào thì dĩ nhiên còn tùy thuộc phần lớn vào loại hình hoặc “cung” của người ấy, và dường như nó cũng dựa vào giống dân chính và giống dân phụ. Vậy là những người thuộc phân chủng thứ năm của Căn chủng thứ Năm hầu như luôn luôn giữ tâm thức ấy ở nơi bộ óc, nơi luân xa tùy thuộc vào tuyến Yên. Tuy nhiên, có những người thuộc các giống dân khác thường giữ nó ở tim, họng hoặc nhật tùng.

Ngôi sao Tâm thức là đại biểu của Chơn ngã nơi các cõi thấp, nó quả thật là cái mà ta gọi là Phàm ngã. Nhưng như ta đã thấy, mặc dù Phàm ngã là một phần của Chơn ngã nhưng sự sống và quyền năng duy nhất của nó là thuộc về Chơn ngã; song le nó thường quên mất những sự kiện này và đạt đến mức tự coi mình là một thực thể hoàn toàn riêng biệt và làm việc vì mục đích của chính mình. Trong trường hợp người thường chưa bao giờ nghiên cứu những vấn đề này thì Phàm ngã cốt yếu là con người ấy, Chơn ngã chỉ biểu lộ rất hiếm hoi và phần nào thôi.

Luôn luôn có một đường liên lạc giữa Phàm ngã và Chơn ngã; được gọi là *Antahkarana*. Hầu hết mọi người không cố gắng sử dụng đường liên lạc này. Trong giai đoạn sơ khởi, sự tiến hóa cốt ở việc mở toang ra đường giao tiếp ấy sao cho Chơn ngã có thể càng ngày càng khẳng định mình thông qua đường liên lạc đó để cuối cùng chế ngự được Phàm ngã. Khi ta thành tựu được điều này thì Phàm ngã không còn tư tưởng hoặc ý chí của riêng mình mà chỉ trở thành (lẽ ra phải như vậy) biểu hiện của Chơn ngã trên các cõi thấp.

Chơn ngã chỉ kiểm soát được các hạ thể một phần nào thôi và ta có thể coi Antahkarana là cánh tay vươn ra của mảnh Chơn ngã nhỏ bé vốn được khơi hoạt và bàn tay đã được đưa xuống dưới. Khi cả hai đã được nối liền hoàn chỉnh thì sợi chỉ mảnh mai này không còn tồn tại nữa.

Trong tiếng Bắc phạn Antahkarana có nghĩa là cơ quan hoặc khí cụ nội tại, và việc tiêu diệt nó hàm ý rằng Chơn ngã không còn cần tới một công cụ nữa mà sẽ trực tiếp tác động lên Phạm ngã. Như vậy, Antahkarana (vốn là mối liên kết giữa Chơn ngã và Phạm ngã) biến mất khi một ý chí duy nhất tác động lên cả hai.

Tuy nhiên ta phải hiểu rằng Chơn ngã vốn thuộc về một cõi cao siêu hơn hẳn cho nên chẳng bao giờ biểu hiện đầy đủ nơi các cõi thấp. Cùng lắm ta cũng chỉ có thể trông mong là Phạm ngã không chứa đựng điều gì mà Chơn ngã không dự tính, nghĩa là nó biểu hiện được đến mức tối đa việc Chơn ngã biểu hiện nơi cõi thấp.

Một người hoàn toàn không được rèn luyện thực tế không giao tiếp với Chơn ngã; ĐIỂM ĐẠO ĐỒ CÓ GIAO TIẾP ĐẦY ĐỦ [Chú thích: ở đây là đường như cứ mỗi “bước” tiến trên con đường huyền bí thì ĐIỂM ĐẠO LẠI CUNG CẤP *khả năng* giao tiếp trọn vẹn với Chơn ngã hơn là thực chứng được hoàn toàn về Chơn ngã. ĐIỂM ĐẠO ĐỒ PHẢI TỰ MÌNH NỖ LỰC BIẾN ĐỔI khả năng thành hiện thực – A. E. Powell]. Dĩ nhiên giữa hai cực đoan này đều có những con người ở đủ mọi trình độ.

Ta phải nhớ rằng bản thân Chơn ngã đang trong quá trình phát triển và vì vậy ta phải bàn tới Chơn ngã trong những giai đoạn tiến bộ rất khác nhau. Trong bất kỳ trường hợp nào thì Chơn ngã xét về nhiều mặt cũng là một điều gì đó vô cùng lớn hơn mức mà Phạm ngã có thể đạt được.

Mặc dù bản thân Chơn ngã chẳng qua chỉ là một mảnh của Chơn thân, song nó vẫn hoàn chỉnh trên cương vị là Chơn ngã trong thể nguyên nhân ngay cả khi quyền năng của nó chưa được phát triển; trong khi đó ở Phạm ngã chỉ có một chút xíu sự sống của Chơn ngã.

Rõ rệt là cực kỳ quan trọng khi học viên tha thiết nên làm hết sức mình để giữ cho mối liên kết giữa Phạm ngã và Chơn ngã được năng động. Để làm như vậy, y phải chú ý tới sự sống, vì chú ý là việc Chơn ngã giáng xuống để nhìn ngắm qua các hiện thể. Nhiều người có thể trí tinh vi và bộ óc rất tốt nhưng họ ít sử dụng chúng vì họ không quan tâm tới sự sống. Vậy là Chơn ngã chỉ đầu tư một chút xíu bản thân xuống các cõi thấp và bỏ mặc cho các hiện thể chạy lông lên theo ý của mình.

Nói một cách ngắn gọn thì ta phải chữa trị tình trạng này như sau. Nên cung cấp cho Chơn ngã những điều kiện mà nó muốn, nếu được như ý thì nó sẽ nhanh chóng đầu tư thêm nữa để tận dụng những điều kiện được cung ứng. Vậy là nếu Chơn ngã muốn phát triển tình luyện ái thì Phạm ngã phải cung ứng cơ hội để phát triển tình luyện ái đến mức đầy đủ nhất trên cõi thấp. Nếu nó muốn có minh triết thì Phạm ngã phải cố gắng nghiên cứu để trở nên minh triết trên cõi trần.

Người ta phải mất công tìm xem Chơn ngã muốn gì; thế rồi nếu điều kiện cần thiết được cung ứng thì Chơn ngã sẽ đánh giá cao nỗ lực ấy và vui lòng đáp ứng. Phạm ngã ắt chẳng có lý do gì để phàn nàn về sự đáp ứng mà Chơn ngã tạo ra. Nói cách khác, nếu Phạm ngã biết quan tâm tới Chơn ngã thì Chơn ngã cũng chú ý tới Phạm ngã.

Chơn ngã đầu tư Phạm ngã cũng giống như người ngư phủ giăng lưới. Y chẳng trông mong mỗi mẻ lưới đều thành công và y cũng chẳng bối rối nhiều lắm nếu nó tỏ ra thất bại. Theo dõi Phạm ngã cũng chỉ là một trong các hoạt động của Chơn ngã, vì thế cho nên Chơn ngã cũng có thể tự an ủi mình bằng những thành công theo các đường lối hoạt động khác.

Trong bất kỳ trường hợp nào thì sự thất bại cũng chỉ biểu diễn việc mất trắng một ngày và Chơn ngã có thể hi vọng một ngày khác sẽ làm được chuyện tốt đẹp hơn.

Thường thường thì Phàm ngã muốn được Chơn ngã chú ý nhiều hơn và Phàm ngã có thể tin chắc rằng mình sẽ nhận được sự chú ý ngay khi mình xứng đáng, ngay khi Chơn ngã thấy Phàm ngã đáng đồng tiền bát gạo.

Trong Giáo hội Ki Tô, bí tích Thêm sức được dự tính để mở rộng và củng cố mối liên kết giữa Chơn ngã và Phàm ngã. Sau khi kênh dẫn này đã được sơ bộ mở rộng thì quyền năng thiêng liêng tuôn chảy qua Chơn ngã của vị giám mục nhập vào Thượng trí của ứng viên. Lúc giám mục làm dấu thánh giá thì nó vươn lên trên nhập vào nguyên khí Bồ đề rồi từ đó nhập vào Ātmā tức tinh thần. Tác dụng lên Ātmā được phản ảnh nơi thể phách, tác dụng lên Bồ đề được mô phỏng lại nơi thể vía và điều được thực hiện cho Thượng trí tương tự như vậy cũng được phản chiếu nơi hạ trí. Kết quả này không chỉ là tạm bợ tùy việc mở toang ra những mối liên kết tạo thành một kênh dẫn rộng lớn hơn để cho dòng chảy thường xuyên có thể được duy trì thông qua đó. Như ta có nói, tác dụng chung là khiến cho Chơn ngã dễ tác động hơn thông qua các hiện thể.

Khi xem xét từ bên dưới thì đủ thứ các hiện thể của con người tạo ra ấn tượng hiện thể này bên trên hiện thể kia, mặc dù cố nhiên chúng không thật sự tách rời nhau trong không gian mà còn được nối liền với nhau bằng vô số sợi dây mảnh mai hoặc tuyến lửa. Mọi hành động phản tiến hóa đều gây ra sự căng thẳng bất bình thường lên những dây này làm chúng xoắn lại và rối bời. Khi người ta đi lạc hướng theo bất kỳ kiểu nào thì mối liên hệ giữa thể cao và thể thấp bị ngăn cản nghiêm trọng; con người không còn là Chơn ngã mà chỉ khía cạnh thấp hèn trong tính tình mình mới biểu lộ trọn vẹn.

Giáo hội Ki Tô cung ứng một phương pháp giúp cho ta nhanh chóng đạt được sự hiệp nhất ấy trở lại. Đó là vì một trong những quyền năng được đặc biệt ban cấp cho vị linh mục vào lễ phong chức chính là việc uốn nắn lại tam giác ở vật chất cấp cao; đây là sự thật ẩn đằng sau phép “tha tội” mà sự hợp tác của con người trước hết phải đạt được qua phép “xưng tội”.

Sự đứt rời liên lạc giữa Chơn ngã và các hạ thể tạo ra tình trạng điên. Nếu ta tưởng tượng mỗi hạt hồng trần trong bộ óc được nối liền với hạt tương ứng trong thể vía bằng một cái ống nhỏ thì mỗi hạt trong thể vía tương tự cũng được nối liền với hạt tương ứng trong thể trí và mỗi hạt trong thể trí cũng được nối liền với hạt tương ứng trong thể nguyên nhân, vậy thì chừng nào mà tất cả những ống này đều được chỉnh hợp hoàn toàn thì sẽ có sự giao tiếp rõ ràng giữa Chơn ngã và bộ óc. Nhưng nếu bất kỳ tập hợp các ống này mà bị uốn cong, tắt nghẽn hoặc phần nào bị lệch lạc thì rõ rệt là sự giao tiếp có thể bị ngắt quãng hoàn toàn hoặc một phần.

Xét theo quan điểm huyền bí thì ta có thể chia kẻ điên ra làm bốn lớp như sau:

(1) Những kẻ bị điên do khuyết tật ở óc phàm. Bộ óc có thể quá nhỏ, bị tổn thương do một tai nạn nào đó, bị một khối u chèn ép hoặc có các mô não bị nhũn ra.

(2) Những kẻ bị khuyết tật ở bộ óc dĩ thái sao cho các hạt dĩ thái không tương ứng với các hạt của xác phàm.

(3) Những kẻ có thể vía bị khuyết tật, những cái ống không chỉnh hợp với các hạt của cái trí.

(4) Những kẻ mà thể trí bị lệch lạc.

Các lớp một và lớp hai sẽ hết điên khi ngủ và xuất ra khỏi thể xác cũng như dĩ nhiên sau khi chết. Lớp ba không thể hết được chừng nào chưa đạt tới cõi trời. Lớp bốn không thể hết điên khi chưa đạt tới thể nguyên nhân sao cho đối với lớp này thì kiếp ấy là hoàn toàn

thất bại. Hơn 90% người diên thuộc về lớp một và lớp hai. Sự ám ảnh nhập xác là do một thực thể khác trực xuất Chơn ngã ra. Chỉ Chơn ngã nào không kiểm soát được các hạ thể của mình thì mới để cho mình bị nhập xác.

Mặc dù vào thời thơ ấu, Chơn ngã nắm giữ các hạ thể của mình ít mạnh mẽ hơn, tuy vậy người lớn có nhiều khả năng bị nhập xác hơn trẻ con, vì người lớn trong mình càng có nhiều phẩm chất thu hút các thực thể không mong muốn và làm cho nhập xác dễ dàng.

Nói ngắn gọn thì cách tốt nhất để ngăn cản việc nhập xác là bằng cách dùng ý chí. Nếu người chủ sở hữu hợp pháp của cơ thể tự tin khẳng định mình và sử dụng quyền năng ý chí thì không có một sự nhập xác nào có thể xảy ra được.

Khi sự nhập xác xảy ra thì hầu như luôn luôn là vì nạn nhân trước hết đã tự nguyện nhường chỗ cho ảnh hưởng xâm nhập, vì vậy bước đầu tiên của y là đảo ngược hành vi tùy thuận và quyết tâm mạnh mẽ chiếm lại quyền kiểm soát vật sở hữu của chính mình.

Mối quan hệ giữa Phạm ngã và Chơn ngã quan trọng đến nỗi có lẽ ta được phép lặp lại hoặc ôn lại một chút. Việc nghiên cứu những hiện thể nội giới của con người ít ra cũng giúp ta hiểu được con người nên đặc biệt quan trọng hóa *biểu diễn cao siêu của mình tức là Chơn nhơn* chứ đừng coi trọng khối tập hợp vật chất hồng trần mà Chơn nhơn ngự trong đó. Ta chưa thể thấy được Tam vị nhất thể thiêng liêng ngự trong thể xác, nhưng ít ra ta cũng có thể có được một ý niệm nào đó về thể nguyên nhân, vốn có lẽ gần nhất với quan niệm Chơn nhơn mà ta có thể nhìn thấy được trên cõi thượng trí.

Khi quan sát con người từ cõi hạ trí, ta chỉ có thể thấy *cùng lắm là Chơn nhơn* biểu thị qua thể hạ trí; trên cõi trung giới, ta thấy rằng có thêm một bức màn phủ xuống; trong khi trên cõi hồng trần còn có một hàng rào khác nữa sao cho Chơn nhơn càng bị che phủ hữu hiệu hơn bao giờ hết.

Biết như vậy ắt khiến cho ta đánh giá đồng loại của mình cao hơn một chút vì ta ngộ ra được rằng họ vốn hơn hẳn so với mức họ có vẻ như vậy khi nhìn qua mắt phàm. Trong bối cảnh bao giờ cũng có một khả năng cao siêu hơn và thường thường thì việc hiệu triệu bản chất tốt đẹp hơn sẽ khơi dậy nó từ trạng thái tiềm tàng và đưa nó xuống biểu lộ ở nơi mà ta có thể chứng kiến được. Sau khi đã nghiên cứu được thực tướng của con người thì ta dễ dàng hơn trong việc xuyên thủng qua bức màn vật chất thô trước để hình dung được thực tại ẩn đằng sau. Điều ẩn đằng sau mọi người là bản chất thiêng liêng; vì thế cho nên khi lĩnh hội được nguyên tắc này ta có thể thay đổi và điều chỉnh thái độ của mình sao cho ta có thể giúp người khác nhiều hơn mức mà mình có thể làm được nếu không biết như vậy.

Ở Chương bàn về sự Nhập định, ta đã thấy rằng ta có thể đạt được tâm thức của Chơn ngã bằng cách duy trì cho cái trí có thái độ chú ý mà lại không quan tâm tới bất cứ điều gì, hạ trí phải tịch lặng để cho ta có thể trải nghiệm tâm thức của thượng trí. Bằng cách này những ý tưởng từ Chơn ngã sẽ lóe xuống trong hạ trí với ánh sáng chói lòa, đó là những linh hứng của thiên tài. “Hỡi con người vật chất, hãy chiêm ngưỡng trong mọi biểu lộ của thiên tài khi nó kết hợp với đức hạnh, chắc chắn phải có một Thiên Nhân đang bị lưu đày tức Chơn ngã thiêng liêng mà người chính là cái ngục”.

Như vậy, thiên tài là việc bộ óc tạm thời lĩnh hội được tâm thức rộng lớn hơn của Chơn ngã tức là Chơn nhơn; đó là việc tâm thức rộng lớn hơn được hạ cố xuống một cơ cấu có thể rung động đáp ứng với những sự xao xuyên của mình. Những tia chớp lóe của thiên tài, tiếng nói của Tinh thần sống động nơi con người, đó là tiếng nói của Thượng Đế nội tâm ngỏ lời qua thể xác của con người.

Hiện tượng được bao gồm trong thuật ngữ “luong tâm” dường như thuộc hai loại khác nhau. Có khi người ta dùng thuật ngữ luong tâm để mô tả tiếng nói của Chơn ngã và có khi

người ta dùng nó để chỉ ý chí trong địa hạt đạo đức. Khi đó là tiếng nói của Chơn ngã thì ta nên công nhận rằng không phải lúc nào nó cũng không thể sai lầm, mà nó thường quyết định không chính xác. Bởi vì Chơn ngã không thể nói chắc chắn về những vấn đề mà nó chưa quen thuộc, nó phải tùy thuộc vào kinh nghiệm trước khi có thể phán đoán chính xác.

Thế nhưng cái dạng lương tâm xuất phát từ ý chí lại không nói cho ta biết phải *làm gì*, mà đúng hơn chỉ ra lệnh cho ta đi theo đường lối ta đã biết là tốt nhất, thường thường cái trí đang cố gắng bịa ra một sự biện bạch nào đó để làm khác đi. Lương tâm ngò lòi với thẩm quyền của ý chí tinh thần, xác định đường lối của ta trong cuộc sống.

Nhưng ý chí (vốn chắc chắn là một phẩm tính của Chơn ngã) phải không được lẫn lộn với ý *muốn* của Phạm ngã nơi các hạ thể. Ham muốn là năng lượng hướng ngoại của Chủ thể suy tư có chiều hướng được xác định do sức hấp dẫn của ngoại vật; ý chí là năng lượng hướng ngoại của Chủ thể suy tư có phương hướng được xác định do những kết luận mà lý trí rút ra từ kinh nghiệm quá khứ hoặc do trực giác của chính Chủ thể suy tư. Nói cách khác, ham muốn được dẫn dắt từ bên ngoài, còn ý chí được lèo lái từ bên trong.

Trong những giai đoạn tiến hóa ban sơ, ham muốn hoàn toàn thống trị và thôi thúc con người đi đây đi đó; con người bị thể vĩa chi phối; trong giai đoạn tiến hóa trung gian có sự xung đột liên miên giữa ham muốn và ý chí; con người phấn đấu với kāma-manas; trong những giai đoạn tiến hóa cuối cùng ham muốn mất đi và ý chí không chế không bị chống đối; Chơn ngã nắm quyền điều khiển.

Tóm lại, ta có thể nói rằng tiếng nói của Chơn ngã xuất phát từ (1) Ātmā, là lương tâm đích thực; xuất phát từ (2) Buddhi, là trực giác giữa điều đúng và điều sai; xuất phát từ (3) Thượng trí, là sự linh hứng; khi sự linh hứng trở nên đủ liên tục để trở thành bình thường thì đó là thiên tài.

Như ta đã trình bày ngắn gọn ở Chương VI, thiên tài vốn thuộc về Chơn ngã, nó *hiểu biết* thay vì lập luận; một trong những năng khiếu của nó là trực giác, cũng giống lý trí là phương pháp của hạ trí. Trực giác chẳng qua chỉ là tuệ giác, ta có thể mô tả nó là việc vận dụng cặp mắt của trí tuệ để nhận ra sự thật không sai lầm được phô bày trên cõi trí tuệ. Nó hiểu biết chắc chắn nhưng không thể có một bằng chứng lý luận nào về sự chắc chắn ấy, bởi vì nó vượt ngoài tầm và vượt bên trên lý trí. Nhưng trước khi ta có thể nhận ra được chắc chắn tiếng nói của Chơn ngã ngò lòi qua trực giác thì ta cần phải tự rèn luyện mình một cách cẩn thận và lâu dài.

Tuy nhiên dường như từ ngữ trực giác được dùng với ý nghĩa hơi khác một chút. Vậy là người ta đã bảo rằng việc đạt được trực giác đáng tin cậy trong sinh hoạt hằng ngày có nghĩa là mở ra được một kênh dẫn trực tiếp giữa thể Bò đề và thể vĩa.

Nhân tiện xin nói, ta có thể phát biểu rằng trực giác hoạt động đúng hơn là thông qua luân xa ở tim hơn là thông qua cái trí. Lễ phong chức cho một giám mục đặc biệt nhằm nói tới trung tâm lực này và việc kích thích trực giác.

Như vậy ta phân biệt có hai cách khác nhau để truyền “trực giác” từ tâm thức cao xuống tâm thức thấp. Cách thứ nhất xuất phát từ cõi thượng trí xuống cõi hạ trí, cách thứ nhì đi thẳng từ cõi bò đề xuống thể vĩa. Người ta đã miêu tả trực giác của thể nguyên nhân là trực giác nhận biết cái bên ngoài, còn trực giác xuất phát từ cõi bò đề là trực giác nhận biết cái bên trong. Nhờ có trực giác cõi bò đề ta nhận biết sự vật từ *bên trong* nó; nhờ có trực giác cõi thượng trí ta nhận biết được một điều gì đó từ *bên ngoài* nó.

Đường lối nào dễ hơn thì còn tùy thuộc vào phương pháp cá tính hóa. Những người có cá tính hóa nhờ sự thông hiểu sâu sắc sẽ tiếp nhận trực giác của mình là một niềm xác tín,

hiện nay không cần lý luận cũng xác lập được sự thật của nó mặc dù người ta ắt phải hiểu được nó trong những kiếp trước hoặc khi ở ngoài thể xác trên cõi hạ trí.

Những người đã đạt được cá tính hóa do một cơn sùng tín, ắt tiếp nhận trực giác của mình từ cõi bờ đề giáng xuống thể vía.

Trong cả hai trường hợp dĩ nhiên điều kiện để tiếp nhận được trực giác là các hạ thể phải kiên định.

Chúng ta chẳng cần nao núng trước sự kiện thường có bất ổn tâm lý liên kết với thiên tài vốn được diễn tả qua ngôn ngữ nói rằng bệnh điên rất lân cận với thiên tài và qua phát biểu của Lombroso cùng với những người khác cho rằng nhiều vị thánh mắc bệnh thân kinh.

Vị thánh và người có linh ảnh rất thường làm căng thẳng bộ óc quá mức đến nỗi cơ cấu của thể xác bị méo mó và trở nên bất ổn.

Hơn nữa, đôi khi cũng đúng thật bởi sự bất ổn là điều kiện cho linh hứng. Giáo sư William James đã nói như sau: “Nếu có một điều giống như sự linh hứng từ cõi cao thì rất có thể là tính khí loạn thần kinh cung cấp điều kiện chính yếu cần để tiếp nhận linh hứng”. (*Các Biến thái của Kinh nghiệm Tôn giáo trang 19*). Như vậy thiên tài có thể có một bộ óc bất ổn bởi vì tâm thức cao siêu đang gây sức ép lên nó ngổ hầu cải thiện cơ cấu; do đó bộ óc được giữ cho ở trạng thái căng thẳng; và trong những tình huống như thế, nó có thể dễ dàng đi quá xa tới mức cấu trúc bị sụp đổ do căng thẳng. Nhưng tính bất thường này là mặt phải chứ không phải là mặt trái vì nó là phần tiên tiến trong đội quân tiên phong của cơ tiến hóa nhân loại. Đó là tính bất ổn của sự tăng trưởng chứ không phải bệnh hoạn.

Trong Gáo hội Ki Tô, vào lúc đọc Phúc âm, người ta cũng toan tính kích thích trung tâm lực ở tim bằng cách làm dấu thánh giá trên trung tâm lực ở tim với ngón tay cái, cũng như dấu thánh giá trên trung tâm lực giữa chơn mày và trung tâm lực ở họng. Việc dùng ngón tay cái tương ứng với thủ pháp trong thuật thôi miên mesmer và dường như được sử dụng khi người ta cần tới một luồng thần lực nhỏ nhỏ nhưng đầy sức mạnh để khai mở các trung tâm lực.

Trung tâm lực ở tim trong cơ thể dành cho tam nguyên thượng, ātmā-buddhi-manas. Trung tâm lực ở đầu là trú sở của con người trí thức thông linh, đủ thứ chức năng của nó ở nơi bầy não thất bao gồm cả tuyến yên lẫn tuyến tùng.

Một người có thể đưa tâm thức từ bộ óc xuống tới tim ắt có thể nối liền kāma-manas với thượng trí thông qua hạ trí khi thanh khiết, đó chính là antahkarana; bấy giờ y sẽ ở vào vị thế nắm bắt được một số thôi thúc của tam nguyên thượng.

Trong phương pháp yoga của Ấn độ, người ta tiến hành từng bước ngăn ngừa nguy cơ cuồng thần kinh nơi những kẻ đang bước vào tiếp xúc với các cõi cao; người ta khăng khăng đòi giữ giới luật và tẩy trừ cơ thể, kiểm soát và rèn luyện cái trí.

Chơn ngã thường đưa ý tưởng xuống tâm thức hạ đẳng dưới dạng các biểu tượng; mỗi Chơn ngã đều có hệ thống biểu tượng của riêng mình mặc dù một số dạng dường như là tổng quát trong các giác mơ. Vậy là chẳng hạn như người ta nói rằng mơ thấy nước có nghĩa là gặp rắc rối gì đấy. Thế mà trong khi có thể không có mối liên hệ thực sự giữa nước và chuyện rắc rối; thế nhưng nếu Chơn ngã biết rằng Phàm ngã đặc biệt quá tin như vậy về nước thì rất có thể Chơn ngã sẽ chọn một dạng biểu tượng như vậy để cảnh báo Phàm ngã về một bất hạnh nào đó sắp xảy ra.

Trong một số trường hợp thì Chơn ngã có thể biểu lộ một cách kỳ diệu qua bên ngoài. Vậy là chẳng hạn như Tiên sĩ Annie Besant có bảo rằng trong khi bà đang nói một câu thuộc bài diễn thuyết thì bà thấy câu kể tiếp thật sự hiện hình trong không khí ngay trước mắt bà dưới ba dạng khác nhau mà bà cố tình chọn lựa điều mà bà nghĩ là tốt nhất. Đây ắt phải là

công trình của Chơn ngã, mặc dù thật khó hiểu tại sao nó lại chọn phương pháp giao tiếp đặc thù này thay vì ghi khắc những ý tưởng trực tiếp lên bộ óc phàm.

Mối quan hệ giữa Phàm ngã và Chơn ngã được miêu tả một cách thơ mộng trong quyển *Tiếng Nói Vô Tinh*: “Hãy kiên trì như kẻ cày ngày càng phải nhẫn nhục. Hình bóng của con (nghĩa là Phàm ngã) sống rồi lại chết đi; điều ở nơi con sẽ sống đời đời, điều mà con biết vì nó là tri thức chứ không phải là sự sống phù du; đó là Chơn ngã đã và sẽ hằng hữu, và chẳng bao giờ tận số”.

Trong quyển *Chìa khóa Thông Thiên Học*, H. P. Blavatsky cũng mô tả Chơn ngã một cách sống động như sau: “Hãy cố gắng tưởng tượng một ‘Tinh thần’, một đấng thiêng liêng cho dù ta gọi nó bằng tên này hay tên khác; nó có bản thể thiêng liêng, thể nhưng chưa đủ thanh khiết để hiệp nhất với TOÀN THỂ; và để thành tựu được điều đó, nó cần phải tẩy trừ bản chất của mình để cuối cùng đạt được mục tiêu ấy. Nó chỉ có thể làm được như vậy bằng cách trải qua (về cả *Chơn ngã* lẫn *Phàm ngã*, nghĩa là tâm linh và trần tục) mọi kinh nghiệm và xúc cảm vốn tồn tại trong vũ trụ biến dị hoặc đa tạp này. Vì vậy, sau khi đã đạt được kinh nghiệm như thế nơi các giới thấp, sau khi đã cày ngày càng thẳng lên cao theo mọi nấc thang hiện tồn, thì nó phải trải qua mọi kinh nghiệm trên các cõi cao của con người. Xét về bản thể thì nó là Tư tưởng và vì vậy được gọi theo số nhiều là *Manasaputra*, nghĩa là các Con của Trí tuệ (vũ trụ). Tư tưởng đã cá thể hóa này là điều mà các nhà Thông Thiên Học gọi là Chơn ngã, thực thể suy tư bị giam hãm trong cái lồng bằng xương bằng thịt. Đây chắc chắn là một thực thể tâm linh chứ không phải là *vật chất* (nghĩa là vật chất theo như ta biết nơi vũ trụ ngoại giới) và những thực thể như thế là những Chơn ngã nhập thể vốn làm linh hoạt cái mó vật chất thú dục mà ta gọi là loài người với tên gọi là *Manasa* tức những cái trí”.

“Tia” hạ trí bao giờ cũng tìm cách trở về cội nguồn với cha mẹ mình là thượng trí. Nhưng trong khi nhị nguyên tính đang trường cửu, nghĩa là tâm thức chưa được nâng lên tới thể nguyên nhân để nhờ vậy hiệp nhất Phàm ngã với Chơn ngã (tạm gọi như vậy) thì có một sự khao khát liên tục mà những người có bản chất thanh khiết và cao thượng nhất cảm thấy là một trong những sự kiện nổi bật nhất thuộc đời sống nội giới. Chính sự khao khát này khoắc lấy hình thức cầu nguyện, linh hứng, “muu tìm Thượng Đế”, mong ước hiệp nhất với Đấng Thiêng Liêng. Ki Tô hữu tha thiết gào thét: “Linh hồn tôi khao khát Thượng Đế, Thượng Đế sống động”.

Huyền bí gia nhận thấy trong tiếng kêu thống thiết này có sức thôi thúc không gì đè bẹp được của Phàm ngã hướng về Chơn ngã mà nó bị cách ly nhưng sức hấp dẫn vẫn còn được nó cảm nhận linh hoạt. Cho dù người ta cầu nguyện với Đức Phật, Vishnu, Đấng Ki Tô, Đức Mẹ Đồng Trinh, Từ phụ thì chẳng có gì quan trọng, đây là vấn đề thổ ngữ chứ không phải là sự thật. Trong mọi lời cầu nguyện thì chính thượng trí hợp nhất với bồ đề, và Ātmā mới là đối tượng thật sự được che đậy với bất kỳ tên gọi nào mà thời gian hoặc các giống dân đã dành cho nó. Đây là nhân loại lý tưởng, là “Thượng Đế nhân hình”, là “Thiên Nhân” mà ta thấy trong mọi tôn giáo; đây cũng là “Thượng Đế nhập thể”, “Ngôi Lờ xuất hiện bằng xương bằng thịt”, đấng Ki Tô ắt phải “sinh ra” nơi mỗi người và tín đồ phải hiệp nhất với đấng Ki Tô.

Diễn tả một cách chuyên môn hơn thì “Thượng Đế” biệt lập ngã tính nơi mỗi người chính là Cha trên Trời, là Chơn thần; Chơn thần đối với Chơn ngã cao siêu bao nhiêu thì Chơn ngã đối với Phàm ngã cũng cao tột bấy nhiêu.

Tuy nhiên ở đây một lời cảnh báo bóng gió cũng chẳng phải là không đúng chỗ. Trong quá khứ người ta đã dùng cách diễn tả “ngước mắt lên Chơn ngã” và “lắng nghe tiếng thôi

thức của Chơn ngã”; thậm chí người ta gợi ý rằng Chơn ngã phải quan tâm nhiều hơn tới Phàm ngã bất hạnh đang phấn đấu nơi các cõi thấp vì ích lợi của Chơn ngã. Dần dần thì học viên ắt đạt tới việc ngộ ra rằng Phàm ngã mà ta thấy trên các cõi thấp chẳng qua chỉ là một phần rất nhỏ của Chơn ngã, còn Chơn ngã mới chính là Chơn nhơn. Đó là vì chỉ có một tâm thức duy nhất, tâm thức hạ đẳng là một biểu diễn bất toàn của tâm thức cao siêu và không hề tách rời khỏi nó. Như vậy, thay vì nghĩ tới việc nâng “chúng ta lên” cho đến khi chúng ta có thể hiệp nhất với Chơn ngã vinh quang, thì đúng hơn ta nên ngộ ra được rằng phần thượng đẳng chính là Chơn ngã cho nên hiệp nhất Chơn ngã với Phàm ngã thật ra có nghĩa là mở toang Phàm ngã ra để cho Chơn ngã có thể tự do hơn và đầy đủ hơn nơi Phàm ngã và thông qua Phàm ngã.

Như vậy, người ta nên cố gắng chắc chắn không còn nghi ngờ gì nữa việc mình là tinh thần tức Chơn ngã; y nên phát triển sự tin tưởng vào quyền năng của chính mình trên cương vị là Chơn ngã và triển khai lòng can đảm để thoả mái sử dụng những quyền năng này. Thay vì coi trạng thái tâm thức thông thường của mình là tự nhiên và bình thường, rồi ngược lên cao hướng về Chơn ngã coi đó là một đẳng cao siêu cần phải đạt được bằng nỗ lực liên tục và ghe gớm thì y nên học cách coi trạng thái tâm thức bình thường của mình là bất bình thường và không tự nhiên; còn sự sống tinh thần mới là sự sống chân thật của chính mình, thế mà y lại liên tục cố vọng thân đối với sự sống ấy.

Diễn tả theo kiểu hình thức thì khi các hiện thể hoàn toàn hài hòa với Chơn ngã thì hình tướng của chúng giống như thể Hào quang (xem trang 237). Bây giờ ta thay đổi rất ít từ kiếp này sang kiếp khác.

Cũng giống như vậy, khi Chơn ngã trở nên sự phản chiếu toàn bích của Chơn thần thì nó cũng chỉ thay đổi rất ít mặc dù nó vẫn tiếp tục tăng trưởng.

Những người cố tình đảm nhiệm công tác đưa tâm thức cao siêu vào bộ óc có thể làm như vậy bằng cách rèn luyện kỹ lưỡng hạ trí và tính tình đạo đức qua nỗ lực bền bỉ và có định hướng. Thói quen suy tư có trật tự, bền bỉ, im lặng hướng về những đề tài phi thể tục, tham thiền, nghiên cứu cũng phát triển thể trí và biến nó thành một công cụ tốt hơn. Nỗ lực trau dồi suy tư trừu tượng cũng hữu ích; vậy là nâng hạ trí lên tới thượng trí cũng như thu hút vào trong thể trí những vật liệu tinh vi nhất thuộc cảnh hạ trí.

Sơ đồ này là một toan tính nhằm trình bày một ý niệm nào đó về mối quan hệ giữa Chơn ngã và các hạ thể. Trong số những quyền năng, năng lực và tri thức của Chơn ngã trên cõi của riêng mình thì chỉ một phần nhỏ có thể được truyền xuống cho thể trí, từ đây lại còn ít hơn nữa, xâm nhập vào thể vía và trong số đó chỉ một mảnh đạt tới ý thức trong xác phàm. Như ta đã thấy một trong những mục tiêu của con người là phải mở rộng và tăng cường mối liên kết giữa Chơn ngã với các hạ thể sao cho quyền năng của Chơn ngã càng ngày càng có thể biểu hiện được nhiều hơn nơi các hạ thể thuộc Phàm ngã.

Vượt trên và vượt ngoài tầm Chơn ngã là Chơn thần, mối quan hệ của Chơn thần với Chơn ngã cũng khá giống như quan hệ giữa Chơn ngã và Phàm ngã.

CHƯƠNG XXXII SỰ TÁI SINH

Bây giờ ta xét tới câu chuyện về Chơn ngã và các hiện thể vào lúc mà thời kỳ sinh hoạt trên cõi Thượng trí chấm dứt, đã tới lúc đảm nhiệm một kiếp lâm phàm mới. Ta ắt nhớ lại rằng khi Chơn ngã triệt thoái vào thể thượng trí thì nó mang theo mình các nguyên tử trường

tồn thể xác và thể vía cùng với đơn vị trí tuệ tức phân tử trường tồn hạ trí. Các hạt vật chất này mỗi hạt chỉ thuộc về một trong ba cõi thấp, vẫn ở lại với Chon ngã trong suốt các kiếp nhập thể của con người. Trong khi chúng được triết thoái vào bên trong thể nguyên nhân thì chúng ở trạng thái tiềm tàng hoặc tịch lặng. Khi đã đến lúc luân hồi thì Chon ngã xoay chuyển chú tâm ra bên ngoài, do đó một sự sống xao xuyến xuất phát từ nó làm khơi dậy đơn vị trí tuệ và sinh võng (màng lưới sinh tồn) cũng bắt đầu giăng ra; sinh võng này bao gồm chất bồ đề và hiện ra thành màu hoàng kim lóng lánh đẹp thanh bai và tinh vi không thể tưởng tượng; nó được tạo thành từ một sợi chỉ duy nhất vốn là phần kéo dài của hồn dây Sutratmā. Tuy nhiên ở đây ta không thể đi sâu vào chi tiết thêm nữa của những vấn đề này; soạn giả hi vọng sẽ bàn tới chúng trong một quyển sách sau này.

Bây giờ đơn vị trí tuệ hoạt động trở lại bởi vì Chon ngã tìm cách biểu hiện một lần nữa trên cõi hạ trí trong chừng mực mà tính mềm dẻo của vật chất cõi này cho phép. Do đó, đơn vị trí tuệ đóng vai trò một nam châm thu hút vật chất trí tuệ và tinh hoa ngũ hành trí tuệ về xung quanh mình, chúng có khả năng rung động tương tự như hoặc phù hợp với khả năng rung động của chính đơn vị trí tuệ, vậy là thích hợp để biểu diễn những phẩm chất trí tuệ tiềm tàng của nó. Theo một ý nghĩa nào đó, quá trình này là tự động mặc dù các thiên thần thuộc Giới Tinh hoa Ngũ hành thứ Nhì cũng trợ giúp vào quá trình này bằng cách đưa vật liệu thích hợp vào bên trong phạm vi hoạt động của đơn vị trí tuệ. Vật chất trước hết được định hình thành ra một đám mây lỏng lẻo xung quanh đơn vị trí tuệ; cho đến nay nó chưa phải là một thể trí mà chỉ là một vật liệu để từ đó thể trí mới sẽ được xây dựng nên.

Ngay cả các phẩm tính cho đến nay cũng chưa hề tác động, chúng chỉ là các mầm mống của phẩm tính và trong lúc này ảnh hưởng duy nhất của chúng là tìm được cho bản thân một môi trường biểu lộ khả hữu bằng cách cung cấp vật chất thích hợp để biểu diễn chúng qua thể trí của đấng trẻ. Những mầm mống hoặc chủng tử này được truyền thừa từ quá khứ thì các Phật tử gọi là Uẩn (skandhas); chúng bao gồm những phẩm tính vật chất, cảm giác, ý niệm trừu tượng, khuynh hướng của cái trí và quyền năng của cái trí (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Như ta đã thấy trong quá trình nghiên cứu hương hoa thuần túy của những thứ này đã theo Chon ngã tiến nhập Devachan; mọi thứ thô trực, đê tiện và gian tà bị rơi rớt lại trong tình trạng tạm ngưng linh động mà ta có nói tới. Chon ngã tiếp quản những thứ này khi nó chuyển ra bên ngoài hướng về sinh hoạt trần tục để được xây dựng thành một “con người mới bằng xương bằng thịt” mà Chon nhơn phải ngự trong đó.

Những kinh nghiệm trong quá khứ dĩ nhiên không tồn tại dưới dạng các hình tư tưởng nơi thể trí mới vì chúng đã chết đi dưới dạng hình tư tưởng rất lâu rồi khi thể trí cũng bị tiêu diệt; chỉ cái tinh hoa của chúng, tác dụng của chúng lên năng khiếu là còn lại thôi. Cũng chính điều ấy xảy ra khi Chon ngã chuyển chú tâm sang nguyên tử trường tồn thể vía và đặt nó vào phạm vi ý chí của mình. Vậy là đơn vị trí tuệ và nguyên tử trường tồn thể vía bèn thu hút về mình vật liệu có thể tạo ra một thể trí và một thể vía giống hệt như cái loại hình mà con người đã có được vào lúc kết thúc lần lượt là kiếp sinh hoạt đã qua trong thể trí và thể vía. Nói cách khác, con người tiếp tục sinh hoạt trên cõi hạ trí và cõi trung giới ở ngay đúng mức mà nó rời bỏ trong kiếp trước. Như vậy, thể trí và thể vía con người được tiếp quản trong chu kỳ sinh hoạt mới chính là kết quả trực tiếp trong quá khứ của y, chúng tạo thành một bộ phận quan trọng nhất trong nghiệp báo “chín mươi” Prārabda karma của kiếp này. Thoạt tiên vật chất hạ trí được phân bố đều trong khắp hình trứng. Chỉ khi cái xác nhỏ xíu đã bắt đầu xuất hiện thì vật chất thể trí và vật chất thể vía mới bị thu hút vào thể xác; bây giờ chúng bắt đầu uốn mình theo hình dạng thể xác rồi từ đó trở đi đều đặn tăng trưởng theo thể xác. Đồng thời, khi có sự thay đổi về sắp xếp này thì vật chất hạ trí và vật chất thể vía

bước vào hoạt động và tư tưởng xuất hiện. Ta nên lưu ý rằng các loại vật chất trí tuệ càng được xây dựng thô trước hơn vào trong thể trí thì sự liên kết giữa vật chất hạ trí và vật chất thể vía lại càng khăng khít, vậy là tăng cường yếu tố Kāma-Manas (Xem chương vi). Do đó một đứa trẻ con không thể cho rằng nó đã có một thể trí và một thể vía xác định mà nó chỉ có xung quanh mình cũng như bên trong mình vật chất từ đó kiến tạo nên những hạ thể này. Nó có đủ thứ khuynh hướng, một số tốt, một số xấu. Liệu những mầm mống này trong kiếp sống mới có một lần nữa phát triển ra thành cùng một khuynh hướng như trong kiếp đã qua hay chẳng thì điều đó còn tùy thuộc một phần lớn vào sự khuyến khích mà môi trường xung quanh đứa trẻ trong buổi ấu thời có tác dụng lên nó hay chẳng. Bất cứ khuynh hướng nào dù tốt hay xấu cũng có thể dễ dàng được kích động hoặc mặt khác bị thui chột vì thiếu sự khích lệ. Nếu được kích động thì nó trở thành một yếu tố mạnh mẽ hơn trong cuộc đời của một con người kiếp này so với kiếp trước; nếu bị thui chột thì nó vẫn chỉ là một mầm mống không đơm hoa kết trái được, kiếp này mà bị teo tóp đi rồi mất tiêu thì kiếp tới dứt khoát là không thể xuất hiện lại được.

Trong buổi ấu thời, Chơn ngã chẳng kiểm soát được các hạ thể bao nhiêu vì vậy nó phải trông mong cha mẹ giúp đỡ nó kiểm soát chặt chẽ hơn và cung ứng cho nó những điều kiện thích hợp. Vì thế cho nên cha mẹ có trách nhiệm vô cùng lớn. Ta không thể nói thậm xưng về tính mềm dẻo trong các hạ thể chưa được đào tạo của đứa trẻ. Thể xác của đứa trẻ đã mềm dẻo và dễ chịu ấn tượng xiết bao thì thể vía và thể trí của nó lại càng linh động hơn nữa. Chúng xao xuyên đáp ứng với mọi rung động mà chúng gặp phải, chúng háo hức tiếp thu mọi ảnh hưởng cho dù tốt hay xấu vốn xuất phát từ những người xung quanh. Cũng giống như trường hợp thể xác, trong khi thể vía và thể trí của thiếu niên rất thụ cảm và dễ uốn nắn thì chẳng bao lâu sau chúng đã bị chết cứng, định hình bằng cách thụ đắc những thói quen nhất định mà một khi đã thâm căn cố đế thì khó khăn ghê gớm lắm mới có thể thay đổi được. Tương lai của đứa trẻ thuộc quyền kiểm soát của cha mẹ lớn hơn hẳn so với mức mà ngay cả những bậc phụ mẫu thương con nhất cũng không nhận thức nổi.

Nếu ta có thể tưởng tượng ra bạn bè của ta với mọi đức tính được tăng cường ghê gớm và mọi thói xấu bị nhổ bật ra khỏi tính tình của họ thì ta ắt có thể hình dung ra được kết quả mà cha mẹ có thể tạo ra được cho con cái nếu họ làm tròn bổn phận của mình đối với con cái. Sự bèn nhảy phi thường đối với môi trường xung quanh bắt đầu ngay khi Chơn ngã giáng xuống bào thai rất lâu trước khi lâm bồn; trong hầu hết mọi trường hợp nó tiếp tục mãi cho tới thời kỳ trưởng thành.

Thể trí hoặc nói cho đúng hơn, vật liệu xây dựng thể trí trở nên dính mắc với các hạ thể trong sinh hoạt trước khi ra đời; mối liên kết này trở nên càng ngày càng mật thiết cho đến khi vào khoảng năm 7 tuổi, các hạ thể tiếp xúc khăng khít với Chơn ngã theo trình độ tiến hóa cho phép. Bấy giờ nếu Chơn ngã đủ tiên tiến thì nó hơi bắt đầu kiểm soát được các thể của mình, cái ta gọi là lương tâm chính là tiếng nói giám sát của nó. Trong thời kỳ trước khi chào đời, Chơn ngã suy giảm bên trên người mẹ mà cơ thể tương lai của mình đang được xây dựng trong đó, nhưng Chơn ngã chỉ ảnh hưởng chút ít tới phôi thai ngoại trừ do ảnh hưởng yếu ớt của nguyên tử trường tồn thể xác; phôi thai không thể đáp ứng với và do đó không chia sẻ được tư tưởng và xúc động Chơn ngã biểu hiện trong thể nguyên nhân.

Người Ấn Độ có đủ thứ nghi lễ để cho họ bao trùm ảnh hưởng thanh khiết lên cả mẹ lẫn con trước và sau khi sinh. Mục đích là tạo ra tình huống đặc biệt ngăn ngừa ảnh hưởng thấp hèn và du nhập ảnh hưởng cao thượng. Những nghi lễ như vậy rất có giá trị. Những “chủng tử” gian tà mà đứa trẻ mang theo trong nguyên tử trường tồn thường được gọi là “tội tổ tông” mặc dù người ta gán ghép sai lầm chúng với hành động theo huyền thoại về Adam

và Eve. Trong Giáo hội Ki Tô phép bí tích rửa tội được đặc biệt giúp làm giảm đến mức tối thiểu tác dụng của những chủng tử gian tà này. Để đạt được mục đích ấy người ta dùng nước “thánh” đã được từ hóa; nhờ vào nó vị linh mục có thể làm cho chất dĩ thái trong cơ thể đứa trẻ rung động mạnh mẽ, kích thích tuyến Yên và thông qua tuyến Yên ảnh hưởng tới thể vía, rồi đến lượt thông qua thể vía ảnh hưởng tới thể trí. Lực tuôn vào chạy xuống rồi lại chạy lên cho đến khi nó tìm được mức thích đáng của riêng mình giống như nước. Phép “trừ tà” mà vị linh mục thực hiện được dự tính ghì chặt các chủng tử gian tà trong tình trạng hiện nay và ngăn ngừa chúng không cho được cấp dưỡng hoặc kích thích theo bất cứ kiểu nào sao cho rốt cuộc chúng teo tóp đi rồi biến mất.

Hơn nữa, ít ra là trong nghi lễ do Giáo hội Công giáo Tự do thực hiện, vị linh mục làm dấu thánh giá xuống suốt chiều dài của vùng trán và vùng lưng của cơ thể đứa trẻ, xây dựng một hình tư tưởng hoặc tinh linh nhân tạo (điều này làm nảy sinh ra ý niệm về thiên thần hộ mệnh) vốn được thần lực tràn ngập và cũng được làm linh hoạt bởi một loại tinh linh thiên nhiên cao cấp mà ta gọi là phong tinh linh (sylph). Hình tư tưởng là một loại áo giáp bằng ánh sáng trắng che chắn phía trước và phía sau đứa trẻ. Nhân tiện xin nói, nhờ kết hợp với hình tư tưởng thâm nhuần sự sống của chính đấng Ki Tô cho nên phong tinh linh rốt cuộc biệt lập ngã tính để trở thành thiên thần seraph.

Cho dầu đứa trẻ hầu như chết ngay tức khắc thì phép rửa tội cũng có thể có giá trị đối với nó phía bên kia cửa tử. Đó là vì mầm mống gian tà hoàn toàn có thể bị kích thích hoạt động trên cõi trung giới và hình tư tưởng ấy có thể trợ giúp nó ngăn ngừa tác động ấy. Như vậy trong phép rửa tội, một vài trung tâm lực hoặc luân xa nơi đứa trẻ được kích hoạt và mở ra đón tiếp ảnh hưởng tâm linh mà các mầm mống gian tà cũng bị ức chế trong một chùng mực nào đó; thế là đứa trẻ được phú cho điều thực tế là một thiên thần hộ mệnh, một ảnh hưởng mới mẽ và mạnh mẽ hướng thiện. Ta có thể nói thêm rằng dùng dầu thánh để làm dấu thánh giá trên trán đứa trẻ ắt gây ra dấu hiệu nhìn thấy được trong thể phách suốt đời con người; đây là dấu thánh của Ki Tô hữu cũng giống hệt như điểm tilaka tức dấu giai cấp trong trường hợp tín đồ Ấn giáo là dấu hiệu của Shiva hoặc cây chia ba của Vishnu.

Hào quang của đứa trẻ thường là một sự vật đẹp đẽ nhất có màu sắc thanh khiết và tươi sáng nhất, không có những đám mây đa dục, hà tiện, ác ý và ích kỷ vốn thường làm u ám trọn cả cuộc đời người lớn. Thật đau lòng khi nhận thấy sự thay đổi hầu như luôn luôn xảy ra đối với hào quang đứa trẻ khi năm tháng trôi qua, ta nhận thấy các khuynh hướng gian tà bèn bị được cấp dưỡng và củng cố do môi trường xung quanh, còn các khuynh hướng tốt lại bị lơ là. Với những bài học như vậy, trước mắt thì người ta cũng chẳng lấy gì làm lạ trước việc cơ tiến hóa của con người triển khai chậm chạp phi thường và hầu hết Chon ngã gần như chẳng tiến bộ được bao nhiêu hết kiếp này sang kiếp khác nơi hạ giới. Phương thuốc chữa trị vốn ở nơi các bậc cha mẹ và thầy cô, ta hầu như không tính toán được tác dụng của tính tình cá nhân, cách cư xử và thói quen của cha mẹ thầy cô đối với sự phát triển của lũ trẻ. Việc nghiên cứu trong giai đoạn này, ta cũng không cần chú tâm trở lại tầm quan trọng lớn lao của tư tưởng và xúc động thuộc cha mẹ thầy cô đối với người mà họ chịu trách nhiệm. Ông C. W. Leadbeater đã bàn dông dài về đề tài này trong tác phẩm *Khía cạnh ẩn giấu của sự vật*, quyển II, trang 287, 313 . . .

Trong nền văn minh Atlante, người ta hoàn toàn công nhận tầm quan trọng của chức vụ thầy giáo đến nỗi không ai được phép dạy dỗ nếu không phải là một nhà thần nhãn lão luyện, y có thể nhìn thấy mọi phẩm tính và năng lực tiềm tàng của người mà mình chịu trách nhiệm, vì vậy có thể làm việc với mỗi học trò một cách thông minh để phát triển điều tốt và để sửa chữa điều xấu. Trong tương lai xa xăm khi có Căn chủng thứ Sáu, người ta

thậm chí còn ứng dụng nguyên tắc này một cách hoàn chỉnh hơn nữa. Cho dù cha mẹ có hết sức cẩn thận bung bít đến đâu đi chăng nữa đối với đứa trẻ thì hầu như không thể tránh được việc nó một ngày kia sẽ gặp phải những ảnh hưởng xấu trên thế giới, chúng có xu hướng kích động những khuynh hướng xấu nơi bản thân nó. Nhưng việc khuynh hướng tốt hay khuynh hướng xấu được kích động trước thì kết quả sẽ khác nhau rất nhiều. Trong hầu hết mọi trường hợp, điều xấu được khơi hoạt trước khi Chơn ngã có tác dụng lên các hạ thể sao cho khi Chơn ngã kiểm soát được các hạ thể thì nó thấy mình phải chiến đấu chống lại một bản tính mạnh mẽ hướng về đủ thứ điều xấu. Khi các mầm mống thiện được khơi hoạt trề thì chúng phải phấn đấu để tự khẳng định mình chống lại những khuynh hướng xấu đã thâm căn cố đế rồi. Mặt khác, nếu cha mẹ cực kỳ kỹ lưỡng trước khi đứa trẻ chào đời và sau đó nhiều năm chỉ kích thích những khuynh hướng tốt thôi thì khi Chơn ngã nắm quyền kiểm soát nó thấy mình dễ biểu hiện theo đường lối này vì một thói quen đã được xác lập. Nếu lúc bấy giờ có một kích thích xấu xảy ra thì kích thích ấy đụng phải một xung lực mạnh mẽ hướng thiện mà nó hoài công chiến đấu để khắc phục. Trừ phi Chơn ngã tiên tiến phi thường còn thoát tiên thì nó chẳng điều khiển được các hạ thể bao nhiêu; nhưng ta phải nhớ rằng ý chí của Chơn ngã luôn luôn hướng thiện vì nó muốn tiến hóa nhờ vào các hiện thể và quyền năng mà nó có thể đưa vào giữ thăng bằng bao giờ cũng nghiêng về phía điều thiện.

Trong thời sinh hoạt phôi thai và ấu trĩ thì Chơn ngã, như ta có nói, trong khi đang tiến hành sinh hoạt rộng lớn và phong phú hơn của riêng mình thì dần dần cũng càng ngày càng tiếp xúc mật thiết hơn với phôi thai. Ở đây ta có thể lưu ý rằng mối quan hệ của Chơn thần với vũ trụ mà tâm thức của nó đang tiến hóa trong đó cũng tương tự như mối quan hệ của Chơn ngã đối với thể xác mới mẻ của mình. Vì thể trí là một hiện thể mới cho nên dĩ nhiên nó không thể nhớ được những kiếp trước mà nó không dự phần vào đó. Trí nhớ này rõ rệt là thuộc về Chơn ngã ở trong thể nguyên nhân cùng với các nguyên tử trường tồn duy nhất tồn tại từ kiếp này sang kiếp khác. Vì thế cho nên con người sinh hoạt trong cõi trần không thể nhớ được kiếp trước của mình chừng nào y chỉ nhớ bằng thể trí. Trong sự phát triển cơ thể con người thời kỳ thai nghén tương ứng với thời kỳ đi xuống của các giới tinh hoa ngũ hành, nhiều nhà giáo dục coi thời kỳ từ lúc sinh ra đến lúc bảy tuổi thì cần phải chú ý nhiều nhất tới bản chất thể xác của đứa trẻ, đến năm 14 tuổi thì phải đặc biệt chú ý tới sự phát triển xúc động, đến năm 21 tuổi thì thầy giáo phải đặc biệt chú ý tới sự phát triển trí tuệ.

Trong một chừng mực nào đó, ta có thể coi ba thời kỳ vừa nêu tương ứng với các giới khoáng vật, thực vật và động vật. Trong giới khoáng vật tâm thức ở trên cõi trần, trong giới thực vật tâm thức ở trên cõi xúc động, trong giới thứ ba động vật, hạ trí dần dần xuất lộ đưa tới giai đoạn con người trở thành Chủ thể suy tư chân chính. Thời kỳ dài trung niên là đời sinh hoạt thật sự của con người. Thời kỳ tuổi già ắt mang lại khôn ngoan; nơi hầu hết mọi người, điều này cho đến nay còn bất toàn nhưng đó chỉ là một sự soi bóng của những đỉnh cao siêu nhân sẽ thành tựu được trong tương lai. Ở đây ta cần đề cập tới một kết cục kỳ diệu mà trong một vài trường hợp hiếm có xảy ra khi con người tái sinh. Ở Chương vi, nếu một người sống cuộc đời hoàn toàn trụ lạc, đồng nhất hóa mình hoàn toàn với bản chất thú tính thấp hèn và lơ là với bản chất cao thượng thì bản chất thấp hèn bị cắt đứt hoàn toàn khỏi bản chất cao thượng và kiếp ấy là hoàn toàn mất Chơn ngã. Trong tình huống ấy Chơn ngã chán ngắt các hạ thể đến nỗi khi sự chết giải thoát nó ra khỏi thể xác thì nó cũng vứt bỏ luôn các hạ thể kia; thật ra thậm chí ngay trong buổi sinh thời nó có thể đã rời bỏ cái đèn thờ bị ô uế ấy. Sau khi chết, một Chơn ngã như vậy, không có thể vía hoặc thể trí ắt sẽ tái sinh nhanh chóng. Nếu chuyện này xảy ra thì thể vía và thể trí cũ có thể chưa tan rã và theo ái lực tự

nhân có thể lại bị thu hút về phía thể vĩa và thể trí mới; bây giờ chúng trở thành cái dạng kinh khủng nhất của điều được gọi là “nghiệp chướng chặn ngõ điếm đạo”.

CHƯƠNG XXXIII GIAI ĐOẠN LÀM ĐỆ TỬ

Việc kiểm soát, rèn luyện và phát triển thể trí (dĩ nhiên cũng như là thể vĩa) tạo thành một phần quan trọng trong công trình của kẻ nhắm mục đích trở thành đệ tử của Chơn sư rồi sau này làm một Điếm đạo đồ của Quần Tiên Hội.

Sau đây là một bảng kê bốn đức tính nổi tiếng trên Đường đạo. Ta ắt thấy rằng hầu như trong mọi đức tính này đều có yếu tố trí tuệ.

CÁC ĐỨC TÍNH TRÊN THÁNH ĐẠO		
Số thứ tự	Tiếng Bắc phạn	Tiếng Việt
1	Vivekā	Phân biệt giữa thực và hư; cũng được mô tả là mở ra cánh cửa trí tuệ
2	Vairāgyā	Thờ ơ với điều không thực, phù du và dừng dưng với kết quả của hành động: xả bỏ
3	Shatsampatti	Sáu thuộc tính của cái trí
	-1- Shama	Kiểm soát tư tưởng
	-2- Dama	Kiểm soát hành động
	-3- Uparati	Khoan dung
	-4- Titiksha	Nhẫn nhục
	-5- Shraddha	Tin tưởng
	-6- Samādhāna	Thăng bằng
4	Mumuksha	Muốn được giải thoát

Người ta đã viết nhiều cuốn sách về các Đức tính này, ở đây chỉ có chỗ để ta mô tả chúng ngắn gọn nhất. Không trông mong là chúng sẽ được hoàn hảo, nhưng ít ra thì phải có được chúng một phần trước khi có thể được Điếm đạo.

Vivekā: Người tâm đạo phải học biết rằng sự sống nội giới, sự sống của Chơn ngã và vì Chơn ngã mới là sống thực; ông C. W. Leadbeater đã diễn tả ngắn gọn như sau: y phải học biết rằng “có ít điều đáng quan trọng và hầu hết mọi điều chẳng quan trọng chút nào”.

Khỏi cần nói thì ta cũng thấy điều này không có nghĩa là ta có thể hoặc nên lơ là những bổn phận và trách nhiệm thế tục một khi ta đã đảm đương chúng; trái lại nhà huyền bí học phải thực hiện những điều ấy thậm chí với đầy đủ lương tâm và kỹ lưỡng hơn những người khác. Điều quan trọng là cái tinh thần khiến ta thực thi công việc, nhận ra được khía cạnh nào quan trọng và những khía cạnh nào không quan trọng.

Việc “mở ra cánh cửa trí tuệ” này (tức “cải giáo” – tạm gọi như vậy) chính là điều được thánh kinh đề cập tới: “Con hãy tha thiết với những sự vật trên trời chứ không với những sự vật dưới đất . . . vì những sự vật mà con nhìn thấy được đều tạm bợ thôi, còn những sự vật mà con không nhìn thấy được mới là vĩnh hằng”.

Sự phân biệt được kích thích rất nhiều qua việc nhanh chóng thay đổi tình huống mà người đệ tử thường bị đặt vào đó nhằm mục đích tạo cho y cảm tưởng mọi sự vật ngoại giới đều bất ổn. Cuộc đời của một đệ tử thường đầy sóng gió và căng thẳng để cho các đức tính và năng lực bắt buộc phải tăng trưởng nhanh chóng và mau lẹ đạt được sự hoàn chỉnh.

Vairagyā: Do công nhận ngoại vật đều có bản chất bất ổn và không thỏa mãn cho nên tự nhiên là người ta dừng dừng với nó. Người tâm đạo đâm ra dừng dừng với những sự việc đến rồi lại đi và càng ngày y càng chú tâm tới thực tại thường trụ vốn hằng hữu.

Shama: Trong quyển sách này ta đã chú trọng rất nhiều tới nhu cầu kiểm soát tư tưởng. Đệ tử phải khiến cho tư tưởng và xúc động của mình từ trạng thái hỗn loạn trở về trạng thái trật tự; y phải loại trừ đủ thứ những điều gây thích thú nhỏ nhỏ và kiểm soát tư tưởng lang thang. Trong khi y còn đang sinh hoạt trên thế gian thì khó khăn trong việc đảm đương điều này còn nhân lên gấp bội do các đợt sóng quấy nhiễu xúc động và tư tưởng không ngừng gây sức ép khiến cho y không hề được nghỉ ngơi, không có cơ hội để thu thập hết sức bình sinh tạo ra một nỗ lực thực sự.

Kiên định thực hành định trí và tham thiền hằng ngày là một phương pháp mà nhiều người thấy thích hợp. Người tâm đạo phải hoạt động với nghị lực lớn lao và sự kiên trì nhằm đè bẹp được sự nổi loạn của cái trí để cho nó có trật tự và kỷ luật, vì biết rằng việc gia tăng lớn lao quyền năng tư tưởng đi kèm theo sự phát triển nhanh chóng của y sẽ tỏ ra là một nguy cơ cho người khác và cho bản thân y nếu y không hoàn toàn kiểm soát được thần lực ấy. Chẳng thà đưa cho một đứa trẻ thuộc nỏ để nó chơi đùa còn hơn là đặt quyền năng sáng tạo của tư tưởng vào trong tay kẻ ích kỷ và đầy tham vọng.

Dama: Ngoài việc kiểm soát nội tâm thì còn phải kiểm soát thêm hành động nơi ngoại giới. Cũng như cái trí ngoan ngoãn vâng lời linh hồn bao nhiêu thì cũng vậy, bản chất thấp hèn phải vâng lời cái trí bấy nhiêu. Phải loại trừ tính cầu thả nơi hoạt động qua phần thấp hèn của con người.

Uparati: Đức tính khoan dung cao cả và có ảnh hưởng xa rộng, nghĩa là phải mặc nhiên chấp nhận mỗi người, mỗi dạng chúng sinh đúng theo thực tướng của nó chứ không được yêu sách nó phải là một điều gì khác hơn uốn mình theo sự ưa thích của chính cá nhân mình. Tôn trọng cá tính của người khác là đặc điểm của người đệ tử.

Titiksha: Nhẫn nhục nghĩa là một thái độ tâm trí vui vẻ chịu đựng tất cả chứ không oán trách điều gì, thẳng tiến tới mục tiêu mà không nao núng. Người tâm đạo biết rằng không điều gì có thể xảy ra với mình mà không theo Thiên luật và Thiên luật vốn tốt đẹp. Y phải ngộ ra được rằng vì đang trả những món nợ nghiệp quả tích lũy trong quá khứ chỉ nội trong một vài kiếp ngắn ngủi cho nên việc trả nợ tương ứng phải nặng nề.

Shraddha: Chính những sự phấn đấu mà người tâm đạo đắm chìm trong đó đã phát triển nơi bản thân y niềm tin vào Chơn sư và tin vào Chơn ngã, một đức tin thanh thản, kiên cường không thể lung lay được.

Sāmadhāna: Trung dung hoặc thăng bằng, trong một chừng mực nào đó bắt nguồn mà không phải cố gắng hữu thức khi phấn đấu theo năm đức tính nêu trên. Linh hồn dần dần được tháo gỡ khỏi những ràng buộc ghì chặt nó vào thế giới giác quan, là những đối tượng mà “chủ thể điều độ tức chủ nhân ông đã ngoảnh mặt làm lơ”, những đối tượng này chẳng bao lâu sau mất hết khả năng quấy nhiễu sự thăng bằng của y. Cũng cần phải thăng bằng giữa đủ thứ rối trí, sự thăng bằng này còn được dạy dỗ thêm nữa qua những sự thay đổi nhanh chóng nêu trên mà cuộc đời y phải trải qua khi được dẫn dắt do sự chăm sóc, giám sát chặt chẽ của Chơn sư.

Mumuksha: Khi đạt được những Đức tính kia thì sẽ có lòng khao khát sâu sắc và kịch liệt hướng về sự giải thoát, linh hồn ao ước hiệp nhất với Đấng Thiêng Liêng. Điều này thêm một nét chấm phá cuối cùng cho việc sẵn sàng bước vào giai đoạn đệ tử thực thụ. Một khi sự khao khát ấy đã được xác lập vững chắc thì linh hồn nào đã cảm thấy như vậy chẳng bao giờ có thể giải khát được trở lại nơi những suối nguồn trần tục.

Việc đạt được giai đoạn này khiến cho người ta sẵn sàng được điếm đạo tức Adhikari, sẵn sàng “nhập lưu”, mãi mãi cắt đứt y ra khỏi việc quan tâm tới sinh hoạt trần tục, trừ phi y có thể dùng sinh hoạt trần tục để phụng sự Chơn sư và xúc tiến cơ tiến hóa nhân loại.

Sự khao khát những sự việc tinh thần dường như được Hội Tam Điểm biểu diễn qua thái độ nội tâm của Ứng viên “khiêm tốn khẩn cầu được nhận vào các bí pháp và có đặc quyền của Hội Tam Điểm Cổ truyền”. Mọi hội viên Tam Điểm đều biết rằng trong thái độ này người ta chú trọng tới sự thôi thúc bên trong chính Ứng viên; không ai có thể bước trên con đường huyền bí dựa vào sự cảm hứng của người khác.

Trong hệ thống Phật giáo, người ta đưa ra những tên gọi hơi khác cho các giai đoạn mặc dù bản thân những đức tính vẫn có nội dung như vậy. Sau đây là danh pháp bằng tiếng Nam phạn:

I. Manodvāravajjana. Mở ra cánh cửa trí tuệ hoặc có lẽ thoát ra khỏi cánh cửa trí tuệ. Tin chắc rằng các mục tiêu thế tục là vô thường và vô giá trị.

II. Parikamma. Chuẩn bị hành động. Làm điều phải vì lẽ phải mà hoàn toàn dửng dưng với việc thụ hưởng thành quả của hành động.

III. Upacharo. Chú tâm tới hạnh kiểm.

(1). Samo: sự tịch lặng của tư tưởng do kiểm soát được cái trí.

(2). Damo: tự chủ, làm chủ được thân nghiệp và khẩu nghiệp.

(3). Uparati: không ngu tín hoặc cuồng tín vào nhu cầu nghi lễ.

(4). Titikshā : nhẫn nhục hoặc kiên nhẫn kể cả việc hoàn toàn không oán trách.

(5). Samadhana: chăm chú, nhất tâm, bao gồm việc không thể bị cám dỗ đi chệch hướng.

(6). Saddha: tín ngưỡng, tin vào Chơn sư và Chơn ngã.

IV. Anuloma: Thứ tự liên tiếp trực tiếp, nghĩa là nó tự nhiên sẽ nối tiếp ba điều nêu trên: kịch liệt ham muốn giải thoát.

V. Gotrabhū: Tình trạng thích hợp để được Điếm đạo.

Học viên dễ dàng nhận thức được rằng những Đức tính này tất nhiên là hệ quả của tâm thức Chơn ngã. Đó là vì nếu ta có thể nhìn đời theo quan điểm của thế giới Chơn ngã thì ta mới thấy cuộc đời theo đúng viễn cảnh của nó nghĩa là có phân biệt và khi tâm thức Chơn ngã đã được gỡ rối khỏi những hạ thể thì tất nhiên sẽ có đức tính vô dục. Và lại, vì hạnh kiểm vốn thuộc về chính Chơn ngã thay vì thuộc về các hạ thể, cho nên tất nhiên sẽ có *Shatsampatti* tức kiểm soát được hạnh kiểm. Và vì thế giới của Chơn ngã thế giới nhất nguyên, thế giới của tình thương theo nghĩa bao la nhất, cho nên tâm thức Chơn ngã hàm ý là từ bi, một từ ngữ đôi khi được dùng để biểu thị theo một khía cạnh hơi khác đức tính thứ tư trong bốn đức tính, tức *Mumuksha* (khao khát giải thoát).

Khi một người có vẻ gần sở hữu được những đức tính cần thiết một cách phải chăng thì một Chơn sư có thể nhận y “tập sự”. Điều này có nghĩa là trong một thời gian người ấy được quan sát rất kỹ lưỡng. Trong thời kỳ tập sự, đệ tử tuyệt nhiên không liên hệ trực tiếp chút nào với Chơn sư; y hầu như cũng chẳng nghe nói tới hoặc hiểu bất cứ điều gì về ngài. Theo thông lệ thì cũng chẳng có một sự thử thách đặc biệt hoặc khó khăn nào cản đường y. Y chỉ được quan sát kỹ lưỡng xét về thái độ đối với mọi chuyện rắc rối trong sinh hoạt nhỏ nhặt hằng ngày.

Để tiện việc quan sát, Chơn sư tạo ra một cái gọi là “hình ảnh sống động” của đệ tử Dự bị, nghĩa là một bản sao chính xác thể phách, thể vía, thể trí và thể nguyên nhân của người ấy. Ngài giữ hình ảnh này ở chỗ nào Ngài dễ dàng tiếp cận được và Ngài để cho nó có *liên hệ* từ khi với chính người ấy, sao cho mọi biến đổi về tư tưởng hoặc xúc cảm trong các hạ thể của con người đều được mô phỏng trung thực nơi hình ảnh ấy.

Hằng ngày Chơn sư xem xét những hình ảnh này; nhờ vậy chẳng mất công gì Ngài cũng có được một bản ghi chép hoàn toàn chính xác về những tư tưởng và xúc cảm của người đệ tử Dự bị, khiến cho Ngài có thể quyết định khi nào Ngài mới để cho y được quan hệ mật thiết hơn nhiều trên cương vị là đệ tử Thực thụ, bây giờ ta sẽ mô tả mối quan hệ này.

Ở bước này thì thường không có nhiều nghi lễ. Chơn sư đưa ra một vài lời khuyên, nói cho người đệ tử mới biết mình đang trông mong ở y điều gì và thường thường theo một cách ưu ái, Ngài có thể tìm ra một lý do nào đó để khen ngợi người đệ tử về công việc mà y đã hoàn tất.

Hình ảnh sống động chẳng những ghi lại những khuyết điểm hoặc sự xáo trộn mà nó còn phản chiếu trọn cả tình trạng tâm thức của người đệ tử. Ta phải nhớ rằng đệ tử chẳng những phải đạt được điều thiện tiêu cực mà còn đạt tới điều thiện tích cực coi đó là điều kiện tiên quyết để tiến bộ.

Nếu đệ tử Dự bị làm được một điều gì đó tốt phi thường thì nhất thời Chơn sư sẽ lóe lên một chút sự chú ý nữa đối với y và thậm chí có thể gọi một lần sóng kích lệ thuộc một loại nào đó hoặc Ngài có thể giao phó một công tác nào đó cho đệ tử thực hiện để xem y làm ra sao. Tuy nhiên, nói chung thì Ngài ủy nhiệm điều đó cho một trong những đệ tử cao cấp của mình.

Như vậy, mối liên kết giữa đệ tử và Chơn sư chủ yếu là quan sát và có lẽ đôi khi cũng sử dụng đệ tử. Các Thánh sư có thói quen không dùng những cuộc thử thách đặc biệt hoặc xúc động mạnh; đệ tử thường bị bỏ mặc cho đi theo lộ trình thông thường trong cuộc đời mình, “hình ảnh sống động” ấy đủ cung cấp chỉ dẫn về tính tình và sự tiến bộ của y.

Nghe đâu thời gian tập sự là bảy năm, nhưng nó có thể kéo dài vô hạn định hoặc mặt khác nó có thể được rút ngắn đi rất nhiều. Người ta đã từng biết rằng có trường hợp nó kéo dài tới 30 năm và có trường hợp nó được rút gọn thành ra chỉ vài tuần lễ.

Trên con đường đệ tử Dự bị, tâm thức cao siêu nhất của con người hoạt động nơi cõi Thượng trí.

Khi một đệ tử được nhận “Thực thụ” thì y đưa vào trong tâm thức của Chơn sư tới mức độ lớn lao đến nỗi bất cứ điều gì y cũng nhìn thấy hoặc nghe thấy đều nằm trong tầm hiểu biết của Chơn sư. Không phải là Chơn sư nhìn thấy hoặc nghe thấy điều ấy cùng một lúc (mặc dù điều này thường xảy ra) nhưng nó ở bên trong trí nhớ của Chơn sư cũng giống hệt như bên trong ký ức của đệ tử, sao cho Ngài có thể nhớ lại nó vào bất cứ lúc nào Ngài muốn. Như vậy bất cứ điều gì đệ tử cảm thấy hoặc suy nghĩ đều ở bên trong thể vía và thể trí của Chơn sư.

Bằng cách này, Chơn sư hòa lẫn hào quang của đệ tử vào hào quang của chính mình sao cho thần lực của Ngài có thể thường xuyên tác động qua đệ tử mà Ngài không cần đặc biệt chú ý.

Ta không được nghĩ rằng chỉ cần có một kênh dẫn vô ý thức; trái lại một đệ tử phải trở thành một cộng tác viên thông minh sắc sảo.

Nếu tiếc thay trong cái trí đệ tử có nảy sinh ra một tư tưởng nào đó không thích hợp để cho Chơn sư nuôi dưỡng thì ngay khi Ngài cảm thấy điều ấy thì Ngài tức khắc bèn dựng nên một hàng rào che chắn mình khỏi rung động ấy. Làm như vậy khiến cho sự chú ý của Ngài bị nhất thời xao lãng đối với công việc khác và phải tốn một số lượng năng lượng nào đó.

Sự hiệp nhất giữa đệ tử và Chơn sư bắt đầu từ khi “Thực thụ” ắt là trường tồn, sao cho các thể cao của đệ tử luôn luôn rung động cùng với các thể cao của Chơn sư. Trọn cả thời gian y đều được nâng cấp lên, nhờ vậy càng ngày càng giống Chơn sư. Lúc nào tư tưởng của đệ tử cũng phần lớn là bận tâm tới những tư tưởng của Chơn sư và ảnh hưởng của Ngài sao cho trong khi y cởi mở bén nhạy với Ngài thì trong một chừng mực đáng kể y bị cách ly với những ảnh hưởng thấp hèn.

Song le, người ta không trông mong đệ tử chẳng nghĩ được điều gì tích cực ngoại trừ nghĩ về Chơn sư mà người ta chỉ trông mong hình dáng của Chơn sư sẽ luôn luôn ở trong bối cảnh tâm trí của y, luôn luôn ở trong tầm với ngay trước mắt, luôn luôn sẵn có khi cần tới trong sự thăng trầm của cuộc đời. Trong khi sự thư giãn hợp lý và sự thay đổi tư tưởng vốn cần thiết cho sức khỏe tâm thần thì dĩ nhiên đệ tử phải hết sức cẩn thận không cho phép có một tư tưởng thậm chí trong một giây lát mà y ắt lấy làm xấu hổ nếu Chơn sư thấy được.

Quá trình nâng cấp chính hợp chỉ có thể diễn ra từ từ; một sinh linh đang được uốn nắn và điều cốt yếu là sự tăng trưởng từ từ ở bên trong phải làm cho hình tướng thích ứng với ảnh hưởng của bên ngoài cũng giống như một người làm vườn dần dần uốn nắn những cành cây.

Mặc dù Chơn sư tác động lên cả ngàn người trong một lúc, cũng như còn làm những việc khác và những việc cao cấp hơn, thế nhưng tác dụng dường như thể Ngài chỉ đang giám sát đệ tử và chẳng nghĩ tới ai khác vì sự chú ý mà Ngài có thể ban cho một trong cả trăm người còn lớn lao hơn sự chú ý của chúng ta khi chỉ định trí hoàn toàn vào một người. Chơn sư thường để cho một đệ tử trưởng thành của mình làm công việc chính hợp các hạ thể, mặc dù bản thân Ngài đang cho phép một sự giao lưu thường xuyên giữa các hiện thể của Ngài và hiện thể của đệ tử. Chính bằng cách này mà Ngài làm được nhiều nhất cho đệ tử không nhất thiết họ phải biết điều gì về chuyện ấy.

Như vậy đệ tử thực thụ trở thành một tiền đồn của tâm thức Chơn sư, sao cho bất cứ điều gì được thực hiện khi y có mặt cũng là được thực hiện như chính Chơn sư có mặt. Mặc dù Chơn sư có thể không ý thức tới những biến cố ấy vào lúc chúng xảy ra, song le như ta có nói về sau chúng đều có trong ký ức của Ngài. Như vậy những trải nghiệm của đệ tử đều

xảy ra trong tâm trí của Chơn sư khiến cho Ngài đều biết ngay khi ngài chú ý tới đề tài hữu quan.

Ngay cả những chuyện hoàn toàn thuộc cõi trần chẳng hạn như một tiếng động hoặc một cơn chấn động nho nhỏ trong tâm thức của đệ tử cũng lọt vào tâm thức của Chơn sư. Vì vậy, một đệ tử minh triết cố gắng tránh bất kỳ loại chấn động nào và vì lý do ấy y thường thuộc loại người nhã nhặn và im lặng.

Đệ tử luôn luôn liên hệ với Chơn sư qua một dòng tư tưởng và ảnh hưởng thường xuyên, nó biểu hiện trên cõi trí tuệ thành một tia lớn hoặc một luồng ánh sáng chói lọi đủ màu sắc tím, hoàng kim và xanh lơ.

Song le, khi đệ tử phóng ra một tư tưởng sùng tín lên tới Chơn sư thì kết quả là việc màu sắc của thanh ánh sáng ấy đột nhiên tăng cường và có một luồng ảnh hưởng tâm linh rõ rệt xuất phát từ Chơn sư *hướng về đệ tử*. Điều này có lý do là vì quyền năng của Chơn sư luôn luôn tuôn đổ ra ngoài theo mọi hướng giống như ánh sáng mặt trời. Tư tưởng của đệ tử tiếp xúc với nó ắt làm linh hoạt mối liên hệ của y với Chơn sư và chỉ mở ra một kênh dẫn lớn hơn, thông qua đó đại dương bác ái của Chơn sư có thể tìm được lối thoát.

Sự hiệp nhất giữa tâm thức của đệ tử và Chơn sư khăng khít đến nỗi [như ta đã nhắc tới ở chương xi] bất cứ lúc nào đệ tử cũng có thể nghĩ được Chơn sư nghĩ gì về bất cứ đề tài cho sẵn nào và bằng cách này y thường tránh cho mình khỏi sai lầm.

Người ta không được lạm dụng đặc quyền này. Đó là quyền năng chỉ được tham chiếu rất cuộc về những vấn đề cực kỳ khó khăn; nó không được dự tính để cho đệ tử khỏi phải mất công suy nghĩ hoặc quyết định những vấn đề tầm thường mà y hoàn toàn có đủ thẩm quyền quyết định được.

Cũng giống như vậy, ở một mức cao hơn, Điểm đạo đồ có thể đặt tư tưởng của mình bên cạnh tư tưởng của Quân Tiên Hội và thu hút vào bản thân đến mức tối đa cái tâm thức ghê gớm mà y có thể đáp ứng được ở mức ấy. Cũng vậy, Điểm đạo đồ phải phấn đấu không bao giờ được du nhập bất cứ thứ gì bất hòa với cái tâm thức đại hùng ấy nó đang tác động như một tổng thể.

Ở đây chúng tôi có thể lập lại điều đã được phát biểu ở chương xi, nghĩa là Chơn sư bất cứ lúc nào cũng có thể phóng ra một tư tưởng thông qua đệ tử hoặc là dưới dạng một điều gợi ý hoặc là một thông điệp, chẳng hạn như đệ tử đang viết một bức thư hoặc thuyết trình. Trong những giai đoạn đầu, đệ tử thường không có ý thức về điều này nhưng chẳng bao lâu sau y sẽ học được cách nhận ra tư tưởng của Chơn sư. Quả thật y rất cần học được cách nhận ra nó bởi vì trên cõi trung giới và cõi trí tuệ có nhiều thực thể khác có thể đưa những gợi ý tương tự và đệ tử nên học cách phân biệt xem nguồn gốc của những gợi ý này.

Việc Chơn sư sử dụng cái xác của đệ tử vốn khác hẳn điều mà ta gọi là đồng cốt. Cơ chế và cơ sở lý luận của thuật đồng cốt đã được giải thích trong quyển *Thế Phách* và *Thế Vía* cùng với những lời phản đối thuật này. Dĩ nhiên ta không thể phản đối việc Chơn sư sử dụng xác đệ tử. Ảnh hưởng của Chơn sư mạnh đến nỗi nó có thể tỏa sáng trong một chùng mực nào đó và một người thông linh có thể ý thức được sự hiện diện của Ngài, thậm chí tới mức độ có thể nhìn thấy được những đặc điểm của Ngài hoặc nghe thấy được giọng nói của Ngài thay vì của người đệ tử. Có lẽ cũng sẽ chẳng có bất kỳ sự thay đổi thuần túy nào đó trên cõi trần mặc dù điều này dĩ nhiên thường xảy ra trong thuật đồng cốt. Mối quan hệ giữa Chơn sư và đệ tử tuyệt nhiên không mang tính cưỡng chế hoặc trong đó cá tính của đệ tử bị chìm ngập trong làn sóng quyền năng của Chơn sư. Ngược lại, ảnh hưởng của Chơn sư không phải là một lực thôi miên từ bên ngoài mà là một sự soi sáng kỳ diệu không thể diễn tả được từ bên trong, nó thật là vô địch vì cảm thấy sâu sắc là hoàn toàn hài hòa với khát

vọng, hoài bão cao siêu nhất của đệ tử, là việc bản chất tâm linh của chính đệ tử được tự bộc ra. Bản thân Chơn sư vốn là một kênh dẫn sự sống Thượng Đế đến mức trọn vẹn nhất, luồng tuôn chảy từ Ngài khơi hoạt được chúng tử Thiên tính bên trong đệ tử. Tiến trình này hơi giống như cảm ứng điện. Chính vì cả đôi bên có cùng bản chất cho nên ảnh hưởng của Chơn sư mới kích thích đến mức cao nhất mọi phẩm chất cao thượng nhất và cao quý nhất của đệ tử. Tình thương của Chơn sư với đệ tử có thể được ví như ánh sáng mặt trời làm khai nở nụ hoa sen trong không khí ban mai; thật vậy ta có thể nói rằng một nụ cười mỉm của Chơn sư sẽ khơi dậy nơi đệ tử một đợt bùng nổ luyến ái mà y chỉ thu thập được qua hàng tháng tham thiền theo lối kinh viện về đức tính bác ái.

Từ những điều nêu trên, ta ắt thấy rõ rằng bất cứ sự xáo trộn nào nơi các hạ thể của người đệ tử cũng sẽ ảnh hưởng tới các hạ thể của Chơn sư. Nếu sự xáo trộn ấy xảy ra thì Chơn sư sẽ buông một bức màn để che chắn đệ tử khỏi bản thân Ngài kéo nó sẽ chen vào công việc của chính Ngài. Một diễn biến đáng tiếc như vậy thường không kéo dài nhiều hơn 48 tiếng đồng hồ, nhưng trong những trường hợp cực đoan rất hiếm có nó có thể kéo dài hàng năm hoặc suốt quãng đời còn lại.

Hầu như mọi kẻ phạm phu đều quay thần lực vào bên trong bản thân để trở thành một khối ô hợp những thần lực qui ngã. Kẻ nào trở thành đệ tử thực thụ phải học cách hướng ngoại, tập trung sức mạnh và chú tâm lên người khác, tuôn ra những tư tưởng trợ giúp và những lời chúc tốt đẹp cho đồng loại. Vậy là người ta dạy đệ tử và thậm chí kẻ rắp ranh làm đệ tử phải bảo toàn mọi năng lượng để hoàn toàn phụng sự thế gian. Việc tâm thức hạ đẳng có được chia xẻ kiến thức của tâm thức thượng đẳng hay chẳng được quyết định chủ yếu do nhu cầu công việc cần được thực hiện.

Trong khi đệ tử cần sử dụng thoải mái được các hiện thể của mình trên các cõi cao thì việc truyền thụ kiến thức về công việc ấy xuống cho thể xác (nó vốn tuyệt nhiên chẳng đáng gì tới công việc ấy) thường là vấn đề không quan trọng. Sự căng thẳng của thể xác thật là lớn lao khi tâm thức cao siêu cưỡng chế nó phải rung động hưởng ứng trong giai đoạn tiến hóa hiện nay và nếu hoàn cảnh bên ngoài không thật thuận lợi thì sự căng thẳng ấy dễ gây ra xáo trộn thần kinh và sự quá nhạy cảm đi kèm theo những chuyện không tốt. Vì thế cho nên hầu hết những người đã phát triển được các thể cao và thực hiện những công trình quan trọng nhất bên ngoài thể xác đều tách rời khỏi đám đông người nhộn nhịp để giữ cho thể xác bền nhạy khỏi bị đời sống thường nhật ồn ào, náo nhiệt và thô bạo gây khó khăn.

Hơn nữa, ngay khi đệ tử tỏ dấu có được thần thông thì người ta luôn luôn giáo huấn y cật lực về việc hạn chế sử dụng thần thông. Nói tóm lại thì những hạn chế này là không được sử dụng thần thông, (1) để thỏa mãn chỉ là óc tò mò mà thôi, (2) vì mục đích ích kỷ, (3) để phô trương những hiện tượng lạ. Điều này có nghĩa là người ta cũng phải cân nhắc tới những điều chi phối hành động của con người biết lẽ phải trên cõi trần và trông mong y cũng ứng dụng điều đó vào cõi trung giới và cõi hạ trí; trong bất kỳ trường hợp nào đệ tử không bao giờ được dùng quyền năng bổ sung ấy để làm thăng tiến những lợi ích trần tục của mình hoặc thủ lợi về bất cứ phương diện nào, và y không bao giờ được phô diễn cái gọi là một “sự trải nghiệm” trong giới thần linh học, nghĩa là một bằng chứng không thể chối cãi được trên cõi trần về một quyền năng bất bình thường.

Luôn luôn có ảnh hưởng của Chơn sư dưới dạng một bức xạ nhẹ nhàng tuôn chảy qua đệ tử cho dầu y có biết hay không. Thịnh thoảng đệ tử có thể cảm thấy luồng thần lực ấy gia tăng rất nhiều mặc dù y có thể chẳng biết nó ở đâu ra. Chỉ cần chú ý một chút y có thể học biết được nó đang đi tới hướng nào và ít lâu sau y có thể dứt khoát dùng tâm thức mình theo dõi nó tới tận những người thật sự đang chịu ảnh hưởng của nó. Tuy nhiên đệ tử không thể

điều khiển nó vì y chỉ là một kênh dẫn thôi. Về sau, Chon su có thể bảo đệ tử đi tìm một người và cung cấp cho y một thần lực nào đó. Khi đệ tử càng hữu dụng thì công việc càng được giao phó cho y nhiều hơn, vậy là làm giảm bớt sự căng thẳng của Chon su cho đến chỉ ở mức độ nhỏ. Đôi khi thậm chí đệ tử có thể được cung cấp một thông điệp nhất định để truyền cho một người đặc biệt.

Y cũng có thể tiếp xúc thường xuyên với Chon su theo một cách khác. Cũng giống như hình ảnh của người ta do con người tạo nên nơi cõi Devachan đều chứa đầy sự sống của Chon ngã thuộc những người hữu quan, cũng vậy Chon su làm đầy hình tư tưởng do đệ tử tạo ra bằng sự hiện diện thật sự của chính ngài. Thông qua hình tư tưởng ấy ngài có thể cung ứng sự linh hứng thật sự và đôi khi cả sự giáo huấn nữa. Một ví dụ của chuyện này là một đạo sĩ Yoga Ấn Độ ở phủ Thủ hiến Madras, ông cho rằng mình là đệ tử của Chon su Morya. Sau khi đã gặp Chon su trên cõi trần và trở thành đệ tử của Ngài vị đạo sĩ Yoga cho rằng mình không hề mất Chon su sau khi đã chia tay, vì Chon su thường xuất hiện ra trước mắt y và giáo huấn y qua một trung tâm lực ở bên trong chính y.

Còn có một giai đoạn thứ ba hiệp nhất, thậm chí còn mật thiết hơn nữa, khi đệ tử trở thành “Con” của Chon su. Mỗi liên kết này đến mức chẳng những hạ trí mà Chon ngã trong thể nguyên nhân của đệ tử cũng bị bao trùm bên trong thể nguyên nhân của Chon su; bấy giờ Chon su không còn có thể phủ một bức màn che để cách ly đệ tử nhằm tách rời hai tâm thức chỉ trong một giây phút thôi.

Một đệ tử thật thụ có quyền và có bổn phận ban phúc nhân danh Chon su và một luồng quyền năng của Chon su tuôn ra chói lọi chắc chắn sẽ theo nỗ lực của y để làm như vậy. Con của Chon su có thể phô ra sự hiện diện mật thiết của chính Chon su. Người nào là Con của Chon su thì đang hoặc chẳng bao lâu sau sẽ trở thành một thành viên của Quân Tiên Hội; dĩ nhiên điều này cung ứng quyền năng ban phép nhân danh Quân Tiên Hội.

Trong các Đại Bí pháp được cử hành chủ yếu ở Eleusis, các Điểm đạo đồ được gọi là *epoptai*, nghĩa là “những người đã mở mắt ra”. Biểu hiện của họ là chùm lông hoàng kim Jason, biểu tượng của thể trí. Đệ tử được cho thấy một dòng sự sống nào đó có tác dụng ra sao trên cõi trời khi người ta học tập và có đạo tâm trên trần thế; y cũng được dạy cho biết toàn thể lịch sử tiến hóa của thế giới và con người ở khía cạnh sâu sắc hơn.

Đệ tử còn được tiếp thu nhiều hơn nữa, chẳng những giáo huấn về tình hình trên cõi trí tuệ mà còn là giáo huấn về sự phát triển thể trí thành một hiện thể.

Hội viên Tam Điểm ắt lấy làm thú vị mà nhận biết rằng người tầm đạo được cho thấy một bông lúa là điều bí nhiệm tối cao nơi Eleusis, và nó có lẽ liên quan tới sự kiện một bó lúa thường được khắc trên ghế ngồi của cấp S.W. trong Chi bộ Tam Điểm.

Khi một người được điểm đạo thì ảnh hưởng mà ngài đã chinh hợp được trên các cõi cao ủa xuống qua mọi bộ phận bản thể của ngài. Mặc dù có ít tác dụng nơi chất đặc, chất lỏng và chất khí thuộc cõi trần, nhưng có nhiều bức xạ từ thể phách, thể vía và thể trí, điều này được cảm thấy bởi các giới trong thiên nhiên lẫn những người có đủ khả năng hưởng ứng.

Một sự bành trướng và phát triển rất lớn của thể trí diễn ra liên quan tới cuộc Điểm đạo lần thứ Nhì, nhưng thường thường thì sau đó một vài năm tác dụng mới có thể xảy ra trong óc phàm. Chúng nhất định sẽ gây căng thẳng rất nhiều cho bộ óc, vì bộ óc không thể ngay tức khắc được nâng cấp lên độ cao cần thiết.

Xét về nhiều mặt, thời kỳ sau cuộc Điểm đạo thứ Nhì là nguy hiểm nhất so với bất cứ thời kỳ nào trên Thánh đạo; trong hầu hết mọi trường hợp thì nguy cơ bắt nguồn từ tánh ngã

mạn. Khi một người đã thoảng thấy được trí năng của mình sẽ ra sao trong tương lai thì y phải đề phòng và tiêu diệt mọi dấu vết của sự ngã mạn, ích kỷ và thành kiến.

Mức nguy hiểm này trong cuộc đời của Điem đạo đồ được biểu thị trong câu chuyện Phúc âm qua sự cảm dỗ nơi hoang mạc tiếp theo sau việc thánh John rửa tội cho đấng Ki Tô. Bốn mươi ngày trong hoang mạc là biểu tượng của thời kỳ trong đó sự bành trướng của thể trí được hạ áp xuống bộ óc phàm, mặc dù đối với ứng viên bình thường thì có lẽ cần tới bốn mươi năm mới hoàn tất chuyện này.

Ngã chấp tức Ahamkāra (xem trang 266) thường được mô tả là māna tức ngã mạn vì ngã mạn là biểu lộ tinh vi nhất của bản ngã, phân biệt với những bản ngã khác, là xiềng xích cuối cùng về tính riêng rẽ mà vị La hán phải vứt bỏ trước khi ngài đạt được cuộc Điem đạo thứ Năm để trở thành một Chơn sư chứng quả vị Asekha. Ngã chấp, Ahamkāra được sinh ra cùng với linh hồn, nó là bản thể của cá tính và trường tồn mãi cho đến khi mọi điều có giá trị trong cá tính đều được hun đúc vào Chơn thân thì cuối cùng nó mới bị buông bỏ trước ngưỡng cửa giải thoát.

Trong sự sống sót của các Bí pháp Cổ truyền mà ta gọi là Hội Tam Điem, cấp E.A. tương ứng với giai đoạn đệ tử Dự bị và cần phải thực hành ba đức tánh phân biệt, vô dục và hạnh kiểm tốt tức tự chủ (Viveka, Vairāgya và Shatsampatti). Sự phân biệt sẽ mang lại cho y quyền năng của thể trí; sự vô dục mang lại quyền năng của xúc cảm, còn sự tự chủ mang lại quyền năng của ý chí.

Tính phân biệt giúp cho ứng viên có thể băng qua cõi thấp thuộc cõi trung giới một cách vô sự; trong Hội Tam Điem nó được biểu diễn bằng cuộc Hành hương Biểu tượng thứ Nhất.

Tính vô dục có thể giúp y vượt qua những sự lôi cuốn của cõi trung giới cấp cao được biểu diễn bằng cuộc Hành hương Biểu tượng thứ Nhì.

Hạnh kiểm tốt giúp cho y có thể làm chủ được phần cao nhất trên cõi trung giới ngay chính biên giới của cõi trời, nó được biểu diễn qua cuộc Hành hương Biểu tượng thứ Ba.

Chữ g... của Cấp Một biểu thị cần phải chinh phục được bản chất dục vọng. Tác dụng tổng quát của Cấp Một là phải mở rộng khá nhiều kênh liên kết giữa Phàm ngã và Chơn ngã của ứng viên. Màu sắc nổi bật của Cấp Một là màu đỏ như son.

Cấp E.A. trong Hội Tam Điem tương ứng với Trợ Phó tế trong Giáo hội Ki Tô.

Chữ p..g.. giữa Cấp Một và Cấp Hai biểu thị cần phải chinh phục sự cấu kết đặc thù của hạ trí trong mạng lưới dục vọng mà ta gọi là Kāmā-Manas.

Ở Cấp Hai, ý niệm giác ngộ được đưa ra cho ứng viên, mục tiêu đặc biệt là phát triển năng khiếu trí năng nghệ thuật và thông linh cũng như kiểm soát được hạ trí. Tác dụng của Cấp này là phải mở rộng đứt khoát hơn nữa mới liên kết giữa Chơn ngã với Phàm ngã.

Chữ g... của Cấp Hai biểu thị nhu cầu hoàn toàn kiểm soát được hạ trí. Màu sắc chủ yếu của Cấp Hai là màu vàng.

F.C. trong Hội Tam Điem tương ứng với cấp Phó tế trong Giáo hội Ki Tô, bởi vì cũng giống như F.C. đang dọn mình cho công tác thuộc Cấp M.M., cũng vậy Phó tế dọn mình cho công tác của cấp Linh mục.

Chữ p..g.. giữa Cấp Hai và Ba biểu thị nhu cầu phần nào làm chủ được đường trung gian kỳ lạ vượt quá hạ trí mà một vài trường phái tư tưởng gọi là tiềm thức.

Trong Cấp Ba, công việc chủ yếu diễn ra trên cõi thượng trí. Màu sắc chủ yếu nhuộm sắc xanh lơ. Cấp M.M. tương ứng với Linh mục trong Giáo hội Ki Tô.

Ở Cấp Một, Idā tức khía cạnh âm của lực dĩ thái được kích thích như vậy khiến cho người ta dễ kiểm soát được đam mê và xúc động. Idā khởi sự từ chót xương sống phía bên

trái của người nam và phía bên phải của người nữ, nó tận cùng nơi tủy sống. Nó có màu đỏ như son.

Ở Cấp Hai, Pingalā tức khía cạnh dương của thân lực được tăng cường, vậy là làm cho ta dễ kiểm soát được cái trí. Pingalā khởi sự từ chót xương sống ở phía bên phải của người nam và phía bên trái của người nữ, nó tận cùng nơi tủy sống. Nó có màu vàng.

Ở Cấp Ba, Sushumnā tức bản năng của năng lượng trung tâm được khơi hoạt, vậy là mở đường cho ảnh hưởng tinh thần thuần túy ở trên cao. Nó có màu xanh lơ sẫm.

Trên cương vị là *phàm ngã*, Cấp E.A. phải tổ chức sinh hoạt trên cõi trần để phục vụ cao siêu hơn; trên cương vị là *chơn ngã*, y đang phát triển trí tuệ hoạt động trong thể nguyên nhân. Muốn làm như vậy, y phải sử dụng ý chí, tức Ngôi Một trong Tam vị Nhất thể, quyền năng của Shiva [nếu dùng thuật ngữ Ấn giáo], được phản ánh qua quyền năng hướng ngoại tức Shakti, Nữ thần Girijā tức Parvatī, thần mang lại sự tự chủ, ban phước cho thể xác và khiến cho quyền năng của nó được linh thánh.

Với vai trò là *phàm ngã*, Cấp F.C. đang tổ chức sinh hoạt xúc động của mình; trên cương vị là *chơn ngã*, Cấp này đang phát triển lòng bác ái trực giác trong thể bò đê. Y làm như vậy bằng quyền năng của Ngôi Hai trong Tam vị Nhất thể, lòng từ bi xuất phát từ Vishnu thông qua Lakshmi vốn thỏa mãn những ham muốn khiến cho cuộc đời phong phú và sung mãn, làm cho sự thịnh vượng vật chất được thánh hóa và chuyển hóa những đam mê thể xác.

Với vai trò là *phàm ngã*, Cấp M.M. đang bố trí sinh hoạt trí tuệ của mình; trên cương vị là *chơn ngã*, y đang củng cố ý chí tinh thần của mình tức Ātmā.

Để chinh phục được cái trí ưa dao động, y phải sử dụng quyền năng tư tưởng tức Kriyāshakti, hoạt động thiêng liêng của Ngôi Ba trong Tam vị Nhất thể. Brahma phản ánh qua Saraswati là vị nữ chủ nhân bảo trợ cho sự học vấn và minh triết thực tiễn.

Đồng thời Cấp E.A. cũng nên học cách kiểm soát xúc động, Cấp F.C. nên làm chủ được cái trí, còn Cấp M.M. nên phát triển trên các cõi cao hơn.

Để thuận tiện cho học viên, hầu hết những sự kiện nêu trên cùng với một số sự kiện bổ sung được trình bày thành bảng biểu như sau:

ĐỀ MỤC	Cấp E.A.	Cấp F.C.	Cấp M.M.
Công việc trên cương vị Phàm ngã	Tổ chức sinh hoạt trên cõi trần và học cách kiểm soát xúc động	Tổ chức sinh hoạt xúc động và học cách làm chủ được cái trí	Tổ chức sinh hoạt trí tuệ và phát triển trên cõi cao hơn
Công việc trên cương vị Chơn ngã	Phát triển trí tuệ hoạt động trong thể nguyên nhân	Phát triển lòng bác ái trực giác trong thể bồ đề	Phát triển Ātmā tức Ý chí
Do ảnh hưởng của Tam vị Nhất thể			
Tiếng Việt	Ngôi Một	Ngôi Hai	Ngôi Ba
Tiếng Bắc phạn	Shiva	Vishnu	Brahma
Quyền năng hướng ngoại thuộc về ai, tức nữ thần nào:			
Tiếng Việt	Ý chí	Bác ái	Hoạt động
Tiếng Bắc phạn	Girijā tức Parvatī	Lakshmi	Sarawati
Chức năng của ai	Mang lại sự tự chủ, chúc phúc cho thể xác	Mang lại sự thịnh vượng vật chất	Mang lại tri thức
Được trợ giúp bởi	J.W.	S.W.	W.M.
Được biểu diễn bởi	Mặt trăng	Mặt trời	Lửa
Sử dụng luân xa	Họng	Tim	Rún
Lực dĩ thái hoặc Nadi được kích thích	Idā	Pingalā	Sushumna
Khía cạnh	Âm	Dương	Tinh thần thuần túy
Vị trí			
Người nam	Bên trái	Bên phải	Trung tâm
Người nữ	Bên phải	Bên trái	Trung tâm
Màu sắc	Màu Đỏ như son	Màu Vàng	Màu Xanh lơ
Con đường	Cửa kẻ phàm phu	Cửa kẻ tâm đạo huyền bí	Thăng thiên
Tương ứng với	Đệ tử Dự bị	Đệ tử trên Thánh đạo	La hán (quả vị thứ tư)
Tương ứng trong Giáo hội Ki Tô	Trợ Phó tế	Phó tế	Linh mục
Tái sinh	Sau một thời khoảng	Sau thời khoảng ngắn hoặc không có thời khoảng	Chỉ nhiệm ý thôi

Trong đủ mọi Cấp của Hội Tam Điểm, chẳng những mối liên kết giữa Phàm ngã và Chơn ngã mở rộng, mà còn tạo thành một mối liên kết giữa vài nguyên khí của ứng viên với các hiện thể tương ứng của Cấp H.O.A.T.F. Những sự biến đổi được gây ra có bản chất khá giống như những thay đổi xảy ra trong Giáo hội Ki Tô mà bây giờ ta sẽ đề cập tới.

Đức Phật Thích Ca đã từng được đệ tử yêu cầu hãy tổng kết toàn bộ giáo huấn của Ngài trong một câu thơ. Ngài trả lời như sau:

Đừng có làm điều ác [Chư ác mạc tác]
 Hãy học biết việc làm điều thiện [Chúng thiện phụng hành]
 Hãy tẩy rửa tâm hồn của chính mình [Tự tịnh kỳ ý]
 Đó là tôn giáo của Phật.

Ở đây học viên ắt nhận ra được sự tương ứng với hệ thống Tam Điểm và quả thật cũng tương ứng với những hệ thống khác. Giáo huấn của Cấp Một là việc tẩy trừ. Cấp Hai dạy cho y trau dồi kiến thức. Cấp Ba dạy cho y vươn lên một mức cao hơn không chỉ xét tới hành động ở bên ngoài mà còn xét tới tình huống trong nội tâm của mọi biểu lộ bên ngoài chỉ là biểu lộ bên trong.

Với mục đích tham chiếu và so sánh, học viên có thể khảo sát bảng sau đây, nó được lập ra cho những đặc điểm chính yếu trong hệ thống Ki Tô giáo được theo đuổi nơi Giáo hội Công giáo Tự do.

Cấp tu Thứ yếu	Biểu tượng	Ứng dụng của Biểu tượng	Nghi lễ chủ yếu tác động lên
Giới giáo sĩ	Áo lễ	Kiểm soát thể xác	Thẻ Phách
Thầy giữ cửa	Chìa khóa và Chuông rung	Kiểm soát xúc động	Thẻ Vía
Thầy đọc kinh	Kinh sách	Kiểm soát cái trí	Thẻ trí
Thầy trừ quỷ	Thanh gươm và Kinh sách	Phát triển ý chí và Chọn ngã kiểm soát được các hạ thể trọn vẹn.	Thẻ nguyên nhân
Thầy cầm nến	Cây nến được thắp sáng lên Bình nhỏ đựng dầu.	Phát triển trực giác	Thẻ bò đê
Thầy Trợ Phó tế	Vải choàng vai. Dải áo đeo tay. Áo dài lễ. Chén rượu lễ và Đĩa đựng bánh thánh. Sách về các Thánh thư.	Kiểm soát lời nói. Ưu thích phụng sự Siêng năng làm việc thiện. Tinh thần hoan hỉ và phần chần.	Mục đích chung là khiến cho Chọn ngã biểu hiện trọn vẹn hơn qua Phàm ngã.
Thầy Trợ tế	Áo Trợ tế: Áo thụng trắng phủ trên vai trái. Sách Phúc âm.		Mở rộng mối liên kết giữa Chọn ngã và Phàm ngã tức Antahkarana, làm cho bức vách dày lên và cứng hơn để cho chúng được củng cố hơn ở

			dạng mới.
			Đưa quá trình này tiến lên một chút nữa để cũng có bề đề tức trực giác. Thượng trí được liên kết với nguyên khí Ki Tô tương ứng.
Linh mục	<p>Áo Trọ tế màu trắng (phủ trên cả hai vai) Áo tế không tay Chén rượu lễ Rượu nho Nước Đĩa đựng bánh thánh Bánh thánh</p>		<p>Liên kết giữa Ātmā-Buddhi-Manas được mở ra và mở rộng lớn lao. Chơn ngã dứt khoát được thức tỉnh thêm nữa để cho có thể tác động lên những người khác ở cõi nguyên nhân và biểu diễn trọn vẹn hơn thông qua thể bề đề. Trọn cả hào quang mở rộng ghé góm. Đả thông kinh mạch giữa các nguyên khí cao và bộ óc phàm. Mọi nguyên tử đều rung chuyển khi các loa tuyến được khơi hoạt.</p>

			Bồ đề liên kết với nguyên khí Ki Tô tương ứng. Ātmā được kích thích do rung động đồng cảm.
Giám mục	Thánh giá của Giám mục. Thánh giá ngay trên ngực. Nhẫn Giám mục Sách Phúc âm Ngọc miện Giám mục. Găng tay Giám mục		Ātmā liên kết với nguyên khí Ki Tô tương ứng.

CHƯƠNG XXXIV KẾT LUẬN

Ta chỉ cần nói vài lời để kết thúc công trình nghiên cứu thể trí của con người và cõi hạ trí. Tuy nhiên ta cũng nên nhìn ngược lại địa hạt mà ta vừa mới bao quát để cố gắng có được một cái nhìn viễn cảnh về tầm quan trọng tương đối và ý nghĩa của đề tài này trong bối cảnh toàn bộ kiến thức của ta về Thông Thiên Học hiện đại.

Học viên không thể không choáng váng trước sự khác nhau to lớn giữa “bầu hào quang” trên cõi hạ trí so với cõi trung giới chứ đừng nói chi tới cõi trần. Khi so sánh với cõi trí tuệ thì cõi trung giới thật là nặng nề, thô thiển, rộng tuếch và chẳng thỏa đáng tí nào, thậm chí ngay ở mức cao nhất. Cho dù nó có nâng ta lên tới trạng thái xúc cảm thuần khiết và thanh bai đến đâu đi chăng nữa thì ta vẫn cảm thấy mình còn ở xa tít mù đối với ngôi nhà thực của mình. Tư cách linh hồn của con người đòi hỏi phải có nhiều hơn mức xúc cảm cho dù nó thanh khiết và vị tha đến đâu đi chăng nữa.

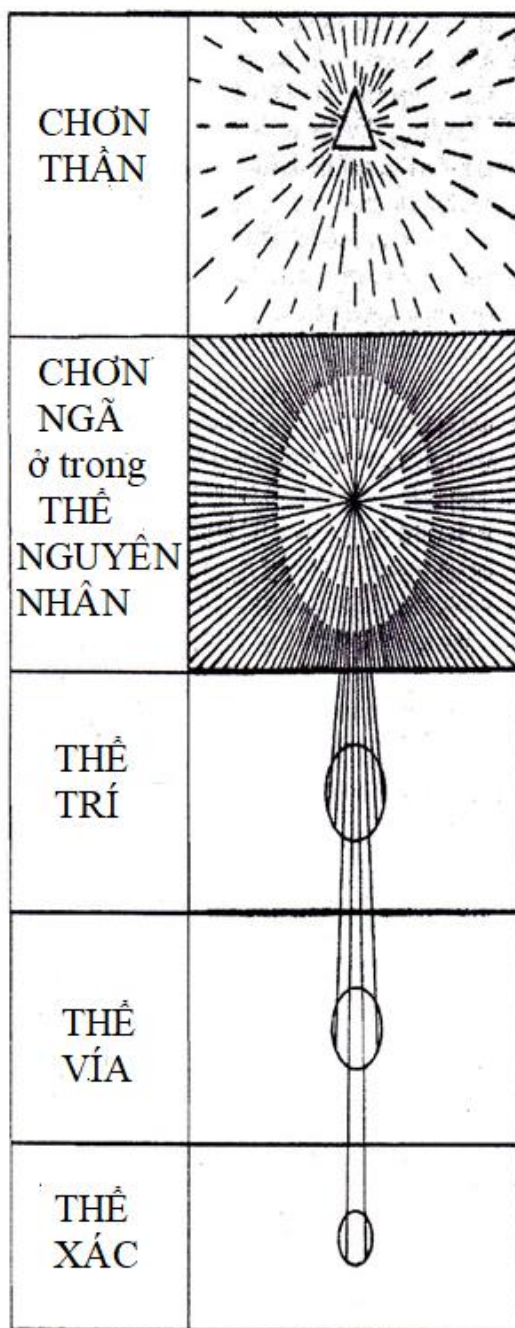
Cõi trí tuệ - ngay chỉ ở bốn cảnh thấp cũng cho ta có cảm tưởng rằng mình rõ rệt là đang ở “gần” nhà hơn. Ở đây ta có được tự do hơn, ta cảm thấy rằng mình làm chủ được nhiều hơn tâm thức của chính mình chứ ít nô lệ cho các hạ thể. Cõi trí tuệ dường như là một thế giới trong sạch hơn, bao quát hơn nơi mà ta có thể uốn nắn số phận của mình theo ý chí nhiều hơn mức dường như ta có thể đạt được nơi những thế giới mà ta đã bỏ lại bên dưới. Tâm thức được tha hồ đi đây đi đó, ít bị hạn chế bởi không gian và thời gian.

Tuy nhiên việc làm chủ được ngay cả cõi hạ trí tức là toàn thể việc suy tư cụ thể vẫn khiến cho ta cảm thấy chưa thỏa mãn, bởi vì thông qua đó và vượt ngoài tầm đó ta có thể rõ ràng cảm nhận được còn có những thế giới khác mới mẻ và to lớn hơn mà ta cần chinh phục. Thế giới của tư tưởng cụ thể là mức ta đi xa được nhất trong khi ta vẫn còn thuộc về các hạ giới. Bám chắc đôi chân vào thế giới tư tưởng này và vươn cao tới những tư tưởng trừu tượng nhất chắc chắn sẽ đưa ta tới ngưỡng cửa của một thế giới cao siêu và thanh khiết hơn chẳng những về *mức độ* mà còn về *loại hình* so với bất kỳ hạ giới nào.

Thông qua những điều trừu tượng này, ta sẽ vươn lên tới thế giới tinh thần và tiến gần đáng kể tới tâm thức Thượng Đế mà tự thân ta cảm thấy và biết rằng mình bị tạm thời lưu đày tách xa khỏi tâm thức ấy.

Nhưng ta không được coi nhẹ tầm quan trọng của cõi hạ trí, nhất là trong cảnh ngộ hiện nay thuộc lịch sử tâm lý con người. Vì vậy, ta hãy ôn lại dưới dạng ngắn gọn nhất những đặc điểm nổi bật nhấn mạnh tới tầm quan trọng của cái trí và cõi trí tuệ đối với con người đang tiến hóa.

Trong hệ thống tiến hóa gồm bảy Dãy hành tinh mà ta thuộc về, mọi Dãy hành tinh đều có các bầu hành tinh ở trên cõi hạ trí, trong khi có tới sáu trong bảy Dãy hành tinh cũng có các bầu hành tinh trên cõi thượng trí. Trong tổng cộng 49 bầu hành tinh thì có 24 bầu vị trí là ngót một nửa ở trên cõi trí tuệ. Sơ đồ sau đây sẽ nêu ra những sự kiện này rõ rệt với các bầu hành tinh trên cõi trí tuệ được tô đen để nhấn mạnh tới điều ta vừa trình bày.



Chỗ ở của Chơn ngã, Chủ thể suy tư, đáng trường tồn qua mọi kiếp luân hồi ở trên cõi thượng trí.

Cõi trí tuệ là vùng đất gặp gỡ nhau của Phạm ngã và Chơn ngã. “Tia” mà phần thiêng liêng thượng đẳng của con người phóng chiếu vào hạ giới để thi hành mục đích tiến hóa, chính là một tia hạ trí xuất phát từ Thượng trí.

Đối với hầu hết mọi người, bãi chiến trường của sinh hoạt hằng ngày chính là kāma-manas, sự hỗn giao ô hợp của cái trí với dục vọng.

Tâm thức của hầu hết mọi người thời nay đang tập trung vào xúc động của thể vía. Vì thế cho nên bước tiến ngay trước mặt của họ là phải học cách làm chủ được xúc cảm, kiểm soát được thể vía và như ta đã thấy điều này chỉ có thể thực hiện được từ một cõi cao hơn tức là từ cái trí.

Bước kế tiếp nữa là nâng trung tâm ý thức từ cõi trung giới lên cõi trí tuệ.

Chính tên gọi “man” trong tiếng Anh có nghĩa là chủ thể suy tư, là một thực thể có cái trí.

Trong Huyền bí học con người đã được định nghĩa là một thực thể trong vũ trụ (cho dù y có thể ở bất cứ bộ phận nào trong vũ trụ) trong đó Tinh thần cao nhất và Vật chất thấp nhất được liên kết với nhau bằng *Trí tuệ*.

Sự phát triển tâm trí nơi con người đã được tiến hành trước trọn cả một Cuộc tuần hoàn do ảnh hưởng của các Hỏa đức Tinh quân. Trong Cuộc tuần hoàn sắp tới tức Cuộc tuần hoàn thứ Năm, sự tiến bộ đạt được nhờ phát triển trí tuệ ắt rõ ràng phải ghê gớm lắm và với cái trí hạn hẹp mà ta đã phát triển được hiện nay thì bản chất của sự việc ấy thật là cao siêu không thể tưởng tượng nổi.

Một vài điều nhận định như vậy được đưa ra ắt cho ta một bối cảnh đáng sợ và hầu như chẳng cần phải bình luận thêm nữa; đó là việc nhấn mạnh tới tầm quan trọng sinh tồn đối với con người trong giai đoạn hiện nay của cái trí và thể trí – quả thật đó là một thành tựu tối hậu mà cũng là một hòn đá lót đường cần thiết để đẩy ta vươn tới tương lai của con người mà theo lời của một Chơn sư thì đó là “*tương lai của một sự việc có mức tăng trưởng và sự chói lọi vô hạn*”.

Song le, trong khi nhấn mạnh tới một khía cạnh của công trình này (đó là một khía cạnh chắc chắn rất quan trọng) ta cũng cần duy trì một ý thức tỉ lệ cẩn thận và óc thăng bằng trung dung, nhấn mạnh tới tầm quan trọng đúng mức của mỗi yếu tố không hơn không kém.

Vì thế cho nên bà Annie Besant và ông Leadbeater có dạy rằng xét về Hội Thông Thiên Học thì mục tiêu lớn lao của nó không phải là phát triển trí tuệ mà đúng hơn là bồi dưỡng những người đã sẵn sàng đáp ứng được ảnh hưởng của bồ đề; khơi hoạt trở lại sự nhạy bén của các hội viên trên một vòng xoắn ốc cao hơn và chuẩn bị họ cho một giống dân mới hiện nay đang khởi sự bước đường lập nghiệp trên thế giới.

Hội không “dèm pha sự phát triển trí tuệ - không hề như vậy – mà chỉ chuẩn bị trí tuệ cho giai đoạn kế tiếp, khi tình thương theo trực giác sẽ tạo ra sự hài hòa và tình huynh đệ để sử dụng trí năng đã phát triển ngỏ hầu kiến tạo một nền văn minh mới dựa trên những lý tưởng này”.